CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP
GRAND GAIN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
của Cơ sở
"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP – ĐỊA ĐIỂM 1"

Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 228.600 m^2/năm.

Địa chỉ thực hiện: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, Tp. Đồng Nai).

ĐỒNG NAI, THÁNG 5 NĂM 2026

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG của Cơ sở

"NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP – ĐỊA ĐIỂM 1"

Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 228.600 m^2/năm.

Địa chỉ thực hiện: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, thành phố Đồng Nai).

CHỦ CƠ SỞ	ĐƠN VỊ TƯ VẤN
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN	CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ XÂY DỰNG MÔI TRƯỜNG VI TA
	GIÁM ĐỐC
CHU CHE LIANG	Trần Thị Thanh Thuý

ĐỒNG NAI, THÁNG 5 NĂM 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT 3
CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ 7
1.1. Tên chủ cơ sở: 7
1.2. Tên cơ sở. 7
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở: 10
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở. 16
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở 40
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG 106
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường 106
2. 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường 109
CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 112
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải 112
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải 129
3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường. 135
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại 137
3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung 138
3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường 139
3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác 147
3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. 147
3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp. 149
3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học. 149
CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG 150
4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải 150

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải 152

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung 156

4.4. Các nội dung về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường. 158

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....161

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường: 161

5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải 161

5.3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải. 161

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ 164

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:.....164

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật. 166

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.....167

CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH 168

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ 169

PHỤ LỤC BÁO CÁO 171

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BOD	:	Nhu cầu oxy sinh học
BCT	:	Bộ Công thương
BNN & MT	:	Bộ Nông nghiệp và Môi trường
BTNMT	:	Bộ Tài nguyên Môi trường
COD	:	Nhu cầu oxy hóa học
CTR	:	Chất thải rắn
CTNH	:	Chất thải nguy hại
ĐTM	:	Đánh giá tác động môi trường
GPMT	:	Giấy phép môi trường
HCDV	:	Hành chính dịch vụ
XLNTSH	:	Xử lý nước thải sinh hoạt
KCN	:	Khu công nghiệp
PCCC	:	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	:	Quy chuẩn Việt Nam
TT	:	Thông tư
TNHH	:	Trách nhiệm hữu hạn
UBND	:	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất 10
Bảng 1. 2. Sản phẩm tại cơ sở 16
Bảng 1. 3. Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.....17
Bảng 1. 4. Khối lượng hóa chất phục vụ sản xuất.....20
Bảng 1. 5. Điện năng tiêu thụ hiện tại của cơ sở.....38
Bảng 1. 6. Lượng nước tiêu thụ hiện tại của cơ sở.....39
Bảng 1. 7. Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả thải nước của cơ sở.....40
Bảng 1. 8. Tọa độ vị trí thực hiện.....41
Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình của cơ sở 43
Bảng 1. 10. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở.....46
Bảng 3. 1. Số lượng và kích thước các bể tự hoại tại cơ sở 116
Bảng 3. 2. Các thông số bể của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 235m^3/ngày 118
Bảng 3. 3. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải 235 m^3/ngày 119
Bảng 3. 4. Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống xử lý..... 123
Bảng 3. 5. Các thông số bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung..... 124
Bảng 3. 6. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải 520 m^3/ngày 124
Bảng 3.7. Danh sách máy móc thiết bị, bể xử lý cần kiểm tra trước khi vận hành..... 127
Bảng 3. 8. Lượng hóa chất sử dụng của các hệ thống xử lý nước thải..... 129
Bảng 3. 9. Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý hơi dung môi 132
Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở..... 135
Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở 136
Bảng 3. 12. Chất thải nguy hại phát sinh phát sinh hiện tại 137
Bảng 3. 13. Biện pháp khắc phục sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải..... 140
Bảng 3. 14. Biện pháp khắc phục kỹ thuật sự cố vận hành Thiết bị xử lý khí thải..... 142
Bảng 3. 15. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.....148
Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giới hạn giá trị xả thải..... 154
Bảng 4. 2. Giới hạn cho phép về tiếng ồn 157

Bảng 4. 3. Giới hạn cho phép về độ rung 157
Bảng 4. 4. Khối lượng CTNH phát sinh đề nghị cấp phép..... 158
Bảng 4. 5. Khối lượng CTR công nghiệp phát sinh đề nghị cấp phép.....159
Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc khí thải năm 2024 162
Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025 162
Bảng 6. 1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường 164
Bảng 6. 2. Thông số quan trắc, vị trí lấy mẫu khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm 165

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất mặt giày 11
Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sản xuất đế giày 12
Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình sản xuất giày hoàn chỉnh 13
Hình 1. 4. Vị trí của công ty trong quy hoạch của KCN 41
Hình 1. 5. Vị trí của công ty trong quy hoạch của KCN 42
Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa..... 112
Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa tại công ty 113
Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải..... 114
Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn 116
Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 235 m^3/ngày đêm..... 117
Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải tập trung, công suất 520 m^3/ngày đêm..... 121
Hình 3. 7. Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520 m^3/ngày đêm..... 126
Hình 3. 8. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi, hơi dung môi 130
Hình 3. 9. Hình ảnh thiết bị xử lý bụi, hơi dung môi bằng than hoạt tính 131
Hình 3. 10. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi tại khu vực đúc đế giày 133
Hình 3. 11. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi từ khu vực đúc đế giày 133
Hình 3. 12. Cơ cấu tổ chức ban chỉ huy ứng phó sự cố tại dự án..... 146

CHƯƠNG I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở:

- Tên chủ cơ sở: Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain.

- Địa chỉ văn phòng: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai).

- Người đại diện: Ông CHU CHE LIANG – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng giám đốc Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan).

- Hộ chiếu nước ngoài: 360188189 Ngày cấp: 27/09/2021 Nơi cấp: Cơ quan ngoại giao Đài Loan.

- Điện thoại: 02713.889007

- Giấy chứng nhận đầu tư/đăng ký kinh doanh:

+ Giấy chứng nhận đầu tư số 1087575231 chứng nhận lần đầu ngày 12/09/2014, chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 25/06/2025 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cũ cấp.

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên, mã số doanh nghiệp 3801083966, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2014 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 09/9/2025

- Mã số thuế: 3801083966.

1.2. Tên cơ sở.

- Tên cơ sở: **NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP – ĐỊA ĐIỂM 1**

Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 228.600 m^2/năm.

- Địa điểm thực hiện: Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai).

❖ **Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng:**

- Giấy phép xây dựng số 30/GPXD ngày 12/08/2015 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain được phép xây dựng công trình thuộc dự án.

- Giấy phép xây dựng số 54/GPXD ngày 07/12/2015 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain được phép xây dựng công trình

xử lý nước thải sản xuất, công suất 235m^3/ngày.

❖ **Các loại giấy phép có liên quan đến môi trường của cơ sở:**

- Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm" do Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain làm chủ đầu tư tại Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai) tại quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 17/6/2015.

- Văn bản số 3550/UBND-KTN, ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh Bình Phước (nay là UBND tỉnh Đồng Nai) về việc chấp thuận cho Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain được thay đổi quy trình, công nghệ xử lý nước thải.

- Văn bản số 752/BQL-TNMT, ngày 02/12/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) về việc xác nhận Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain đã thực hiện công trình xử lý nước thải.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 40/TD-PCCC ngày 05/03/2015 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 168/TD-PCCC ngày 22/08/2022 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 24/TD-PCCC ngày 05/02/2024 do Công an tỉnh Bình Phước cũ cấp.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ cấp GCN: CT 05550, ngày 31/10/2014 của Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bình Phước (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Đồng Nai) cấp.

❖ **Quy mô của cơ sở:** Tổng vốn để thực hiện dự án là **1.406.693.610.000 VNĐ** *(Một ngàn bốn trăm lẻ sáu tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười ngàn đồng)*. Theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công, dự án được phân loại thuộc **nhóm B** theo quy định pháp luật về đầu tư công.

Cơ sở đã được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 17/6/2015. Tuy nhiên, trong quá trình hoạt động, công ty có những thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt và các thay đổi như sau:

STT	Hạng mục công trình		Ghi chú
	ĐTM đã được phê duyệt	**Hiện tại**	
1	***Nước thải sinh hoạt.*** - Công suất xử lý: 285m^3/ngày	***Nước thải sản xuất.*** - Công suất xử lý: 235m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sản	- Thay đổi quy trình, công nghệ xử lý nước thải đã được UBND

STT	Hạng mục công trình		Ghi chú
	ĐTM đã được phê duyệt	**Hiện tại**	
	- Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại, tách dầu → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Đấu nối vào HTXLNT tập trung KCN Đồng Xoài II.	xuất → **Rổ lược rác** → Bể gom → Bể điều hòa → **Bể trung hòa** →Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → HTXLNT tập trung của nhà máy: ***Hệ thống XLNT tập trung của nhà máy:*** - Công suất xử lý: 520m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất sau khi qua HTXLNTSX công suất 235m^3/ngày, nước thải sinh hoạt → Bể gom → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể chứa → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Đấu nối vào HTXLNT tập trung KCN Đồng Xoài II	tỉnh Bình Phước (nay là UBND tỉnh Đồng Nai) chấp thuận tại văn bản số 3550/UBND-KTN, ngày 11/11/2015 và đã được xác nhận thực hiện công trình xử lý nước thải tại Văn bản số 752/BQL-TNMT, ngày 02/12/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) .
2	***Nước thải sản xuất.*** - Công suất xử lý: 235m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất → Bể gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Lọc áp lực → Đấu nối vào HTXLNT tập trung KCN Đồng Xoài II.		
3	***Hệ thống xử lý hơi dung môi:*** - Bố trí 06 chụp hút: + 01 tại quét keo, dán keo gia công mũi giày. +01 tại quét keo, dán keo gia công đế giày. + 02 chụp hút tại quét keo dán thành phẩm. + 01 chụp hút tại khu vực sấy + 01 chụp hút tại khu vực in. - Lắp đặt 01 hệ thống hấp phụ hơi dung môi bằng than hoạt tính, công suất 8.034m^3/giờ.	***Hệ thống xử lý và thoát hơi dung môi:*** - Hệ thống xử lý và thoát hơi dung môi, bao gồm: + 01 hệ hấp thụ bằng than hoạt tính tại xưởng B, công suất 5.000 m^3/h. + 13 quạt hút và đường ống thu gom bằng thép mạ kẽm có kích thước D300-600mm để hút mùi ra ngoài nhà xưởng sản xuất, trong đó có 11 hệ thống công suất 2.000 m^3/h/hệ thống thoát và 02 hệ thống công suất 500 m^3/h/hệ thống.	
4	01 Hệ thống xử lý khí thải nồi hơi đốt củi. - Quy trình xử lý: Khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Khí thải sau xử lý đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B	**Không sử dụng nồi hơi.**	
5	Bụi từ quá trình chặt da, cắt vải và mài biên viền **đưa về thiết bị lọc bụi túi vải** để xử lý.	Bụi từ quá trình chặt da, cắt vải và mài biên viền **đưa về hệ thống thu gom và** thoát ra ngoài.	
6	Không có	Khu vực đúc đế giày: + 01 hệ lọc túi vải tại xưởng H,	

STT	Hạng mục công trình		Ghi chú
	ĐTM đã được phê duyệt	Hiện tại	
		công suất 30.000 m^3/h.	

❖ Yếu tố nhạy cảm về môi trường quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 05/2025/NĐ – CP ngày 06/01/2022 và được sửa đổi, bổ sung tại Điều 5 Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026: Cơ sở không có yếu tố nhạy cảm.

❖ **Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:** Sản xuất, gia công các loại giày dép; mua bán các loại vải và hàng may sẵn.

❖ **Phân nhóm dự án đầu tư:**

- Căn cứ theo Luật bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, Dự án thuộc mục số 2 Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025, dự án có tiêu chí **phân loại như dự án nhóm III**, thuộc đối tượng phải có giấy phép môi trường cấp tỉnh thẩm định cấp giấy phép môi trường.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở:

1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) cấp đăng ký lần đầu ngày 12/9/2014, chứng nhận thay đổi lần thứ 5, ngày 25/06/2025, Cơ sở được thực hiện **sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 228.600m^2/năm** và đã được UBND tỉnh Bình Phước (nay UBND tỉnh Đồng Nai) phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 17/6/2015.

Cụ thể công suất sản xuất như sau:

Bảng 1. 1. Công suất sản xuất

STT	Sản phẩm	ĐTM		Hiện tại	
		Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Số lượng
1	Sản xuất, gia công giày, dép	Đôi/năm	5.760.000	Đôi/năm	5.760.000
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn	m^2/năm	228.600	m^2/năm	228.600

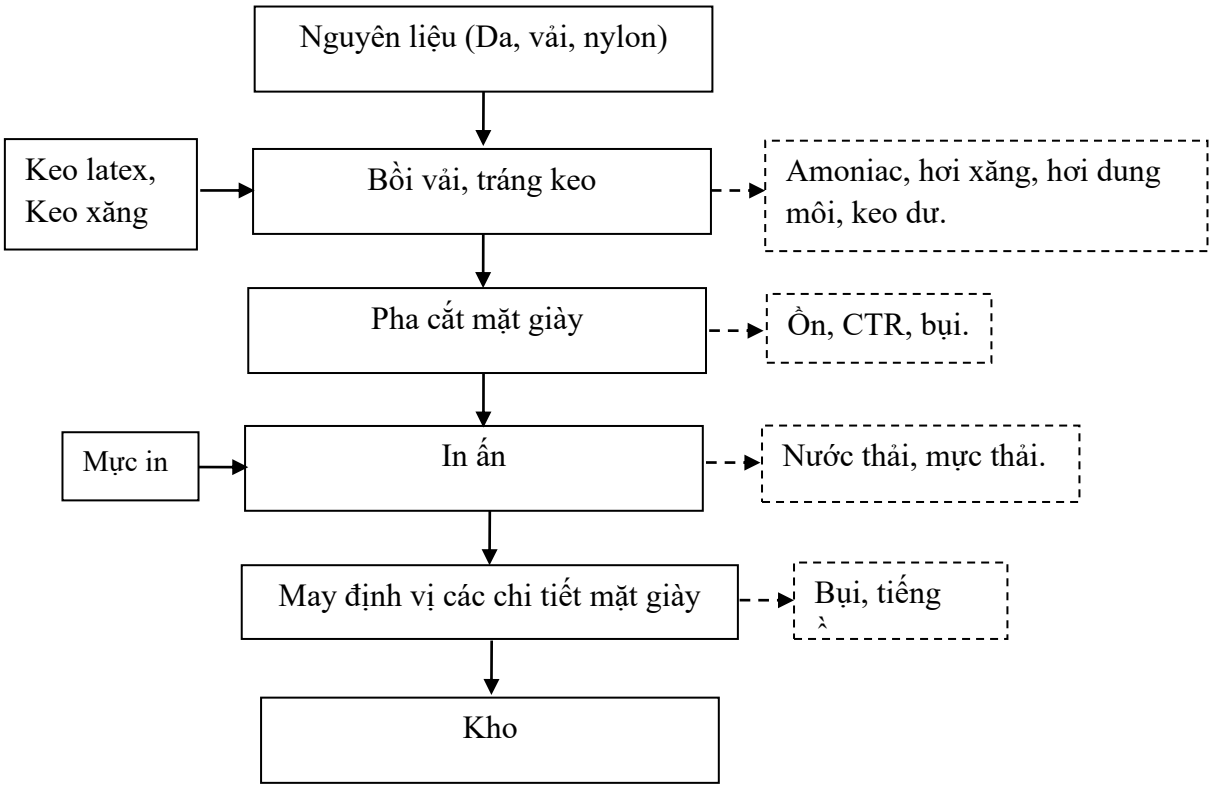
Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.

Công nghệ sản xuất giày da của cơ sở, không thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt. Cụ thể, Công nghệ sản xuất giày da của cơ sở được chia làm 02 công đoạn: công đoạn sản xuất mặt giày và công đoạn sản xuất đế giày.

1.3.2.1. Quy trình sản xuất mặt giày

Sơ đồ công nghệ sản xuất cụ thể như sau:



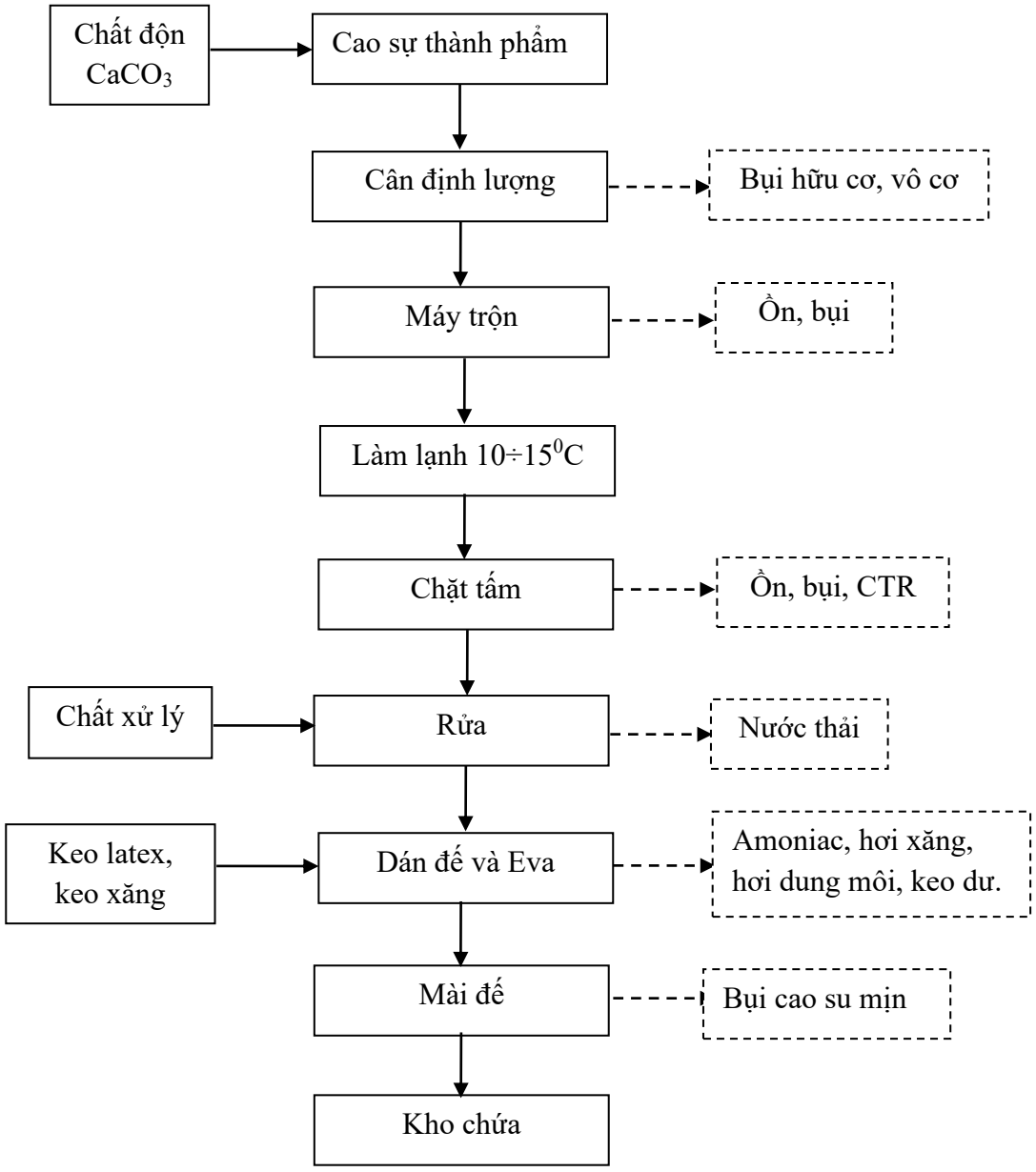
Hình 1. 1. Sơ đồ quy trình công nghệ sản xuất mặt giày

**** Thuyết minh quy trình công nghệ***

Nguyên vật liệu gồm vải, bạt, các loại da, da giả được đưa từ kho sang bồi vải, tráng keo sau đó chuyển sang pha chặt. Tại bộ phần này, các máy chặt thủy lực sẽ cắt nguyên liệu thành các chi tiết của mũ giầy theo các dao chặt với kích thước khác nhau. Sau khi chặt, các chi tiết được xếp bó, chuyển sang trung tâm phân phối. Từ đây các chi tiết này được chuyển sang bộ phận may và được gắn định vị để tạo điều kiện may ghép nối thành đôi mặt giày. Sản phẩm mặt giày được đưa vào kho để tiếp tục chuyển đến phân xưởng hoàn chỉnh.

1.3.2.2. Quy trình sản xuất đế giày.

Chi tiết quy trình sản xuất đế giày như sau:

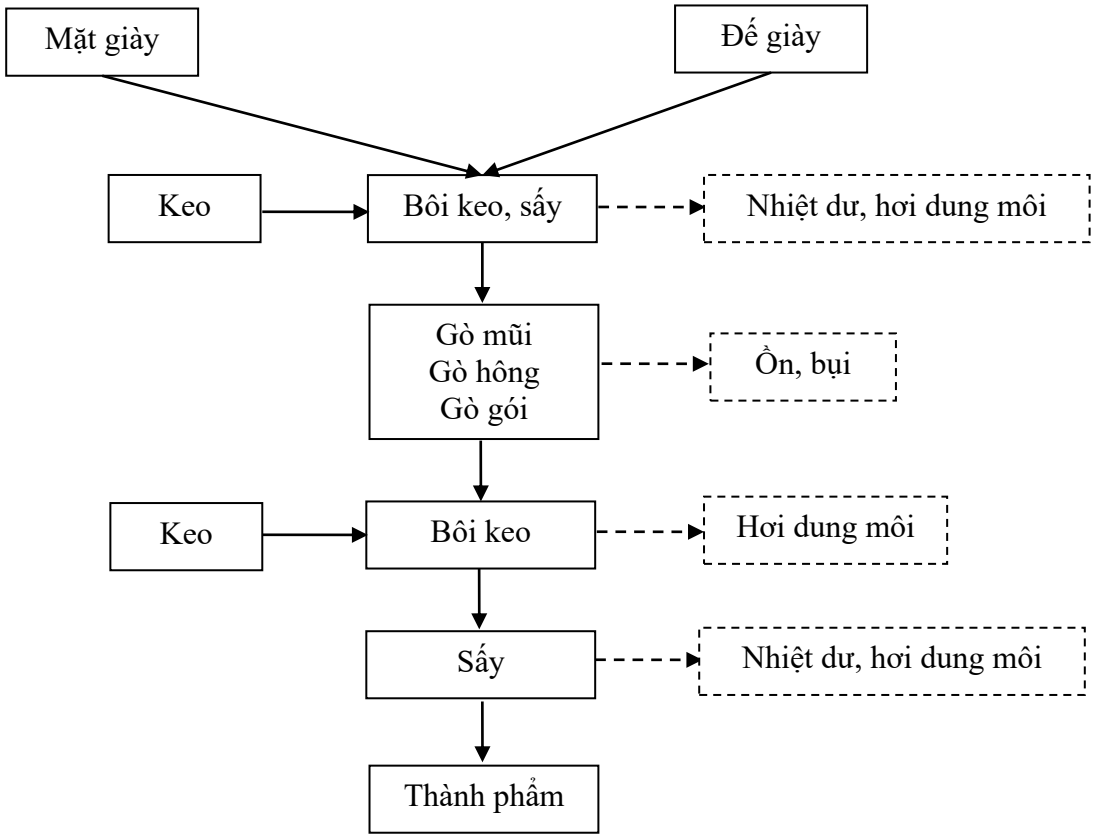


Hình 1. 2. Sơ đồ quy trình sản xuất đế giày

*** Thuyết minh quy trinh công nghệ:**

Căn, đong nguyên vật liệu, hóa chất, các chất độn, chất phụ gia chuyển hỗn hợp vào máy trộn tạo thành chất dẻo quánh, sau đó qua máy cán để tạo thành những tấm nhựa hoặc cao su dẻo, làm nguội ở nhiệt độ 10÷15^{0}C, các tấm bán thành phẩm này sau khi chặt tấm được rửa sạch các bụi bẩn. Sau khi để ổn định thành phần nhựa đế sẽ được dán với Eva sau đó mài cạnh rồi chuyển vào kho chứa.

1.3.2.3. Quy trình sản xuất giày hoàn chỉnh



Hình 1. 3. Sơ đồ quy trình sản xuất giày hoàn chỉnh

*** Thuyết minh quy trình sản xuất**

Tại bộ phận gò hoàn chỉnh, phần đế giày và mặt giày được ghép nối nhờ keo dán và bím giày theo trình tự sau: đế, đế giữa được quét keo phía mép dưới sau đó qua băng chuyền sấy khô keo. Mặt giày, form giày và đế giữa được đưa lên máy gò thủy lực đế ghép hai phần lại. Lúc này, giày được định hình theo form giày và tiếp tục chuyển đến bộ phận bôi keo lần 2 tại phần đế giữa phía dưới giày và mép dưới của giày, chuyển lên băng tải sấy khô.

Phần đế dưới được ghép nối với phần mặt giày nhờ keo dán và máy ép thủy lực. Sau đó, giày lại được đưa sang bộ phận quét keo dán và tiếp tục được sấy khô keo để ghép nối phần bên ngoài gắn kết phần đế và mũ nhờ keo dán. Tại bộ phận hấp giày: giày được bôi keo, chuyển vào thùng hấp, tại đây giày được gia nhiệt bằng hơi nước do lò hơi cung cấp, nhiệt độ môi trường hấp khoảng 120÷140^{0}C, áp suất 2atm. Lúc này, xảy ra quá trình lưu hóa cao su giày và keo, thời gian lưu hóa từ 1 đến 1,5 giờ, sau đó giày được đưa ra ngoài, tháo form, kiểm tra, tẩy rửa vết bẩn và ghép thành từng đôi cùng cỡ, đóng gói, nhập kho.

Công đoạn hoàn chỉnh sản phẩm sử dụng nhiều loại hóa chất, keo dán, ngoài ra còn có các nguồn nhiệt: sấy, lưu hóa nên khả năng gây ô nhiễm môi trường ở bộ phận này thường cao hơn các phân xưởng khác. Theo định mức sử dụng keo dán trên một đơn vị sản phẩm có khoảng 40 đến 50 gam keo/đôi giày khi ở công đoạn hoàn thành chiếm 70%

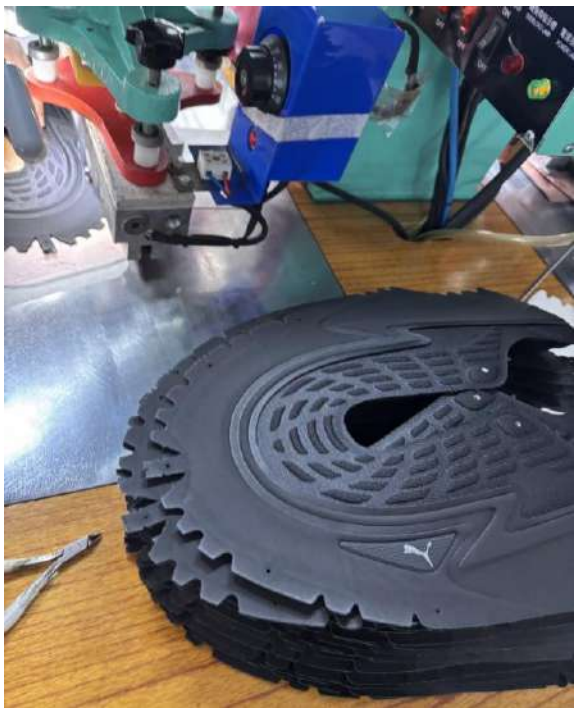
lượng keo tiêu tốn. Vì vậy, ô nhiễm dung môi hữu cơ ở công đoạn này rất cần phải được lưu ý. Keo dán dùng ở đây là keo dung môi nên chất ô nhiễm môi trường chủ yếu là toluen, xyken, xăng, các chất tẩy rửa như axeton, MEK,…

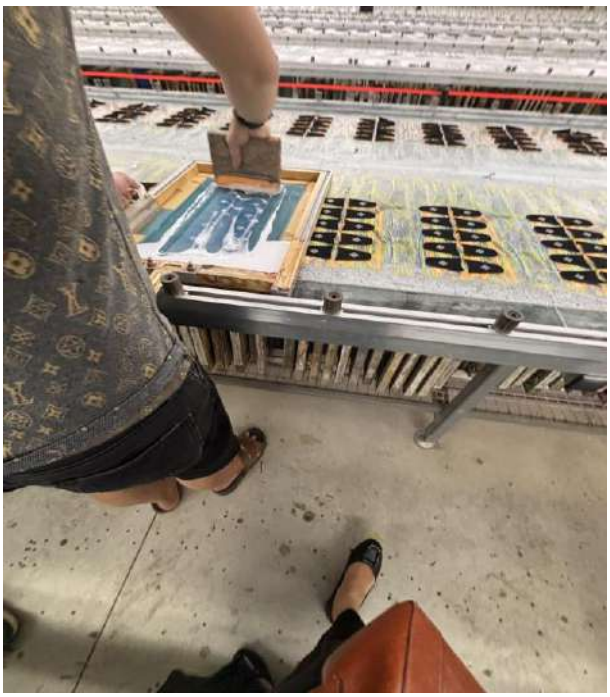
Ngoài ra, ở phân xưởng này còn phát sinh bụi cao su có kích thước mịn do mài cạnh đế, mài viền hoặc ở các khâu dán đế, ép đế, kiểm tra sản phẩm,…các khí độc hại khác như NO_x, SO_2, CO. Có thể nói ở phân xưởng hoàn chỉnh hội tụ đầy đủ các yếu tố gây ô nhiễm môi trường.

Một số hình ảnh các công đoạn sản xuất của nhà máy:
















1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở không thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường tại Quyết định số 1229/QĐ-UBND ngày 17/6/2015. Cụ thể như sau:

Bảng 1. 2. Sản phẩm tại cơ sở

STT	Sản phẩm	ĐTM		Hiện tại	
		Đơn vị	Số lượng	Đơn vị	Số lượng
1	Sản xuất, gia công giày, dép	Đôi/năm	5.760.000	Đôi/năm	5.760.000
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn	m^2/năm	228.600	m^2/năm	228.600

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Một số hình ảnh sản phẩm của dự án





1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu (loại phế liệu, mã HS, khối lượng phế liệu dự kiến nhập khẩu), điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.

1.4.1. Nguyên nhiệu, nhiên liệu, vật liệu sử dụng của cơ sở.

Khối lượng cụ thể của từng loại nguyên liệu, nhiên liệu và hóa chất phục vụ cho quá trình sản xuất như sau:

Bảng 1. 3. Khối lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
1	Mút xốp EVA	15	Trung Quốc, Việt Nam	Đế trung, mặt giày
2	Chỉ từ sợi xơ tổng hợp	60	Trung Quốc	May giày
3	Vải không dệt	60	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Đế trung, mặt giày
4	Vải lưới	210	Đài Loan, China	Mặt giày
5	Băng dính nhám	2	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
6	Dây đai	50	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
7	Dây thun, Dây luồn	50	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
8	Nhãn Vải	2	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
9	Vải dán mút xốp	50	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
10	Vải dán cao su	5	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
11	Thùng carton	30	Việt Nam	Đóng gói
12	Băng keo dán thùng	25	Trung Quốc, Mỹ	Đóng gói
13	Giấy đóng gói	10	Việt Nam	Đóng gói
14	Hộp giày	900	Việt Nam	Đóng gói
15	Đế giày EVA	1700	Trung Quốc, Việt Nam	Dán giày
16	Đế giày cao su	1500	Trung Quốc, Việt Nam	Dán thành hình
17	Keo nóng chảy	30	Đài Loan	Dán thành hình
18	Tấm TPU	200	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày
19	Nút giày bằng kim loại	7	Trung Quốc, Hàn Quốc	Nút xỏ dây giày
20	Miếng trang trí	170	Trung Quốc, Việt Nam	Trang trí mặt giày
21	Da động vật	300	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày
22	Vải PU giả da	500	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
23	Miếng đệm giày	350	Trung Quốc, Việt Nam	Lót giày
24	Nhãn giấy	15	Trung Quốc, Pháp, Hồng Kông, Nhật Bản, Đài Loan, Việt Nam	Dán bên ngoài hộp giày/ Treo lên giày
25	Bọc gót giày bằng nhựa (cảng bào)	140	Trung Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Giữ form cho gót giày
26	Bọc gót giày bằng keo nóng chảy	100	Trung Quốc	Giữ form cho gót giày
27	Tấm cao su	1	Trung Quốc, Việt Nam	Đế trung
28	Vải dệt kim	1000	Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam	Mặt giày
29	Dây giày	60	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
30	Vải dệt thoi	150	Trung Quốc, Pháp, Hàn Quốc, Việt Nam	Mặt giày
31	Miếng vải ghép mặt giày	2	Trung Quốc, Việt Nam	Mặt giày
32	Đế trung	200	Trung Quốc, Việt Nam	Đế trung
33	Giấy lót giày	3	Trung Quốc	Đóng gói
34	Tem chuyển in	1,5	Việt Nam	In logo lên mặt giày, lưỡi giày
35	Miếng chống mốc	2	Singapore	Đóng gói
36	Cao su tổng hợp (Polybutadiene)	4000	Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Malay, Thái Lan, Trung Quốc	Sản xuất đế giày
37	Chất xúc tiến lưu hóa cao su đã điều chế	210	Đài Loan, Trung Quốc	Sản xuất đế giày
38	Cao su tổng hợp (styren butadien)	1100	Trung Quốc, Thái Lan, Nhật Bản, Việt Nam	Sản xuất đế giày
39	Tấm cao su (Rubber sheet)	10	Đài Loan	Sản xuất đế giày
40	Thuốc màu (Titanium Dioxide Rutile Tioxide R-FC5)	150	Tây Ban Nha, Malaysia	Sản xuất đế giày
41	Chất chống lão hóa	50	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
42	Silic Dioxide	1900	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
43	Stearic Acid	25	Indonesia, Malaysia	Sản xuất đế giày

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
44	Kẽm oxit	205	Đài Loan, Trung Quốc	Sản xuất đế giày
45	Hóa chất Polyethylene glycol PEG 4000	200	Đài Loan, Hàn Quốc	Sản xuất đế giày
46	Chất hỗ trợ gia công	250	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
47	Kẽm stearic (Zince Stearate)	25	Đài Loan	Sản xuất đế giày
48	Chất kết dính	20	Đài Loan	Sản xuất đế giày
49	Sáp parrafin	20	Ý	Sản xuất đế giày
50	Canxi carbonat	470	Đài Loan	Sản xuất đế giày
51	Cao su tự nhiên đã định chuẩn kỹ thuật	220	Lào, Việt Nam, Campuchia, Thái Lan	Sản xuất đế giày
52	Dầu khoán điều chỉnh độ cứng mềm	170	Đài Loan, Malaysia	Sản xuất đế giày
53	Ethylene-Vinyl Acetate Copolymer	135	Ả Rập, Hàn Quốc, Đài Loan	Sản xuất đế giày
54	Synthetic Rubber	720	Trung Quốc, Singapo, Nga	Sản xuất đế giày
55	Butadiene Synthetic Rubber	11	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
56	Cao su tổng hợp (Acrylonitrile-butadien)	90	Đài Loan, Hàn Quốc	Sản xuất đế giày
57	Hạt nhựa Copolyme etylen-vinyl axetat	4000	Nhật Bản, Hàn Quốc, Đài Loan, Việt Nam, Ả Rập	Sản xuất đế giày
58	Axit Stearic	30	Indonesia, Malaysia, Đài Loan	Sản xuất đế giày
59	Muối axit stearic	40	Đài Loan, Indonesia	Sản xuất đế giày
60	Kẽm oxit	60	Malaysia, Đài Loan	Sản xuất đế giày
61	Cao su tổng hợp Hydrocarbon	75	Đài Loan, Hàn Quốc, Mỹ	Sản xuất đế giày
62	Chế phẩm chống oxy hóa	25	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
63	Chất tạo bọt	70	Trung Quốc	Sản xuất đế giày
64	Bột talc	340	Hàn Quốc	Sản xuất đế giày
65	Hạt nhựa Polyolefin Elastomer, trọng lượng riêng dưới 0,94	340	Ả Rập, Thái Lan, Đài Loan, Việt Nam, Mỹ	Sản xuất đế giày
66	Hạt Nhựa Ethylene Alpha-Olefin Copolymer Tafmer,có trọng lượng riêng dưới 0,94	50	Hàn Quốc, Singapore	Sản xuất đế giày

STT	Tên nguyên liệu	Số lượng (tấn/năm)	Xuất xứ	Dùng cho công đoạn sản xuất
67	Cao su Butadien	10	Anh	Sản xuất đế giày
68	Hạt nhựa polyme từ styren (copolyme hydrogenated styrene butadien) mã CAS no: 66070-58-4 (98.9-99.8%) , dạng hạt , trọng lượng riêng 0.9-0.98, dùng để sản xuất đế giày, mới 100%	2	Tây Ban Nha	Sản xuất đế giày

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Bảng 1. 4. Khối lượng hóa chất phục vụ sản xuất

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
1	1024	Chất xử lý	Thành hình	Methyl ethyl ketone	37	120
				Polyurethane resin	11	
				Ethyl acetate	65	
2	1026A	Chất xử lý	Thành hình	Methyl acetate	30	390
				Ethyl acetate	50	
				Acetone	40	
3	111PD/111 PD（A）	Chất xử lý	Thành hình và đế	Dimethyl Sulfoxide	15	120
				Polyurethane resin	4	
				Methyl acetate	30	
				Ethyl acetate	37	
				Methyl ethyl ketone	38	
4	111YCN	Chất xử lý	Thành hình	Acetone	25	750

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Methyl ethyl ketone	50	
				Tetrahydrofuran	30	
				Ethyl acetate	5	
				Polyurethane resin	5	
5	111YNN	Chất xử lý	Thành hình	Acetone	37	2805
				Ethyl acetate	35	
				Methyl cyclohexane	35	
6	116NN	Chất xử lý	Thành hình	Polyurethane resin	15	4995
				Ethyl acetate	55	
				Methyl ethyl ketone	40	
7	228C1	Chất xử lý	Xử lý chống thấm vải	Acetone	85	300
				Organic acid	5	
				Ethyl acetate	15	
8	258H8	nước chiếu xạ	Xử lý chiếu xạ đế và thành hình	Methyl cyclohexane	15	7467
				Ethyl acetate	40	
				UV curable resin	10	
				Methyl ethyl ketone	45	
9	311A5	Chất xử lý	Vệ sinh đế và eva	Methyl cyclohexane	65	4125
				Methyl Ethyl Ketone (MEK)	65	
10	311FT6	Chất xử lý	Xử lý da thành hình	Methyl ethyl ketone	60	2430
				Polyurethane Resin	30	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Ethyl acetate	20	
				Methyl acetate	20	
				Dimethyl Carbonate (DMC)	20	
11	311HMVN	Chất xử lý	Xử lý đế và thành hình	Methyl ethyl ketone	85	4050
				Polyurethane Resin	3	
				Ethyl acetate	20	
				Dimethyl sulfoxide	20	
12	320NUV	nước xử lý miễn chiếu xạ	Đế	Methyl cyclohexane	65	45
				Butyl acetate	8	
				Resin	5	
				Methyl ethyl ketone	40	
13	351F	chất đông cứng	Pha nước xử lý	Phenol, 4-isocyanato-, phosphorothioate	30	748,2
				Ethyl acetate	85	
14	364	chất đông cứng	Pha miễn chiếu xạ	Aliphatic isocyanate	30	2,7
				Butyl acetate	15	
				Methyl cyclohexane	75	
15	577NT3	keo	Keo may	Chloroprene rubber	18	3660
				Methyl methacrylate (MMA)	6	
				Dimethyl Carbonate (DMC)	20	
				Methyl Ethyl Ketone (MEK)	8	
				Methyl cyclohexane	45	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Diacetone Alcohol (DAA)	5	
				Chloroprene rubber	18	
16	VN6001L	keo nước	Keo lót mặt giày	Polyurethane	55	
				Water	55	
17	633BF	Chất xử lý	Vệ sinh	Methyl Cyclohexane	98	5095
18	VN6608	keo nước	Keo thành hình và đế	Polyurethane	55	
				Water	55	
19	740K9	Chất xử lý	Xử lý thành hình và đế	Methyl acetate	70	30
				Methyl cyclohexane	35	
				m-Toluic acid	2	
				Gallic acid	1	
20	933M	Chất xử lý	Vệ sinh	Acetone	40	19050
				Sec butyl acetate	55	
				Methyl acetate	40	
21	A-106	Keo chống thấm	Thành hình	Solvent	20	1590
				Methylcyclohexane	30	
				Water white rosin	40	
				Thermoplastic elastomer resin	40	
22	A-808	Chất xử lý	Đế	Etidronic Acid	40	82260
				nonionic surfactant	40	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Axit orthophosphoric	40	
23	A586W	keo dạng nước	Thành hình	Polyurethane resin	50	400
				Water	54	
24	Acrylate	Keo trải bàn hệ nước	In sơn	frosted powder	10	3930
				Cyclohexanone	60	
25	BJ-039	Keo cao su	Đế	Amnonia	40	23120
				Latax	60	
26	Bright Gold OIL	Dầu bóng hệ dầu	In sơn	Resin	70	10
				Water	100	
27	C-138A	Keo lập thể đàn hồi cao hệ nước	In sơn	Water	100	270
				Resin	70	
28	C-2A	Chất xử lý	Đế	Emulsifier	40	68475
				Sodium	20	
				caustic soda	60	
29	C-2B	Chất xử lý	Đế	Axit orthophosphoric	60	68475
				Sodium	30	
				Etidronic Acid	40	
30	C-998A	Keo lập thể hệ nước	In sơn	Resin	70	72
				Water	100	
31	CL-12	chất đông cứng hệ nước	Pha keo	Ethyl acetate	22	184
				Hydrophilic aliphatic polyisocyanate	82	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
32	CXF-03YSX	mực tróc	In sơn	Acrylic resin	40	620
				$CaCO_3$	50	
				Water	100	
				Silicon Additive	2	
33	EVA-102	mực trắng	In sơn	Cyclohexanone	100	500
				Titanium oxide	40	
				Polyurethane Resin	50	
34	EVA-203	mực vàng	In sơn	N,N diethylformamide(DEF)	20	144
				Pigment Yellow 14	20	
				Polyurethane Resin	60	
35	EVA-206	mực màu chanh	In sơn	Pigment Yellow 81	20	54
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
				Polyurethane Resin	60	
36	EVA-209	mực màu vàng trung	In sơn	N,N diethylformamide(DEF)	100	18
				Transparent Yellow Pigment	20	
				Polyurethane Resin	60	
37	EVA-302	mực màu đỏ đô	In sơn	N,N diethylformamide(DEF)	15	72
				2254 Red 2254	15	
				Polyurethane Resin	70	
38	EVA-304	mực màu đỏ	in sơn	Polyurethane Resin	70	18
				Cyclohexanone	15	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				2254 Red 2254	14,5	
39	EVA-308	mực màu hồng đào	in sơn	Pink Pigment	20	36
				N,N diethylformamide (DEF)	100	
				EVA Resin	70	
40	EVA-401	mực màu tím	in sơn	Solvent Violet 13	20	18
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
				Polyurethane Resin	60	
41	EVA-404	mực màu xanh	in sơn	Polyurethane Resin	60	126
				N,N diethylformamide(DEF)	10	
				Ultramarine Pigment	30	
42	EVA-408	mực màu xanh nhạt	in sơn	Polyurethane Resin	60	90
				N,N diethylformamide(DEF)	10	
				Blue 29	30	
43	EVA-500	mực màu đen	in sơn	Polyurethane Resin	70	216
				Carbon black	15	
				N,N diethylformamide(DEF)	15	
44	EVA-702	mực màu vàng dạ quang	in sơn	N,N diethylformamide(DEF)	100	90
				Fluorescent Yellow Pigment	15	
				Polyurethane Resin	70	
45	EVA-704	mực màu cam dạ quang	in sơn	Polyurethane Resin	70	72
				Fluorescent Orange Pigment	15	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
46	EVA-705	mực màu xanh dạ quang	in sơn	Polyurethane Resin	70	36
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
				Fluorescent Green Pigment	15	
47	EVA-708	mực màu đỏ dạ quang	in sơn	Fluorescent Rose Pigment	15	36
				Polyurethane Resin	70	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
48	Hardener	Chất làm cứng hệ nước	in sơn	Auxiliary	100	300
				Resin	70	
49	HM-401(S)	Keo nóng chảy	may	Polyolefin	60	4660
				Petroleum resins	50	
50	JW-043	Chất xử lý	thành hình	Methyl ethyl ketone	95	825
				Polyurethane resin	12	
51	M-110	Chất xử lý	vệ sinh	dung môi(Methyl acetate)	40	2660
				Butanone	40	
				Isophorone	40	
				Sec butyl acetate	30	
52	M9K	Chất xử lý	vệ sinh	Methyl acetate	60	6786
				Ethyl acetate	45	
53	MPU-500	mực màu đen	in sơn	Polyurethane Resin	70	72
				Cabon Black	15	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
54	NP-585	keo dạng nước	thành hình	Water	55	580
				Polyurethane resin	51	
55	VNP-585	keo dạng nước	thành hình	Nước/Water	55	
				Polyurethane resin	51	
56	NP-58F	Chất xử lý	Thành hình và đế	Polyurethane resin	52	140
				Water	55	
57	NP-71KN	keo tính dầu	Thành hình và đế	Methyl acetate	21	1755
				Ethyl acetate	30	
				Methyl ethyl ketone	8	
				Acetone	30	
				dimethyl carbonate	20	
				Nhựa Polyurethane	18	
58	NP-72KN	keo tính dầu	Thành hình và đế	NhỰA PU	22	32265
				Methyl acetate	21	
				Ethyl acetate	42	
				Methyl ethyl ketone	35	
59	NUV-24N (NP8-24N)	Chất xử lý	Thành hình và đế	Modified Ethylene-Vinyl acetate polymer	3,5	225
				Methyl ethyl ketone	20	
				N-Butyl Acetate	10	
				Methyl cyclohexane	70	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
60	NUV-90N	miễn chiếu xạ	chiếu xạ	Methyl cyclohexane	65	150
				Methyl ethyl ketone	20	
				Ethyl acetate	20	
				Modified Ethylene-Vinyl acetate polymer	5	
61	P103	Chất xử lý	Thành hình và đế	Tetrahydrofuran	46	165
				Ethyl acetate	57	
62	P116	keo tinh dầu	Thành hình và đế	Polyurethane resin	17	3120
				Ethyl acetate	8	
				Methyl ethyl ketone	85	
63	P431	Chất xử lý	Thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	20	359
				Benzoic acid	3	
				Ethyl acetate	60	
64	PL55-1	Chất xử lý	keo bù thành hình	Resin	20	1635
				Ethyl acetate	20	
				Methyl ethyl ketone	90	
65	Printing ink - Matting agent	Chất tạo mờ hệ nước	in sơn	Rosted powder	10	94
				Cyclohexanon	60	
66	PU-111	Keo lập thể hệ dầu	in sơn	Color powder	30	3192
				Diluent	100	
				RESIN	60	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
67	PU-193	chất nhanh khô	in sơn	N,N diethylformamide(DEF)	75	64
				MEK	25	
68	PU-500	Mực in màu đen hệ dầu	in sơn	Resin	60	120
				Diluent	100	
				Color powder	25	
69	R-316	keo nóng chảy	in sơn	Polyurethane Resin	70	28
				Hot-melt Powder	20	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
70	RFE	Chất dông cứng	pha keo	Ethyl acetate	80	66,8
				Thionophosphoric acid-tris-(P-isocyanatophenyl ester)	30	
71	RN	Chất dông cứng	pha keo	Ethyl acetate	76	1745
				Polyisocyanate	33	
72	S-005	Chất chống nghẹt bảng	in sơn	RESIN	70	1271
				Water	100	
73	S-04	Dung môi	in sơn	N,N diethylformamide (DEF)	40	47
				Isophorone	60	
74	S-101	Dầu bóng tạo mờ hệ nước	in sơn	RESIN	70	20
				Water	100	
75	S-106	Dầu bóng tạo mờ hệ nước	in sơn	RESIN	70	126
				Water	100	

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
76	S-108	Chất tạo mờ hệ nước	in sơn	RESIN	70	60
				Water	100	
77	S-14	Dung môi	in sơn	MEK	100	62
78	TPU-116 SOLVENT-BASED 3D Binder	dầu bóng	in sơn	Polyurethane Resin	85	72
				Solid Powder	6	
				N,N diethylformamide(DEF)	100	
79	TPU-7#	Màu bạc	in sơn	Silver Pigment	20	198
				Polyurethane Resin	45	
				N,N diethylformamide(DEF)	50	
80	UV-33	Chất xử lý	Thành hình và đế	Ethyl acetate	35	5982
				Methyl cyclohexane	35	
				Methyl ethyl ketone	35	
				Ethyl Alcohol	5	
81	UV-56	Chất xử lý	Thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	35	2484
				Ethyl acetate	35	
				Methyl acetate	15	
				Methyl cyclohexane	10	
				2-Methoxy-1-Methylethyl Acetate	25	
				Modified Acrylate Resin	5	
82	WPU-102	mực in màu gốc	in sơn	Water	100	620

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				PYK-028 Silicon additive	1	
				Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	40	
				White Pigment	45	
83	PU-102	Mực in màu trắng hệ dầu	in sơn	Color powder	30	472
				Diluent	100	
				Resin	60	
84	WPU-102FS	mực màu trắng chống chói	in sơn	Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	45	620
				White Pigment	40	
				PYK-028 Silicon Additive	1	
				Nước/Water	100	
85	WPU-106	Dầu bóng tạo mờ hệ nước	in sơn	Resin	70	130
				Auxiliary	100	
86	WPU-110	dầu bống	in sơn	Water Polyurethane Resin	90	220
				Silicon	1	
				Additive	1	
				Water	100	
87	WPU-111	dầu bóng chống chói	in sơn	Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	80	120

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				E-1011 Matting Powder SiO2。nH2O	5	
				PYK-028	1	
				Silicon Additive	4	
				Water / nước	100	
88	WPU-118	dầu bóng siêu bóng	in sơn	Water Polyurethane Resin	90	658
				Silicon Additive	1	
				Water	100	
89	WPU-131	Mực in vàng dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	840
90	WPU-133	Mực in đỏ dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	306
91	WPU-134	Mực in cam dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	1166
92	WPU-138A	Keo lập thể đàn hồi cao hệ nước	in sơn	RESIN	70	252
				WATER	100	
93	WPU-140	Mực in xanh lá dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	410
94	WPU-148	Mực in xanh lam dạ quang hệ nước	in sơn	RESIN	30	90
				Color powder	25	
				WATER	100	
95	WPU-159	Mực in đào dạ quang	in sơn	Color powder	25	1233

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
		hệ nước				
96	WPU-160	Mực in tím dạ quang hệ nước	in sơn	Color powder	25	270
97	WPU-203	Mực in màu vàng nguyên hệ nước	in sơn	COLOR POWDER	17	862
				RESIN	30	
				WATER	100	
98	WPU-21#	mực in hệ nước	in sơn	Water Polyurethane Resin	80	380
				Water	100	
				Silicon Additive	1	
				Silver Pigment	15	
99	WPU-3038	Mực in đào tím chịu bóng hệ nước	in sơn	WATER	100	1318
				COLOR POWDER	17	
				RESIN	30	
100	WPU-3073	Mực in đỏ chịu bóng hệ nước	in sơn	RESIN	30	1512
				WATER	100	
				COLOR POWDER	17	
101	WPU-404	Mực in màu xanh đậm hệ nước	in sơn	COLOR POWDER	17	672
				WATER	100	
				RESIN	30	
102	WPU-408	Mực in màu xanh thúy hệ nước	in sơn	Color powder	17	570

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
103	WPU-500	mực in	in sơn	Water Polyurethane Resin	80	270
				Black Pigment	15	
				Silicon Additive	2	
				WATER	100	
104	WPU-500	Mực in màu đen hệ nước	in sơn	COLOR POWDER	7	659
				WATER	100	
				RESIN	30	
105	WPU-500FS	mực màu đen chống chói	in sơn	Silicon Additive	2	840
				Black Pigment	25	
				water	100	
				Water Polyurethane Resin	70	
106	WPU-68	mực in màu bạc	in sơn	Silver Pigment	15	160
				Water Polyurethane Resin	80	
				Silicon Additive	1	
				Water	100	
107	WPU-805	mực in màu gôc21	in sơn	Silicon Additive	1	176
				Pearl Gold Pigment	15	
				Water	100	
				Water Polyurethane Resin	80	
108	WPU-955B2	dầu bóng lập thể	in sơn	Impranil DL 1116 Water Polyurethane Resin	90	880

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				HDK N20 CN Solid Powder	6	
				PYK-028	1	
				Silicon Additive	1	
				WATER	100	
109	WT-623	dầu bóng lập thể hệ nước	in sơn	Water Polyurethane Resin	90	8320
				Silicon Additive	2	
				Solid Powder	6	
				WATER	100	
110	001AB	Chất xử lý	xử lý thành hình và đế	Acetone	85	7452
				Ethyl acetate	18	
				Organic acid	2,1	
111	289	Chất xử lý	vệ sinh đế và eva	Methyl ethyl ketone	99	5985
				Dimethyl carbonate	20	
112	311BSVN	Chất xử lý	xử lý thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	85	7095
				dimethyl sulfoxide	20	
				Ethyl acetate	15	
				Polyurethane Resin	3	
113	320NT8	Chất xử lý	chiếu xạ	Methyl cyclohexane	71	2460
				Methyl ethyl ketone	28	
				Butyl acetate	15	
				Resin	5	
114	348	chất đông cứng	pha keo dầu	Aromatic polyisocyanate	30	3675

STT	Tên hóa học	Tên thương mại	Dùng cho công đoạn sản xuất	Thông tin thành phần		Khối lượng (kg)
				Tên chất chính thức	Nồng độ tối đa (%)	
				Ethyl acetate	80	
115	367S1	chất đông cứng hệ nước	pha keo nước	Ethyl acetate (EAC)	18	2910
				Hexane, 1,6-diisocyanato-, homopolymer	86	
116	98NH1	keo dầu	keo thành hình và đế	Methyl ethyl ketone	52	54060
				Polyurethane Resin	18	
				Ethyl acetate	30	
				Methyl acetate	30	
				Dimethyl Carbonate (DMC)	22	
117	PL52	keo tăng cường	keo bù thành hình	Ethyl acetate	65	21480
				Methyl ethyl ketone	45	
				Polyurethane Resin	18	
118	1016AB	Chất xử lý	Thành hình và đế	Trichloroisocyanuric Acid	3	2392
				Ethyl acetate	6	
				Acetone	94	
119	1070	Chất dông cứng	pha keo	Ethyl acetate	83	16,8
				Polyisocyanate	22	
120	122KN	Chất xử lý	Thành hình và đế	Acetone	40	321
				Methyl ethyl ketone	30	
				Polyurethane resin	22	
				Ethyl acetate	20	

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

1.4.2. Điện, nước sử dụng của cơ sở.

a. Lượng điện tiêu thụ

Nhà máy sử dụng điện từ mạng lưới cấp điện chung của KCN Đồng Xoài II, bố trí tại đầu nhà xưởng, đảm bảo luôn cung cấp nguồn điện 22kV ổn định và đầy đủ. Nguồn điện sử dụng trong công ty khi đi vào hoạt động chủ yếu phục vụ các mục đích sau:

- Phục vụ cho hoạt động của các máy móc vận hành dây chuyền sản xuất;

- Phục vụ cho nhu cầu của nhân viên, chiếu sáng xung quanh.

Bảng 1. 5. Điện năng tiêu thụ hiện tại của cơ sở

STT	Tháng	Số điện (kWh)
1	Tháng 4/2025	552.542
2	Tháng 5/2025	585091
3	Tháng 6/2025	405.908

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

b. Lượng nước tiêu thụ

* Nguồn nước: Nguồn nước cấp cho hoạt động của cơ sở từ nguồn nước thủy cục trong KCN Đồng Xoài II được cấp bởi Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến cung cấp.

Nhu cầu sử dụng nước của cơ sở thay đổi so với ĐTM đã được phê duyệt, cụ thể như sau:

* Nhu cầu sử dụng:

Nhu cầu sử dụng nước theo ĐTM đã được phê duyệt:

- Nước cấp cho sinh hoạt:

- Số cán bộ công nhân viên khi nhà máy đi vào hoạt động ổn định: 5.178 người. Mỗi ngày 3 ca làm việc với tiêu chuẩn dùng nước là 45 l/người/ca (áp dụng theo TCXDVN 33:2006) thì lưu lượng nước Q1 = (5.178x45)/1.000 = 233 m^3/ngày

- Lưu lượng nước sử dụng cho nhà ăn tập thể ước tính: Q2= 17m^3/ngày đêm

- Lưu lượng nước tưới cây, rửa đường, vệ sinh máy móc thiết bị, phòng cháy chữa cháy: Với diện tích là 19.577,9m^2 bao gồm cây xanh và các tuyến đường giao thông nội bộ, tiêu chuẩn cấp nước là 1 l/m^2

$$Q3 = (19.577,9x1)/1000 = 19,57 \approx 20\ m^3/ngày$$

- Nước cung cấp lò hơi: Q4=24 m^3

- Nước phục vụ cho hoạt động sản xuất (chỉ tính riêng cho hoạt động in, vệ sinh thiết bị, dụng cụ và nước cấp cho hoạt động của hệ thống xử lý khí thải lò hơi): Q5 = 85 m^3/ngày

Tổng lưu lượng nước cần dùng Q = Q1+Q2+ Q3 + Q4 + Q5 = 233 + 17+ 20 +24+85 = **379** m^3/ngày

Nhu cầu sử dụng nước hiện tại:

Nhu cầu sử dụng nước hiện tại của cơ sở như sau:

Bảng 1. 6. Lượng nước tiêu thụ hiện tại của cơ sở

STT	Tháng	Số nước (m^3)
1	Tháng 5/2025	15.403
2	Tháng 4/2025	15.722
3	Tháng 3/2025	16.183

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Chi tiết nhu cầu sử dụng nước được liệt kê như sau:

- *Nước cấp cho sinh hoạt:*

Số lượng công nhân viên là 5.000 người. Theo QCVN 01:2021/BXD thì nhu cầu sử dụng nước sinh hoạt là 80 lít/người. ngày thì lượng nước sử dụng là **400**m^3/ngày.

- *Nước cấp cho nấu ăn:*

Lượng nước sử dụng cho nhà ăn tập thể khoảng **17** m^3/ngày.đêm.

- *Nước cấp cho sản xuất:*

Hiện tại, Công ty sử dụng nước cho hoạt động in, vệ sinh thiết bị, dụng cụ khoảng **85**m^3/ngày.

- Nước cung cấp lò hơi: công ty không sử dụng lò hơi.

- *Lưu lượng nước tưới cây, rửa đường:*

Với diện tích là 19.577,9m^2 bao gồm cây xanh và các tuyến đường giao thông nội bộ, tiêu chuẩn cấp nước là 3 l/m^2

$$Q = (19.577,9x3)/1000 = 58,73 \approx \mathbf{58}\ m^3/ngày$$

→ Như vậy, tổng lượng nước sử dụng hiện tại (không tính lượng nước rửa đường, tưới cây và PCCC) là **502**m^3/ngày.

Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả thải của cơ sở như sau:

Bảng 1. 7. Tổng hợp nhu cầu sử dụng và xả thải nước của cơ sở

TT	Hạng mục	Theo ĐTM đã được phê duyệt		Hiện tại		Ghi chú
		Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh (m^3/ngày)	Lượng nước sử dụng (m^3/ngày)	Nước thải phát sinh (m^3/ngày)	
I	**Nước sản xuất**	**85**	**85**	**85**	**85**	
1	Hoạt động, rửa đế giày, rửa bảng in, vệ sinh thiết bị, dụng cụ in	85	85	85	85	Thải 100%
2	Nước cung cấp lò hơi	24	24	0	0	Công ty không sử dụng lò hơi
II	**Nước sinh hoạt**	**250**	**203,4**	**417**	**417**	
	Nước cấp cho sinh hoạt: 5.178 người	233	186,4	400	400	Thải 100%
	Lượng nước sử dụng cho nhà ăn tập thể	17	17	17	17	Thải 100%
	Tổng cộng	**335**	**288,4**	**502**	**502**	

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Thông tin về hiện trạng hoạt động của cơ sở

1.5.1.1. Vị trí địa lý.

Nhà máy sản xuất Giày dép của Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain được thực hiện trên diện tích 81.077,9m^2 thuộc Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai).

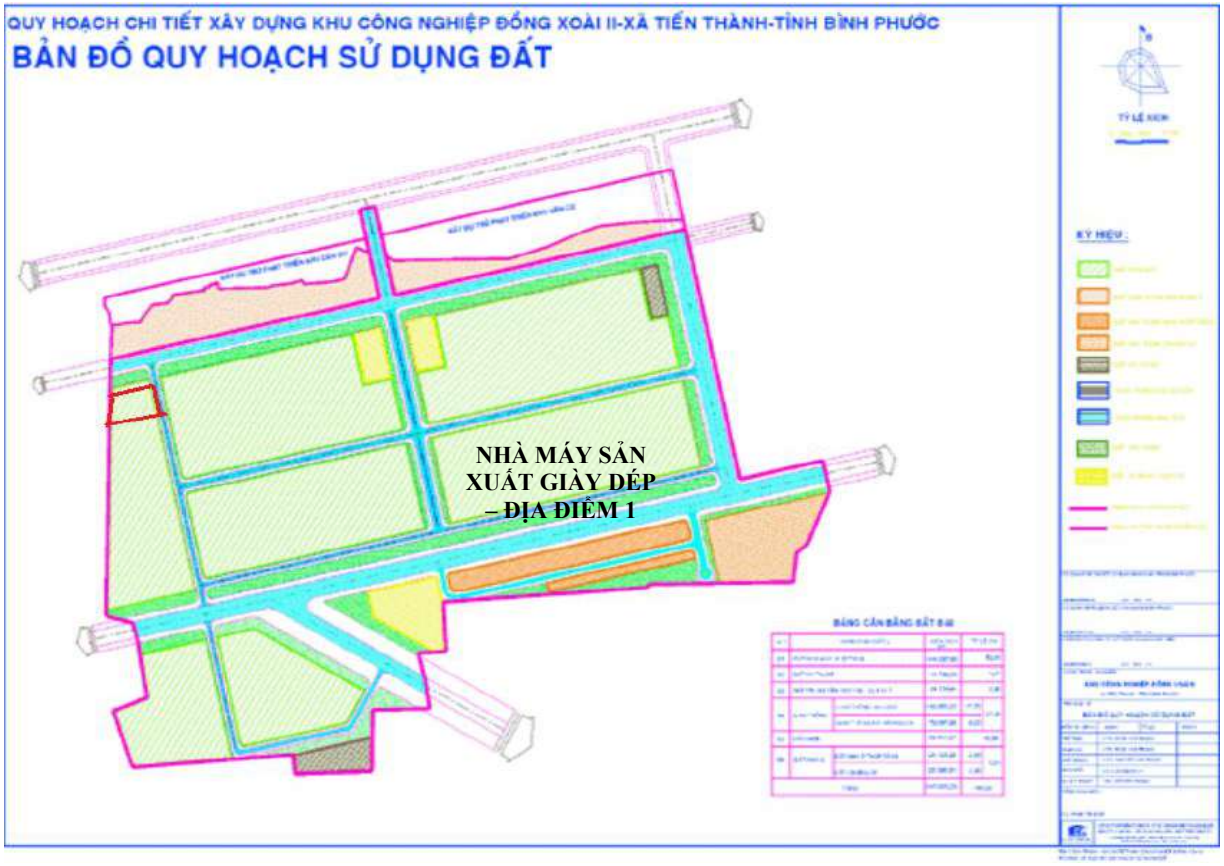
Vị trí tiếp giáp của cơ sở như sau:

- Phía Bắc giáp đường quy hoạch N4 lộ giới 22m;
- Phía Nam đường quy hoạch N6 lộ giới 20m;
- Phía Đông giáp đường quy hoạch lộ giới 30m;
- Phía Tây giáp đường quy hoạch lộ giới 17,5m.

Ranh giới toàn bộ của cơ sở được khống chế bởi các điểm tọa độ như sau:

Bảng 1. 8. Tọa độ vị trí thực hiện

Điểm	Hệ tọa độ VN 2000	
	X	Y
1	1274245	566072
2	1219169	566122
3	1274615	566674
4	1274409	566702



Hình 1. 4. Vị trí của công ty trong quy hoạch của KCN



Hình 1. 5. Vị trí của công ty trong quy hoạch của KCN

1.5.2.2. Hiện trạng sử dụng đất của cơ sở

Nhà máy thực hiện tại Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, Tp. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước (nay là Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai) có diện tích 81.077,9m^2.

Các hạng mục đã xây dựng hoàn chỉnh và đưa vào sử dụng. Các hạng mục công trình cụ thể như sau:

Bảng 1. 9. Các hạng mục công trình của cơ sở

ĐTM đã được phê duyệt				Hiện tại			
Stt	**Các hạng mục của dự án**	**Diện tích (m^2)**	**Tỉ lệ %**	**Ký hiệu**	**Các hạng mục của dự án**	**Diện tích (m^2)**	**Tỉ lệ %**
I	**Giai đoạn 1**	**12.600**	**15.54**	**I**	**Các hạng mục chính**	**34.372,8**	
1	Dây chuyền sản xuất	9.300	11,47	A	Nhà xưởng A	3.603,6	4,4
2	Nhà ăn công nhân	2000	00,25	B	Nhà xưởng B	3.603,6	4,4
3	Phòng phân phối điện	600	0,074	C	Nhà xưởng C	3.603,6	4,4
4	Trung tâm thu gom rác thải	200	0,025	D	Nhà xưởng D	3.603,6	4,4
5	Trạm xử lý nước thải	500	0,062	E	Nhà xưởng E	3.603,6	4,4
6	Xây dựng tường rào, đường giao thông nội bộ	-	-	F	Nhà xưởng F	3.603,6	4,4
II	**Giai đoạn II**	**8.010**	**9,9**	G	Nhà xưởng G	3.603,6	4,4
1	Kho thành phẩm	2.016	2,49	H	Nhà xưởng H	1.940,4	2,4
2	Xưởng ráp đế	4.650	5,72	I	Nhà xưởng I	3.603,6	4,4
3	Phòng xưởng vụ	408	0,54	J	Nhà xưởng J	3.603,6	4,4
4	Phòng đào tạo	168	0,21	**II**	**Các hạng mục phụ**	**10.227**	**12,6**
5	Phòng thêu vi tính	240	0,30	1	Nhà R&D	1.656	2,0
6	Phòng công vụ và kho tạp phẩm	528	0,64	2	Văn phòng	720	0,9
III	**Giai đoạn III**	**22.830**	**28,15**	3	Nhà nghỉ nhân viên	672	0,8
1	Xưởng sản xuất	9.300	11,47	4	Nhà xe công nhân	2.160	2,7
2	Kho nguyên liệu	4.650	5,73	5	Căn tin	1080	1,3
4	Bãi đậu xe công nhân	8000	9,86	6	Phòng họp 1	210	0,3
5	Trung tâm tuyển dụng và đào tạo	880	1,08	7	Kho 1	180	0,2

ĐTM đã được phê duyệt				Hiện tại			
Stt	**Các hạng mục của dự án**	**Diện tích (m^2)**	**Tỉ lệ %**	**Ký hiệu**	**Các hạng mục của dự án**	**Diện tích (m^2)**	**Tỉ lệ %**
IV	**Giai đoạn IV**	**18.060**	**18,94**	8	Vệ sinh công nhân 1	180	0,2
1	Khu vực văn phòng	4.800	2,23	9	Kho 2	396	0,5
2	Xưởng sản xuất	9.300	11,47	10	Phòng cơ khí	228	0,3
3	Phòng phân phối điện	600	0,74	11	Phòng sửa chữa dao	42	0,1
4	Kho thành phẩm	2.016	2,47	12	Phòng y tế	60	0,1
5	Kho máy dự phòng	384	0,25	13	Phòng tổng vụ	150	0,2
6	Kho phom giày	240	0,29	14	Vệ sinh công nhân 2	276	0,3
7	Kho dao chặt	240	0,29	15	Phòng điện	150	0,2
8	Kho khuôn	240	0,29	16	Phòng máy phát điện	150	0,2
9	Phòng y tế	240	0,29	17	Phóng máy nén khí	150	0,2
	Tổng cộng diện tích xây dựng công trình	**61.500**	**75,85%**	18	Phòng tạo khuôn	90	0,1
				19	Phòng tổng vụ	150	0,2
				20	Phòng pha keo	90	0,1
				21	Bể nước ngầm + trạm bơm	500m^3, 75	0,1
				22	Phòng cắt	90	0,1
				23	Phòng khuôn	330	0,4
				24	Kho 3	360	0,4
				25	Nhà vệ sinh công nhân 1	180	0,2
				26	Kho 3	360	0,4
				27	Nhà bảo vệ + cổng	42	0,1

ĐTM đã được phê duyệt				Hiện tại			
Stt	**Các hạng mục của dự án**	**Diện tích (m^2)**	**Tỉ lệ %**	**Ký hiệu**	**Các hạng mục của dự án**	**Diện tích (m^2)**	**Tỉ lệ %**
				III	**Hạng mục bảo vệ môi trường**	**361,8**	**0,4**
				28	Bể xử lý nước thải	205,8	0,3
				29	Nhà rác	120	0,1
				30	Bể thu hồi nước mưa + trạm bơm	540m^3,36	0,0
				IV	**Cây xanh**	**16.215,58**	**20,0**
				V	**Đường giao thông nội bộ, đất trống**	**19.900,72**	**24,5**
					TỔNG CỘNG	**81.077,9**	

Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

1.5.2.4. Hiện trạng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở

Máy móc thiết bị tại công ty đã được lắp đặt hoàn chỉnh. Danh mục máy móc được thể hiện cụ thể như sau:

Bảng 1. 10. Danh mục máy móc thiết bị của cơ sở

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
1	Thiết bị cắt ghép cao tần thủy lực học (Loại I)	48	Trung Quốc	85%
2	Thiết bị cắt ghép cao tần thủy lực học (loại II)	32	Trung Quốc	85%
3	Thiết bị cắt lạng da (leather)	32	Trung Quốc	85%
4	Hệ thống dây chuyền chuyển nguyên liệu gia công theo trục dọc và tới lui	4	Trung Quốc	85%
5	Thiết bị cắt tỉa góc cạnh (loại I)	8	Trung Quốc	85%
6	Thiết bị cắt	4	Trung Quốc	85%
7	Thiết bị may 3 kim	8	Trung Quốc	85%
8	Thiết bị cắt tỉa góc cạnh (Loại II)	8	Trung Quốc	85%
9	Thiết bị xử lý da bằng nhiệt	8	Trung Quốc	85%
10	Thiết bị cắt cao su và da tốc độ cao	4	Trung Quốc	85%
11	Thiết bị ủi da phần trước của giày	8	Trung Quốc	85%
12	Thiết bị nén khí tự động	8	Trung Quốc	85%
13	Thiết bị sơn xịt giày	8	Trung Quốc	85%
14	Máy làm sạch và đánh bóng phần trước của giày (loại I)	8	Trung Quốc	85%
15	Máy dán giày bằng động khí học	4	Trung Quốc	85%
16	Thiết bị pha trộn keo dán	8	Trung Quốc	85%
17	Máy làm sạch và đánh bóng phần trước của giày (loại II)	8	Trung Quốc	85%
18	Máy may công nghiệp vắt sổ một kim với hệ thống tự động cắt chỉ (loại II)	32	Trung Quốc	85%
19	Máy may công nghiệp vắt sổ zic zắc	32	Trung Quốc	85%
20	Máy may công nghiệp may hai đường chỉ	16	Trung Quốc	85%
21	Thiết bị ép dán tự động	16	Trung Quốc	85%
22	Máy may công nghiệp vắt sổ một kim (loại I)	256	Trung Quốc	85%
23	Máy may công nhiệp vắt sổ hai kim	128	Trung Quốc	85%
24	Máy cắt tỉa góc cạnh (loại II)	16	Trung Quốc	85%
25	Thiết bị ép dán keo bằng nhiệt	48	Trung Quốc	85%
26	Thiết bị đúc khuôn phần đế giày bằng nhiệt	16	Trung Quốc	85%
27	Thiết bị đục lỗ thủy lực học (loại II)	8	Trung Quốc	85%

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
28	Thiết bị chuyển tải	48	Trung Quốc	85%
29	Thiết bị tự động bấm lỗ xâu dây	16	Trung Quốc	85%
30	Thiết bị may đế giày	16	Trung Quốc	85%
31	Thiết bị may công nghiệp vắt sổ đế trụ tròn	16	Trung Quốc	85%
32	Thiết bị vận chuyển loại 1	16	Trung Quốc	85%
33	Thiết bị đục lỗ thủy lực học (loại I)	16	Trung Quốc	85%
34	Thiết bị vận chuyển loại 2	16	Trung Quốc	85%
35	Thiết bị ghép tự động phần hông cạnh và phần đế gót chân giày	28	Trung Quốc	85%
36	Thiết bị đúc khuôn phần đế trong giày	6	Trung Quốc	85%
37	Thiết bị đúc khuôn phần sau với túi khí (loại I)	10	Trung Quốc	85%
38	Thiết bị đúc khuôn phần sau với túi khí (loại II)	10	Trung Quốc	85%
39	Máy làm bóng bằng hơi nước nóng	8	Trung Quốc	85%
40	Máy ghép phần mũi giày loại 9-Pincer bằng thủy lực học	8	Trung Quốc	85%
41	Máy ghép phần mũi giày loại 7-Pincer bằng thủy lực học	8	Trung Quốc	85%
42	Máy ghép phần eo giày bằng điện	6	Trung Quốc	85%
43	Máy ghép phần đế giày bằng thủy lực học	12	Trung Quốc	85%
44	Máy mài vát bằng đá nhám	10	Trung Quốc	85%
45	Máy vẽ vạch dấu	16	Trung Quốc	85%
46	Thiết bị hút bụi và làm sạch không khí	18	Trung Quốc	85%
47	Máy công nghiệp chuyên dụng ghép nén giày	16	Trung Quốc	85%
48	Máy ghép phần đế lót chống trượt bằng thủy lực học	12	Trung Quốc	85%
49	Thiết bị ghép đế giày	12	Trung Quốc	85%
50	Máy dập nén phần đệm lót chân	10	Trung Quốc	85%
51	Thiết bị làm sạch, mịn, bóng da (leather)	6	Trung Quốc	85%
52	Hệ thống băng chuyền nguyên liệu kim và đinh	12	Trung Quốc	85%
53	Thiết bị dập ép nén tự động	14	Trung Quốc	85%
54	Thiết bị trộn keo dán bằng khí nén	4	Trung Quốc	85%
55	Thiết bị may chuyên dụng	6	Trung Quốc	85%
56	Thiết bị làm nguội tốc độ cao (loại I)	4	Trung Quốc	85%
57	Thiết bị làm nguội tốc độ cao (loại II)	8	Trung Quốc	85%
58	Hệ thống băng chuyền (loại I)	4	Trung Quốc	85%

STT	Tên máy móc, thiết bị	Số lượng	Xuất xứ	Tình trạng
59	Hệ thống băng chuyền (loại II)	8	Trung Quốc	85%
60	Thiết bị cắt tỉa da (leather)	12	Trung Quốc	85%
61	Thiết bị mài góc trục dọc	8	Trung Quốc	85%
62	Thiết bị cán đế giày với túi khí	8	Trung Quốc	85%
63	Thiết bị máy công nghiệp chuyên dụng ghép nén giày	16	Trung Quốc	85%
64	Thiết bị ghép nén cho phần mũi và phần đế giày hình chữ U	4	Trung Quốc	85%
65	Thiết bị làm sạch bên trong giày	4	Trung Quốc	85%
66	Thiết bị xử lý phần lót bằng sóng siêu âm	4	Trung Quốc	85%
67	Thiết bị khử trùng tia cực tím (loại I)	4	Trung Quốc	85%
68	Thiết bị hút bụi bẩn trong không khí	12	Trung Quốc	85%
69	Thiết bị chuyên dụng mài các mặt nhám	12	Trung Quốc	85%
70	Thiết bị hút bụi không gây ồn (loại I)	16	Trung Quốc	85%
71	Thiết bị hút bụi vệ sinh (Loại II)	8	Trung Quốc	85%
72	Thiết bị làm nguội tự động tốc độ cao (2,5m)L	4	Trung Quốc	85%
73	Thiết bị cắt tỉa góc	4	Trung Quốc	85%
74	Thiết bị cắt với tay robot thủy động lực	8	Trung Quốc	85%
75	Thiết bị cắt tỉa góc cạnh	8	Trung Quốc	85%
76	Hệ thống băng chuyền xây cố định	4	Trung Quốc	85%
77	Thiết bị khử trùng tia cực tím (loại II)	4	Trung Quốc	85%
78	Thiết bị máy nén khí	8	Trung Quốc	85%

1.5.2.5. Hiện trạng nhân lực, thời gian sản xuất của cơ sở.

Hiện tại, cơ sở sản xuất làm việc khoảng 310 ngày/năm. Với tổng số công nhân viên của cơ sở là 5.000 người. Mỗi ngày có 01 ca làm việc, mỗi ca làm việc 8 tiếng.

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

**** Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia:***

Theo Quyết định số 450/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ ban hành ngày 13/04/2022 về việc phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường Quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 thì tầm nhìn và mục tiêu cụ thể như sau:

- Về mục tiêu đến năm 2030: Ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, carbon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu bền vững 2030 của đất nước. Do đó, dự án đầu tư là phù hợp với chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia

- Về tầm nhìn đến năm 2050: Môi trường Việt Nam có chất lượng tốt, bảo đảm quyền được sống trong môi trường trong lành và an toàn của nhân dân; đa dạng sinh học được giữ gìn, bảo tồn, bảo đảm cân bằng sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; xã hội hài hòa với thiên nhiên, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, carbon thấp được hình thành và phát triển, hướng tới mục tiêu trung hòa carbon vào năm 2050.

Theo quyết định số 1216/QĐ-TTg ngày 05/09/2012 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với quan điểm phát triển kinh tế phù hợp với đặc tính sinh thái vùng, ít chất thải, hướng đến nền kinh tế xanh. Tại dự án sử dụng các máy móc, thiết bị mới hạn chế phát sinh chất thải và áp dụng các biện pháp thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

**** Sự phù hợp về phân vùng môi trường***

Theo quyết định số 463/QĐ-TTg ngày 14/04/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ thời kì 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

- Mục tiêu lập quy hoạch: là vùng phát triển năng động, có tốc độ tăng trưởng kinh tế cao. Tập trung phát triển mạnh khoc học, công nghệ và hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, công nghiệp chế biến.

- Quan điểm quy hoạch: Việc lập quy hoạch vùng Đông Nam Bộ phải đảm bảo phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của chiến lượng phát triển kinh tế - xã hội đất nước thời kỳ 2021-2030. Đảm bảo giảm thiểu các tác động tiêu cực do kinh tế - xã hội, môi trường gây ra đối với sinh kế của cộng đồng dân cư. Quá trình lập quy hoạch cần kết hợp với các chính sách khác thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và đảm bảo sinh kế bền vững của người dân.

**** Sự phù hợp về bảo vệ môi trường trong quy hoạch tỉnh.***

Theo quyết định số 1426/QĐ-UBND ngày 01/07/2014 của UBND tỉnh Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) về phê duyệt đồ án quy hoạch vùng tỉnh Bình Phước, trong đó đề cập: "Ưu tiên đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp nước, cấp điện thông tin liên lạc, xử lý chất thải công nghiệp và đô thị".

Theo Nghị quyết số 1/2022/NQ-HĐND ngày 31/03/2022 của Hội đồng nhân dân Ban hành Quy định về chính sách khuyến khích ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo Phụ lục I Ngành nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư.

Theo Nghị quyết số 01/NQ-HĐND ngày 17/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc thông qua Quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021-2023, tầm nhìn đến năm 2050 có đề cập như sau: Phát triển công nghiệp nhanh và bền vững theo hướng ưu tiên các ngành có giá trị gia tăng cao như: chế biến, phụ trợ, năng lượng tái tạo, vật liệu, công nghệ thông tin, ... Chú trọng nâng cao trình độ công nghệ. Mở rộng và phát triển mới các khu, cụm công nghiệp.

Theo Quyết định số 1489/QĐ-TTg ngày 24/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch tỉnh Bình Phước thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050, cụ thể như sau:

+ Về mục tiêu đến năm 2030: Bình Phước (nay là tỉnh Đồng Nai) trở thành công nghiệp theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững, là "điểm đến hấp dẫn" của Vùng Đông Nam Bộ, có quy mô kinh tế khá dựa trên xây dựng đồng bộ nền tảng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phát triển các cụm ngành có tiềm năng tạo nhiều việc làm có thu nhập và nguồn thu ngân sách; nâng cao chất lượng cuộc dống cho người dân, thu hẹp khoảng cách giữa nông thôn, cùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới với đô thị; tăng cường kết nối vùng thông qua phát triển hạ tầng trọng yếu; hoàn thành chính quyền điện tử, từng bước chuyển dần sang chính quyền số; đảm bảo quốc phòng – an ninh vững chắc; xây dựng tổ chức Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện.

+ Tầm nhìn đến năm 2050: phấn đấu xây dựng tỉnh Bình Phước trở thành tỉnh công nghiệp hiện đại, phát triển giàu mạnh và văn minh, trở thành một trong những cực tăng trưởng kinh tế quan trọng của Vùng Đông Nam Bộ, tương đương các tỉnh có trình độ phát triển khá của cả nước; không gian phát triển hài hòa giữa đô thị và nông thôn; xây dựng đô thị theo hướng sinh thái, hiện đại và bền vững; xã hội trật tự, kỷ cương, an ninh, an toàn, văn minh; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, dân tộc, con người phát triển toàn diện, môi trường sống trong lành. Là "điểm đến hấp dẫn" của Vùng Đông Nam Bộ.

Do đó, việc thực hiện cơ sở "Nhà máy sản xuất giày dép – địa điểm 1, Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 228.600 m^2/năm tại KCN Đồng Xoài II là hoàn toàn phù hợp với quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch khác có liên quan.

**** Sự phù hợp về với quy hoạch phát triển của KCN Đồng Xoài II.***

Dự án nằm hoàn toàn trong KCN Đồng Xoài II với diện tích 84,7ha đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại Quyết định số 2390/QĐ-UBND ngày 26/8/2009, do Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến làm chủ đầu tư hạ tầng, đã được cấp giấy chứng nhận đầu tư. Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến đã được UBND tỉnh Bình Phước cấp Giấy phép môi theo Quyết định số 19/GPMT-UBND ngày 02/03/2023 cho dự án "Xây dựng kết cấu hạ tầng và kinh doanh Khu công nghiệp Đồng Xoài II, module 1, 2, 3; diện tích 84,7ha" tại phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Hiện nay, KCN có các doanh nghiệp đang hoạt động với các ngành nghề như: Thương mại, dịch vụ; Sản xuất đồ dùng gia đình; Sản xuất bao bì, may mặc, văn phòng phẩm; Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (không có công đoạn nhuộm); Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên nệm; Sản xuất các sản phẩm từ cao su đã qua công đoạn sơ chế (không tái chế); Sản xuất giày dép (không thuộc da); Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (không ngâm tẩm).,… được đầu tư xây dựng với quy mô lớn, hiện đại, đồng bộ, bảo đảm điều kiện để phát triển công nghiệp gắn với bảo vệ môi trường bền vững.

Bảng 2. 1. Danh sách các doanh nghiệp đầu tư vào KCN Đồng Xoài II

TT	Tên Công ty	Ngành nghề	Vị trí	Diện tích (m^2)
1	Công ty TNHH Shyang Ying	Sản xuất và gia công giày	Lô A2, B1	202.215,8
2	Công ty TNHH Sản xuất Giày Dép Grand Gain	Sản xuất và gia công giày	Lô D1	81.077,9
3	Công ty TNHH MTV Dệt may giày dép Cheng Feng Việt Nam	Sản xuất bao công bán thành phẩm giày dép, túi xách	Lô A1	8.746,4
4	Công ty TNHH Gỗ Tân Vĩnh Nghĩa Bình Phước	Sản xuất sản phẩm từ gỗ	Lô C1, C2	84.903,3
5	Công ty TNHH Great Material Handling Viet Nam	Sản xuất sản phẩm từ gỗ	Lô F1, F2	36.396,6
6	Công ty CP Vinaestate	Kinh doanh bất động sản	Lô HC1-1, HC1-2	11.090
7	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Dự án Lê Minh	Sản xuất sản phẩm từ gỗ	Lô E1, E2	52.391,5
8	Công ty TNHH E Chang Viet Nam	Dệt, may	Lô F9-1	7.789,3

(Nguồn: Công ty CP Quang Minh Tiến, 2024)

Các doanh nghiệp thứ cấp đầu tư sản xuất vào KCN Đồng Xoài II đảm bảo hạ tầng cho các doanh nghiệp thứ cấp như: nguồn cung cấp nước, điện, đường thoát nước mưa,

nước thải... Trong quá trình hoạt động của KCN và các doanh nghiệp thứ cấp đều phát sinh nước thải, KCN sẽ thu gom nước thải về HTXLNT tập trung để xử lý, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại phát sinh mỗi doanh nghiệp sẽ tự hợp đồng với đơn vị chức năng để thu gom và xử lý. Các nhà máy hiện hữu gần ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain sản xuất ngành nghề không gây ô nhiễm nên tác động qua lại giữa dự án với các cơ sơ đang hoạt động rất ít, không đáng kể.***

Hoạt động sản xuất của Dự án "Nhà máy sản xuất giày dép – địa điểm 1, Quy mô: Sản xuất, gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn với quy mô 228.600 m^2/năm" do ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** làm chủ đầu tư thuộc ngành nghề được phép thu hút đầu tư trong KCN Đồng Xoài II (Sản xuất giày dép (không thuộc da)). do ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** đã được Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Phước cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1087575231 chứng nhận lần đầu ngày 12/09/2014, chứng nhận thay đổi lần 5 ngày 25/06/2025.

Đồng thời, do ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** đã được UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm". KCN Đồng Xoài II đã được quy hoạch và xây dựng hoàn thiện về cơ sở hạ tầng, trong đó được thu hút nhóm ngành đầu tư của Dự án. Do đó, dự án hoàn toàn phù hợp về mặt quy hoạch kinh tế xã hội.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 1087575231 do Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp, đăng ký lần đầu ngày 12/09/2014, thay đổi lần 5 ngày 25/06/2025.

Do đó, vị trí thực hiện của dự án phù hợp với quy hoạch của tỉnh.

2. 2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

Hạ tầng kỹ thuật KCN Đồng Xoài II có diện tích 84,7 ha với đầy đủ các phân khu chức năng và tổ chức các hệ thống kỹ thuật hạ tầng, thu hút đầu tư các ngành công nghiệp mũi nhọn của tỉnh như sau:

- Thương mại, dịch vụ
- Sản xuất đồ dùng gia đình.
- Sản xuất bao bì, may mặc, văn phòng phẩm
- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản
-Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng
- Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt (không có công đoạn nhuộm)
- Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên nệm
- In ấn và dụng cụ liên quan đến in
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm liên quan đến xi măng và thạch cao

- Sản xuất gia công, lắp ráp các sản phẩm điện, điện tử, thiết bị quang học

- Sản xuất, lắp ráp, sửa chữa, bảo dưỡng các sản phẩm cơ khí

- Sản xuất các sản phẩm từ giấy

- Sản xuất các sản phẩm từ cao su đã qua công đoạn sơ chế (không tái chế)

- Sản xuất giày dép (không thuộc da)

- Chế biến và sản xuất các sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (không ngâm tẩm).

Cở sở hoạt động sản xuất gia công bán thành phẩm giày dép, quần áo, túi xách vì vậy phù hợp với ngành nghề thu hút của KCN Đồng Xoài II.

- Vị trí thực hiện cơ sở là KCN Đồng Xoài II, KCN đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; KCN có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt yêu cầu, KCN đã được Giấy xác nhận số 20/GXN-STNMT ngày 29/12/2017 của UBND tỉnh Bình Phước về việc xác nhận hoàn thành công trình bảo vệ môi trường giai đoạn 1 của Dự án Đầu tư xây dựng hạ tầng Khu công nghiệp Đồng Xoài II, diện tích 84,7 ha – Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến tại phường Tiến Thành, Thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước và Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 80/GP-UBND ngày 31/12/2021 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty Cổ phần Quang Minh Tiến.

KCN Đồng Xoài II đầu tư, xây dựng trạm xử lý nước thải với 04 modul tổng cộng suất xử lý nước thải là 2.000 m^3/ngày.đêm đáp ứng nhu cầu xử lý nước thải của các nhà máy thành viên. Lưu lượng nước thải lớn nhất hiện nay của ***Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain*** phát sinh từ nhà máy là 516m^3/ngày.đêm. Do đó việc thoát nước thải vào HTXLNT của KCN Đồng Xoài II là hoàn toàn phù hợp.

Trong nước thải KCN Đồng Xoài II có chứa một lượng chất rắn lơ lửng nhất định (gồm cả hữu cơ và vô cơ), các chất này có thể làm tăng độ đục của nguồn nước, làm tắc nghẽn hoặc gây quá tải cho suối Dinh (suối Sông Rinh).

Như đã đề cập ở trên lượng nước thải lớn nhất hiện nay phát sinh từ KCN là 597m^3/ngày đêm, tuy nhiên báo cáo đánh giá với lưu lượng 1.500m^3/ngày.đêm tương đương 0,0173 m^3/s là lưu lượng xả nước thải lớn nhất của KCN ứng với công suất tối đa của 03 modul đã được xây dựng hiện nay; lưu lượng dòng chảy của suối Dinh là 0,2345m^3/s (mùa khô), 4 - 5 m^3/s (mùa mưa). Do đó việc xả nước thải vào nguồn nước sẽ làm cho lưu lượng dòng suối sau khi tiếp nhận tăng lên không đáng kể. Vậy, tác động của việc xả nước thải của KCN đến chế độ thủy văn Suối Dinh làm lưu lượng dòng chảy tăng không đáng kể. Bên cạnh đó, chế độ xả nước thải của KCN Đồng Xoài II xả vào suối Dinh theo hình thức xả mặt, ven bờ, do đó các tác động đến lòng suối hầu như là không có. Nhìn chung, chất lượng nước mặt suối Dinh vẫn còn tương đối tốt chỉ bị tác động nhỏ bởi nước thải sinh hoạt của các hộ dân ven suối. Đặc tính quan trọng nhất của suối là mực nước biến đổi thất thường. Vào mùa mưa lũ, nước dâng cao, nước đục, chảy xiết đôi khi làm thay đổi dòng sau trận lũ, lòng suối trải rộng. Sau trận mưa lũ, mực nước lại hạ

nhanh chóng, tốc độ nước giảm, độ trong tăng lên. Thêm vào đó, Suối Dinh có chiều rộng hẹp, nhiều cỏ dại, xác thực vật… điều này làm hạn chế tốc độ dòng chảy. Với ưu thế về chiều dài và lưu lượng dòng chảy nên việc tiếp nhận thêm lượng nước thải từ KCN Đồng Xoài II sẽ không gây tác động đến chế độ thủy văn dòng chảy của suối Dinh Đối với mương đào dẫn nước thải của Khu công nghiệp ra suối Dinh, do kết cấu của nền đất khu vực là đất sét nên ít bị thấm nước thải, mặt khác nước thải đã được xử lý đạt cột A của QCVN 40:2011/BTNMT hệ số Kq = 0,9, Kf = 1,1 trước khi thải ra môi trường nên không ảnh hưởng tới nguồn nước xung quanh.

- Để đảm bảo và duy trì chất lượng nước của lưu vực suối Dinh, công tác quản lý phải có sự thống nhất, đồng bộ giữa các cấp trong tỉnh cũng như sự kết nối giữa các vùng, miền có hưởng lợi từ lưu vực khai thác. Bên cạnh đó, từng công dân, từng cơ sở sản xuất, kinh doanh, các Xí nghiệp… phải có ý thức trách nhiệm trong việc bảo vệ môi trường nói chung và bảo vệ môi trường nước nói riêng

→ Dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải

CHƯƠNG III: KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa.

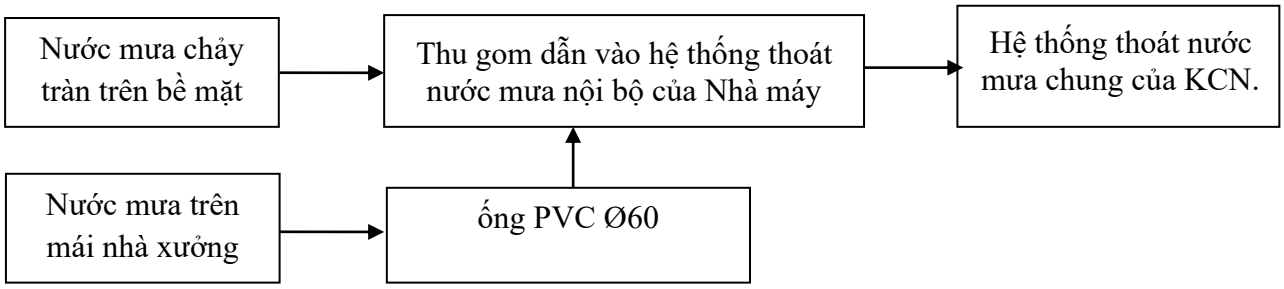
- Nguồn số 01: Nước mưa chảy tràn trên bề mặt được thu gom và dẫn theo đường cống Bê tông cốt thép có kích thước 400 x 400 mm được bố trí dọc theo nhà xưởng sản xuất và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN.

- Nguồn số 02: Nước mưa trên mái các tòa nhà được thu gom và dẫn theo đường ống nhựa Ø60, rồi tiếp tục chạy về đường mương Bê tông cốt thép có kích thước 400 x 400mm được bố trí dọc theo nhà xưởng sản xuất và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa chung của KCN..

Công ty đã xây dựng hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa để phục vụ cho quá trình hoạt động của công ty. Hệ thống thoát nước mưa được bố trí dọc theo các nhà xưởng và tách riêng hoàn toàn với tuyến thoát nước thải. Công ty sử dụng hố gas 1.200x1.200 và hệ thống đường ống để thu gom nước mưa như sau:

+ Tuyến đường ống BTCT kích thước 400 x 400mm thoát nước mưa chảy tràn trên bề mặt dọc theo khuôn viên nhà xưởng sản xuất.
+ Tuyến mương BTCT kích thước 400 x 400mm và ống PVC Ø60 thoát nước mưa trên mái các nhà xưởng.
+ Tuyến đường ống BTCT D800 thoát nước mưa đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN.

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn như sau:



Hình 3. 1. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa

- Nước mưa được thu gom và đấu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN tại 02 điểm:

+ 02 điểm nằm trên đường N6.
  - Điểm 1: có tọa độ X (m): 1274.071; Y (m): 566.003
  - Điểm 2: có tọa độ X (m): 1274.051; Y (m): 565.942



Hình 3. 2. Hình ảnh hệ thống thoát nước mưa tại công ty

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

❖ ***Nguồn phát sinh nước thải***

- Nguồn số 01: Khu vực văn phòng, nhà vệ sinh, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ phát sinh nước thải sinh hoạt.

- Nguồn số 02: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa đế giày.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in.

❖ ***Công trình thu gom nước thải.***

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại với lưu lượng khoảng 417 m^3/ngày (24 giờ) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 520m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý.

- Nguồn số 02, số 03: Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa đế giày và từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in với lưu lượng khoảng 85 m^3/ngày (24 giờ) được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy, công suất 235 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý. Nước thải sau xử lý sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 520m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý .

❖ ***Công trình thoát nước thải sau xử lý:***

Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại, tách dầu) và nước thải sản xuất (sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 235m^3/ngày) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 520 m^3/ngày.đêm của nhà máy để xử lý.

Nước thải sau xử lý đạt quy chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài II được đấu nối vào hệ thống thu gom của KCN tại 1 điểm xả trên đường N3.

❖ ***Điểm xả nước thải sau xử lý:***

- Vị trí điểm xả thải :

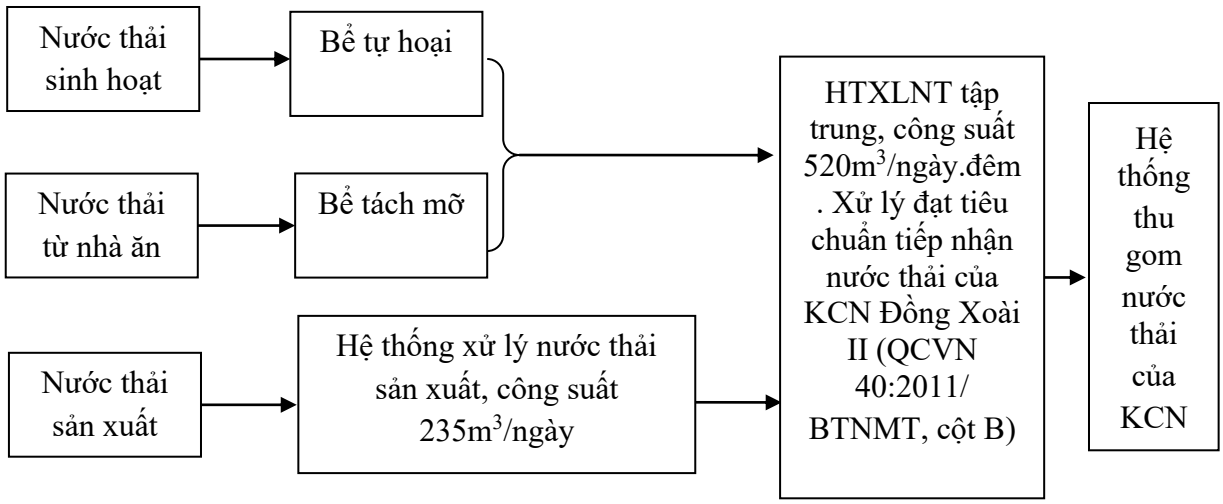
Hố ga đấu nối vào HTXLNT tập trung của KCN Đồng Xoài II nằm trên đường N3 tại tọa độ: X(m): 1.274.076; Y(m): 565.734 (Tọa độ VN 2000, Kinh tuyến:106°15', múi chiếu 3°).

- Phương thức xả thải : Tự chảy

- Chế độ xả thải: Xả liên tục

- Loại công trình điểm xả: Hố ga bằng bê tông cốt thép với kích thước 800mm x 800mm.

❖ ***Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải.***



Hình 3. 3. Sơ đồ minh họa tổng thể mạng lưới thu gom, thoát nước thải

Hình ảnh vị trí đấu nối nước thải.



3.1.3. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

❖ ***Bể tự hoại 3 ngăn.***

- Số lượng: 08 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → (1).

- Công suất thiết kế: tổng thể tích 400,5m^3

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 235m^3/ngày***

Toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy được thu gom để đưa về HTXLNT sản xuất, công suất 235 m^3/ngày.đêm để xử lý.

- Tóm tắt quy trình công nghệ xử lý:

Nước thải sản xuất → Rổ lược rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → (2).

- Công suất thiết kế: 235 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (-), Polymer (+), NaOH, H_2SO_4, PAC và NaOCl.

- Chế độ vận hành: liên tục.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520m^3/ngày***

(1) và (2) → Bể gom → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể chứa nước → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài II sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN bằng đường ống HDPE D200 thông qua 01 điểm đấu nối nước thải trên đường N3.

- Công suất thiết kế: 520 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (-), Polymer (+), NaOH, H_2SO_4, PAC và NaOCl.

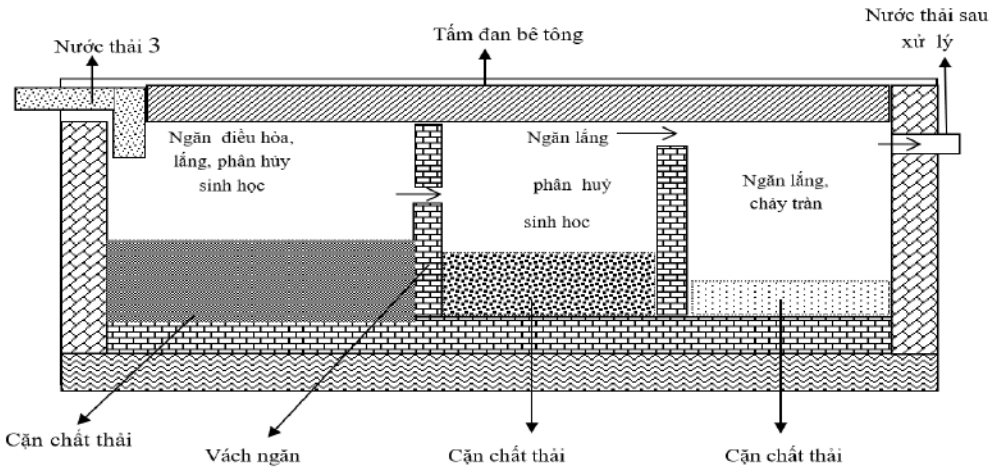
- Chế độ vận hành: liên tục.

Chi tiết các công trình xử lý như sau:

+ *Bể tự hoại.*

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công ty được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Nước thải sau bể tự hoại sẽ được chảy vào hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520m^3/ngày.

Bể tự hoại sẽ được xây bằng bê-tông cốt thép, chìm dưới đất và có hệ thống ống dẫn



Hình 3. 4. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải bằng bể tự hoại 3 ngăn

** Nguyên lý hoạt động của hầm tự hoại 3 ngăn*

Bể xử lý được chia làm 03 ngăn với các chức năng xử lý như sau:

- Ngăn 1: Có vai trò là ngăn chứa và lắng các chất ô nhiễm, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải để giúp các ngăn phía sau đảm bảo hiệu suất xử lý. Mặt khác dưới tác dụng của hệ vi sinh vật yếm khí trong bể các chất ô nhiễm cũng được phân giải.

- Ngăn 2&3: Là các ngăn hướng dòng, khi nước thải vào các ngăn này sẽ chuyển động theo chiều từ dưới lên trên và tiếp xúc với các vi sinh vật kỵ khí hình thành trong lớp bùn ở đáy bể nên các chất bẩn được các vi sinh vật này hấp thụ và chuyển hoá, đồng thời cho phép tách riêng 2 pha (lên men axit và lên men kiềm). Ở ngăn 3 có thêm vật liệu lọc, có chức năng ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước thải và xử lý các chất ô nhiễm nhờ các vi sinh vật kỵ khí phát triển trên bề mặt của lớp vật liệu lọc.

Số lượng bể tự hoại tại cơ sở như sau:

Bảng 3. 1. Số lượng và kích thước các bể tự hoại tại cơ sở

TT	Khu vực	Số bể	Quy mô
1	Bể tự hoại 3 ngăn	08 bể trong đó: - 4 bể có kích thước: LxBXH=6,4x4x2,5 (m)/bể - 3bể có kích thước: LxBXH=5,4x3,4x2,5 (m)/bể - 1bể có kích thước: LxBXH=2x2x1,7 (m).	400,5 m^3

Thường xuyên (1 tháng/lần) kiểm tra bể tự hoại, đối với các bể đầy sẽ được đơn vị có chức năng hút đi xử lý theo quy định.

❖ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất***

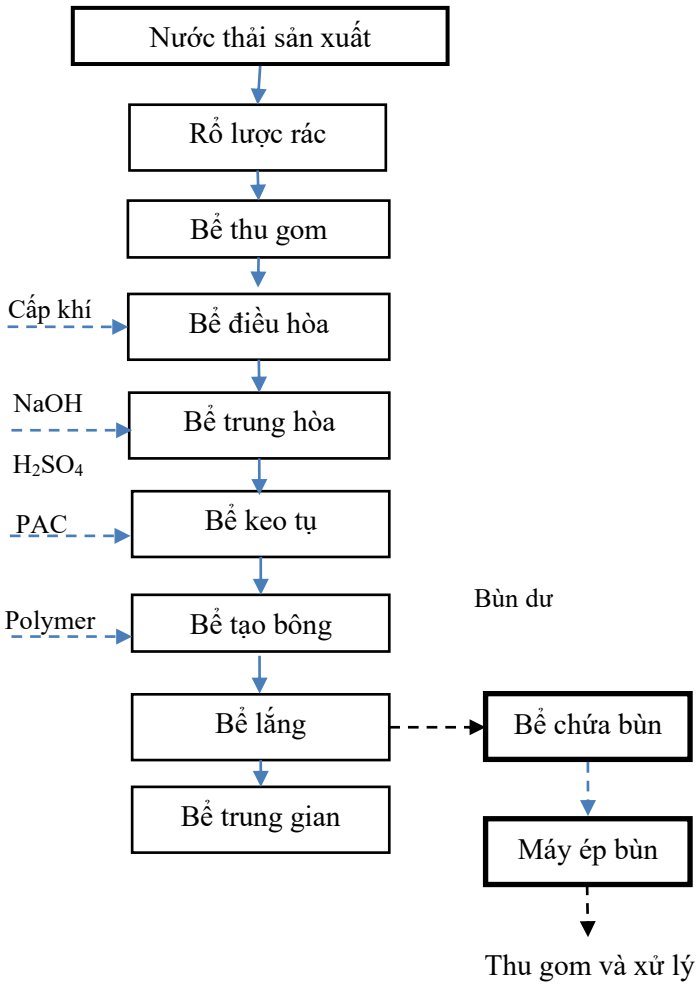
Do, tính chất và thành phần nước thải sản xuất có hàm lượng chất rắn lơ lửng, COD, BOD_5, độ màu, Cr^{3+},.. cao. Nên công ty đã đầu tư 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất,

công suất 235m^3/ngày để xử lý sơ bộ trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất đã được Ban quản lý Khu kinh tế cấp Giấy xác nhận việc đã thực hiện công trình xử lý nước thải số 752/BQL-TNMT ngày 02/12/2016.

Công ty áp dụng công nghệ xử lý hóa lý và sinh học để xử lý nước thải của nhà máy

Công ty phối hợp với đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt HTXL nước thải: Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Full Antech.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 5. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải sản xuất, công suất 235 m^3/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

Đối với nước thải sản xuất: Nước thải từ từ công đoạn rửa đế giày và từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in. Nước thải được tập trung về Bể thu gom để giữ lại cặn, xác bã lớn có thể gây ảnh hưởng đến bơm và các thiết bị khác, hoặc làm tắc nghẽn đường ống khi đi qua các bể xử lý sau.

Sau đó nước thải được đưa qua Bể điều hòa nước thải sản xuất nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế đọ làm việc ổn định và liên tục. Trong bể điều hòa,

hệ thống phân phối khí được sử dụng để cấp khí nhằm ổn định chất lượng nước thải, tránh trường hợp xảy ra quá trình tạo mùi hôi, lắng cặn ở đáy bể.

Nước thải từ bể điều hòa sẽ được bơm sang Bể trung gian trong bể châm hóa chất NaOH hoặc H_2SO_4 vào nhằm mục đích bảo đảm độ pH trong nước thải với giá trị tối ưu cho việc phản ứng xảy ra trong quá trình xử lý hóa học trong bề này và các bề sau.

Sau đó nước thải chảy sang Bể keo tụ, tại đây diễn ra quá trình keo tụ, tạo điều kiện thuận lợi để các chất keo tụ tiếp xúc với cặn bẩn làm tăng khối lượng riêng các hạt cặn bẩn, đồng thời trong bể có thiết bị khuấy trộn nhằm tăng cường hiệu quả của quá trình. Tại bể keo tụ nước thải được châm hóa chất keo tụ PAC. Motor khuấy trộn tốc độ cao được lắp trong ngăn nhằm tạo tiếp xúc tốt giữa hóa chất và nước.

Sau đó nước thải chảy tràn qua Bể tạo bông, nơi các hạt cặn bẩn đã keo tụ bắt dính lại với nhau để hình thành các hạt bông cặn lớn hơn, tạo điều kiện cho quá trình lắng được hiệu quả hơn. Có nhiệm vụ giảm hàm lượng SS, một phần COD, độ màu có trong nước thải. Polymer được châm vào để làm chất trợ keo tụ, tăng khả năng kết dính các bông cặn, nhằm xử lý hiệu quả chất lơ lửng, dầu mỡ có trong nước thải. Motor khuấy trộn có tốc độ thấp nhằm tránh sự phá vỡ của bông cặn.

Sau đó nước thải tiếp tục qua Bể lắng hóa lý, chất ô nhiễm độc hại thường có diện tích lớn hơn. Do đó, việc xử lý bằng hóa chất là rất hiệu quả trong việc loại bỏ các chất độc hại có trong nước thải. Nước sạch sẽ chảy tràn vào hệ thống sinh học và bùn lắng sẽ được bơm vào bể chứa bùn.

Phần nước trong sau lắng theo máng thu nước chảy về Bể trung gian để ổn định lưu lượng trước khi vào hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp.

Các hạng mục cơ bản của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3. 2. Các thông số bể của hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 235m^3/ngày

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước			
			Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao hiệu dụng (m)	Thể tích xây dựng (m^3)
1	Bể gom	01	2	1,9	4,5	17,1
2	Bể điều hòa	01	3,5	3	4,5	47,3
3	Bể trung hòa	01	0,8	1,5	4,5	5,4
4	Bể keo tụ	01	0,8	1,5	4,5	5,4
5	Bể tạo bông	01	1,5	1,5	4,5	10,1
6	Bể lắng hóa lý	01	3,5	3,5	4,5	55,1
7	Bể trung gian	01	2	1,9	3	11,4
8	Bể chứa bùn	01	4	1,9	3	22,8

Bảng 3. 3. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải 235 m^3/ngày

STT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
1	Rổ lược rác thô	Vật liệu: thép không gỉ SUS304, kích thước khe 5 mm.	2	Cái	Full Antech
2	Bơm nước thải	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	2	Máy	TAIWAN
3	Máy thổi khí bể điều hòa	Công suất -5.5Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 4.13m^3/min Cột áp: 4m	1	Máy	TAIWAN
4	Đĩa thổi khí bể điều hòa	Công suất: 2-25m^3/hr Kích thước: 4" Loại màng cao su EPDM, bọt khí thô	1	Lô	GERMANY
5	Bơm bể điều hòa nước thải sản xuất	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	2	Máy	TAIWAN
6	Bồn chứa hoá chất NaOH	300L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
7	Bồn chứa hoá chất H_2SO_4	300L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
8	Bồn chứa hoá chất PAC	300L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
9	Bồn chứa hoá chất Polymer	300L, Đứng	1	Bồn	PE, Việt Nam
10	Bơm hóa chất NaOH	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	2	Máy	USA
11	Bơm hóa chất H_2SO_4	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	2	Máy	USA
12	Bơm hóa chất PAC	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	1	Máy	USA
13	Bơm hóa chất Polymer	Loại màng Công suất: 1.5m^3/hr,6 bars	1	Máy	USA
14	Khuấy keo tụ	Công suất: 1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Tỉ số truyền: 1/30	1	Máy	TAIWAN
15	Khuấy tạo bông	Công suất: 1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Tỉ số truyền: 1/15	1	Máy	TAIWAN
16	Bơm hút bùn hóa lý	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	1	Máy	TAIWAN

STT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
17	Máy ép bùn khung bản	Số lượng tấm ép: 20 tấm Kích thước tấm ép: 630 x 630 x 60mm Tổng dung tích tấm ép: 170L Tổng diện tích tấm ép: 11m^2 Khung sắt SS400 Sơn Epoxyl	1	Máy	Full Antech
18	Bơm bùn loại màng	Lưu lượng - 24 M^3/h Áp suất: 8,3 Bar Kích thước đầu vào và ra 1-1/2" Màng: loại màng	1	Máy	USA
19	Tủ điện điều khiển MCP	CB, Công tắc tơ, Rele nhiệt,…	1	Tủ	TAIWAN

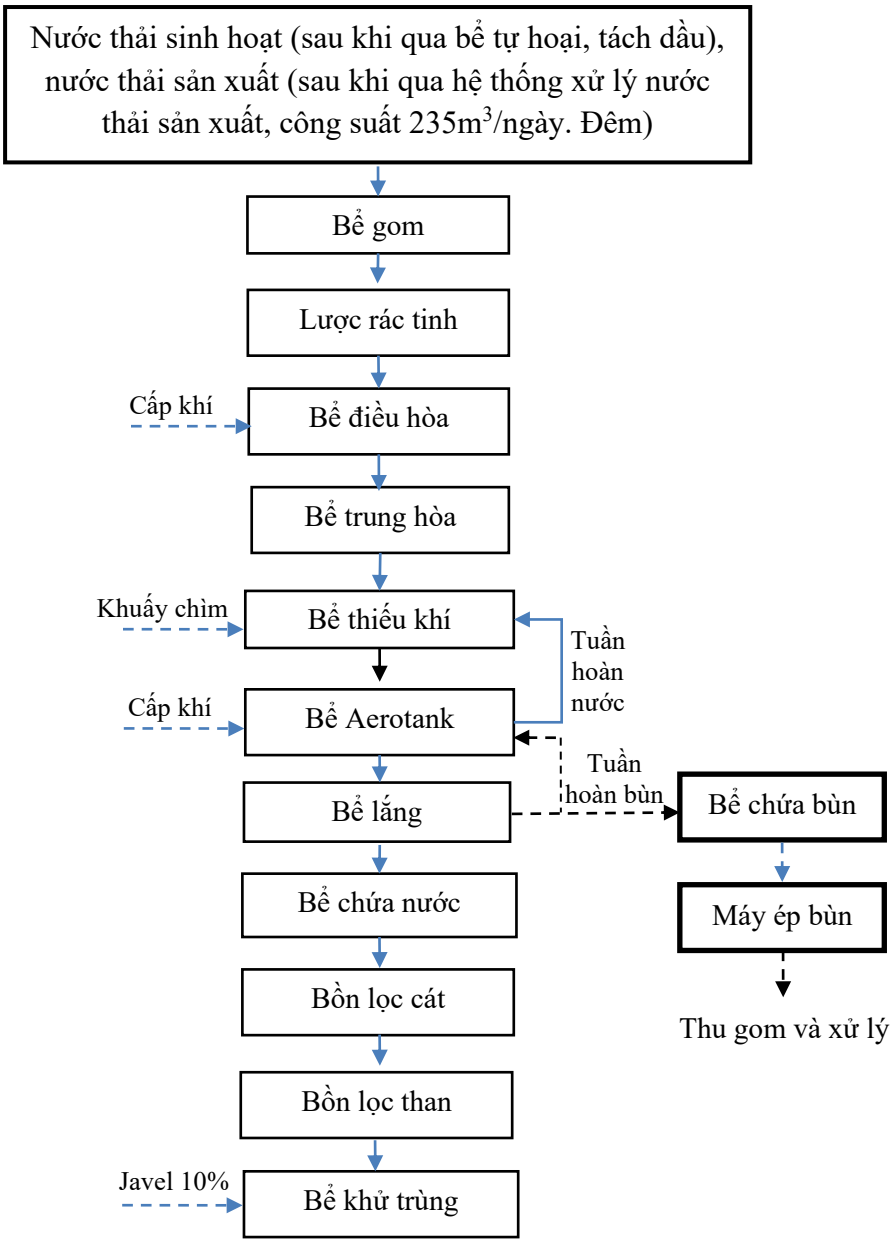
❖ ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520m^3/ngày.***

Nước thải sinh hoạt (sau khi qua bể tự hoại, tách dầu), nước thải sản xuất (sau khi qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 235m^3/ngày. Đêm) được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 520m^3/ngày. Hệ thống xử lý nước thải tập trung đã được Ban quản lý Khu kinh tế cấp Giấy xác nhận việc đã thực hiện công trình xử lý nước thải số 752/BQL-TNMT ngày 02/12/2016.

Công ty áp dụng công nghệ xử lý hóa lý và sinh học để xử lý nước thải của nhà máy

Công ty phối hợp với đơn vị thiết kế, thi công lắp đặt HTXL nước thải: Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Full Antech.

Quy trình xử lý như sau:



Hình 3. 6. Sơ đồ công nghệ xử lý nước thải tập trung, công suất 520 m³/ngày đêm

Thuyết minh công nghệ:

Nước thải được tập trung về Bể thu gom để giữ lại cặn, xác bã lớn có thể gây ảnh hưởng đến bơm và các thiết bị khác, hoặc làm tắc nghẽn đường ống khi đi qua các bể xử lý sau.

Sau đó nước thải được đưa qua Bể điều hòa nước thải sản xuất nhằm điều hòa lưu lượng và nồng độ nước thải, tạo chế đọ làm việc ổn định và liên tục. Trong bể điều hòa, hệ thống phân phối khí được sử dụng để cấp khí nhằm ổn định chất lượng nước thải, tránh trường hợp xảy ra quá trình tạo mùi hôi, lắng cặn ở đáy bể.

Nước thải tại bể trung hòa sẽ được bơm qua Bể thiếu khí. Bể thiếu khí luôn được xáo trộn có các vi sinh vật đi dưỡng hoạt động trong môi trường tủy nghì chuyển hóa N. Từ đó chúng sẽ tiếp nhận và chuyển chất ô nhiễm lơ lửng và hoà tan thành thức ăn. Bể sinh

học thiểu khi này có tác dụng tăng cường quá trình oxy hóa amoni và chất hữu cơ đồng thời với quá trình khử nitrat. Phương trình như sau:

$$NH_3 \rightarrow NO_3 \rightarrow NO_2 \rightarrow NO \rightarrow N_2O \rightarrow N_2 \text{ (gas)}$$

Trong đó: Chủng vi sinh hoạt động chủ yếu là Anammox

$$NH_4^+ + NO^- \rightarrow N_2 \text{ (gas)} + 2H_2O$$

Bể Aerotank là công trình đơn vị quyết định hiệu quả xử lý của hệ thống vi phần lớn những chất gây ô nhiễm trong nước thải là những chất hữu cơ dễ bị phân hủy sinh học.

Các vi sinh hiểu khi lơ lửng trong nước với mật độ vi sinh cao. Các vi sinh hiểu khi sẽ tiếp nhận oxy và chuyển hóa chất hữu cơ thành thức ăn. Trong môi trường hiểu khỉ nhờ O2 cấp vào, vi sinh hiếu khí tiêu thụ các chất hữu cơ để phát triển, tăng sinh khối và làm giảm tải lượng ô nhiễm trong nước thải xuống mức thấp nhất.

Ngoài ra, để đảm bảo hàm lượng oxy cũng như chất dinh dưỡng luôn đù cho vi sinh vật tồn tại, phát triển. Oxy sẽ được cấp liên tục vào bể 24/24, còn dinh dưỡng sẽ được cấp định kỳ (Nếu như nồng độ chất dinh dưỡng trong nước thải thiếu).

- Vi sinh vật phát triển bằng cách phân đôi. Thời gian cần để phân đôi tế bào thường dao động từ dưới 20 phút đến hằng ngày.

- Quá trình chuyển hóa cơ chất. Oxi hóa và tổng hợp tế bào:

$$\text{Chất hữu cơ} + O_2 \rightarrow CO_2 + H_2O + \text{tế bào mới} + \text{sản phẩm trung gian}$$

Nước thải sau bể Aerotank tiếp tục tự chảy sang bể lắng sinh học.

Ở Bễ lắng sinh học nước được phân phối ở đáy và thu nước ở bề mặt bể. Quá trình hoạt động của bể là quá trình liên tục, bùn sinh ra trong quá trình lắng một phần sẽ được đưa về bể Aerotank, bùn dư sẽ được xả về bể chứa bùn, còn phần nước sẽ được đưa vào bể qua ống phân phối trung tâm. Nước sau khi lắng sẽ tràn vào máng răng cưa và tự chảy sang Bể chứa nước và tiếp tục qua Bể khử trùng.

Sau khi qua hệ thống AO, chất lượng nước thải phải đáp ứng yêu cầu chất lượng nước thải đầu ra (trừ coliform). Để tránh những tình huống bất ngờ, chẳng hạn như lưu lượng đỉnh điểm hoặc đột ngột quá tải, một hệ thống lọc hấp phụ than hoạt tính được thiết kế để loại bỏ các chất hữu cơ phát sinh hoặc các kim loại nặng còn lại. Than hoạt tính có tỷ lệ loại bỏ COD khoảng 50%. Sau một thời gian sử dụng, sẽ tiến hành rửa ngược bồn lọc cát/than nhằm tránh gây tắc nghẽn. Nước thải rửa lọc sẽ được tuần hoàn về bể điều hòa để tiếp tục xử lý.

Bể khử trùng với thời gian lưu nước trong bể là 60 phút. Dùng Javel 10% bơm định lượng một lượng chính xác hóa chat đủ để loại bỏ các loại vi sinh vật gây bệnh trong nước trước khi thải ra môi trường.

Nước thải sau khi qua khử trùng đảm bảo đạt giới hạn tiếp nhận của KCN trước khi đấu nối vào Hệ thống thu gom của KCN.

Để đánh giá hiệu quả xử lý, công ty đã kết hợp với đơn vị có chức năng tiến hành lấy lấy mẫu và phân tích chất lượng nước thải. Kết quả phân tích chất lượng nước thải như sau:

Bảng 3. 4. Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý nước thải của hệ thống xử lý.

Stt	Chỉ tiêu thử nghiệm	Đơn vị	Kết quả				Giới hạn tiếp nhận KCN Đồng Xoài II
			Quý 1	Quý 2	Quý3	Quý 4	
1	pH	-	5,8	6,55	7,39	6,51	**5,5 ÷ 9**
2	Độ màu	*Pt/Co*	118,9	96,6	89,3	77,4	**150**
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)[(a)]	mg/L	37	33	35	32	**100**
4	Nhu cầu oxy sinh hóa (BOD_5)[(a)]	mg/L	20	23	28	25	**50**
5	Nhu cầu oxi hóa học (COD)	mg/L	57	53	72	65	**150**
6	Độ kiềm tổng	mg/L	179	168	149	141	**-**
7	Chì	mg/L	0,006	0,004	KPH	0,006	**0,5**
8	Crom VI	mg/L	0,019	0,014	0,23	0,014	**0,1**
9	Photphat	mg/L	6,57	5,59	5,03	5,16	**-**
10	Cu	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	**2**
11	Sắt (Fe)	mg/L	1,72	1,44	1,11	0,31	**5**
12	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	2,5	2,2	2,5	2,4	**10**
13	Dầu mỡ động thực vật	mg/L	3,4	3,1	3,5	3,5	**-**
14	Nitrat	mg/L	KPH	0,2	0,34	0,55	**-**
15	Nitrit	mg/L	1,09	0,88	0,81	0,25	**-**
16	Coliform	MPN/100 mL	$2,8x10^3$	$2,4x10^3$	$2,87x10^3$	$1,7x10^3$	**5.000**

(Nguồn: Công ty TNHH SX Giày dép Grand Gain, 2025)

Nhận xét: Từ kết quả phân tích chất lượng nước thải trên cho thấy tất các chỉ tiêu phân tích đều đạt giới hạn tiếp nhận của KCN (QCVN 40:2011/BTNMT, cột B).

Các hạng mục cơ bản của hệ thống xử lý nước thải như sau:

Bảng 3. 5. Các thông số bể của hệ thống xử lý nước thải tập trung

STT	Tên hạng mục	Số lượng	Kích thước			
			Chiều dài (m)	Chiều rộng (m)	Chiều cao hiệu dụng (m)	Thể tích xây dựng (m^3)
1	Bể gom	01	8,3	1,25	4,5	46,69
2	Bể điều hòa	01	3,4	5,5	5,5	102,9
3	Bể trung hòa	01	1,5	1	1,5	2,3
4	Bể thiếu khí	01	3,4	5,5	5,5	102,9
5	Bể aerotank	01	6	5,5	5,5	181,5
6	Bể lắng	01	4	4	5,5	88
7	Bể chứa	01	1,9	4,05	3	23,09
8	Bể khử trùng	01	1,9	4,05	3	23,09
9	Bể chứa bùn	01	4,0	1,9	3	22,8

Bảng 3. 6. Danh mục máy móc của hệ thống xử lý nước thải 520 m^3/ngày

STT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
1	Rổ lược rác	Vật liệu: thép không gỉ SUS304, kích thước khe 2 mm.	2	Cái	Full Antech
2	Bơm nước thải	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	2	Máy	TAIWAN
3	Máy thổi khí bể điều hòa	Công suất -5.5Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 4.13m^3/min Cột áp: 4m	1	Máy	TAIWAN
4	Đĩa thổi khí bể điều hòa	Công suất: 2-25m^3/hr Kích thước: 4" Loại màng cao su EPDM, bọt khí thô	1	Lô	GERMANY
5	Bơm bể điều hòa nước thải	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	2	Máy	TAIWAN
6	Máy bơm khuấy trộn bể thiếu khí	Công suất P=0,75 kW 380V/3 phases/50HZ Tốc độ quay động cơ 1440 vòng/phút, tốc độ dòng: 1,78 m	2	Máy	TAIWAN

STT	Tên thiết bị	Mô tả	Số lượng	Đơn vị	Xuất xứ
7	Máy thổi khí bể sinh học	Công suất -5.5Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 4.13m3/min Cột áp: 4m	2	Máy	TAIWAN
8	Đĩa thổi khí bể sinh học	Công suất: 1.5-8m^3/hr Kích thước: 268mm Loại màng cao su EPDM, bọt khí mịn	1	Lô	GERMANY
9	Bơm tuần hoàn bể thiếu khí	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	2	Máy	TAIWAN
10	Bơm bùn bể lắng sinh học	Loại: bơm chìm trong nước Công suất :1Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 12m^3/h Cột áp: 8m	1	Máy	TAIWAN
11	Máy bơm bồn lọc A.C	Loại: bơm chìm trong nước Công suất -5Hp, 3 pha, 380V, 50HZ Lưu lượng: 36m^3/h Cột áp: 19m	1	Máy	TAIWAN
12	Bồn lọc A.C và vật liệu	D=100, H=1500 Vật liệu: SS400,dày 6mm Sơn phủ Epoxyl,	1	Bồn	Full Antech
13	Máy ép bùn khung bản	Số lượng tấm ép: 20 tấm Kích thước tấm ép: 630 x 630 x 60mm Tổng dung tích tấm ép: 170L Tổng diện tích tấm ép: 11m^2 Khung sắt SS400 Sơn Epoxyl	1	Máy	Full Antech
14	Bơm bùn loại màng	Lưu lượng - 24 M^3/h Áp suất: 8,3 Bar Kích thước đầu vào và ra 1-1/2" Màng: loại màng	1	Máy	USA
15	Tủ điện điều khiển MCP	CB, Công tắc tơ, Rele nhiệt,…	1	Tủ	TAIWAN

Hình ảnh hệ thống xử lý nước thải



Hình 3. 7. Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520 m^3/ngày đêm

❖ ***Quy trình vận hành và chế độ vận hành các hệ thống xử lý nước thải***

- Chế độ vận hành: Hệ thống xử lý nước thải vận hành theo chế độ tự động

- Quy trình vận hành:

*** Quy trình kiểm tra trước khi vận hành**

+) Kiểm tra hệ thống điện cung cấp:

- Kiểm tra về điện áp: đủ áp (220V hoặc 380V), đủ pha (1 pha hoặc 3 pha). Nếu không đủ điều kiện vận hành: mất pha, thiếu hoặc dư áp thì không nên hoạt động hệ thống vì lúc này các thiết bị sẽ dễ xảy ra sự cố.

- Kiểm tra trạng thái làm việc của các công tắc, cầu dao. Tất cả các thiết bị phải ở trạng thái sẵn sàng làm việc.

- Những biểu tượng trong tủ điện chính:

ON, OFF: kết nối và ngắt kết nối nguồn cấp cho tủ điện.

AUTO/MAN: Điều chỉnh tự động/Thủ công.

Đèn của mỗi thiết bị trong tủ biểu thị tình trạng của thiết bị đó

Đèn xanh: Đang hoạt động

Đèn đỏ: Sự cố

Điều chỉnh tự động (AUTO) – làm việc theo lập trình đã được lập sẵn của đơn vị thiết kế.

Điều chỉnh thủ công (MAN) – làm việc theo sự điều khiển của nhân viên vận hành.

*** Lưu ý:** Đối với những nhân viên không được giao nhiệm vụ vận hành, tuyệt đối không điều chỉnh các công tắc trên tủ điện điều khiển.

+) Kiểm tra thiết bị

Trước khi bật máy cũng như sau khi máy đã hoạt động cần kiểm tra tình trạng của tất cả các thiết bị trong hệ thống xử lý nước thải. Sau khi hệ thống hoạt động liên tục, ổn định cần kiểm tra lại tình trạng của các thiết bị, máy móc sau mỗi ngày, chú ý những hiện tượng có thể ảnh hưởng đến hoạt động của chúng.

Bảng 3.7. Danh sách máy móc thiết bị, bể xử lý cần kiểm tra trước khi vận hành

STT	Máy móc – Thiết bị	Chi tiết cần kiểm tra
1	Bơm	- Van: mức độ mở - Sự hoạt động: nước/bùn
2	Máy thổi khí	- Dây curoa - Bộ lọc khí (mức độ tinh khiết) - Đồng hồ đo áp - Mức dầu bôi trơn (châm thêm hoặc xả bớt theo mức dầu quy định) - Kiểm tra van an toàn (Van 1 chiều) - Khớp chống rung
3	Đĩa thổi khí	- Bọt khí (đều)
4	Motor khuấy	- Hoạt động của thiết bị, hộp giảm tốc - Mức dầu bôi trơn trong hộp số giảm tốc (châm thêm hoặc xả bớt theo mức dầu quy định)
5	Tủ điện điều khiển	- Hoạt động của rơ le nhiệt, đèn tín hiệu - Hoạt động của các công tắc điều khiển - Hoạt động của Vol kế, Ampe kế,..
6	Tình trạng bể	- Tất cả các bể trong hệ thống xử lý nước thải không bị rò rỉ, rạn nứt - Chiều cao bảo vệ bể
7	Kho chứa hóa chất	- Kiểm tra số lượng hoá chất và lên kế hoạch bổ sung thêm hóa chất khi sắp hết
8	Kiểm tra đường ống công nghệ	- Tất cả các đường ống không bị nứt gãy, rò rỉ

*** Kỹ thuật vận hành**

+) Vận hành các thiết bị trong phạm vi điều khiển của tủ điều khiển trung tâm.

Sau khi tiến hành các bước kiểm tra và chuẩn bị hóa chất, ta tiến hành cho hệ thống đi vào hoạt động theo các quy trình sau:

- Bước 1: Mở cửa tủ điều khiển (TĐK) trung tâm, kéo các công tắc trên CB tổng và các CB con để chuyển tất cả CB sang vị trí ON (nếu trước đó chưa bật). Điều này cho phép điện đã được cấp vào các tiếp điểm của tất cả các khởi động từ.

- Bước 2: Đóng cửa tủ điều khiển. Kiểm tra các đèn báo và đồng hồ hiển thị bên ngoài cửa tủ điện.

- Bước 3: Bắt đầu vận hành thiết bị theo chế độ tự động hoặc bằng tay khi các đèn báo, đồng hồ đo áp, đo vôn hoạt động ổn định. Trường hợp có sự cố, dừng và kiểm tra, tìm nguyên nhân và khắc phục, sau khi giải quyết xong thì chuyển sang bước 4.

a. Vận hành ở chế độ tự động

- Bước 4: Bật công tắc của các thiết bị tại vị trí "AUTO". Lúc này các thiết bị sẽ được điều khiển bởi PLC hoặc các timer, các thiết bị sẽ hoạt động theo chương trình đã cài đặt.

b. Vận hành ở chế độ không tự động

Chế độ vận hành không tự động chỉ sử dụng trong trường hợp thử máy, hoặc hệ thống chạy tự động gặp sự cố. Khi đó chỉ cần bật máy sáng chế độ MAN. Lưu ý trong khi vận hành các máy bơm ở chế độ không tự động, cần theo dõi mực nước, không để bị cạn, có thể cháy bơm.

c. Dừng do sự cố

- Khi hệ thống điện gặp sự cố chạm đất, CB tổng sẽ tự động ngắt. Trước khi khởi động lại hệ thống cần phải kiểm tra và khắc phục thiết bị đã bị chạm.

- Khi đèn đỏ trên bảng điều khiển bật sáng báo hiệu máy/thiết bị tại vị trí tương ứng gặp sự cố => bật công tắc và CB của thiết bị đó sang vị trí "OFF" để kiểm tra và phát hiện sự cố.

*** *Lưu ý:*** Trong trường hợp dừng hệ thống bằng nút EM.STOP hoặc bằng đóng CB tổng trong TĐK hoặc do cúp điện thì khi khởi động lại nên bật tất cả các công tắc về trạng thái OFF và thực hiện lại quá trình vận hành từ Bước 1 như trên. Điều này giúp tránh các máy đồng loạt khởi động gây sụt áp hệ thống.

+) Vận hành giai đoạn duy trì ổn định

Những vấn đề trong quá trình xử lý nước thải:

- Công trình bị quá tải.

- Lượng nước thải đột xuất trở nên quá lớn

- Nguồn điện cấp bị mất

- Không kịp sửa chữa, đại tu

- Cán bộ, công nhân không theo nguyên tắc quản lý kỹ thuật an toàn.

Cách khắc phục:

- Nước thải sản xuất có lưu lượng và nồng độ dao động lớn trong ngày và đêm, thì chỉ được phép xả thải vào mạng lưới thoát nước đô thị sau khi đã xử lý cục bộ.

- Điều chỉnh chế độ bơm cho phù hợp với công suất bể xử lý.

- Tiến hành tẩy rửa kênh mương đều đặn.

- Cần dùng 2 nguồn điện độc lập để tránh bị tắt điện đột ngột.

- Cần nâng cao trình độ quản lý kỹ thuật cho các cán bộ trong quá trình điều hành các công trình xử lý.

❖ ***Nhu cầu hóa chất của hệ thống XLNT***

Nhu cầu hóa chất tiêu thụ trong quá trình vận hành hệ thống XLNT như sau:

Bảng 3. 8. Lượng hóa chất sử dụng của các hệ thống xử lý nước thải

STT	Hóa chất	Xuất xứ	Lượng tiêu thụ (kg/ngày)	Lượng tiêu thụ (kg/năm)
1	H_2SO_4	Việt Nam	6.0	1.872
2	NaOH	Việt Nam	15.0	4.680
3	PAC	Việt Nam	18.0	5616
4	Polymer(-)	Việt Nam	0.4	124,8
4	Polymer(+)	Việt Nam	0.1	31,2
5	NaOCl	Việt Nam	23.0	7176

❖ ***Định mức tiêu hao năng lượng:***

Dựa theo máy móc, thiết bị sử dụng điện phục vụ cho HTXLNT tổng lượng điện năng tiêu thụ của toàn bộ máy móc trong các hệ thống xử lý nước thải khoảng 190kW/h.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

3.2.1. Bụi và khí thải từ quá trình vận chuyển và bốc dở nguyên liệu, sản phẩm.

Bụi phát sinh từ quá trình vận chuyển và bốc dở nguyên liệu, sản phẩm có tính chất phân tán, tác động không liên tục và nồng độ không cao. Để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này trong suốt quá trình hoạt động, chủ cơ sở sẽ có một số biện pháp sau:

- Bê tông hóa và thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực tập kết nguyên liệu, khu vực kho để hạn chế tối đa bụi phát tán từ mặt đất.

- Định kỳ bảo dưỡng và kiểm tra xe vận chuyển.

- Không chở quá tải trọng quy định.

- Không cho xe nổ máy trong khi chờ nhập, xuất nguyên liệu, sản phẩm, ...

- Trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang chống bụi, mắt kính chuyên dùng, găng tay…cho công nhân làm việc tại công đoạn nhập nguyên liệu vào nhà máy.

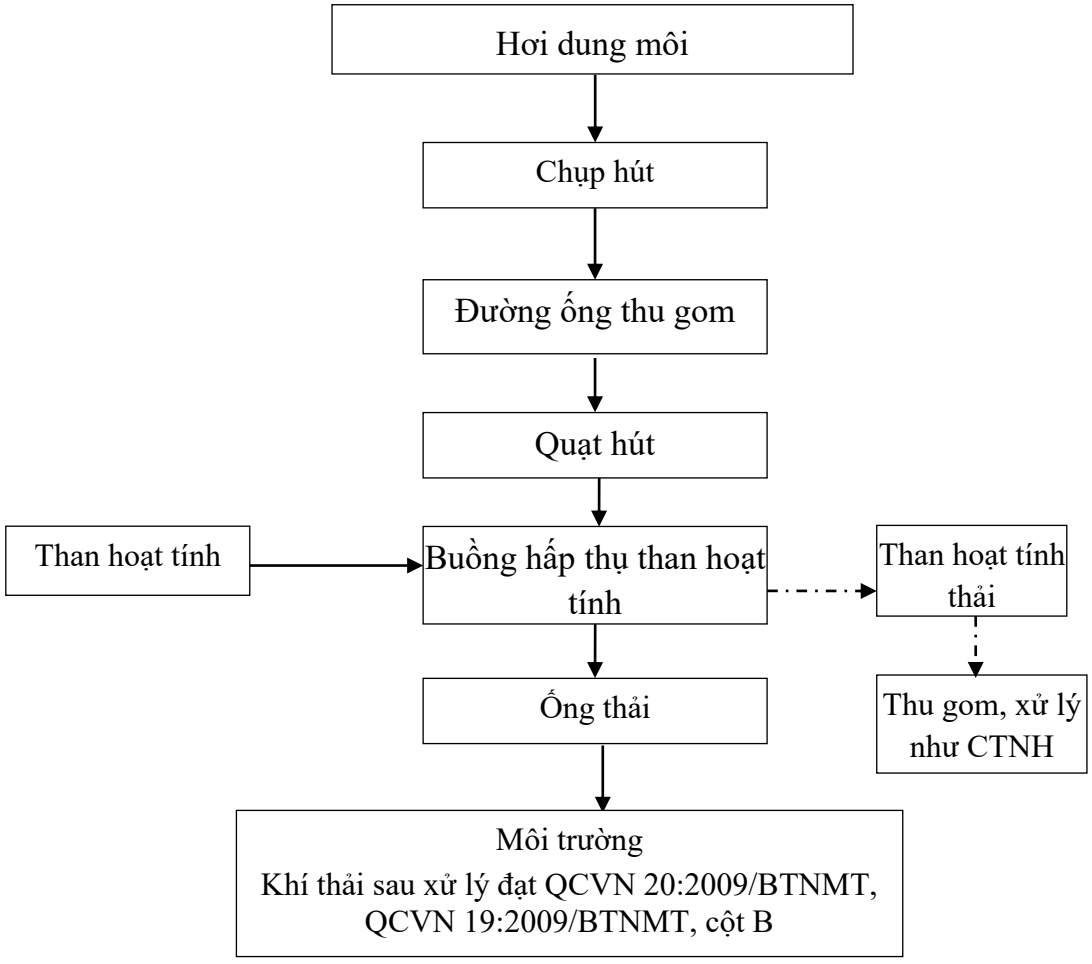
- Trồng cây xanh trong các khu vực nhà máy, trên các tuyến đường nội bộ vì cây xanh có vai trò điều hoà vi khí hậu và khống chế bụi rất hiệu quả.

- Vệ sinh quét dọn thường xuyên khuôn viên nhà máy để thu gom bụi.

3.2.2. Bụi, hơi dung môi từ dây chuyền dán keo, in, hấp, rửa và chiếu xạ.

Để hạn chế bụi, hơi dung môi từ dây chuyền dán keo, in, hấp, rửa và chiếu xạ. Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý hơi dung môi phát với công suất 5.000 m^3/h.

Quy trình công nghệ xử lý như sau:



Hình 3. 8. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi, hơi dung môi

Thuyết minh quy trình:

Khí thải chứa VOC từ công đoạn dán keo, in lắp đặt chụp hút tại các vị trí phát sinh để thu gom triệt để khí thải dẫn về tháp hấp phụ bằng than hoạt tính.

Tại khu vực máy dán keo, in toàn bộ mùi và hơi hóa chất được thu gom vào hệ thống ống dẫn bằng thép mạ kẽm có kích thước từ D400-D600, sau đó đấu nối chung tại một điểm nút và tiếp tục được dẫn qua buồng hấp thụ có chứa than hoạt tính, các chất gây mùi hôi trong khí thải sẽ giữ trên bề mặt vật liệu hấp thụ là than hoạt tính và dòng khí sạch được dẫn ra ngoài, ống thoát cao 10m. Hệ thống xử lý khí thải đảm bảo xử lý đạt QCVN 20:2009/BTNMT và QCVN 19:2009/BTNMTcột B trước khi phát thải qua ống thải.

Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Số lượng
1	Buồng chứa than hoạt tính	-Hộp chứa than: Hộp chữ nhật, kích thước DxRx C = 1,2 x1,2 x3,3m; -Chất liệu: SS203 chống rỉ, độ dày 3mm.	1
2	Đường ống thu gom	- Chiều dài đường ống: 1.000m; - Ống khí: D 400-600mm - Chất liệu: thép mạ kẽm	1
3	Ống khói	- Kích thước: Ø600; Chiều cao 10m - Vật liệu: thép mạ kẽm	1
4	Quạt hút	Công suất: 2HP, 380V/50Hz Lưu lượng: 5.000 m^3/giờ.	1

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)



Hình 3. 9. Hình ảnh thiết bị xử lý bụi, hơi dung môi bằng than hoạt tính

Ngoài ra tại các khu vực này công ty đã lắp đặt 13 quạt hút và đường ống thu gom bằng thép mạ kẽm có kích thước D300-600mm để hút mùi ra ngoài nhà xưởng sản xuất.

Hình ảnh hệ thống đường ống thu gom mùi ra ngoài nhà xưởng.





Để đánh giá hiệu quả xử lý, công ty đã kết hợp với đơn vị có chức năng tiến hành lấy lấy mẫu và phân tích tại các hệ thống. Kết quả phân tích như sau:

Bảng 3. 9. Kết quả đánh giá hiệu quả xử lý hơi dung môi

STT	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 20:2009/BTNMT
1	Lưu lượng	m^3/h	2.027	**-**
2	Cyclohexanol	mg/Nm^3	14,8	**410**
3	Toluene	mg/Nm^3	23,7	**750**
4	Xylene	mg/Nm^3	18,4	**870**

(Nguồn: Công ty TNHHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, tháng 12/2025)

Nhận xét:

Từ kết quả phân tích chất lượng khí thải tại thiết bị xử lý hơi dung môi cho thấy tất các chỉ tiêu phân tích đề đạt QCVN 20:2009/BTNMT, cột B. Điều này, cho thấy các thiết bị xử lý của công ty đang vận hành ổn định.

3.2.3. Bụi từ quá trình chặt da, cắt vải và mài biên viền.

Để hạn chế ô nhiễm từ khu vực này, Công ty sẽ áp dụng một số biện pháp như sau:

- Quá trình cắt vải được thực hiện hoàn toàn tự động đã được lập trình sẵn, công nhân chỉ tến hành giám sát qua màn hình máy tính nên sẽ không ảnh hưởng đến công nhân làm việc.

- Công nhân thường xuyên vệ sinh nhà xưởng vào cuối ngày sản xuất.

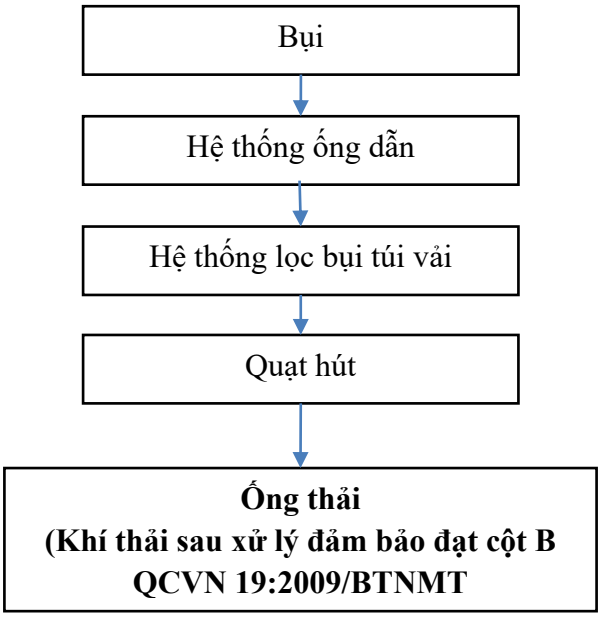
- Bố trí nhà xưởng thông thoáng theo phương án thông gió tự nhiên.

- Thường xuyên bão dưỡng máy móc thiết bị phục vụ sản xuất.

3.2.4. Bụi từ khu vực đúc đế giày

Hiện tại, Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống xử lý bụi, công suất 30.000 m^3/giờ

Quy trình công nghệ như sau:



Hình 3. 10. Sơ đồ công nghệ xử lý bụi tại khu vực đúc đế giày

Thuyết minh quy trình:

Bụi được thu gom toàn bộ nhờ hệ thống chụp hút và quạt hút với hệ thống đường ống phù hợp. Bụi được đưa vào thiết bị lọc bụi túi vải. Tại bề mặt vải lọc, bụi có kích thước lớn hơn kích thước khe của vải lọc được giữ lại trên bề mặt vải lọc, khí sạch thoát ra ngoài. Việc tích tụ bụi trên bề mặt vải lọc sẽ gây tắc nghẽn dần thiết bị lọc bụi túi vải. Do đó, bụi được định kỳ giũ bụi để phục hồi khả năng làm việc của thiết bị lọc bụi túi vải. Bụi sau khi giữ được định kỳ thu gom cùng với chất thải rắn sản xuất khác.



Hình 3. 11. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi từ khu vực đúc đế giày

Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải từ khu vực đúc đế giày

STT	Thiết bị, hạng mục	Tính chất, công suất	Đơn vị	Số lượng
1	Tháp lọc túi vải	Kích thước DxRxC: 5.000 x 2.500 x 9.000 mm Vật liệu: Thép CT3	Hệ thống	1
2	Hệ thống đường ống	D600mm Vật liệu: Thép mạ kẽm	Bộ	1
5	Quạt hút	Lưu lương: 30.000 m^3/h Công suất : 22kw	Cái	1
6	Ống thải	Kích thước: Ø300; H=3,5m Vật liệu: Thép mạ kẽm	Cái	1

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

Quy trình vận hành và chế độ vận hành của các thiết bị xử lý khí thải

(1) Chế độ vận hành: Tự động

(2) Quy trình vận hành:

- Bước 1: Kiểm tra toàn bộ các thiết bị trước khi vận hành.

- Bước 2: Bật thiết bị bơm và quạt hút để hút khí thải.

- Bước 3: Kiểm tra toàn bộ thiết bị để xác nhận các thiết bị vận hành bình thường.

(3) Bảo dưỡng:

a. Thiết bị quạt hút

- Định kỳ 03 tháng/lần dừng thiết bị để bảo dưỡng bơm:

+ Vệ sinh bụi bẩn bên trong và bên ngoài

+ Tra dầu mỡ trục quay của moto, cánh quạt, ổ bi.

+ Kiểm tra đầu nối dây điện.

b. Thiết bị đường ống.

- Kiểm tra hàng ngày đường ống đảm bảo không có điểm rò rỉ khí, bụi. Đường ống nguyên vẹn, không bị biến dạng.

- Vệ sinh đường ống 01 lần/tháng

c. Tủ than hoạt tính: Kiểm tra tình trạng vệ sinh định kỳ 1 tháng/lần. Thay than hoạt tính định kỳ 1 năm/lần

d. Dây cuaroa: Định kỳ 01 năm thay 01 lần.

3.3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.

3.3.1. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.

- Nguồn phát sinh

Rác thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người lao động chủ yếu từ khu vực văn phòng, nhà vệ sinh,..

- Thành phần, khối lượng rác thải sinh hoạt.

Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm các loại rau, quả, thức ăn thừa, bao bì, giấy văn phòng,….Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh, theo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, mỗi người thải ra khoảng 0,8kg/người/ngày. Lượng rác thải sinh hoạt phát sinh với số công nhân làm việc là 5.000 người → Lượng rác thải phát sinh: 0,8 x 5000 = 4.000kg/ngày.

Bảng 3. 10. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Khối lượng (kg/ngày)
1	Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt thường ngày của công nhân viên và công nhân trong giai đoạn lắp đặt máy móc thiết bị	4.000
	Tổng khối lượng	**4.000**

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

- Thiết bị lưu chứa: Đã bố trí 10 thùng chứa, dung tích 120 lít có nắp đẩy, 5 thùng dung tích 30 lít đặt tại khu văn phòng, nhà vệ sinh, phòng khách.
- Khu lưu chứa: khoảng 15m^2 (có mái che)
- Thiết kế, cấu tạo: Khu lưu chứa có tường bao, nền xi măng chống thấm, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.
- Chuyển giao xử lý:

Hiện tại dự án đang ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom (hợp đồng đính kèm Phụ lục), với tần suất 1 lần/ ngày.

3.3.1.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh hiện nay tại cơ sở được liệt kê theo bảng sau:

Bảng 3. 11. Khối lượng chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại cơ sở

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	17.850
2	Chất thải từ vỏ cây gỗ loại bỏ (pallet thải)	Rắn	09 01 02	TT-R	2.000
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	10.000
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	Rắn	11 04 03	TT-R	831.340
5	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	Rắn	10 02 10	TT-R	20.000
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Rắn	12 06 11	TT	200
7	Sản phẩm vô cơ khác (bao gồm sản phẩm lỗi, bụi từ HTXL bụi)	Rắn	19 03 03	TT-R	50.000
8	Sản phẩm hữu cơ khác	Rắn	19 03 04	TT-R	200
9	Vải, sợi	Rắn	12 08 09	TT-R	15.000
10	Nhựa và cao su	Rắn	12 08 06	TT-R	5.500
Tổng					**952.090**

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

- Thiết bị lưu chứa:

Chất thải/phế liệu được phân loại tại nguồn và được chứa trong các thùng chứa trong mỗi xưởng. Cuối ngày, công nhân phụ trách chuyển chất thải từ các vị trí tập trung trong các xưởng về nhà chứa chất thải thông thường có diện tích 100m^2

Nhà chứa chất thải thông thường có mái che, nền được gia cố bằng bê tông để chống thấm và có lắp đặt biển cảnh báo theo tiêu chuẩn.

- Chuyển giao xử lý: Công ty đã ký hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Lượng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn sản xuất hiện hữu ước tính như sau:

Bảng 3. 12. Chất thải nguy hại phát sinh phát sinh hiện tại

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	KS	27.500
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	300
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	2.382
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	18 01 03	KS	6.628
5	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01	KS	5.631
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	3.564
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	20
8	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 03 01	KS	3500
9	Chất thải lây nhiễm (chất thải y tế)	Rắn/lỏng	13 01 01	NH	100
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	22.900
11	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	150
12	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	NH	180
13	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 01 01	KS	6.950
14	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	24.600
15	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	10
16	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành	Rắn	07 03 08	KS	1.500

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
	phần nguy hại (cát, bột mài…)				
Tổng					**105.915**

(Nguồn: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain)

- Thiết bị lưu chứa: Đã trang bị các thùng lưu giữ có nắp đậy.
- Kho lưu chứa:
  + Diện tích kho: 20m^2
  + Thiết kế, cấu tạo: Kho có tường bao và mái che, nền xi măng chống thấm, có rãnh và hố thu gom chất thải lỏng rơi vãi, có thiết bị phòng cháy chữa cháy, có biển cảnh báo và dán nhãn theo quy định.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Để hạn chế ảnh hưởng đến mức thấp nhất đến sức khỏe người lao động, trong quá trình hoạt động hiện hữu và lắp đặt máy móc thiết bị, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau nhằm khống chế các tác động của nguồn ô nhiễm này.

Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn và chấn động ngay tại máy móc phát sinh tiếng ồn, độ rung lớn:

+ Bố trí các máy móc gây ồn trong một khu vực chung và cách lý với khu vực khác, gắn các bộ phận giảm rung cho tất cả các thiết bị.

+ Lên lịch bảo trì, sửa chữa, kiểm tra độ cân bằng của các thiết bị, máy móc và tiến hành bảo dưỡng, hiệu chỉnh máy móc định kỳ.

+ Máy nén khí được bố trí riêng, cách ly với khu vực tập trung đông công nhân (được bố trí kế bên ngoài nhà xưởng), giúp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn của máy nén khí khi vận hành. Ngoài ra, thực hiện các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn ngay từ khi lắp đặt: Đổ bệ bê tông, lắp đế cao su chống ồn. Định kỳ hằng năm bảo dưỡng, kiểm định máy nén khí theo quy định.

Các biện pháp hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn cho công nhân:

+ Biện pháp chống ồn hiệu quả nhất là tự động hóa quá trình vận hành, hạn chế tối đa số lượng lao động làm việc ở những khâu có độ ồn cao và liên tục.

+ Trang bị nút chống ồn cho công nhân vận hành sản xuất tại khu vực có độ ồn cao.

+ Có kế hoạch kiểm tra thường xuyên và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

** Sự cố rò rỉ, vỡ đường ống cấp thoát nước:*

- Đường ống cấp, thoát nước phải có đường cách ly an toàn.

- Thường xuyên kiểm tra và bảo trì những mối nối, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo tất cả các tuyến ống có đủ độ bền và độ kín khít an toàn nhất.

- Không có bất kỳ các công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

** Đối với bể tự hoại*

Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoạibảo trì, bảo dưỡng định kỳ, tránh các sự cố có thể xảy ra như:

Tắc nghẽn bồn cầu hoặc tắc nghẽn đường ống dẫn đến phân, nước tiểu không tiêu thoát được.

Tắc đường ống thoát khí bể tự hoại gây mùi hôi thối trong nhà vệ sinh hoặc có thể gây nổ hầm cầu. Trường hợp này phải thông ống dẫn khí để hạn chế mùi hôi cũng như đảm bảo an toàn cho nhà vệ sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành thu gom, hút hầm cầu định kỳ và mang đi xử lý đúng quy định.

** Đối với hệ thống xử lý nước thải*

- *Phương án phòng ngừa sự cố*

- Để tránh sự cố quá tải, khi thiết kế hệ thống XLNT đã tính toán hệ số an toàn (công suất thiết kế cao hơn lưu lượng nước thải tính toán 1,2 lần, nồng độ các chất ô nhiễm dùng làm thông số thiết kế cũng ở mức cao)

- Bể được xây dựng bằng bê tông cốt thép chắc chắn để tránh tình trạng rò rỉ, nứt vỡ.

- Các máy móc, thiết bị của hệ thống XLNT như máy bơm, dây cua roa, thiết bị điện trong tủ điều khiển của các hệ thống,… đều được trang bị 01 thiết bị dự phòng nhằm thay thế ngay khi các thiết bị này hư hỏng, không làm gián đoạn quá trình xử lý.

- Có nhân viên chuyên môn chịu trách nhiệm vận hành hệ thống xử lý nước thải.. Nhân viên vận hành có trách nhiệm theo dõi hoạt động của hệ thống hàng ngày, thường xuyên kiểm tra các bể để kịp thời phát hiện sự cố rò rỉ, những vết nứt trên thành bể để kịp thời sửa chữa.

- Thường xuyên kiểm tra sự hoạt động của máy móc thiết bị và các hạng mục công trình xử lý nước thải, kịp thời nhận thấy những hoạt động bất thường của thiết bị, sửa chữa những hư hỏng.

- *Ứng phó sự cố theo các kịch bản khác nhau:*

Kịch bản 1: Sự cố quá tải

Trường hợp nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống hoặc các sự cố kỹ thuật dẫn đến chất lượng nước thải sau xử lý không đáp ứng tiêu chuẩn tiếp nhận của Khu công nghiệp Bàu Bàng mở rộng, dừng hoạt động xả nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp, đồng thời dừng hoạt động sản xuất có phát sinh nước thải gây ra sự cố để tim nguyên nhân và có biện pháp sửa chữa, khắc phục kịp thời.

Kịch bản 2: Sự cố mất điện

Khi có sự cố mất điện thì nhà máy ngưng sản xuất nên không phát sinh nước thải.

Kịch bản 3: Sự cố rò rỉ đường ống dẫn nước thải

Huy động toàn bộ nguồn lực để khắc phục, sửa chữa kịp thời những đoạn đường ống bị hư hỏng, xuống cấp gây ra sự cố. Trường hợp cần thiết phải dừng hoạt động sản xuất và hoạt động xả nước thải để khắc phục sự cố.

Đối với các sự cố với quá trình xử lý, biện pháp ứng phó sự cố như sau:

Bảng 3. 13. Biện pháp khắc phục sự cố vận hành hệ thống xử lý nước thải

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Bơm	- Do mất điện. - Do phao trong bể chứa nước ở mức cạn. - Đường ống đẩy của bơm bị chặn hoặc bị rò rỉ. - Bơm bị hỏng.	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp cho bơm. - Giữ nguyên hiện trạng. - Kiểm tra các van và đường ống đẩy, nếu van đóng thì phải mở van, ống rò rỉ thì dừng hệ thống sửa chữa. - Trường hợp khi kiểm tra tất cả các nguyên nhân trên mà vẫn không tìm được nguyên nhân thì ngắt bơm và đem sửa chữa.
2	Máy thổi khí	- Do mất điện. - Hỏng van 1 chiều - Đường ống đẩy của máy thổi khí bị chặn hoặc bị rò rỉ. - Máy thổi khí bị hỏng.	- Kiểm tra lại nguồn điện cấp cho máy thổi khí. - Tháo vệ sinh van 1 chiều , nếu không được mang đi thay thế - Kiểm tra các van và đường ống đẩy, nếu van đóng thì phải mở van, ống rò rỉ thì dừng hệ thống sửa chữa. - Trường hợp khi kiểm tra tất cả các nguyên nhân trên mà vẫn không tìm được nguyên nhân thì ngắt máy nén khí và đem sửa chữa.
3	Lỗi đèn vàng trên tủ điện	- Do thiết bị bị kẹt ở cánh động cơ, đuôi nhiệt nhảy - Hiện tượng quá dòng	- Kéo thiết bị lên kiểm tra, loại bỏ rác làm kẹt cánh động cơ - Chỉnh lại đuôi nhiệt, xiết đầu nối dây điện

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
4	Lỗi đèn vàng rơ le nhiệt	- Do động cơ quá tải dòng điện	- B1: Tăng cường độ dòng điện bằng núm điều chỉnh - B2: Ấn nút reset
5	Bùn	**Lớp bùn phủ bị chảy ra ngoài theo dòng thải:**	
		Do chất hữu cơ quá tải	Giảm tải lượng hữu cơ
		Do pH thấp	Thêm độ kiềm
		Do sự tăng trưởng của vi khuẩn sợi	Thêm dinh dưỡng, dùng Clo hay H_2O_2 tạt lên lớp bùn nổi
		Do thiếu hụt dinh dưỡng	Thêm dinh dưỡng
		Do độc tính	Xác định nguồn, bổ sung tiền xử lý
		Do sục khí quá nhiều	Giảm sục khí
		Một lượng lớn các hạt rắn nhỏ rời khỏi bể lắng:	
		Do bùn già	Giảm tuổi bùn, gia tăng dòng thải
		Do sự xác trộn quá mức	Giảm sự xác trộn, kiểm soát lưu lượng thổi khí
		Một lượng lớn các bông bùn li ti bị cuốn trôi khỏi bể lắng	
		Do tốc độ tăng trưởng của bùn	Tăng tuổi bùn
		Do bùn hoạt tính mới, yếu	Giảm nước thải
		Bùn lắng tốt, nhưng lại nổi lên bề mặt trong thời gian ngắn	
		Do sự khử nitrat hóa	Tăng tốc độ tuần hoàn, điều chỉnh thời gian lưu bùn để hạn chế sự khử nitrat
		Bùn nổi trên bề mặt bể lắng thứ cấp	
		Do vi sinh vật dạng sợi chiếm số lượng lớn trong bùn	- Giảm F/M - Tăng thời gian hồi lưu bùn và giảm hoặc dừng việc thải bùn - Bổ sung thiếu hụt dinh dưỡng để đạt tỉ số BOD:N:P = 100:5:1 - Tăng pH đến 7
		Do quá trình Denitrat hóa xảy ra trong bể lắng thứ cấp, các bóng khí Nito xâm nhập vào hạt bùn và kéo bùn nổi lên trên bề mặt nước	- Tăng tốc độ bùn hồi lưu (tăng tải trọng thủy lực của bể lắng và giảm thời gian lưu). Tăng thời gian lưu bùn. - Tăng F/M - Giảm lưu lượng nước thải nếu sự tăng tốc độ và thời gian hồi lưu bùn không có hiệu quả

3.6.2. Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với khí thải

❖ *Phương án phòng ngừa*

Để giảm thiểu các sự cố về hệ thống xử lý khí thải khi đi vào vận hành, Nhà máy đã bố trí nhân lực để giám sát hoạt động của hệ thống nhằm kịp thời phát hiện những tiềm ẩn nguy cơ phát sinh sự cố.

Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật nắm vững quy trình vận hành và có khả năng sửa chữa, khắc phục khi có sự cố xảy ra đối với các thiết bị xử lý khí thải.

Tự động hóa hoạt động của hệ thống xử lý khí thải nhằm hạn chế nguy cơ xảy ra sự cố. Có báo cáo theo dõi hàng ngày về tình hình hoạt động của hệ thống

Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc.

Có kế hoạch xử lý và khắc phục khi xảy ra sự cố về hệ thống xử lý khí thải; luôn đảm bảo số lượng vật tư thay thế dự phòng.

Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc với tuần suất 6 tháng/lần.

Vận hành các thiết bị xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật hoặc yêu cầu của nhà sản xuất.

Tại các hệ thống xử lý khí đều được trang bị các thiết bị dự phòng (như các quạt hút khí thải, thiết bị điện trong tủ điều khiển của các hệ thống.....) trong trường hợp hệ thống gặp sự cố, Nhà máy sẽ yêu cầu ngưng hoạt động sản xuất cục bộ tại khu vực phát sinh khí thải để tiến hành kiểm tra khắc phục, trong trường hợp không khắc phục được trong khoảng thời gian 30-45 phút, cán bộ vận hành hệ thống sẽ tiến hành thay thế thiết bị để đảm bảo khả năng sản xuất của nhà máy.

❖ *Biện pháp ứng phó*

Bảng 3. 14. Biện pháp khắc phục kỹ thuật sự cố vận hành Thiết bị xử lý khí thải

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
1	Không thu gom được khí thải phát sinh	- Lỗi các máy hút khí hoạt động không ổn định hoặc ngừng hoạt động. - Do đường ống khí thải vào	- Thay bơm hút, thổi khí trong trường hợp các bơm hoạt động không ổn định.
2	Sự cố nồng độ bụi vượt quá tiêu chuẩn	- Vận tốc dòng khí trong hệ thống quá lớn khiến cho thời gian dòng khí tiếp xúc với dung dịch hấp phụ và vật liệu hấp phụ quá ngắn.	- Theo dõi chất lượng và thực hiện thay than hoạt tính 1 lần/năm để đảm bảo hiệu quả hoạt động của các hệ thống xử lý khí thải hấp phụ bằng than hoạt tính.
3	Sự cố các chỉ số vượt quá tiêu chuẩn	- Lỗi thiết kế màng hấp phụ (than hoạt tính) chưa đủ độ dày hấp phụ, - Lỗi sử dụng màng hấp phụ lâu mà	

STT	Sự cố	Nguyên nhân	Cách khắc phục
		chưa thay thế.	

Trường hợp thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố phải tạm dừng hoạt động, chủ dự án sẽ dừng hoạt động sản xuất của dây chuyền, máy móc gắn với thiết bị xử lý khí thải gặp sự cố, đồng thời tìm nguyên nhân để sửa chữa, khắc phục kịp thời. Trường hợp xảy ra sự cố lớn, sẽ thông báo cho các cơ quan liên quan để được hướng dẫn giải quyết.

3.6.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với kho (khu vực) chứa chất thải

- Kho lưu giữ chất thải phải có mái che, xung quanh có gờ bao đề phòng khi có sự cố đổ vỡ, chất thải tràn ra ngoài gây nguy hiểm hoặc chất thải có thể lẫn vào nước mưa gây ô nhiễm môi trường. Kho chứa chất thải sẽ có đường thoát nước dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy.

- Kho lưu giữ chất thải được phân chia thành nhiều khu vực lưu giữ khác nhau. Các khu vực này được thiết kế với khoảng cách phù hợp theo quy định lưu giữ chất thải nguy hại, hạn chế khả năng tương tác giữa các loại chất thải và xảy ra sự cố cháy nổ trong nhà kho. Mỗi khu vực lưu giữ được trang bị các biển cảnh báo và thiết bị PCCC, dụng cụ bảo hộ lao động, các vật liệu ứng phó khắc phục nếu có sự cố xảy ra.

- Đối với việc vận chuyển chất thải nguy hại: chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng chuyên thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định. Do đó, đơn vị được thu gom, vận chuyển và xử lý sẽ có các biện pháp để đề phòng và kiểm soát sự cố trong quá trình vận chuyển chất thải nguy hại.

3.6.4. Công trình, phương án phòng cháy, chữa cháy

a. Kế hoạch PCCC chung cho toàn bộ dự án

Hệ thống PCCC đã được đầu tư đồng bộ bao gồm:

- Bể nước ngầm chữa cháy, trụ nước chữa cháy.

- Hệ thống chữa cháy vách tường: hộp chữa cháy, van, vòi…

- Họng nước chữa cháy, máy bơm, hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chữa cháy xách tay, hệ thống chống sét.

Cơ sở đã lắp đặt đầu báo cháy khói tại khu vực văn phòng, nút nhấn khẩn cấp được đặt xung quanh cơ sở.

Đường nội bộ bao quanh rộng 6m rải nhựa, xe chữa cháy có thể hoạt động thuận tiện trong mọi điều kiện thời tiết. Khi xảy ra sự cố cháy nổ, xe chữa cháy có thể tiếp cận từ nhiều hướng.

Thường xuyên kiểm tra an toàn cháy nổ tại khu vực sản xuất; khu lưu giữ hóa chất, các kho vật liệu, kho thành phẩm, khu lưu giữ rác thải,…

Xây dựng các phương án phòng chống cháy nổ và nội quy an toàn cháy nổ. Bảng nội quy được treo ở vị trí dễ thấy, có nhiều người qua lại nhất.

Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain đã thành lập Đội PCCC cơ sở gồm có cán bộ, công nhân viên nhà máy. Lực lượng PCCC cơ sở đã được tập huấn nghiệp vụ về PCCC, được phân chia như sau:

- Thường trực chữa cháy trong giờ làm việc: 100 người/ca.

- Thường trực chữa cháy trong giờ làm việc: 100 người/ca

- Ngoài ra còn có thể huy động thêm cán bộ, công nhân viên đang có mặt tại thời điểm xảy ra cháy.

Định kỳ 1 lần/năm phối hợp với Cơ Quan Cảnh sát PCCC tỉnh diễn tập các tình huống cháy nổ có thể xảy ra.

b. Biện pháp phòng ngừa cháy nổ đối với một số khu vực có nguy cơ cao

Phòng chống cháy nổ do rò rỉ gas:

Quá trình sử dụng gas phải thường xuyên kiểm tra độ kín. Nếu phát hiện có rò rỉ gas phải thực hiện các thao tác sau:

+ Tắt ngay bếp và các nguồn lửa khác xung quanh khu vực đặt bình. Chú ý không đóng hoặc ngắt các công tắc, thiết bị điện để tránh phát sinh tia lửa.

+ Đóng ngay van bình gas.

+ Thông gió để phát tán làm giảm nồng độ hơi gas.

+ Bịt chặt chỗ rò, có thể bằng cách trát xà phòng vào chỗ rò sau đó quấn băng keo hoặc dùng dây cao su buộc chặt lại.

+ Nếu không khắc phục được rò rỉ cần mang ngay bình ra nơi trống, thoáng gió, xa cống rãnh, xa nguồn lửa và khu dân cư.

+ Cảnh giới cấm lửa tại khu vực bình rò rỉ, thông báo cho các cửa hàng, đại lý hoặc các cơ quan PCCC biết để có biện pháp xử lý.

***-** Đối với khu vực kho nguyên liệu, hóa chất*

+ Hệ thống thông gió của nhà kho được tuân theo các quy định TCVN 3288:1979;

+ Kho hóa chất được đặt tại nơi khô ráo, không thấm, dột, có hệ thống chống sét, định kỳ kiểm tra hệ thống này theo quy định hiện hành;

+ Thường xuyên kiểm tra định kỳ hàng năm về an toàn và biện pháp đảm bảo an toàn;

+ Kho chứa hóa chất nguy hiểm phải quy hoạch khu vực sắp xếp theo tính chất của từng loại hóa chất. Không xếp trong cùng một kho các hóa chất có khả năng phản ứng với nhau, hoặc có phương án chữa cháy khác nhau;

+ Bên ngoài kho, xưởng có biển cấm để ở nơi dễ thấy nhất;

+ Khi xếp hóa chất trong kho phải đảm bảo yêu cầu an toàn cho người lao động và hàng hóa;

+ Các phương tiện chiếu sáng và thiết bị điện khác sẽ được bố trí trong kho lưu trữ tại vị trí cần thiết và luôn được bảo trì bởi nhân viên kỹ thuật. Các trang bị điện sẽ được nối đất và lắp đặt bộ ngắt mạch phòng khi rò điện, bảo vệ quá tải.

- Phòng chống cháy nổ do chập điện

Chủ dự án đã, đang và sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Các thiết bị điện phải tính toán dây dẫn có tiết diện hợp lý với cường độ dòng, phải có thiết bị bảo vệ khi quá tải. Những khu vực nhiệt độ cao, dây điện phải đi ngầm hoặc được bảo vệ kỹ.

+ Hệ thống dẫn điện, chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, tách rời khỏi các công trình khác nhằm dễ dàng trong sửa chữa, chống chập mạch dẫn đến cháy nổ theo phản ứng dây chuyền.

+ Thường xuyên kiểm tra hệ thống dây điện trong toàn khu vực hoạt động của nhà máy. Hộp cầu dao phải kín, cầu dao tiếp điện tốt.

+ Tuân thủ quy trình sắp xếp hàng hoá trong kho nguyên liệu và kho sản phẩm.

c. Phương án chữa cháy trong trường hợp xảy ra cháy:

Khi phát hiện cháy phải báo động khẩn trương cho toàn cơ sở biết bằng các phương thức: bấm còi báo động, thông báo trên loa cho nhân viên toàn nhà máy được biết.

Điện báo cho lực lượng chữa cháy và cứu nạn cứu hộ theo số 114, gọi điện cho lực lượng y tế theo số 115 khi được yêu cầu.

Cắt điện toàn bộ khu vực cháy

Hướng dẫn công nhân thoát nạn, di chuyển tài sản ra khỏi vùng nguy hiểm.

Nhanh chóng sử dụng bình chữa cháy xách tay, họng nước chữa cháy vách tường phun vào khu vực cháy ngăn chặn không cho đám cháy phát triển, dập tắt đám cháy. Sau khi lực PCCC chuyên nghiệp triển khai xong thì phối hợp với cán bộ cơ sở trong công tác chữa cháy cũng như cứu nạn, cứu hộ.

3.6.5. Công trình, phương án phòng chống, ứng phó sự cố do hóa chất

a. Biện pháp phòng ngừa sự cố hoá chất

Các biện pháp pháp phòng ngừa sự cố hóa chất của Công ty cụ thể như sau:

- Các loại hóa chất sử dụng khi nhập về và lưu kho đều được công ty kiểm tra đảm bảo có bao bì phù hợp, an toàn, không phát tán, rò rỉ ra môi trường xung quanh.

- Trong quá trình bốc xếp hóa chất vào kho chứa, yêu cầu công nhân không được quăng quật, kéo lê thùng chứa dễ gây ra tràn đổ và cháy nổ.

- Tại mỗi xưởng và kho có hoạt động liên quan đến hóa chất công ty bố trí bảng hướng dẫn cụ thể về qui trình thao tác an toàn và đặt ở vị trí dễ đọc.

- Trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho cán bộ, công nhân

- Đối với các kho chứa hóa chất và chất thải nguy hại chủ cơ sở đã xây dựng đảm bảo các yêu cầu sau:

+ Khu vực lưu giữ hóa chất có hệ thống an toàn, phòng cháy chữa cháy.

+ Khu vực lưu giữ hóa chất được bố trí gọn gàng ngăn nắp.

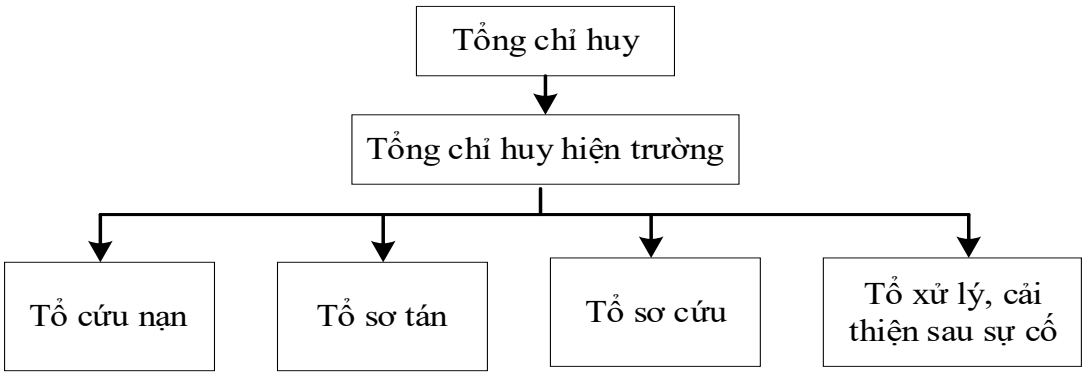
+ Kho hóa chất phải khô ráo không thấm, dột, phải có hệ thống thu lôi chống sét, phải định kỳ kiểm tra hệ thống này theo các qui định hiện hành.

+ Bên ngoài kho, xưởng phải có biển "Cấm lửa", "cấm hút thuốc", chữ to, màu đỏ; biển ghi ký hiệu chất chữa cháy. Các biển này phải rõ ràng và để ở chỗ dễ thấy nhất.

Công ty đã lập hồ sơ biện pháp ứng phó sự cố hoá chất, tổ chức tập huấn ứng phó sự cố hoá chất xảy ra trong nhà máy.

b. Biện pháp ứng phó sự cố hoá chất

Công ty đã thành lập ban chỉ huy ứng phó sự cố với 10 thành viên chính, nhiệm vụ của ban chỉ huy ứng phó sự cố là ứng phó các sự cố xảy ra trong nhà máy nói chung và ứng phó sự cố hoá chất nói riêng, cơ cấu tổ chức như nhau:



Hình 3. 12. Cơ cấu tổ chức ban chỉ huy ứng phó sự cố tại dự án

Trách nhiệm của tổ chức ứng phó sự cố với các tình huống khẩn cấp như sau:

- Tổng chỉ huy: khi xảy ra sự cố nghiệm trọng, tổng chỉ huy phụ trách đưa ra các quyết định, điều hành các hành động ứng phó sự cố.

- Tổng chỉ huy hiện trường: phụ trách chỉ huy xử lý ứng phó tại hiện trường sự cố, bao gồm: tìm hiểu tình hình sự cố, lập và thực hiện kế hoạch UPSC thích hợp, triệu tập và chỉ huy các tổ UPSC, phân nhiệm vụ để kiểm soát sự cố.

- Tổ cứu nạn: tại mỗi xưởng sản xuất đều có thành viên của tổ UPSC đã được qua đào tạo, tiến hành cứu nạn tại hiện trường khi xảy ra sự cố, trường hợp sự cố lớn thì sẽ cần huy động thêm các nhân viên gần nơi xảy ra sự cố để tiến hành cứu nạn.

- Tổ sơ tán: đảm nhận vai trò thông báo, tổ chức sơ tán nhân viên trong khu vực xảy ra sự cố đến nơi an toàn và thông báo tình hình sơ tán nhân viên đến tổng chỉ huy hiện trường.

- Tổ cấp cứu: do nhân viên phòng y tế đảm nhiệm, phối hợp với tổ cứu nạn di chuyển người bị thương và tiến hành sơ cứu, thống kê số người bị thương và hình hình cho chỉ huy. Trường hợp tình hình bị thương xảy ra nghiêm trọng sẽ đưa đến cơ sở y tế gần nhất để ứng cứu.

- Tổ xử lý, cải thiện sau sự cố: tìm hiểu nguyên nhân sự cố, viết báo cáo, đánh giá tình hình ứng phó sự cố, đề xuất giải pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tương tự xảy ra.

Trường hợp 1: Xảy ra sự cố hoá chất ở mức độ nhẹ

- Khi hoá chất bị tràn, đổ với lượng ít (mức độ sự cố nhẹ), tiến hành rửa những nơi trên cơ thể bị tiếp xúc với hoá chất (khi bị hoá chất dính vào người).

- Tiến hành sử dụng dụng cụ phù hợp để thu hồi, không dùng tay trần chạm trực tiếp vào hoá chất rơi vãi.

- Dọn dẹp khu vực lưu giữ hoá chất.

Trường hợp 2: Xảy ra sự cố hoá chất ở mức độ trung bình

- Khi hoá chất bị rò rỉ ở mức độ lớn, tiến hành phun nước để giảm nồng độ hơi khí độc trong phòng, dùng cát khô để khoanh vùng vị trí rò rỉ hoá chất.

- Tiến hành ứng cứu, khắc phục theo quy trình đã đề ra.

Trường hợp 3: Xảy ra sự cố hoá chất ở mức độ nặng

- Khi xảy ra sự cố xảy ra với mức độ nặng, hơi hoá chất rò rỉ ra không khí với nồng độ lớn gặp phải ngọn lửa gây cháy nổ thì quy trình xử lý tương tự với quy trình ứng phó sự cố cháy nổ.

3.7. Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

Không có.

3.8. Các nội dung thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt được liệt kê theo bảng sau:

Bảng 3. 15. Các nội dung thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt

STT	Hạng mục công trình		Ghi chú
	ĐTM đã được phê duyệt	**Hiện tại**	
1	***Nước thải sinh hoạt.*** - Công suất xử lý: 285m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại, tách dầu → Bể gom → Bể điều hòa → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Đấu nối vào HTXLNT tập trung KCN Đồng Xoài II.	***Nước thải sản xuất.*** - Công suất xử lý: 235m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất → **Rổ lược rác** → Bể gom → Bể điều hòa → **Bể trung hòa** →Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → HTXLNT tập trung của nhà máy: ***Hệ thống XLNT tập trung của nhà máy:*** - Công suất xử lý: 520m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất sau khi qua HTXLNTSX công suất 235m^3/ngày, nước thải sinh hoạt → Bể gom → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể chứa → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Đấu nối vào HTXLNT tập trung KCN Đồng Xoài II	- Thay đổi quy trình, công nghệ xử lý nước thải đã được UBND tỉnh Bình Phước (nay là UBND tỉnh Đồng Nai) chấp thuận tại văn bản số 3550/UBND-KTN, ngày 11/11/2015 và đã được xác nhận thực hiện công trình xử lý nước thải tại Văn bản số 752/BQL-TNMT, ngày 02/12/2016 của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước (nay là Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Khu kinh tế tỉnh Đồng Nai) .
2	***Nước thải sản xuất.*** - Công suất xử lý: 235m^3/ngày - Quy trình xử lý: Nước thải sản xuất → Bể gom → Bể điều hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → Lọc áp lực → Đấu nối vào HTXLNT tập trung KCN Đồng Xoài II.		
3	***Hệ thống xử lý hơi dung môi:*** - Bố trí 06 chụp hút: + 01 tại quét keo, dán keo gia công mũi giày. +01 tại quét keo, dán keo gia công đế giày. + 02 chụp hút tại quét keo dán thành phẩm. + 01 chụp hút tại khu vực sấy + 01 chụp hút tại khu vực in. - Lắp đặt 01 hệ thống hấp phụ hơi dung môi bằng than hoạt tính, công suất 8.034m^3/giờ.	***Hệ thống xử lý và thoát hơi dung môi:*** - Hệ thống xử lý và thoát hơi dung môi, bao gồm: + 01 hệ hấp thụ bằng than hoạt tính tại xưởng B, công suất 5.000 m^3/h. + 13 quạt hút và đường ống thu gom bằng thép mạ kẽm có kích thước D300-600mm để hút mùi ra ngoài nhà xưởng sản xuất, trong đó có 11 hệ thống công suất 2.000 m^3/h/hệ thống thoát và 02 hệ thống công suất 500 m^3/h/hệ thống.	
4	01 Hệ thống xử lý khí thải nồi hơi đốt củi. - Quy trình xử lý: Khí thải → Cyclone → Tháp hấp thụ → Khí thải sau xử lý đạt QCVN	**Không sử dụng nồi hơi.**	

STT	Hạng mục công trình		Ghi chú
	ĐTM đã được phê duyệt	Hiện tại	
	19:2009/BTNMT, cột B		
5	Bụi từ quá trình chặt da, cắt vải và mài biên viền **đưa về thiết bị lọc bụi túi vải** để xử lý.	Bụi từ quá trình chặt da, cắt vải và mài biên viền **đưa về hệ thống thu gom và** thoát ra ngoài.	
6	Không có	Khu vực đúc đế giày: + 01 hệ lọc túi vải tại xưởng H, công suất 30.000 m^3/h.	

3.9. Các nội dung thay đổi so với giấy phép môi trường đã được cấp.

Không có.

3.10. Kế hoạch, tiến độ, kết quả thực hiện phương án cải tạo, phục hồi môi trường, phương án bồi hoàn đa dạng sinh học.

Không có.

CHƯƠNG IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

4.1.1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải phát sinh từ Dự án được xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B sau đó được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đấu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II.

4.1.2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với thu gom, xử lý nước thải

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

a. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh.

- Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

**** Nước thải sinh hoạt***

- Nước thải sinh hoạt từ văn phòng, nhà vệ sinh, nhà nghỉ ca, nhà bảo vệ được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn (có 8 bể tự hoại 3 ngăn). Nước thải sau bể tự hoại theo đường ống nhựa PVC D200 về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520m^3/ngày để xử lý.

**** Nước thải sản xuất***

Nước thải sản xuất từ công đoạn rửa đế giày và từ công đoạn rửa bảng in và thiết bị in được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý nước thải sản xuất của nhà máy, công suất 235 m^3/ngày (24 giờ) để xử lý. Nước thải sau xử lý sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 520m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý ..

b. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

+ ***Bể tự hoại 3 ngăn.***

- Số lượng: 08 bể.

- Tóm tắt quy trình xử lý: Nước thải → Ngăn chứa → Ngăn lắng → Ngăn lọc → (1).

- Công suất thiết kế: tổng thể tích 400,5 m^3

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải sản xuất, công suất 235 m^3/ngày (24 giờ).***

Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sản xuất → Rổ lược rác → Bể thu gom → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể keo tụ → Bể tạo bông → Bể lắng → Bể trung gian → (2).

- Công suất thiết kế: 235 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (-), Polymer (+), NaOH, H_2SO_4, PAC và NaOCl.

- Chế độ vận hành: liên tục.

+ ***Hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 520m^3/ngày***

(1) và (2) → Bể gom → Lược rác tinh → Bể điều hòa → Bể trung hòa → Bể thiếu khí → Bể Aerotank → Bể lắng → Bể chứa nước → Bồn lọc cát → Bồn lọc than → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Đồng Xoài II sẽ được đấu nối vào hệ thống thu gom xử lý nước thải tập trung của KCN bằng đường ống HDPE D200 thông qua 01 điểm đấu nối nước thải trên đường N3.

- Công suất thiết kế: 520 m^3/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Polymer (-), Polymer (+), NaOH, H_2SO_4, PAC và NaOCl.

- Chế độ vận hành: liên tục.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Đồng Xoài II để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II.

4.1.2.2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm k, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật

bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải

4.2.1. Nguồn phát sinh khí thải

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ dây chuyền dán keo, in tại nhà xưởng B, xưởng C, xưởng E, xưởng G, xưởng A.

- Nguồn số 02: Bụi từ khu vực đúc đế giày xưởng H.

4.2.2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải

4.2.2.1. Vị trí xả khí thải, lưu lượng xả khí thải, phương thức xả khí thải

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $107^0 45'$, múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Tại ống thoát của hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại xưởng B (BL1) (nguồn số 1)	1.274.164	566.116
2	Dòng khí thải số 02	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng B (BL4) (nguồn số 1)	1.274.166	566.173
3	Dòng khí thải số 03	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng B (BL5) (nguồn số 1)	1.274.219	566.159
4	Dòng khí thải số 04	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng B (BL3) (nguồn số 1)	1.274.205	566.122
5	Dòng khí thải số 05	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng E (E1) (nguồn số 1)	1.274.288	566.020
6	Dòng khí thải số 06	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng E (E4) (nguồn số 1)	1.274.232	566.028
7	Dòng khí thải số 07	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng G (GL4) (nguồn số 1)	1.274.153	566.877
8	Dòng khí thải số 08	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng G (GL1) (nguồn số 1)	1.274.163	565.929
9	Dòng khí thải số 09	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng C (CL1) (nguồn số 1)	1.274.204	566.111
10	Dòng khí thải số 10	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi xưởng C (CL2) (nguồn số 1)	1.274.248	566.104
11	Dòng khí thải số 11	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung khu vực hấp đế 1 (nguồn số 1)	1.274.149	565.902
12	Dòng khí thải số 12	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung khu vực hấp đế 2 (nguồn số 1)	1.274.232	566.039

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $107^0 45'$, múi chiếu 3^0	
			X(m)	Y(m)
13	Dòng khí thải số 13	Tại ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung khu vực chiếu xạ (nguồn số 1)	1.274.230	566.048
14	Dòng khí thải số 14	Tại 02 ống thoát của hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung khu vực rửa đế (nguồn số 1)	1.274.231	566.037
15	Dòng khí thải số 15		1.274.230	566.037
16	Dòng khí thải số 16	Tại ống thoát của hệ thống hút bụi khu vực đúc đế giày xưởng H (nguồn số 2)	1.274.091	565.793

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Sản xuất giày dép Grand Gain, địa chỉ tại Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II.

4.2.2.2. Lưu lượng xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 5.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02 đến số 13: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 2.000m^3/giờ/thiết bị.

- Dòng khí thải số 14 và số 15: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 500m^3/giờ/thiết bị.

- Dòng khí thải số 16: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 30.000 m^3/giờ.

❖ **Phương thức xả khí thải:**

- Dòng khí thải số 01: Khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thải (chiều cao 10 m, đường kính 0,6 m), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02 đến số 13: Khí thải được xả ra môi trường qua 12 ống thải (chiều cao 6 m, đường kính 0,4 m), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 14 và số 15: Khí thải được xả ra môi trường qua 02 ống thải (dài 150 mm, rộng 100mm, cao 300mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 16: Khí thải được xả ra môi trường qua 01 ống thải (chiều cao 3,5 m, đường kính 0,3 m), xả liên tục khi hoạt động.

❖ **Chất lượng khí thải trước khi xả ra môi trường:** đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 19:2024/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp, cột B, cụ thể như sau:

Bảng 4. 1. Các chất ô nhiễm và giới hạn giá trị xả thải

STT	Các chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục
I	**Dòng khí thải số 01 đến số 15**				
1	Lưu lượng	-	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Toluen	mg/N.m^3	≤ 80		
3	Xylene	mg/N.m^3	≤ 80		
II	**Dòng thải số 16**				
1	Lưu lượng	m^3/giờ	-	06 tháng/lần	Không thuộc đối tượng
2	Bụi	mg/N.m^3	≤ 80		

4.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với khí thải

a. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Nguồn số 01: Hơi dung môi phát sinh từ quá trình sản xuất được thu gom và dẫn về 01 hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính(dòng khí thải số 01) và 13 hệ thống thu gom và thoát mùi, hơi dung môi, dòng khí thải số 02 đến số 15).

- Nguồn số 02: Bụi từ khu vực đúc đế giày xưởng H được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý bụi (dòng khí thải số 16).

b. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải.

b.1. Hệ thống xử lý hơi dung môi từ quá trình sản xuất (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút → Đường ống thu gom → Quạt hút → Buồng hấp thụ than hoạt tính → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 5.000 m^3/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính

b.2. Hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi (nguồn số 01)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Đường ống thu gom → Quạt hút → Ống thoát

- Số lượng hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi: 13 hệ thống.

- Công suất thiết kế:

+ 11 hệ thống có công suất 2.000 m^3/giờ/hệ thống.

+ 02 hệ thống có công suất 500 m^3/giờ/hệ thống.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: không sử dụng

b.2. Hệ thống xử lý bụi (nguồn số 02)

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Bụi → Hệ thống ống dẫn → Hệ thống lọc búi túi vải → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 30.000 m^3/giờ

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Túi vải.

c. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

d. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.

- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.

- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

4.2.4. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

4.2.4.1. Thời gian vận hành thử nghiệm:

Theo quy định tại Điều 46, Luật Bảo vệ môi trường và điểm b, khoản 6, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

4.2.4.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý hơi dung môi phát sinh từ quá trình sản xuất (dòng khí thải số 01 đến 15): Công suất thiết kế 5.000 m^3/giờ (01 hệ thống); Công suất thiết kế 2.000 m^3/giờ (11 hệ thống) và Công suất thiết kế 500 m^3/giờ (02 hệ thống)

- Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đúc đế giày (dòng khí thải số 16): Công suất thiết kế: 30.000 m^3/giờ/hệ thống.

4.2.4.3. Vị trí lấy mẫu: 13 vị trí tương ứng với 13 ống thoát khí thải.

4.2.4.4. Tần suất lấy mẫu:

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp trong giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý khí thải

4.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

*** Nguồn phát sinh**: Trong quá trình hoạt động sản xuất của cơ sở, tiếng ồn phát sinh từ các nguồn như sau:

- Nguồn số 1: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng A.
- Nguồn số 2: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng B.
- Nguồn số 3: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng C.
- Nguồn số 4: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng D.
- Nguồn số 5: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng E.
- Nguồn số 6: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng F.
- Nguồn số 7: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng G.
- Nguồn số 8: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng H.
- Nguồn số 9: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng I.
- Nguồn số 10: Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng J.
- Nguồn số 11: Khu vực hệ thống xử lý bụi tại nhà xưởng H.
- Nguồn số 12: Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại nhà xưởng B.
- Nguồn số 13: Khu vực hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi tại nhà xưởng E.
- Nguồn số 14: Khu vực hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi tại nhà xưởng G.
- Nguồn số 15: Khu vực hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi tại nhà xưởng C.
- Nguồn số 16: Khu vực hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 17: Khu vực đặt máy nén khí.

- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Tại Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $107^0 45'$, múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
1	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng A.	1.274.228	566.040
2	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng B.	1.274.198	566.109
3	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng C.	1.274.200	566.099
4	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng D.	1.274.183	566.091

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: $107^0 45'$, múi chiếu 3^0	
		X (m)	Y (m)
5	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng E.	1.274.230	566.025
6	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng F.	1.274.221	566.005
7	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng G.	1.274.160	565.920
8	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng H.	1.274.088	565.789
9	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng I.	1.274.076	565.680
10	Khu vực bố trí các máy móc, thiết bị sản xuất tại nhà xưởng J.	1.274.054	565.652
11	Khu vực hệ thống xử lý bụi tại nhà xưởng H.	1.274.090	565.791
12	Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi bằng than hoạt tính tại nhà xưởng B.	1.274.163	566.115
13	Khu vực hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi tại nhà xưởng E.	1.274.228	566.019
14	Khu vực hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi tại nhà xưởng G.	1.274.152	566.876
15	Khu vực hệ thống thu gom và thoát hơi dung môi tại nhà xưởng C.	1.274.232	566.109
16	Khu vực hệ thống xử lý nước thải.	1.274.068	565.724
17	Khu vực đặt máy nén khí.	1.274.218	566.010

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung: Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về quy chuẩn kỹ thuật môi trường đối với tiếng ồn, độ rung theo QCVN 26:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn và QCVN 27:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

Bảng 4. 2. Giới hạn cho phép về tiếng ồn

Ban ngày (06:00 ~ trước 18:00)	Tối (18:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)	Tần suất quan trắc định kỳ
70	65	60	-

Bảng 4. 3. Giới hạn cho phép về độ rung

Ban ngày (06:00 ~ trước 22:00)	Ban đêm (22:00 ~ trước 06:00)	Tần suất quan trắc định kỳ

4.4. Các nội dung về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường.

4.4.1. Chủng loại, khối lượng phát sinh chất thải

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh.

Bảng 4. 4. Khối lượng CTNH phát sinh đề nghị cấp phép

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại.	Rắn	18 02 01	KS	27.500
2	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	300
3	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	2.382
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải.	Rắn	18 01 03	KS	6.628
5	Mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn/lỏng	08 02 01	KS	5.631
6	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	3.564
7	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thuỷ tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	20
8	Chất kết dính và chất bịt kín thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 03 01	KS	3500
9	Chất thải lây nhiễm (chất thải y tế)	Rắn/lỏng	13 01 01	NH	100
10	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	22.900
11	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	17 02 04	NH	150
12	Các loại dầu thủy lực thải khác	Lỏng	17 01 07	NH	180
13	Cặn sơn, sơn và vecni thải có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác	Rắn/lỏng	08 01 01	KS	6.950
14	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ các quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	KS	24.600
15	Pin, ắc quy chì thải	Rắn	16 01 12	NH	10
16	Các vật liệu mài dạng hạt thải có các thành	Rắn	07 03 08	KS	1.500

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
	phần nguy hại (cát, bột mài…)				
Tổng					**105.915**

Đối với chất thải công nghiệp cần phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

b. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp phát sinh:

Bảng 4. 5. Khối lượng CTR công nghiệp phát sinh đề nghị cấp phép

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Khối lượng (kg/năm)
1	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	17.850
2	Chất thải từ vỏ cây gỗ loại bỏ (pallet thải)	Rắn	09 01 02	TT-R	2.000
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khi thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	10.000
4	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	Rắn	11 04 03	TT-R	831.340
5	Chất thải từ sợi dệt chưa qua xử lý hoặc đã qua xử lý	Rắn	10 02 10	TT-R	20.000
6	Hỗn hợp dầu mỡ thải và chất béo (dầu ăn, mỡ động vật) từ quá trình phân tách dầu/nước	Rắn	12 06 11	TT	200
7	Sản phẩm vô cơ khác (bao gồm sản phẩm lỗi, bụi từ HTXL bụi)	Rắn	19 03 03	TT-R	50.000
8	Sản phẩm hữu cơ khác	Rắn	19 03 04	TT-R	200
9	Vải, sợi	Rắn	12 08 09	TT-R	15.000
10	Nhựa và cao su	Rắn	12 08 06	TT-R	5.500
Tổng					**952.090**

c. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 4.000 kg/ngày.

4.4.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải

a. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng đảm bảo lưu chứa toàn bộ chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát.

- Kho lưu chứa:

+ Công ty xây dựng 01 kho chất thải nguy hại với diện tích 15 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Kho chứa có kết cấu tường bao, có mái che, nền chống thấm, có rãnh rốn thoát nước, gờ chắn, biển cảnh báo, dán nhãn, bố trí vật liệu hấp thụ và thiết bị phòng cháy chữa cháy,... theo đúng quy định của Thông tư số 02/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng,... đảm bảo thu gom, lưu giữ toàn bộ chất thải công nghiệp thông thường phát sinh

- Kho lưu chứa:

+ Công ty đã xây dựng 01 kho chứa chất thải rắn thông thường với diện tích 100 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: Vách bao quanh, cách biệt với khu lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, mái che, nền chống thấm, gờ chắn, biển cảnh báo,...

c. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

- Thiết bị lưu chứa: Thùng nhựa có nắp đậy và thùng sắt.

- Kho lưu chứa:

+ 01 Khu vực lưu chứa có diện tích 15 m^2.

- Thiết kế, cấu tạo: nền bê tông chống thấm, có bị thiết bị phòng cháy chữa cháy, đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

CHƯƠNG V: KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Trong quá trình hoạt động sản xuất công ty luôn thực đúng và đầy đủ các quy định. Cụ thể:

*** Đối với nước thải sinh hoạt và nước thải nhà ăn:**

- Nước thải sinh hoạt chủ yếu là nước thải sinh hoạt của công nhân và nhân viên (từ bồn rửa mặt, tay,…) được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại với lưu lượng khoảng 417 m^3/ngày (24 giờ) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy, công suất 520m^3/ngày (24 giờ) để tiếp tục xử lý.

*** Đối với nước thải sản xuất:**

Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 235 m^3/ngày để xử lý toàn bộ lượng nước thải sản xuất phát sinh tại nhà máy.

*** Đối với nước thải tập trung của nhà máy:**

Công ty đã xây dựng 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 520 m^3/ngày để xử lý toàn bộ lượng nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt phát sinh tại nhà máy.

*** Khí thải.**

Trong quá trình hoạt động, khí thải từ các quá trình có phát sinh bụi, hơi dung môi được thu gom và dẫn về 1 HTXL bụi và 01 HTXL hơi dung môi để xử lý đạt tiêu chuẩn/quy chuẩn trước khi xả thải ra môi trường.

5.2. Kết quả quan trắc định kỳ đối với nước thải

Công ty không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải định kỳ (theo quy định tại khoản 2; Điều 97 Nghị định số 08/2024/NĐ-CP). Do đã đấu nối vào Trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II, theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải với KCN Đồng Xoài II.

5.3. Kết quả quan trắc định kỳ đối với bụi, khí thải.

- ***Kết quả quan trắc năm 2024***

- Tên đơn vị quan trắc: Công ty TNHH TMDV TVMT tân Huy Hoàng.

Kết quả quan trắc bụi, khí thải tại nhà máy như sau:

Bảng 5. 1. Kết quả quan trắc khí thải năm 2024

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ				Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT-03	KT-06	KT-09	KT-12		
1	Lưu lượng	m^3/h	1.836	1.654	1.883	1.488	**0**	**--**
2	Cyclohexanol	mg/Nm^3	22,3	25,8	14,8	15,8	**0**	**410**
3	Toluen	mg/Nm^3	65,7	59,2	51,9	33,6	**0**	**750**
4	Xylene	mg/Nm^3	63,8	66,9	40,1	39,5	**0**	**870**
5	Aceton	mg/Nm^3	71,0	70,4	55,8	39,7	**0**	**--**
6	Methyl Ethyl Ketone	mg/Nm^3	31,2	23,4	27,5	27	**0**	**--**

(Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2024)

Ghi chú:

- KT-03; KT-06; KT-09; KT-12: Ký hiệu mẫu khí thải tại ống khói thải hơi dung môi (D = 0,4m) lấy theo ngày 19/03/2024; 06/06/2024; 10/09/2024; 02/12/2024.

Nhận xét:

Trong năm 2024, hệ thống chưa xảy ra bất kì sự cố nào, theo kết quả đo chất lượng khí thải tại Công ty đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT. Qua đó cho thấy chất lượng khí thải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh.

Bảng 5. 2. Kết quả quan trắc khí thải năm 2025

STT	THÔNG SỐ	ĐƠN VỊ	KẾT QUẢ				Chỉ tiêu quan trắc vượt QCVN	QCVN 20:2009/ BTNMT
			KT-03	KT-06	KT-09	KT-12		
1	Lưu lượng	m^3/h	1.032	1.467	1.453	2.027	**0**	**--**
2	Cyclohexanol	mg/Nm^3	23,5	17,7	17,8	14,8	**0**	**410**
3	Toluen	mg/Nm^3	22,9	19,4	20,8	23,7	**0**	**750**
4	Xylene	mg/Nm^3	45,3	30,6	22,7	18,4	**0**	**870**

(Nguồn: Công ty TNHH TMDV TVMT Tân Huy Hoàng, 2025)

Ghi chú:

- KT-03; KT-06; KT-09; KT-12: Ký hiệu mẫu khí thải tại ống khói thải hơi dung môi lấy theo ngày 04/03/2025; 04/06/2025; 10/09/2025; 03/12/2025.

Nhận xét:

Trong năm 2025, hệ thống chưa xảy ra bất kì sự cố nào, theo kết quả đo chất lượng khí thải tại Công ty đều nằm trong quy chuẩn cho phép QCVN 20:2009/BTNMT. Qua đó cho thấy chất lượng khí thải đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường không khí xung quanh

CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải:

6.1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm:

Nước thải phát sinh tại cơ sở không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo điểm k, khoản 1, Điều 31 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Khí thải phát sinh tại cơ sở thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm theo Điều 31 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

Việc lập kế hoạch lấy mẫu chất thải để đo đạc, phân tích đánh giá hiệu suất, đánh giá sự phù hợp của toàn bộ công trình xử lý chất thải được thực hiện theo đúng những quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP, ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025, Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT ngày 28/02/2025. Kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình bảo vệ môi trường chính của Công ty sẽ được thực hiện ngay sau khi Giấy phép môi trường của công ty được cấp.

Chi tiết kế hoạch vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 6. 1. Thời gian vận hành thử nghiệm công trình bảo vệ môi trường

TT	Nội dung	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất của hệ thống
1	01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý bụi khu vực đúc đế giày.	Sau khi có giấy phép môi trường	3-6 tháng	60% - 80%
2	14 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý và thoát hơi dung môi.			60% - 80%

6.1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

- ***Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường.***

- Đối với khí thải:

Căn cứ khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định của công trình xử lý bụi, khí thải (03 mẫu bụi, khí thải đầu ra). Kế hoạch vận hành hệ thống xử lý khi thải như sau:

Bảng 6. 2. Thông số quan trắc, vị trí lấy mẫu khí thải trong quá trình vận hành thử nghiệm

Stt	Vị trí lấy mẫu	Thông số lấy mẫu	Số mẫu	Tần suất lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý bụi khu vực đúc đế giày.	Lưu lượng, bụi	03 mẫu đầu ra sau xử lý trong 3 ngày liên tục	Ít nhất 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành thử nghiệm	QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.
2	14 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý và thoát hơi dung môi.	Lưu lượng, Toluen, xylene.			

- **Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải**

Kế hoạch chi tiết về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu khí thải, nước thải trước khi thải ra môi trường được trình bày như sau:

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện.

Trong quá trình vận hành thử nghiệm, công ty sẽ thuê đơn vị quan trắc có chức năng tiến hành lấy mẫu, phân tích. Công ty dự kiến đơn vị sau (Tùy vào tình hình thực tế đơn vị quan trắc có thể thay đổi):

- Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và Phân tích Môi Trường Phương Nam, Vimcerts 039.

+ Địa chỉ: 1358/21/5G Quang Trung, P.14, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh.

+ Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 039 theo Quyết định số 308/QĐ-BTNMT ngày 22/02/2021 của Bộ

Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

+ Chứng chỉ công nhận phòng thí nghiệm mã số VILAS 682 theo Quyết định số 93.2020/QĐ-VPCNCL ngày 13/02/2020 của Văn phòng công nhận chất lượng phòng thí nghiệm của Công ty TNHH Khoa học Công nghệ và phân tích môi trường Phương Nam.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.

6.2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ.

❖ *Quan trắc nước thải.*

Dự án đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài II, do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc định kỳ nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

❖ *Giám sát chất thải rắn thông thường*

- Tần suất: giám sát thường xuyên liên tục, có thực hiện báo cáo 1 năm/1 lần.
- Thông số: số lượng, loại.
- Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP.

❖ *Giám sát chất thải nguy hại*

- Tần suất: giám sát thường xuyên liên tục, có thực hiện báo cáo 1 năm/1 lần
- Tần suất báo cáo: 1 năm/1 lần
- Thông số: số lượng, loại.
- Tiêu chuẩn so sánh: Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

❖ *Giám sát khí thải:*

+ **Giám sát bụi sau hệ thống xử lý bụi:**

- Vị trí giám sát: 01 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý bụi khu vực đúc đế giày.
- Thông số giám sát: Lưu lượng, bụi.
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.
- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

+ **Giám sát hệ thống thu gom, thoát hơi dung môi:**

- Vị trí giám sát: 14 vị trí tại ống thoát của hệ thống xử lý và hệ thống thu gom, thoát hơi dung môi.

- Thông số giám sát: Lưu lượng, Toluen, xylene.

- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 19:2024/BTNMT, cột B.

6.2.3. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải.

❖ *Quan trắc nước thải.*

Dự án đấu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài II, do vậy không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải theo quy định tại khoản 2 Điều 97 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

❖ *Giám sát khí thải:*

Theo quy định tại Điều 98 của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì dự án không thuộc các đối tượng được quy định tại Phụ lục XXIX (ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ); do đó, dự án sẽ không lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục khí thải

6.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm.

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường theo hàng năm khoảng 220.000.000 đồng/năm

CHƯƠNG VII: NỘI DUNG THUYẾT MINH DỰ ÁN ĐẦU TƯ ĐÁP ỨNG TIÊU CHÍ MÔI TRƯỜNG ĐỂ ĐƯỢC XÁC NHẬN DỰ ÁN ĐẦU TƯ THUỘC DANH MỤC PHÂN LOẠI XANH

Cơ sở không thuộc dự án đầu tư thuộc danh mục phân loại xanh theo Quyết định số 21/2025/QĐ-TTg.

CHƯƠNG VIII: CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

8.1. Cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường

Chúng tôi cam kết về độ trung thực, chính xác của các số liệu, thông tin trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường. Nếu có gì sai trái chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.

8.2. Cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan

Cam kết đảm bảo việc xử lý chất thải của cơ sở đáp ứng các tiêu chuẩn và quy chuẩn môi trường của Việt Nam trong quá trình hoạt động của cơ sở, bao gồm:

- Nước thải sinh hoạt sau xử lý đạt tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của KCN.

- Khí thải được xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2024/BTNMT, - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp.

- Chất thải rắn, chất thải nguy hại: thu gom, phân loại đảm bảo tuân thủ quy định tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT và Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

Cam kết thực hiện tất cả các biện pháp, quy định chung về bảo vệ môi trường:

- Cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung trong giấy phép môi trường đã được cấp.

- Cam kết thực hiện các biện pháp thu gom, phân loại, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Cam kết thực hiện báo cáo công tác BVMT trong hoạt động sản xuất theo Điều 119 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 66 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- Cam kết công khai thông tin môi trường theo Quy định tại Điều 102, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

- Cam kết vận hành hệ thống thu gom nước mưa, nước thải, trạm xử lý nước thải, thiết bị, hệ thống xử lý khí thải theo quy định, đảm bảo nước thải, khí thải sau xử lý đạt quy chuẩn cho phép.

- Cam kết tuân thủ các quy định về phòng chống cháy nổ, xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng chống cháy nổ trong quá trình hoạt động của cơ sở theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Cam kết thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.

- Cam kết tuân thủ các yêu cầu quy định tại Quyết định số 31/2019/QĐ-TTg ngày 10/9/2019 của Chính phủ.

- Cam kết bồi thường thiệt hại và khắc phục các sự cố môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố, rủi ro môi trường do quá trình hoạt động của cơ sở.

- Công ty chúng tôi cam kết sẽ chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nếu xảy ra sự cố gây ô nhiễm môi trường và vi phạm các quy chuẩn Việt Nam, các công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

PHỤ LỤC BÁO CÁO

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN

Mã số doanh nghiệp: 3801083966

Đăng ký lần đầu: ngày 12 tháng 09 năm 2014

Đăng ký thay đổi lần thứ: 9, ngày 09 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: GRAND GAIN FOOTWEAR MANUFACTURING CO.,LTD

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Điện thoại: *02713.889007* Số Fax: *02713.889863*

Thư điện tử: Website:

3. Vốn điều lệ : 611.800.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu trăm mười một tỷ tám trăm triệu đồng

Tương đương 27.400.000 USD (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm ngàn đô la mỹ)

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập/giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương đối với tổ chức	Ghi chú
1	BRIGHT SCENERY INTERNATI ONAL LTD	Anguilla	201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla	226.263.200.000	36,983	2393318	
2	UNION GRAND LTD	Samoa	Portcullis Trustnet Chambers, P.O.Box 1225, Apia, Samoa	215.839.400.000	35,279	60534	
3	HOPING SEED CO.,LTD	Anguilla	201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla	169.697.400.000	27,737	2410743	

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ, chữ đệm và tên: CHU CHE LIANG Giới tính: *Nam*

Ngày, tháng, năm sinh: *31/03/1961* *Quốc tịch: Trung Quốc (Đài Loan)*

Hộ chiếu nước ngoài: *360188189*

Ngày cấp: *27/09/2021* Nơi cấp: *Cơ quan Ngoại giao Đài Loan*

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng thành viên kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ liên lạc: *Lô D1 đến D14, KCN Đồng Xoài II, Phường Đồng Xoài, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH ĐỒNG NAI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

Nguyễn Duy Hải

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 1087575231.

Chứng nhận lần đầu: Ngày 12 tháng 9 năm 2014.

Chứng nhận điều chỉnh lần thứ năm: Ngày 25 tháng 06 năm 2025.

Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Luật số 57/2024/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu ngày 29/11/2024 và các quy định hiện hành;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư và Thông tư số 25/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định mẫu văn bản, báo cáo liên quan đến hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư từ Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Quyết định số 2070/QĐ-TTg ngày 11/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và Quyết định số 21/2024/QĐ-UBND ngày 21/8/2024 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Điều 3 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước ban hành kèm Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023;

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 22/10/2020;

Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh dự án đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH sản xuất giày dép Grand Gain nộp ngày 17/06/2025.

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Chứng nhận:

Dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP; mã số dự án 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 22/10/2020; được đăng ký điều chỉnh lần thứ năm: Điều chỉnh thông tin nhà đầu tư; địa điểm và diện tích thực hiện dự án; mục tiêu và quy mô dự án; thông tin tổ chức kinh tế thực hiện dự án;

Nhà đầu tư:

- UNION GRAND LTD; Quyết định thành lập số 65034 do Samoa cấp ngày 15/7/2014; trụ sở đăng ký tại Portcullis Trustnet Chambers, P.O.Box 1225, Apia, Samoa.

Đại diện bởi: Ông Chu Che Liang; sinh ngày 31/03/1961; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số 360188189 cấp ngày 27/9/2021 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại số No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; chỗ ở hiện nay tại No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; điện thoại: 0912.971.127; email: leo.chang@dasheng.com.tw; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.

- HOPING SEED CO., LTD; Quyết định thành lập số 2410743 cấp ngày 24/08/2016 tại Anguilla; trụ sở đăng ký tại 201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla, B.w.i.

Đại diện bởi: Ông Chu Che Liang; sinh ngày 31/03/1961; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số 360188189 cấp ngày 27/9/2021 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại số No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; chỗ ở hiện nay tại No. 78 – 1, Shizheng S.2nd rd, Xitun Dist,Taichung City 40756, Taiwan; điện thoại: 0912.971.127; email: leo.chang@dasheng.com.tw; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.

- BRIGHT SCENERY INTERNATIONAL LTD; Quyết định thành lập số 2393318 cấp ngày 22/5/2016 tại Anguilla; trụ sở đăng ký tại 201 Rogers Office Building, Edwin Wallace Rey Drive George Hill, Anguilla, B.w.i.

Đại diện bởi: Bà Chu Li Jung; sinh ngày 09/06/1967; quốc tịch Trung Quốc; hộ chiếu số 352927684 cấp ngày 15/10/2019 tại Bộ Ngoại giao Trung Quốc; địa chỉ thường trú tại No.10, Ln.191, Sec.1, Minsheng Rd, Daya Dist, Taichung City 42866 Taiwan; chỗ ở hiện nay tại No.10, Ln.191, Sec.1, Minsheng Rd, Daya Dist, Taichung City 42866 Taiwan; điện thoại: 0923.836.793; email: mandy@dasheng.com.tw; chức vụ: Thành viên Hội đồng quản trị.

Tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư: Công ty TNHH sản xuất giày dép Grand Gain; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3801083966 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước (Sở Tài chính) cấp lần đầu ngày 12/9/2014, cấp thay đổi lần thứ tám ngày 31/5/2023.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC *(Mã ngành cấp 4)*	Mã ngành CPC *(nếu có)*
1	Sản xuất giày dép *Chi tiết: Sản xuất, gia công, các loại giày dép.*	1520	
2	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép *Chi tiết: Mua bán các loại vải và hàng may sẵn.*	4641	

3. Quy mô dự án:

- Giai đoạn 1: Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn (thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu) với quy mô 228.600 m²/năm. (Địa điểm 01)

- Giai đoạn 2:

Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 9.360.000 đôi/ năm; Mua bán các loại vải và hàng may sẵn với quy mô: 373.570 m²/ năm. Trong đó:

+ Địa điểm 01: Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 5.760.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn (thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu) với quy mô 228.600 m²/năm.

+ Địa điểm 02: Sản xuất và gia công giày, dép với quy mô 3.600.000 đôi/năm. Bán buôn vải, hàng may sẵn (thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu) với quy mô 144.970 m²/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án:

- Địa điểm 01: Lô D1 đến D14, Khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Địa điểm 02: Lô F3-F7 Khu công nghiệp Đồng Xoài II, phường Tiến Thành, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước. (Thuê lại nhà xưởng của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh).

5. Diện tích thực hiện dự án:

- Địa điểm 01: Diện tích mặt đất sử dụng: 81.037 m².

- Địa điểm 02: Diện tích nhà xưởng và các công trình phụ trợ thuê lại của Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển dự án Lê Minh: 31.525 m².

6. Tổng vốn đầu tư của dự án:

-Vốn góp để thực hiện dự án là 1.406.693.610.000 VNĐ (một ngàn bốn trăm lẻ sáu tỷ, sáu trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười ngàn đồng), tương đương 63.000.000 (sáu mươi ba triệu đô la Mỹ).

Trong đó vốn góp để thực hiện dự án là 611.800.000.000 VNĐ (sáu trăm mười một tỷ tám trăm triệu đồng), tương đương 27.400.000 USD (hai mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đô la Mỹ), chiếm tỷ lệ 43,49% tổng vốn đầu tư.

Giá trị, tỷ lệ, phương thức và tiến độ góp vốn như sau:

STT	Tên nhà đầu tư	Số vốn góp		Tỷ lệ (%)	Phương thức góp vốn	Tiến độ góp vốn
		VNĐ (tỷ đồng)	Tương đương USD (triệu đô)			
01	UNION GRAND., LTD	215,8394	9,62	35,1	Tiền mặt	Đã góp đủ
02	HOPING SEED CO., LTD	169,6974	7,62	27,8		
03	BRIGHT SCENERY INTERNATIONAL., LTD	226,2632	10,16	37,1		
Tổng		**611,8**	**27,4**	**100**		

- Vốn huy động: 794.893.610.000 VNĐ (bảy trăm chín mươi tư tỷ, tám trăm chín mươi ba triệu, sáu trăm mười nghìn đồng), tương đương 35.600.000 USD (ba mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đô la Mỹ).

7. Thời hạn hoạt động của dự án:

- Địa điểm 01: đến ngày 28 tháng 12 năm 2059.
- Địa điểm 02: đến ngày 05 tháng 03 năm 2035 (theo hợp đồng thuê xưởng số: GGLM/B/20250319 ký ngày 19/3/2025)

8. Tiến độ thực hiện dự án đầu tư:

a) Tiến độ góp vốn và dự kiến huy động các nguồn vốn:

- Tiến độ góp vốn: Đã góp đủ 611.800.000.000 VNĐ (sáu trăm mười một tỷ tám trăm triệu đồng), tương đương 27.400.000 USD (hai mươi bảy triệu bốn trăm ngàn đô la Mỹ).
- Tiến độ huy động vốn: Huy động đủ đến tháng 04/2026.

b) Tiến độ thực hiện các mục tiêu hoạt động chủ yếu của dự án đầu tư:

- Địa điểm 01: Tiến độ đưa dự án vào hoạt động: Tháng 01/2019
- Địa điểm 02:

+ Nhận bàn giao nhà xưởng, thực hiện các thủ tục pháp lý và vận hành thử nghiệm: từ tháng 3/2025 đến tháng 03/2026.

+ Hoạt động chính thức: Từ tháng 4/2026.

Điều 2: Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư

1. Ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp:

Theo quy định hiện hành.

2. Ưu đãi về thuế nhập khẩu:

Theo quy định hiện hành.

Điều 3: Các quy định đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản sử dụng trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện dự án đầu tư, nhà đầu tư có trách nhiệm:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về đầu tư, môi trường, xây dựng, đất đai, lao động, thuế, các nội dung quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký

đầu tư và quy định của pháp luật có liên quan.

- Thực hiện mở tài khoản vốn đầu tư trực tiếp theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về quản lý ngoại hối để góp vốn thực hiện dự án đầu tư.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ nộp để thực hiện thủ tục hành chính tại Cơ quan đăng ký đầu tư.

- Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo định kỳ hằng tháng, hằng quý, hằng năm bằng văn bản và thông qua Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư cho Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và các đơn vị có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật chuyên ngành và bảo đảm đáp ứng đủ điều kiện đó trong suốt quá trình hoạt động đầu tư kinh doanh.

Điều 4: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 1087575231 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp điều chỉnh lần thứ tư ngày 22/10/2020.

Điều 5: Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 05 (năm) bản gốc; mỗi nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản cấp cho tổ chức kinh tế thực hiện dự án và 01 bản lưu tại Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư./.

Nơi nhận:
- Như Điều 5;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Hoàng Hữu Vũ

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số : 1829 /QĐ-UBND	*Bình Phước, ngày 17 tháng 6 năm 2015*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm" do Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain làm Chủ đầu tư tại lô D1 đến D14 Khu công nghiệp Đồng Xoài II, thị xã Đồng Xoài.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT ngày 15/7/2009 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định quản lý và bảo vệ môi trường Khu kinh tế, Khu công nghệ cao, Khu công nghiệp và Cụm công nghiệp; Thông tư số 48/2011/TT-BTNMT ngày 28/12/2011 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2009/TT-BTNMT;

Căn cứ Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18/7/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18/4/2011 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1882/QĐ-UBND ngày 11/8/2010 của UBND tỉnh về việc ủy quyền thẩm định và phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án đầu tư trong Khu công nghiệp và Khu kinh tế cửa khẩu trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Hội đồng thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường họp ngày 01/4/2015 của Dự án: "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 6 triệu sản phẩm/năm";

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm" do Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain làm Chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung kèm theo Công văn số 12-CV-CTY ngày 04/5/2015;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 54/TTr-BQL ngày 05/6/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm" được lập bởi Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain (sau đây gọi là Chủ đầu tư) tại lô D1 đến D14 Khu công nghiệp Đồng Xoài II với các nội dung chủ yếu sau đây:

1. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án: Sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với Dự án: Trong quá trình hoạt động, Dự án phải thực hiện đúng các nội dung đã nêu trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đảm bảo đáp ứng các Tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN) và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN) về môi trường. Cụ thể như sau:

2.1. Nước thải sinh hoạt và nước thải sản xuất sau khi xử lý sơ bộ tại nhà máy đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B phải được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Đồng Xoài II để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn xả thải theo quy định. Hệ thống thoát nước thải phải được tách riêng với hệ thống thoát nước mưa.

2.2. Thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường do tiếng ồn, bụi, khí thải, hơi dung môi phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án đảm bảo đạt QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 06:2009/BTNMT, QCVN 19:2009/BTNMT, QCVN 20:2009/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT, Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

2.3. Thực hiện hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh và thu gom, lưu trữ, hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển và xử lý các loại chất thải nguy hại theo quy định tại Nghị định số 59/2007/NĐ-CP ngày 09/4/2007 của Chính phủ về quản lý chất thải rắn và Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu.

2.4. Đảm bảo diện tích cây xanh trong khu vực Dự án đạt ít nhất 20% tổng diện tích Dự án.

2.5. Thực hiện các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa và khắc phục các sự cố do cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác.

3. Các yêu cầu khác:

3.1. Trong quá trình hoạt động, Chủ đầu tư phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Nếu để xảy ra sự cố gây ảnh hưởng xấu đến chất lượng môi trường và sức khỏe cộng đồng phải dừng ngay các hoạt động của công đoạn gây ra sự cố; tổ chức ứng cứu khắc phục sự cố; thông báo khẩn cấp cho Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Đồng Xoài để chỉ đạo và phối hợp xử lý.

3.2. Định kỳ thực hiện chương trình giám sát môi trường theo đúng nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, gửi báo cáo quan trắc về Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước.

Điều 2. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với các khoản 1 và 2 Điều 1 của Quyết định này, Chủ đầu tư phải có văn bản báo cáo và chỉ được thực hiện những thay đổi sau khi có văn bản chấp thuận của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động của Dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Báo cáo đánh giá tác động môi trường gồm 151 trang, 04 trang phụ lục, 01 Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, 12 trang kết quả phân tích mẫu môi trường và 09 bản vẽ có liên quan đã được Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước đóng dấu giáp lai và xác nhận vào mặt sau của trang phụ bìa của 06 quyển gửi cho Ban Quản lý Khu kinh tế 01 quyển, Sở Tài nguyên và Môi trường (Chi cục Bảo vệ môi trường) 01 quyển, UBND thị xã Đồng Xoài 01 quyển, Công ty CP Quang Minh Tiến 01 quyển, giao Chủ đầu tư 01 quyển và 01 quyển lưu tại Văn phòng UBND tỉnh.

Điều 5. Ủy nhiệm Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện việc gửi Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án đến các cơ quan quy định tại Điều 4; chủ trì kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và yêu cầu nêu tại Điều 2 của Quyết định này.

Điều 6. Các ông (bà) Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các các sở, ban, ngành: Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND thị xã Đồng Xoài, Tổng Giám đốc Công ty CP Quang Minh Tiến, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain và thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 6;
- LĐVP, P.KTN;
- Lưu: VT, Đ.Hòa.

CHỦ TỊCH

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Nguyễn Văn Trăm

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 30../GPXD

I. Cấp cho **Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain.**

- Địa chỉ : Lô D1 đến D14 tại Khu công nghiệp Đồng Xoài II, thuộc xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- II. Được phép xây dựng các công trình thuộc dự án : "Nhà máy sản xuất Giày dép".

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là do Công ty Cổ phần Thiết kế Xây dựng Thương mại Phúc Thịnh lập.

Vị trí xây dựng : Lô D1 đến D14 tại Khu công nghiệp Đồng Xoài II thuộc xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng :

- Cách 48m tính từ tim đường N2;
- Cách 28,5m tính từ tim đường N3;
- Cách 17,5m tính từ tim đường N4;
- Cách 14,5m tính từ tim đường N6;

Nội dung và quy mô đầu tư công trình :

1. Nhà xưởng A, B, I, J: (100,1x 36)m : 04 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : 3.603,6 x 4 = 14.414,4 m^2.
- Diện tích xây dựng tầng lững : 720 x 4 = 2.880 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 17.294,4 m^2.
- Chiều cao công trình : 8,38 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, nền bằng BTCT; khung kèo thép; tường xây gạch; mái lợp tole. xà gồ thép; cửa sổ khung nhôm lá sách; hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

2. Nhà xưởng C: (100,1x 36)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : 3.603,6 m^2.
- Diện tích xây dựng tầng lững : 2.023,2 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 5.628,8 m^2.

- Chiều cao công trình : 8,38 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, nền bằng BTCT; cột; dầm sàn; khung kèo thép; xà gồ thép; tường xây gạch bao; mái lợp tole; vách tole; cửa sổ khung nhôm lá sách; hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

3. Nhà xưởng D, F (100,1x 36)m: 02 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : 3.603,6 x 2 = 7.207,2 m^2.
- Diện tích xây dựng tầng 2 : 3.603,6 x 2 = 7.207,2 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 14.414,4 m^2.
- Chiều cao công trình : 8,38 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, nền bằng BTCT; cột; dầm sàn; khung kèo thép; xà gồ thép; tường xây gạch bao; mái lợp tole; vách tole; cửa sổ khung nhôm lá sách; hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

4. Nhà xưởng G, E (100,1x 36)m : 02 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Chiều cao công trình : 8,38 m.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : 3.603,6 x 2 = 7.207,2 m^2.
- Diện tích xây dựng tầng lững : 1.108,8 x 2 = 2.217,6 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 9.424,8 m^2.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, nền bằng BTCT; cột; dầm sàn; khung kèo thép; xà gồ thép; tường xây gạch bao; mái lợp tole; vách tole; cửa sổ khung nhôm lá sách; hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

5. Nhà xưởng H: (53,9 x 36)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : 1.940,4 m^2.
- Diện tích xây dựng tầng 2 : 360 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 2.300,4 m^2.
- Chiều cao công trình : 8,38 m.

- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện.

- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.

- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, nền bằng BTCT; cột; dầm sàn; khung kèo thép; xà gồ thép; tường xây gạch bao; mái lợp tole; vách tole; cửa sổ khung nhôm lá sách; hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

6. Nhà xưởng RD: (46 x 36)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 02 tầng.
- Diện tích xây dựng tầng 1 : 1.656 m^2.
- Diện tích xây dựng tầng 2 : 1.656 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 3.312 m^2.
- Chiều cao công trình : 11 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,2m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, nền bằng BTCT; cột; dầm sàn; khung kèo thép; xà gồ thép; tường xây gạch bao; mái lợp tole; vách tole; cửa sổ khung nhôm lá sách; hệ thống cửa cuốn bằng tole khung sắt.

7. Nhà văn phòng (48x15m): 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 03 tầng.
- Diện tích xây dựng : 720 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 2.160 m^2.
- Chiều cao công trình : 16,3 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột, kèo bằng BTCT; nền gạch Ceramic; tường xây gạch; mái BTCT, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

8. Nhà nghỉ nhân viên (48x14m): 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp III.
- Số tầng : 03 tầng.
- Diện tích xây dựng : 672 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 2.016 m^2.
- Chiều cao công trình : 15,1 m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột, kèo bằng BTCT; nền gạch Ceramic; tường xây gạch; mái BTCT, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

9. Nhà xe công nhân (60x36)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : cấp III.
- Số tầng: 02 tầng.
- Diện tích xây dựng : 2.160 m^2.
- Tổng diện tích sàn: 4.320 m^2.
- Chiều cao công trình: 7,1 m
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.5 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Giằng, móng băng BTCT, khung thép, mái lợp tole.

10. Căn tin (30x36)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 1.080m^2.
- Chiều cao công trình: 6,0 m.
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.3 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột, dầm sàn bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

11. Nhà kho hộp 1 và 2: (35x6) + (60x6) : 02 công trình.

- Loại công trình : Công trình công nghiệp.
- Cấp công trình : cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 210 + 360 = 570 m^2
- Chiều cao công trình: 5,0 m
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.3 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

12. Nhà kho 1, 2 và 3: (30x6) + (66x6) + (60x6) m : 03 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng. .
- Cấp công trình : cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 180 + 396 + 360 = 936 m^2
- Chiều cao công trình: 5,0 m.
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.3 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

13. Nhà vệ sinh công nhân 1 và 2: (30x6) + (46x6)m : 02 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 180 + 276 = 456 m^2.
- Chiều cao công trình: 5,0 m.
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.3 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

14. Nhà cơ khí + sửa chữa (dao cắt): (45x6)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 270 m^2
- Chiều cao công trình: 5,0 m
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.3 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

15. Nhà y tế + tổng vụ A (35x6)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : cấp IV.
- Số tầng: 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 210 m^2
- Chiều cao công trình: 5,0 m.
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.3 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi khung nhôm kính.

16. Phòng trạm điện (75x6)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình : cấp IV.
- Diện tích xây dựng : 450 m^2
- Chiều cao công trình: 5,3 m
- Cốt nền công trình: Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0.5 m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng, cột bằng BTCT; nền bê tông; tường xây gạch; mái BTCT, xà gồ thép.

17. Nhà tạo khuôn - tổng vụ B (40x6)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 240 m^2.
- Chiều cao công trình : 5m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi sắt cuốn.

18. Nhà pha keo (15x6)m : 01 công trình.
- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 90 m^2.
- Chiều cao công trình : 5,3m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi sắt cuốn.

19. Nhà kho khuôn - cắt (70x6)m : 01 công trình.
- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 420 m^2.
- Chiều cao công trình : 5m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi sắt cuốn.

20. Nhà bảo vệ 1 và 2: (11 x 3) + (3 x 3)m : 02 công trình.
- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 33 m^2 + 9 m^2 = 42 m^2.
- Chiều cao công trình : 3,5m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền gạch Ceramic; tường xây gạch; mái BTCT, xà gồ thép; hệ thống cửa nhôm kính.

21. Nhà rác (20x6)m : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình dân dụng.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 120m^2.
- Chiều cao công trình : 3,5m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu : Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa cuốn.

22. Bể nước ngầm và trạm bơm: 10x20: 01 công trình.
- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 200 m^2.
- Chiều cao công trình trạm bơm : 5m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu :

+ Trạm bơm gồm: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi sắt cuốn.

+ Bể nước gồm: đáy – thành – nắp bằng BTCT.

23. Bể thu nước mưa và trạm bơm: 36x6: 01 công trình.
- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Số tầng : 01 tầng.
- Diện tích xây dựng : 216 m^2.
- Chiều cao công trình trạm bơm : 5m.
- Cốt nền công trình : Tính từ cốt nền hoàn thiện công trình cao hơn 0,3m so với mặt sân hoàn thiện.
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Giải pháp kết cấu :

+ Trạm bơm gồm: Móng, đà kiềng bằng BTCT; khung kèo thép; nền bê tông; tường xây gạch; mái lợp tole, xà gồ thép; hệ thống cửa đi sắt cuốn.

+ Bể nước gồm: đáy – thành – nắp bằng BTCT.

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; cây xanh.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : 81.077,9 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 05550 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain ngày 31/10/2014.

IV. Ghi nhận các công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 12 tháng 8 năm 2015

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đào Văn Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

废水处理系统

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số : 54.../GPXD

I. Cấp cho **Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain.**

Địa chỉ : Lô D1 đến D14 tại Khu công nghiệp Đồng Xoài II, thuộc xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

II. Được phép xây dựng các công trình Hệ thống xử lý nước thải thuộc dự án : "Nhà máy sản xuất Giày dép".

Tổng số công trình theo hồ sơ thiết kế cơ sở là 02 do Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Full Antech lập.

Vị trí xây dựng : Lô D1 đến D14 tại Khu công nghiệp Đồng Xoài II thuộc xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Chỉ giới xây dựng :

- Cách 48m tính từ tim đường N2;
- Cách 28,5m tính từ tim đường N3;
- Cách 17,5m tính từ tim đường N4;
- Cách 14,5m tính từ tim đường N6;

Nội dung và quy mô đầu tư công trình :

2.1. Công trình xử lý nước thải sản xuất, công suất: 235 m^3/ngày.đêm : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật – Hệ thống xử lý nước thải.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Diện tích xây dựng : 10m x 6m = 60 m^2
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Quy mô xây dựng gồm :

a) Bể gom :

Kích thước L x B x H =2,0m x 1,9m x 4,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

b) Bể điều hòa :

Kích thước L x B x H = 3,5m x 3,0m x 4,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

c) Bể trung hòa :

Kích thước L x B x H = 0,8m x 1,5m x 4,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

e) Bể keo tụ :

Kích thước L x B x H = 0,8m x 1,5m x 4,5m; giải pháp kết câu : nền, tường làm bằng BTCT.

f) Bể tạo bông :

Kích thước L x B x H = 1,5m x 1,5m x 4,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

f) Bể lắng:

Kích thước L x B x H = 3,5m x 3,5m x 4,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

g) Bể trung gian :

Kích thước L x B x H = 2,0m x 1,9m x 3,0m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

h) Bể chứa bùn :

Kích thước L x B x H = 4,0m x 1,9m x 3,0m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

2.2. Công trình xử lý nước thải tập trung, công suất: 520 m^3/ngày.đêm : 01 công trình.

- Loại công trình : Công trình hạ tầng kỹ thuật – Hệ thống xử lý nước thải.
- Cấp công trình : Cấp IV.
- Diện tích xây dựng : 22,3m x 6m = 133,8 m^2
- Chỉ giới xây dựng : Theo mặt bằng tổng thể xây dựng công trình.
- Quy mô xây dựng gồm :

a) Bể gom :

Kích thước L x B x H = 8,3m x 1,25m x 4,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

b) Bể điều hòa :

Kích thước L x B x H = 3,4m x 5,5m x 5,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

c) Bể trung hòa :

Kích thước L x B x H = 1,5m x 1,0m x 1,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

e) Bể thiếu khí :

Kích thước L x B x H = 3,4m x 5,5m x 5,5m; giải pháp kết câu : nền, tường làm bằng BTCT.

f) Bể aerotank :

Kích thước L x B x H = 6,0m x 5,5m x 5,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

f) Bể lắng:

Kích thước L x B x H = 4,0m x 4,0m x 5,5m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

g) Bể chứa :

Kích thước L x B x H = 1,9m x 4,05m x 3,0m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

h) Bể khử trùng :

Kích thước L x B x H = 1,9m x 4,05m x 3,0m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

j) Bể chứa bùn :

Kích thước L x B x H = 4,0m x 1,9m x 3,0m; giải pháp kết cấu : nền, tường làm bằng BTCT.

* Ngoài ra công trình còn có các hạng mục: Hệ thống cấp điện; hệ thống cấp nước; hệ thống chống sét; hệ thống PCCC; sân đường nội bộ; cây xanh.

III. Giấy tờ về quyền sử dụng đất : 81.077,9 m^2, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số vào sổ CT 05550 do UBND tỉnh Bình Phước cấp cho Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain ngày 31/10/2014.

IV. Ghi nhận các công trình đã khởi công : Không.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp. Quá thời hạn trên, Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng.

(Chủ đầu tư lưu ý xem những nội dung phải thực hiện ở mặt sau Giấy phép này).

Bình Phước, ngày 07 tháng 12 năm 2015

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN

Đào Văn Hoàng

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu VT.

UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC
BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ

Số: 752./ BQL – TNMT

V/v xác nhận Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain đã thực hiện công trình xử lý nước thải.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bình Phước, ngày 02 tháng 12 năm 2016

Kính gửi: Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain.

Theo đề nghị của Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain tại Công văn không số ngày 04/11/2016 về việc xin nghiệm thu hệ thống xử lý nước thải. Ngày 09/11/2016, Ban Quản lý Khu kinh tế đã tiến hành kiểm tra thực tế việc thực hiện công trình xử lý nước thải của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm" do Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain làm Chủ đầu tư tại KCN Đồng Xoài II, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài. Qua kiểm tra thực tế cho thấy vẫn còn một số tồn tại cần phải khắc phục, Ban Quản lý Khu kinh tế đã lập biên bản và yêu cầu Công ty khắc phục các nội dung còn tồn tại.

Ngày 30/11/2016, sau khi nhận được ý kiến của Chủ đầu tư về việc đã khắc phục các nội dung còn tồn tại theo yêu cầu của Đoàn kiểm tra ngày 09/11/2016. Ban Quản lý Khu kinh tế đã tiến hành kiểm tra lại và nhận thấy Công ty đã khắc phục theo đúng yêu cầu. Ban Quản lý Khu kinh tế có ý kiến như sau:

1. Ban Quản lý Khu kinh tế xác nhận Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain tại KCN Đồng Xoài II, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước đã hoàn thành công trình xử lý nước thải của Dự án "Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất giày, công suất 5.760.000 đôi/năm", bao gồm các nội dung sau:

- Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 235 m^3/ngày.đêm gồm các hạng mục chính như sau: Rổ lược rác – Bể thu gom – Bể điều hòa – Bể trung hòa – Bể keo tụ – Bể tạo bông – Bể lắng – Bể trung gian.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung của nhà máy công suất 520 m^3/ngày.đêm gồm các hạng mục chính như sau: Bể gom – Lược rác tinh – Bể điều hòa – Bể trung hòa – Bể thiếu khí – Bể Aerotank – Bể lắng – Bể chứa – Bồn lọc cát – Bồn lọc than – Bể khử trùng.

- Nước thải sau hệ thống xử lý 520 m^3/ngày.đêm đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B (tại thời điểm lấy mẫu ngày 09/11/2016) và được đấu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Đồng Xoài II.

2. Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu sau đây:

- Tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Tự chịu trách nhiệm đối với công trình, biện pháp bảo vệ môi trường được thực hiện đã nêu tại khoản 1 Công văn này. Tiếp tục thực hiện các biện pháp bảo

vệ môi trường, đảm bảo các quy định, quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường có liên quan theo pháp luật hiện hành.

- Vận hành các công trình xử lý nước thải theo đúng công suất thiết kế, lập nhật ký vận hành công trình xử lý nước thải, đảm bảo các quy trình, quy phạm kỹ thuật.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với công trình xử lý nước thải hoặc các công trình bảo vệ môi trường khác hoặc có sự thay đổi nội dung trong Công văn này, chủ đầu tư phải báo cáo bằng văn bản đến Ban Quản lý Khu kinh tế để kịp thời xử lý hoặc điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

- Thực hiện chế độ báo cáo về bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường theo quy định của pháp luật.

- Chịu sự kiểm tra, giám sát của Ban Quản lý Khu kinh tế và các cơ quan quản lý nhà nước khác về bảo vệ môi trường theo quy định.

3. Yêu cầu Công ty tiếp tục thực hiện các nội dung trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Công văn số 3550/UBND-KTN ngày 11/11/2015 của UBND tỉnh về việc thay đổi quy trình, công nghệ xử lý nước thải của Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain khi đi vào hoạt động./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, P.QL.TNMT;

KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN

BAN QUẢN LÝ KHU KINH TẾ TỈNH BÌNH PHƯỚC

Đào Văn Hoàng

CÔNG TY TNHH MT
CAO GIA QUÝ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG THU GOM XỬ LÝ CHẤT THẢI
廢棄物收集處理

Số: 03/2024 GG-CGQ

1 Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;

依據越南社會主義共和國國民議會於 2020 年 11 月 17 日通過的第 72/2020/QH14 號環境保護法，自 2022 年 1 月 1 日起生效。

2 *Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/06/2005;*
根據民事法第 91/2015/ QH13 規定自 24/11/2015 起生效以及商業法第 36/2005/QH11 規定自 14/06/2005 起生效。

3 Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
依據 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/ND-CP 號法令，該法令詳述了環境保護法的若干條款。

4 Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;
依據 2022 年 1 月 10 日的第 02/2022/TT-BTNMT 號通告，詳細說明了《環境保護法》的一些條款。

5 *Căn cứ Giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) do Bộ Tài Nguyên và Môi Trường cấp lần hai ngày 16/03/2020;*
根據平福省資源與環境部在 16/03/2020 頒發第二次的危害廢棄物管理登記簿(编号: QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.053.VX)。

6 *Căn cứ vào nhu cầu và năng lực của hai bên,*
根據雙方的能力與需求

Hôm nay, ngày 26 tháng 03 năm 2024, chúng tôi gồm :
今日，2024 年 03 月 26 日在富盛制鞋責任有限公司，我們有：

Bên A: CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
甲方： 富盛製鞋責任有限公司

. Đại diện: Ông: CHU CHE LIANG Chức vụ:Tổng Giám Đốc
代表人: 朱哲良 職位 : 總經理
Đại diện ký hợp đồng:Ông CHEN JHIH YUAN Chức vụ:Giám Đốc
簽約代表人: 陳稚原 職位 : 經理
Địa chỉ: Lô D1 đến D14,Khu Công Nghiệp Đồng Xoài II,Phường Tiến Thành,Thành Phố Đồng Xoài,Tỉnh Bình Phước
地址:越南平福省同帥市進成坊同帥二工業區 D1 到 D14 區
Điện thoại 電話:0271-3889007 FAX 傳真: 0271-3889863
MST 稅號：3801083966

Được quét bằng CamScanner

BÊN B: CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CAO GIA QUÝ
乙方： 高家貴環境責任有限公司

Đại diện: Ông Lê Văn Tùng　　Chức vụ: Phó Giám đốc
代表人 ： 黎文松　　職位 ：副經理
Địa chỉ : Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước
地址 ： 平福省同富县新福社福新邑
Điện thoại 電話 : 0769 000 769　　Fax 傳真: 028 54023288
MST 稅號 : 3800743345
Tài khoản: 6282 8888 9999 Tại Ngân Hàng: Thương Mại Cổ Phần Quân Đội (MB Bank) – Chi nhánh Phú Nhuận.
帳號 ：6282 8888 9999 银行：军事商业股份银行（MB 银行）

Sau khi cùng nhau thảo luận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại (dưới đây gọi tắt là CTNH) với các điều khoản và điều kiện sau:
經過討論，雙方同意簽訂危害廢棄物清運處理之合約(以下簡稱為 CTNH)包括以下條款：

ĐIỀU 1: Nội dung hợp đồng
第一條：合約內容

1.1 Bên A đồng ý cho bên B thu gom, vận chuyển, xử lý các loại chất thải nguy hại (CTNH) trong quá trình sản xuất kinh doanh của bên A.
同意乙方在甲方的生產過程中收集、清運、處理甲方的各種危害廢棄物(CTNH)。

1.2 Bên B sẽ xử lý các loại chất thải theo giấy phép xử lý chất thải nguy hại (mã số QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX) tại nhà máy của Công ty TNHH MT Cao Gia Quý, địa chỉ Ấp Phước Tân, xã Tân Phước, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước.
乙方會按照危害廢棄物的執照在高家貴環境責任有限公司，地址：平福省同富县新福社福新邑，來處理各種危害廢棄物(編號：QLCTNH 1-2-3-4-5-6.053.VX)。

ĐIỀU 2: Điều kiện thực hiện hợp đồng
第二條：執行合約條件

2.1 Hai bên giao nhận, xác định số lượng chất thải tại kho của bên A (thể hiện bằng biên bản giao nhận và chứng từ CTNH). Bên A có trách nhiệm về việc lưu giữ các loại chất thải nêu trên theo đúng quy định. Khi có nhu cầu thu gom, xử lý, bên A thông báo trước cho bên B (bằng fax hoặc điện thoại) đến nhận chất thải trong khoảng thời gian ít nhất là 1 ngày.
雙方確認廢棄物數量在甲方的倉庫(顯示在廢棄物移交清單與 CTNH 單據)。甲方有責任依照規定保存好以上之廢棄物。當有收集、清運之需求，甲方通知乙方(傳真或電話通知)來收集廢棄物在 1 天以內。

2.2 Bên A tạo điều kiện cho bên B trong quá trình thu gom CTNH (phân loại chất thải riêng biệt, đóng gói chất thải vào bao bì phù hợp). Bên B tiến hành thu gom, vận chuyển, lưu giữ, xử lý (hoặc chuyển giao xử lý) các loại chất thải đã tiếp nhận theo đúng quy trình kỹ thuật và đảm bảo đúng các quy định về môi trường của Nhà nước
甲方創造有利條件讓乙方來收集與清運 CTNH(分類好，裝袋子)。乙方將按照技術流程收集、運輸、儲存、處理（或轉移處理）各種收到的廢棄物，並確保遵守國家的環境法規。

Được quét bằng CamScanner

2.3 Sau khi chất thải được bên B vận chuyển khỏi khu vực của bên A, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra (thất thoát làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường…) thì bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.
乙方將廢棄物從甲方運輸至其他地方後，如果發生任何事件（影響環境衛生的損失……），則乙方應承擔全部責任。

ĐIỀU 3: Số lượng, giá cả
第三條：數量, 單價

- Số lượng chất thải giao nhận: sẽ xác định bằng biên bản (hoặc chứng từ CTNH) theo số cân thực tế giao nhận giữa hai bên.
  廢棄物的清運數量：依照實際秤重的文件(或 CTNH 單據)雙方確認過來做依據
- Giá cả: chi phí thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại:
  單價：危害廢棄物收集、清運、處理費用:

STT 序號	Tên chất thải 废弃物清單	Trạng thái 狀態	Mã CTNH 廢棄物編碼	Khối lượng theo sổ chủ nguồn thải (Kg/ năm) 依照廢棄物管理登記簿之預計數量（公斤/年）	Đơn giá(VND) 單價（越南盾）
01	Chất hấp thụ đã qua sử dụng (than hoạt tính thải) 二手吸附劑（廢活性炭）	Rắn 固体	03 01 07	120	3.500 đồng/kg
02	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải 廢泥中含有來自廢水處理過程的有害成分	Bùn 廢泥	03 02 08	500	
03	Mực in thải có các thành phần nguy hại 廢墨中含有有害成分	Lỏng 液體	08 02 01	50	
04	Hộp mực thải có các thành phần nguy hại 廢墨水盒含有危險成分	Rắn 固体	08 02 04	60	
05	Da thú có các thành phần nguy hại thải bỏ từ quá trình thuộc da và các quá trình liên quan (da vụn thải) 鞣革及相關工藝中廢棄含有有害成分（廢皮革）	Rắn 固体	10 01 02	3.500	
06	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải 熒光燈和廢活化玻璃	Rắn 固体	16 01 06	60	
07	Dầu thủy lực tổng hợp thải 廢液壓油	Lỏng 液體	17 01 06	1.200	

Được quét bằng CamScanner

08	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải 機油，變速箱和廢油的一般潤滑油	Lỏng 液體	17 02 03	80	
09	Bao bì cứng thải bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn 金屬廢料包括壓力容器內須確保已完全清空	Rắn 固体	18 01 02	4.200	
10	Bao bì cứng thải bằng nhựa 廢塑料硬性包裝	Rắn 固体	18 01 03	100	
11	Giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại (giẻ lau dính dầu nhớt, mực thải) 廢防護布和碎布被有害成分（油污的布，廢墨）污染	Rắn 固体	18 02 01	420	
12	Ắc quy chì thải 废铅电池	Rắn 固体	19 06 01	25	
13	Tổng số lượng 總數量			21.415	

Ghi chú 備註：

- Đơn giá trên chưa bao gồm 10% thuế Giá trị gia tăng (VAT);
  以上單價為包含 10%增值稅((VAT)
- Đơn giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển và xử lý chất thải;
  以上單價已包含運費以及廢棄物處理費

ĐIỀU 4: Phương thức thanh toán

第四條：付款方式

- Bên A thanh toán cho Bên B 100% chi phí vận chuyển và xử lý CTNH trong vòng 15 ngày làm việc sau khi Bên B xuất hóa đơn tài chính cho Bên A.
  甲方支付 100%的廢棄物清運與處理費用給乙方當甲方收到乙方的發票 15 天內。
- Phương thức thanh toán được thực hiện theo hình thức chuyển khoản hoặc bằng tiền mặt.
  付款方式：匯款或現金支付
- Nếu Bên A không thanh toán cho Bên B theo đúng thời hạn ghi trong hợp đồng này thì Bên B sẽ ngưng tiếp nhận CTNH của Bên A đồng thời sẽ tiến hành thanh lý hợp đồng.
  若甲方不按時支付則乙方將停止收集與清運甲方的危害廢棄物且進行清理合約。

ĐIỀU 5: Điều khoản chung

第五條：共同條款

Được quét bằng CamScanner

- Hai bên cam kết thực hiện đúng những điều khoản đã thỏa thuận trên. Nếu có vấn đề phát sinh hai bên cùng nhau bàn bạc giải quyết. Nếu không giải quyết được sẽ đưa sự việc ra Tòa án kinh tế TP Hồ Chí Minh để giải quyết, bên thua kiện sẽ chịu mọi phí tổn.
  雙方同意嚴格履行此合同。履行過程中若遇到問題，雙方將以合作精神來協商。若雙方協商不一致將根據胡志明經濟法院的越南法律法規解決，输方需要赔偿胜方的所有费用
- Khi có bất kỳ sự thay đổi, bổ sung nội dung của Hợp đồng, thì hai bên sẽ tiến hành ký kết Phụ lục Hợp đồng.
  履行合同過程中，如有本合同未盡事宜，雙方應及時討論，解決和補充附錄合同

ĐIỀU 6: Hiệu lực của Hợp đồng

第六條：合約效力

- Hợp đồng này được lập thành 04 bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 02 bản có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 26/03/2027. Tiếng việt được ưu tiên áp dụng trong mọi trường hợp.

合同一式四份、雙方各持 02 分，自簽訂自日起生效到 26/03/2027. 具有同等法律效力。若有任何爭議優先以越南

ĐẠI DIỆN BÊN A **甲方代表**	**ĐẠI DIỆN BÊN B** **乙方代表**
CHEN JHIH YUAN	**LÊ VĂN TÙNG**

Được quét bằng CamScanner

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

越南社會主義共和國

獨立-自由-幸福

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

經濟合約

(V/v thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, thu mua phế liệu)

（收集、運輸、轉運和處理、收購廢品））

Số 編號:03/2024/HĐKT/GG – TL

- *Căn cứ vào Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/11/2015;*
- *根據越南社會主義共和國國民議會第 91/2015/QH13 號民法，自 2015 年 11 月 24 日起生效；*
- *Căn cứ Luật Bảo Vệ Môi Trường số 72/2020/QH14 do Quốc Hội nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/11/2020, có hiệu lực từ ngày 01/01/2022;*
- *根據越南社會主義共和國國會於 2020 年 11 月 17 日通過的第 72/2020/QH14 號環境保護法，自 2022 年 1 月 1 日起生效*
- *Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;*
- *根據 2022 年 1 月 10 日第 08/2022/ND-CP 號法令，詳細說明了《環境保護法》的多項條款；*
- *Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ Môi Trường;*
- *根據 2022 年 1 月 10 日第 02/2022/TT-BTNMT 號通知，詳細介紹了《環境保護法》的多項條款；*
- *Căn cứ sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, mã số QLCTNH: 79004321T. (cấp lần 01) ngày 13/09/2013. của Sở Tài Nguyên và Môi Trường Tỉnh Bình Phước cấp cho Công Ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain.*
- *根據危害廢棄物管理登記簿，编号：QLCTNH: 79004321T.（第 1 次頒發）在 13/09/2013 平福省資源與環境部發給富盛製鞋責任有限公司。*

Được quét bằng CamScanner

- *Căn cứ vào chức năng và điều kiện thu gom chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt và thu mua phế liệu của Công Ty TNHH MTV DV TM Môi Trường Thanh Liêm.*
- *基於清廉環境貿易服務有限公司收集常規工業固體廢物和生活廢物以及購買廢料的功能和條件。*
- *Căn cứ vào yêu cầu của Công Ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain.*
- *根據富盛製鞋責任有限公司之要求。*
- *Theo thỏa thuận của hai bên*

根據雙方之協議

Hôm nay, ngày 27 tháng 03 năm 2024, tại Công ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain, chúng tôi gồm có:

今天，27 月 03 日 2024 年，在富盛製鞋責任有限公司，我們有：

BÊN A : CÔNG TY TNHH SX GIÀY DÉP GRAND GAIN

甲方 ：富盛製鞋責任有限公司

Đại diện: Ông CHU CHE LIANG Chức vụ: Tổng Giám Đốc

代表人： 朱哲良 職位：總經理

Đại diện ký hợp đồng: Ông CHEN JHIH YUAN Chức vụ: Giám Đốc

簽約代表人 ： 陳稚原 職位：經理

Địa Chỉ: Lô D1 đến D14, Khu Công Nghiệp Đồng Xoài II, P.Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước, Việt Nam.

地址 ：越南平福省同帥市進成坊同帥二工業區 D1 到 D14 區塊

Điện Thoại 電話：0271-3889007 Fax: 傳真：0271-3889863

Mã số thuế 稅號 : 3801083966

BÊN B : CÔNG TY TNHH MTV DV TM MÔI TRƯỜNG THANH LIÊM.

乙方 ：清廉環境一成員責任有限公司

Đại diện : ***Nguyễn Thanh Liêm*** Chức vụ: Giám đốc

代表人： 阮清廉 職位：經理

Địa chỉ : Tổ 04, Ấp 2, xã Tân Thạnh Tây, huyện Củ Chi, Tp.HCM

地址 ：胡志明市古芝縣新譚西社第 2 邑第 4 組

Điện thoại 電話 : (08) 37355294 Fax: 傳真(08) 37355294

Mã số thuế 稅號 : 0308852913

Tài khoản số: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam(Vietinbank) Số tài khoản : 114002907856

銀行帳號 ： 越南工贸股份制商业银行（Vietinbank）114002907856

ĐIỀU I. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG. 第一條：合約內容

Bên A đồng ý cho bên B ký hợp đồng thu gom, vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt và thu mua phế liệu của bên A tại địa điểm: Lô D1 đến D14, khu công nghiệp Đồng Xoài II, P. Tiến Thành, TP. Đồng Xoài , Tỉnh Bình Phước.

Được quét bằng CamScanner

乙方清廉環境一成員責任有限公司與甲方富盛製鞋責任有限公司簽署收集、運輸工業垃圾、生活垃圾在：越南平福省同帥市進成坊同帥二工業區 D1 到 D14 區塊

ĐIỀU II. ĐỊA ĐIỂM, THỜI GIAN GIAO NHẬN, SỐ LƯỢNG, PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

第二條：地點、收集時間、數量、運輸方式和執行時間

1. ***Địa điểm lưu giữ và xử lý***: đúng quy định với pháp luật hiện hành
   儲存地點與處理方式：根據現行法律
2. ***Đặc tính chất thải***: chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, phế liệu
   廢棄物的特性：生活垃圾、普通工業固體廢棄物、廢棄物.
3. ***Địa điểm giao nhận chất thải:*** Tại kho lưu giữ chất thải của bên A.
   廢棄物的收集地點：甲方的廢棄物儲存倉
4. ***Số lượng:*** Căn cứ vào lượng chất thải phát sinh của chủ nguồn thải nhưng phải đảm bảo thuận tiện cho việc bốc xếp và vận chuyển của bên B.
   數量：根據廢棄物源所產生的數量但要確保乙方的卸載和運輸的方便
5. ***Phương tiện vận chuyển***: Bên B chịu trách nhiệm bố trí phương tiện vận chuyển chuyên dụng theo quy định của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường, sắp xếp người cho hàng lên xe.
   交通運輸：按照資源環境部的規定來按派專用車輛以及搬運人員
6. ***Thời gian thực hiện:*** Trong vòng 24 đến 48 giờ sau khi nhận được yêu cầu bằng điện thoại của bên A, bên B sẽ bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển chuyên dụng.
   執行時間：在 24～48 小時接受到甲方的來電要求後，乙方將要配合安排人力和專用車輛來收集。

ĐIỀU III. ĐƠN GIÁ VÀ HÌNH THỨC THANH TOÁN 第三條：單價與付款方式

Đơn giá thu gom vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải, thu mua phế liệu như sau :
垃圾收集、運輸、轉機處理、廢品收購等單價如下：

1. Chất thải rắn công nghiệp thông thường, đơn giá thu gom vận chuyển và chuyển giao xử lý : 2.000 đ /kg (chưa bao gồm thuế VAT). Khối lượng tối thiểu là 65 tấn/tháng.
   工業垃圾的收集、運輸以及處理單價：2.000 越盾/公斤(未含稅金)，最小產量為 65 噸/月
2. Đế cao su, Eva , đơn giá thu mua : 0 đ /kg. Khối lượng tối thiểu 20 tấn/tháng mỗi loại.
   報廢的橡膠大底,中底，採購單價：0 越盾/公斤，每種類型的最小產量為 20 噸/月。
3. Chất thải sinh hoạt, đơn giá thu gom vận chuyển và chuyển giao xử lý mức khoán là 23.000.000 Vnđ/tháng (chưa bao gồm thuế VAT) cho khối lượng dưới 20 tấn/tháng. Đơn giá phát sinh khối lượng vượt 600 vnđ/kg.
   對於生活垃圾，20 噸/月以下的收集、運輸、轉移和處理單價為 23,000,000 越南盾/月（不含增值稅）。發電量單價超過 600 越南盾/公斤。
4. Phế liệu công nghiệp ngành giày (giấy cartoon, giấy vụn, bao nylon, vải vụn các loại ...), đơn giá thu mua:10.000.000 đ/tháng (Mười triệu đồng chẵn). Khối lượng thu gom tối thiểu là bao nylon > 4 tấn/tháng; giấy > 15 tấn/tháng, chai nhựa 1,5 tấn/tháng, …)

Được quét bằng CamScanner

5. 制鞋业的工业废料（卡通纸、废纸、尼龙袋、各种布料废料...），采购单价：10,000,000 越南盾/月（甚至千万）。最小收集量为尼龙袋>4 吨/月；纸张 > 15 吨/月，塑料瓶 1.5 吨/月，...)

6. Bên A thanh toán cho bên B trong thời gian là 07 ngày khi bên A nhận hoá đơn VAT thu gom vận chuyển và chuyển giao xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải sinh hoạt.
當甲方收到乙方的工業垃圾與危害垃圾處理的增值發票時，應在 07 天內支付給乙方。

ĐIỀU IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

第四條：雙方責任

4.1 Trách nhiệm của bên A: 甲方責任：

- Trước mỗi đợt bàn giao chất thải bên A phải báo trước 24 giờ cho bên B để bên B bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển.
每次的垃圾收集與運輸時，甲方須提前 24 小時通知乙方，以便人力安排與車輛調度。
- Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân lực và phương tiện của bên B vào điểm tập kết chất thải.
創造有利條件給乙方人員、車輛順利進入垃圾儲存倉庫收集、運輸之作業。
- Không chuyển giao chất công nghiệp và phế liệu công nghiệp của hợp đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào khác.
不能轉讓本合約的工業垃圾、廢棄物給其他的第三方。
- Khi có hàng thanh lý phải ưu tiên bán cho công ty Thanh Liêm .
當有清理之廢棄物要優先售給清廉公司。

4.2 Trách nhiệm của bên B:乙方責任：

- Bố trí nhân lực và phương tiện vận chuyển tại nhà máy để thực hiện việc phân loại chất thải.
安排人力、交通運輸至工廠的垃圾儲存倉進行垃圾分類。
- Thực hiện nghiêm túc các nội quy, quy định khi ra vào công ty , nội quy PCCC, an toàn vệ sinh môi trường, khi làm việc trong khuôn viên của bên A .
在甲方的範圍工作時，要落實執行與遵守進出之規定、工廠之內規、消防之規定、環保安全之規範。
- Thực hiện nhận, bàn giao chất thải từ chủ nguồn thải, tổ chức bốc xếp và vận chuyển chất thải trên bằng phương tiện chuyên dụng đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định của Bộ Tài Nguyên và Môi Trường Phương tiện vận chuyển phải có thông báo số lượng xe, số xe thường xuyên vào bên A để thu gom vận chuyển
- 接收、移交垃圾源頭的垃圾，依照自然資源環境部的規定，使用符合環保技術要求的專用車輛組織垃圾裝卸和運輸，運輸車輛領域必須通報數量定期到甲方接送的車輛及數量。
- Đảm bảo vận chuyển và xử lý chất thải theo đúng các quy định về vận chuyển và xử lý chất thải. Chịu trách nhiệm giải quyết các sự cố xảy ra trên đường vận chuyển (*kể từ lúc ra khỏi cổng của bên A*);
確保有按照廢棄物的運輸、處理方式、工作流程等相關之規定來作業。負責解決在運輸過程中所發生的事故(自車輛離開甲方的門口時)
- Xử lý triệt để và chịu trách nhiệm đến cùng chất thải của bên A.
徹底處理與負責全部責任甲方的廢棄物。

Được quét bằng CamScanner

- Nếu có bất cứ vấn đề gì phát sinh trong quá trình thực hiện đều phải có thông báo bằng văn bản cho bên A để cùng phối hợp giải quyết.
  若在執行過程中有發生任何問題時，都要以正式文件通知甲方來一起協助解決。
- Bên B có trách nhiệm thực hiện báo cáo công tác bảo vệ môi trường
- Chi phí Bên A chịu : 50% , bên B chịu : 50% trên tổng giá trị chi phí thử mẫu môi trường, viết báo cáo công tác bảo vệ môi trường 甲方有責任定期提供環保檢查之報告，危害廢棄物之報告，由甲方支付 50%、乙方支付 50%的取樣送測費用的總價值，定期提供環保檢查報告、危害廢棄物報告。

ĐIỀU V : DANH MỤC CHẤT THẢI RẮN CÔNG NGHIỆP THÔNG THƯỜNG – CHẤT THẢI SINH HOẠT– PHẾ LIỆU

第五條：工業垃圾、危害垃圾、廢棄物轉交項目

1. ***Chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải sinh hoạt***

   普通工业固体废物和生活垃圾

TT 序号	**Tên chất thải** 垃圾名稱	**Trạng thái tồn tại** 存在狀態
1	Chất thải rắn công nghiệp thông thường ngành giày 鞋業之垃圾	Rắn 固體
2	Chất thải sinh hoạt 生活垃圾	Rắn 固體

2. ***Phế liệu：工業廢棄物***

TT 序号	**Tên Phế liệu** 垃圾名稱	**Trạng thái tồn tại** 存在狀態
1	Giấy carton, giấy vụn 紙箱、廢紙	Rắn 固体
2	Các loại bao bì…各類包裝袋...	Rắn 固体
3	Bao nylon.. 塑膠袋..	Rắn 固体
4	Đế cao su (đã cắt) 橡胶（切掉）	Rắn 固体
5	Eva 中底	Rắn 固体

ĐIỀU VI. SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

第六條：不可抗之事件

Sự kiện bất khả kháng là sự kiện xảy ra mang tính chất khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên như động đất, bão, lũ, lụt, lốc, sóng thần, lở đất, hỏa hoạn, chiến tranh hoặc nguy cơ xảy ra chiến tranh... thì:

不可抗之事件是客觀因素超出雙方的可控範圍，如：地震、颱風、水災、海嘯、土石流、火災、戰爭或有可能發生戰爭…，則：

Được quét bằng CamScanner

- Hai bên sẽ tiến hành thảo luận tìm cách tháo gỡ khó khăn, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho nhau trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ.
  雙方商量討論克服問題，互相協助且創造有利條件一起解決。
- Tiến hành các biện pháp ngăn ngừa, các biện pháp thay thế cần thiết để hạn chế tối đa những ảnh hưởng do sự kiện bất khả kháng gây ra.
  進行預防措施、替代方案，以便減少最大可能被不可抗之因素所造成的影響。
- Thông báo cho bên kia ngay sau khi xảy ra các sự kiện bất khả kháng để cùng phối hợp giải quyết.
  當發生不可抗之事件，須立即通知對方來進行協調、解決問題。

ĐIỀU VII. CÁC ĐIỀU KHOẢN CHUNG

第七條：共同條款

- Bên A và bên B không được phép tiết lộ bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào liên quan đến hợp đồng này cho bất kỳ ai khi chưa có sự đồng thuận bằng văn bản của bên còn lại.
  未經對方之書面同意，甲乙雙方不可偷漏與本合約有關的任何資料或文件給其他人知道。
- Hai bên không được chuyển nhượng, giao bán hợp đồng này hay bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào trong hợp đồng mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản giữa các bên
  雙方不可轉讓、販售本合約的任何權利或義務當還沒經過雙方的書面同意
- Hai bên cam kết không lợi dụng công việc của mình để khai thác hoặc tiết lộ các thông tin của nhau.
  雙方要確保不利用自己的工作權利來挖取或洩漏彼此的資訊。
- Nhân viên của bên B không được tự ý đi vào các khu vực riêng hoặc bị cấm trong phạm vi khu vực của bên A khi chưa được sự cho phép của bên A.
  乙方的人員不可隨意進入甲方的私人區域或禁止區域當還沒經過甲方的許可。
- Bên A, bên B cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện cần chủ động thông báo cho nhau biết tiến độ thực hiện hợp đồng, nếu có vấn đề gì phát sinh các bên kịp thời thông báo cho nhau và chủ động bàn bạc, giải quyết trên cơ sở thương lượng đảm bảo lợi ích hai bên.
  甲乙雙方要落實執行本合約所列之條款，執行過程中須互相且主動告知彼此的執行進度，若有問題須即時通知且一起討論、解決問題來確保雙方之利益。
- Hai bên thực hiện đúng các điều khoản đã ghi trong hợp đồng, không được đơn phương sửa đổi nội dung hay hủy bỏ hợp đồng. Mọi thay đổi liên quan đến hợp đồng đều phải lập thành phụ lục hợp đồng và là một phần không thể tách rời với hợp đồng này.
  雙方確保遵守本合約所列之條款，不可單方更改合約內容或解約。有關本合約的任何修更之內容，務必要增加附錄合約，並成為本合約的一體，不可分開。
- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng hoặc liên quan đến hợp đồng trước tiên sẽ được giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải giữa các bên. Nếu không giải quyết được bằng thương lượng thì tranh chấp sẽ được giải quyết cuối cùng bởi tòa án kinh tế thành phố Hồ chí Minh.
- 若發生跟本合約有關的任何爭執，須先以商量討論的方式來調解一起解決。若不能協商解決，則由胡志明市經濟法院處理。

Được quét bằng CamScanner

ĐIỀU VIII. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

第 8 條：合約效力

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến hết ngày 27/ 03 /2027
  該合約自簽訂之日起生效且到 27/ 03 /2027 為止。
- Khi hết thời hạn hợp đồng nếu không có gì vướng mắc giữa hai bên thì hợp đồng coi như đã được thanh lý. Nếu hai bên có nhu cầu và khả năng hợp tác thì tiếp tục gia hạn hợp đồng hoặc ký kết hợp đồng tiếp theo và nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước hạn phải thông báo cho bên kia biết trước 03 tháng .
  當合約期滿時若雙方沒有任何的爭議，則本合約視為已被清算。若雙方還有合作之需求，則可繼續續約或簽立新的合約，若任何一方要終止合約須提前 03 個月通知對方。
- Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, mỗi bên A giữ 02 (hai) bản, bên B giữ 02 (hai) bản làm cơ sở thực hiện. Trong trường hợp có bàn cãi và tranh chấp thì sẽ lấy Tiếng Việt làm chuẩn。
  本合約立成 04 份(肆)以越文為準且具有相同的法律效力，甲方持 02 份(貳)、乙方持 02 份(貳)，作為執行的依據。如有爭议或爭议，将以越南语为标准

ĐẠI DIỆN BÊN A

甲方代表

ĐẠI DIỆN BÊN B

乙方代表

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thanh Liêm

Được quét bằng CamScanner

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

GIẤY CHỨNG NHẬN
QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT
QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

I. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Công ty TNHH Sản xuất Giày dép Grand Gain

Giấy chứng nhận đầu tư số 442043000082 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp ngày 12/9/2014

Địa chỉ trụ sở chính: Khu Công nghiệp Đồng Xoài II, xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

BN 971452

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thửa đất:

a) Thửa đất số: , tờ bản đồ số: ;

b) Địa chỉ: xã Tiến Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước;

c) Diện tích: 81.077,9 m^2;

(Bằng chữ: Tám mươi mốt nghìn không trăm bảy mươi bảy phẩy chín mét vuông)

d) Hình thức sử dụng: riêng 81.077,9 m^2, chung: Không m^2;

đ) Mục đích sử dụng: Đất khu công nghiệp;

e) Thời hạn sử dụng: Đến ngày 28/12/2059;

g) Nguồn gốc sử dụng: Thuê đất trả tiền hàng năm của doanh nghiệp đầu tư hạ tầng khu công nghiệp.

2. Nhà ở: -/-

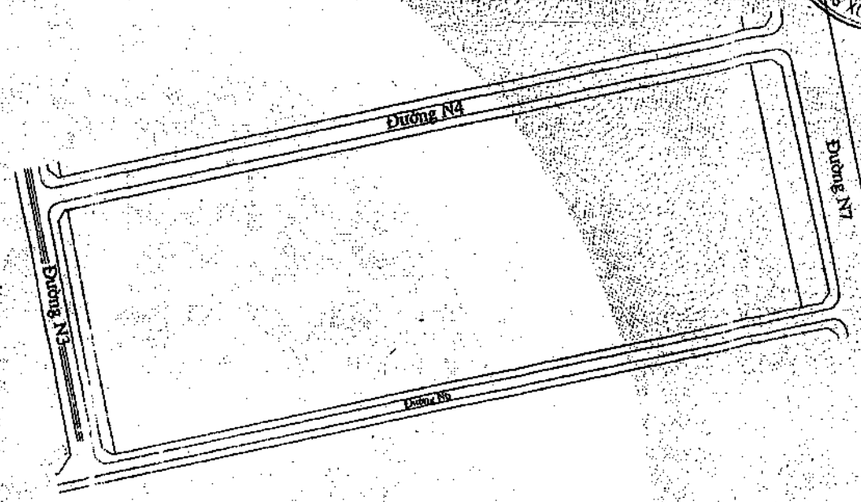
3. Công trình xây dựng khác: -/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ 1/4.000.

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

Bình Phước, ngày 31 tháng 10 năm 2014

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH BÌNH PHƯỚC

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Phú Quới

Số vào sổ cấp GCN: CT ...05550.....

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Mẫu số 03
Ký hiệu: C1-03/NS

GIẤY NỘP TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ, PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☑ Mã hiệu: **262021706A**

Loại tiền: VNĐ ☑ USD ☐ Khác ..... Số: **487934**

Mã giao dịch: **0512K5hA-88tFSb0Wz**

Mã phí, lệ phí/Mã loại hình thu phạt VPHC: **06**

Tên phí, lệ phí/Tên loại hình thu phạt VPHC: **PHAT VI PHAM HANH CHINH CAP XA**

Người nộp: **CONG TY TNHH SAN XUAT GIAY DEP GRAND GAIN** MST/Số CCCD/căn cước:

Địa chỉ: **Lo D1 den D14 KCN Dong Xoai II, Phuong Dong Xoai, Tinh Dong Nai, Viet Nam**

Phường/Xã/Đặc khu: Tỉnh, TP: **TỈNH ĐỒNG NAI**

Người được uỷ quyền nộp NSNN: MST/Số CCCD/căn cước:

Địa chỉ:

Phường/Xã/Đặc khu: Tỉnh, TP:

Đề nghị NH/KBNN/TGTT **NHTMCP DT VA PTVN-CN BINH PHUOC**

Trích TK số: **6550223332** hoặc thu tiền mặt

để nộp vào tài khoản: **7111**

Tên tổ chức thu phí, lệ phí/tên CQ ra QĐ xử phạt: **UBND PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI**

Mã tổ chức thu phí, lệ phí/mã CQ ra QĐ xử phạt: **H19138**

Tại Kho bạc Nhà nước: **KBNN khu vuc XVII - Phong giao dich so 6**

Mở tại ngân hàng: **NHTMCP DT VA PTVN-CN BINH PHUOC**

Theo thông tin chi tiết như sau:

STT	Số quyết định/ Số thông báo/ Mã định danh hồ sơ (ID)	Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Mã chương	Mã NDKT (TM)	Số nguyên tệ	Số tiền VND
1	764/QD-XPHC	29/04/2026	PHAT VI PHAM HANH CHINH CAP XA	830	4278	320,000,000	320,000,000
					Tổng cộng	**320,000,000**	**320,000,000**

Tổng số tiền ghi bằng chữ: *Ba trăm hai mươi triệu đồng.*

PHẦN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN

Mã ĐBHC: **25210** Nợ TK: **1155**

Mã cơ quan thu ngân sách: **1143058** Có TK: **7111**

Tên cơ quan thu ngân sách:

ĐÃ THU TIỀN

PHẦN NGÂN HÀNG GHI

TK Nợ: 6550223332 TK Có: 280701025

Số tiền nộp NSNN: 320,000,000 Số tiền phạt chậm nộp: 0

Tổng tiền thu: 320,000,000 Phí: 0

Số Ref/RM: 0512K5hA-88tFSb0Wz VAT: 0

NGƯỜI NỘP TIỀN

Ngày 06 tháng 05 năm 2026

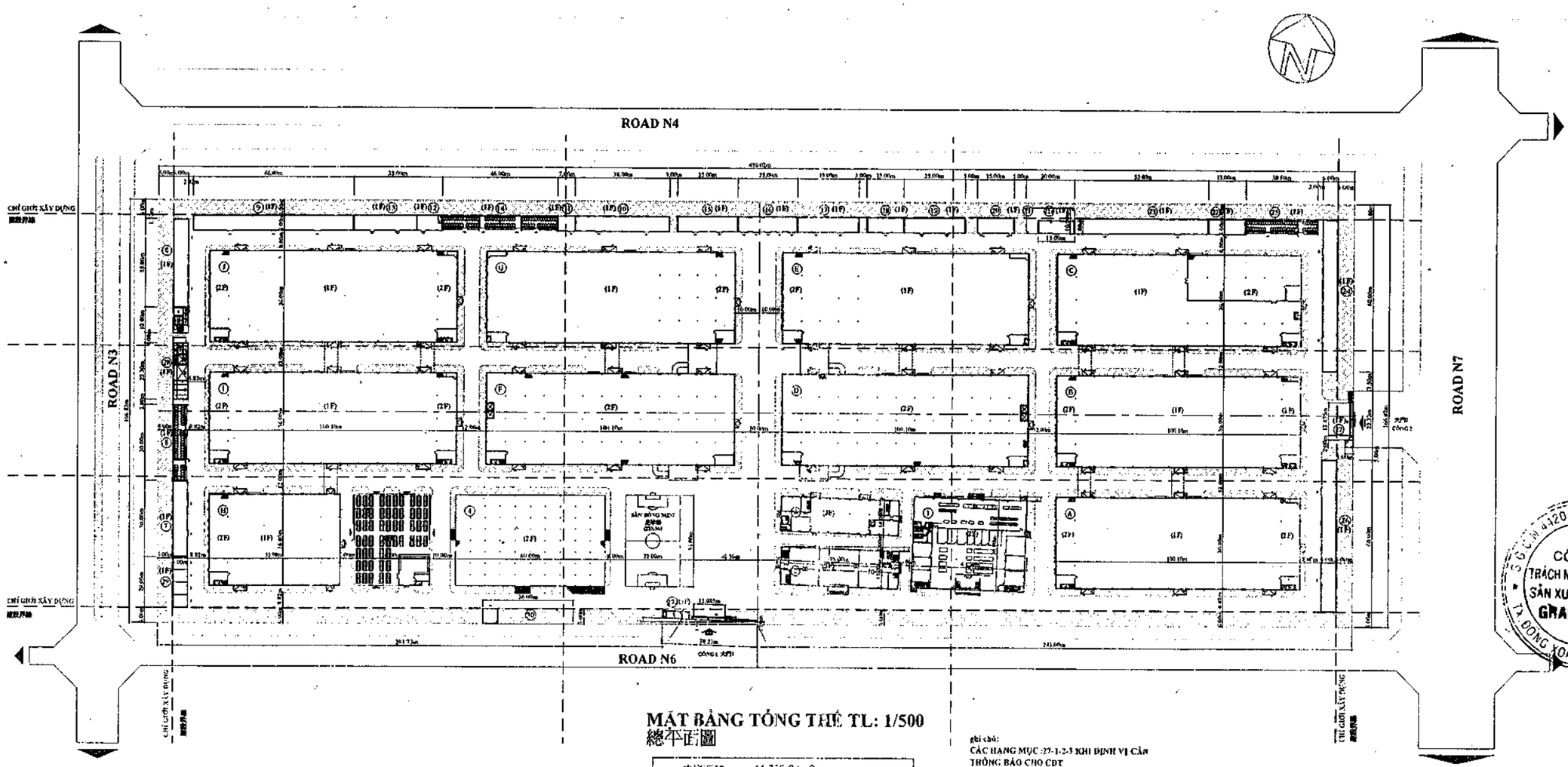
Người nộp tiền	Kế toán trưởng	Thủ trưởng đơn vị	Thủ quỹ	Giao dịch viên	Kiểm soát viên
(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)	(Ký tên)	(Ký, ghi họ tên)	(Ký, ghi họ tên)

NHTMCP DT VA PTVN-CN BINH PHUOC

Ngày 06 tháng 05 năm 2026

NGÂN HÀNG TMCP ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
CHI NHÁNH BÌNH PHƯỚC
TP. ĐỒNG NAI

Nguyễn Thị Ngọc Ánh Trần Ngọc Duyên



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL: 1/500
總平面圖

$$K = \frac{\text{建蔽面積}}{\text{土地面積}} = \frac{44.755,8\,(m2)}{81.077,8\,(m2)} = 0,552 = 55,2\%$$

ghi chú:
CÁC HẠNG MỤC :27-1-2-3 KHI ĐỊNH VỊ CẦN
THÔNG BÁO CHO CĐT
備註：第27. 1. 2. 3項目要定位時務必通知業主

STT 次序	HẠNG MỤC 項目	Kích thước 尺寸	Diện tích(m2) 面積 (m2)
Ⓐ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓑ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓒ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓓ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓔ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓕ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓖ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓗ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	53,9x36	1940,4
Ⓘ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6
Ⓙ	NHÀ XƯỞNG (2F) 廠房 (2F)	100,1x36	3603,6

①	NHÀ R&D (2F)	廠房 (2F)	44x36	1656
②	VĂN PHÒNG (3F)	辦公樓 (3F)	24x15	720
③	NHÀ NGHỈ NHÂN VIÊN (3F)	宿舍 (3F)	56x12	672
④	NHÀ XL CÔNG NHÂN(2F)	勞務局 (2F)	60x36	2160
⑤	CĂN TIN	餐廳	30x36	1080
⑥	KHO HỘP	倉庫	25x6	210
⑦	KHO	倉庫	30x6	180
⑧	VỆ SINH	衛生間	30x6	180
⑨	KHO	倉庫	66x6	396
⑩	PHÒNG CƠ KHÍ	電工房	38x6	228
⑪	PHÒNG SỬA CHỮA DAO	修刀房	7x6	42
⑫	PHÒNG Y TẾ	醫療房	10x6	60
⑬	PHÒNG TỔNG VỤ	總務房	25x6	150
⑭	VỆ SINH	衛生間	46x6	276

⑮	PHÒNG ĐIỆN	電氣房	25x6	150
⑯	PHÒNG MÁY PHÁT ĐIỆN	發電機房	25x6	150
⑰	PHÒNG MÁY NÉN KHÍ	空壓機房	25x6	150
⑱	PHÒNG TẠO KHUÔN	造型模具房	15x6	90
⑲	PHÒNG TỔNG VỤ	總務房	25x6	150
⑳	PHÒNG PHA KEO	膠水房	15x6	90
㉑	BỂ NƯỚC NGẦM+ TRẠM BƠM	地下水池+泵浦站	10x20x2,5 15x5	500 m³ 75
㉒	PHÒNG CẮT	裁版房	15x6	90
㉓	PHÒNG KHUÔN	模具房	35x6	350
㉔	KHO	倉庫	60x6	360
㉕	VỆ SINH	衛生間	30x6	180
㉖	KHO HỘP	倉庫	60x6	360
㉗㉘	NHÀ BẢO VỆ + CỔNG	守衛室 + 大門	3x3 11x3	42
㉘	BỂ XỬ LÍ NƯỚC THẢI	廢水處理房	28x6	
㉙	NHÀ RÁC	垃圾房	20x6	120
㉚	BỂ THU HỒI NƯỚC MƯA+ TRẠM BƠM	雨水收回池，泵浦站	30x6x2,5 6x6	450 m³ 36

STT	NỘI DUNG SỬA	NGÀY
04		
03		
02		
01		

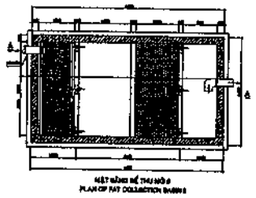
CÔNG TRÌNH :
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
ĐỊA ĐIỂM: KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG XOÀI II - TỈNH BÌNH PHƯỚC
CHỦ ĐẦU TƯ:
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
TẠI ĐỒNG XOÀI II TỈNH BÌNH PHƯỚC

phu thinh
DESIGN CONSTRUCTION TRADING CO.,LTD
ĐỊA CHỈ: 37 CONG HOA STREET, WARD 4, TAN BINH DIST, HCMC
TEL: (84-8) 38 118 823 - FAX: (84-8) 38 118 843
WEBSITE: www.phuthinh.com
E-MAIL: phuthinh@hcm.vnn.vn

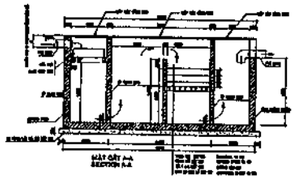
TỔNG GIÁM ĐỐC : GENERAL DIRECTOR

TỔ KHAI ĐẠT
CHỦ TRÌ BỘ MÔN: CHIEF DESIGN
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM
THIẾT KẾ: DESIGN
KTS. HOÀNG ĐÌNH HƯNG
KIỂM: CHECKED
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM
HẠNG MỤC:
TỔNG THỂ 總體
TÊN BẢN VẼ:
MẶT BẰNG TỔNG THỂ
總平面圖

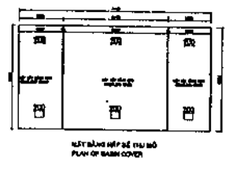
TỈ LỆ 1/100
NGÀY 12/2014



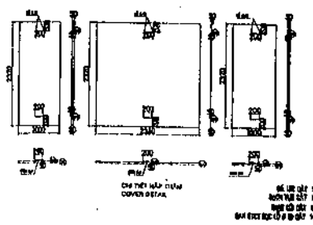
MẶT BẰNG BỂ THU NƯỚC
PLAN OF PIT COLLECTION SHAFT



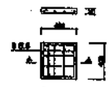
MẶT CẮT A-A
SECTION A-A



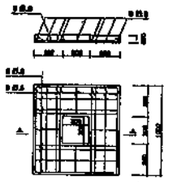
MẶT BẰNG NẮP BỂ THU NƯỚC
PLAN OF BASIN COVER

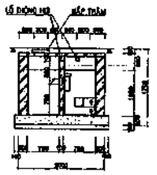


CHI TIẾT NẮP ĐAN Đ1 TL:1/25
SC:1/25

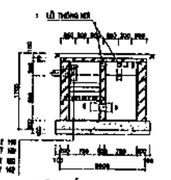


NẮP THĂM

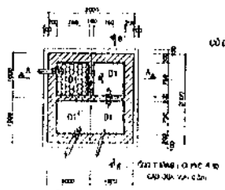




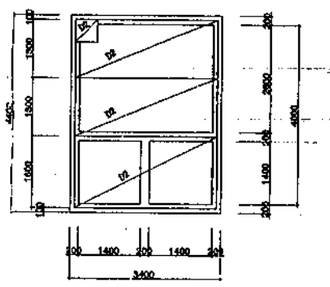
MẶT CẮT B-B TL:1/50
B-B SC:1/50



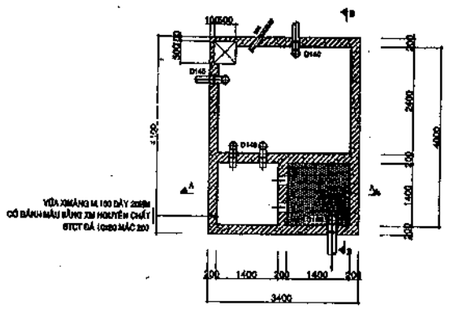
MẶT CẮT A-A TL:1/50
A-A SC:1/50



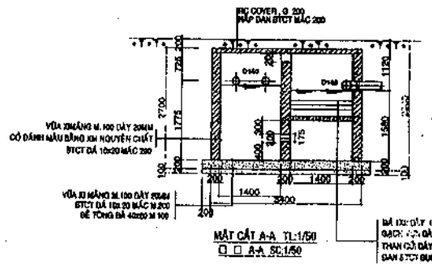
MB BỂ TỰ HOẠI 1 TL:1/50
1 SC:1/50



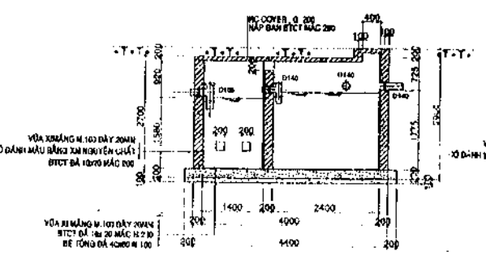
MẶT BẰNG NẮP ĐAN BỂ



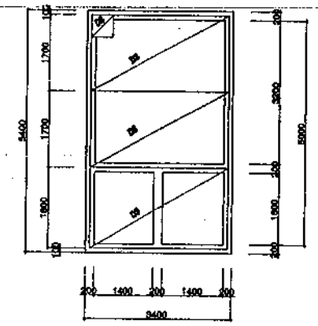
MB BỂ TỰ HOẠI 2 TL:1/50
2 SC:1/50



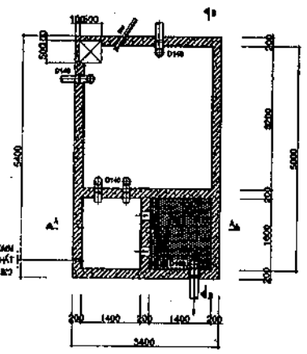
MẶT CẮT A-A TL:1/50
A-A SC:1/50



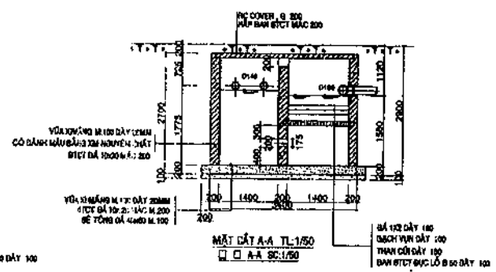
MẶT CẮT B-B TL:1/50
B-B SC:1/50



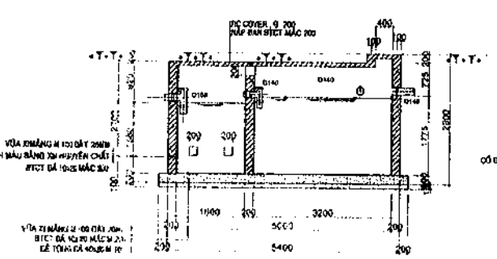
MẶT BẰNG NẮP ĐAN BỂ



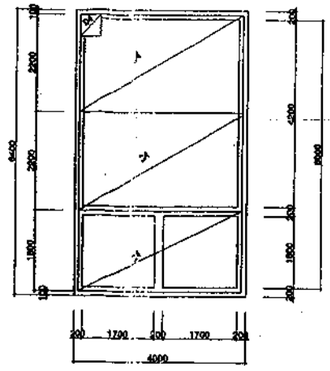
MB BỂ TỰ HOẠI 3 TL:1/50
3 SC:1/50



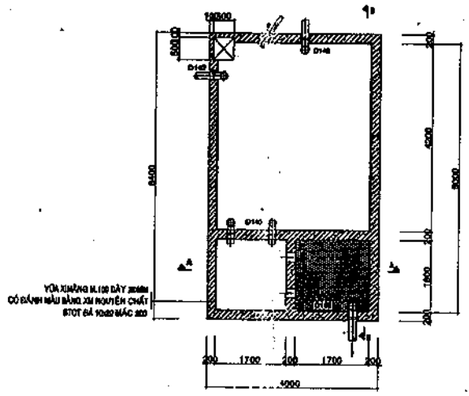
MẶT CẮT A-A TL:1/50
A-A SC:1/50



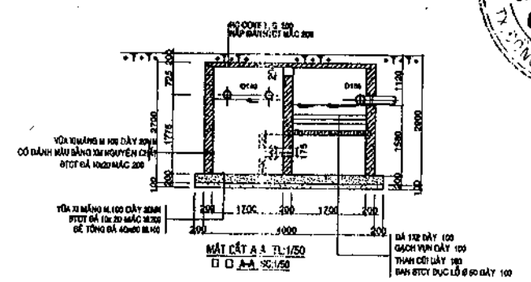
MẶT CẮT B-B TL:1/50
B-B SC:1/50



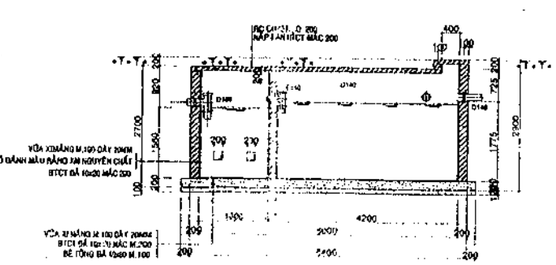
MẶT BẰNG NẮP ĐAN BỂ



MC BỂ TỰ HOẠI 4 TL:1/50
4 SC:1/50



MẶT CẮT A-A TL:1/50
A-A SC:1/50



MẶT CẮT B-B TL:1/50
B-B SC:1/50

STT REV	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA ISS'E
04		
03		
02		
01		

CÔNG TRÌNH :
PROJECT
CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
ĐỊA ĐIỂM: KCN ĐỒNG XOÀI II, TỈNH BÌNH PHƯỚC
LOCATION

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CONSTRUCTION TRADING CORP

phucthinh ISO 9001:2008

ĐỊA CHỈ: 102 CONG HOA STREET, WARD 4, TAN BINH DIST, HCM CITY
ĐIỆN THOẠI: (84-8) 38 116 003 - FAX: (84-8) 38 116 042
WEBSITE: www.phucthinh.com
EMAIL: phucthinh@phucthinh.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC :
GENERAL DIRECTOR:

TÔ KHẢI ĐẠT

CHỦ TRÌ BỘ MÔN:
CHIEF DESIGN

KTS. NGUYỄN VĂN LÂM

THIẾT KẾ:
DESIGN

KS. VƯƠNG HOÀNG LÂNH

KIỂM:
CHECK

KTS. NGUYỄN VĂN LÂM

HẠNG MỤC:
ITEM

HẠNG MỤC PHỤ

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

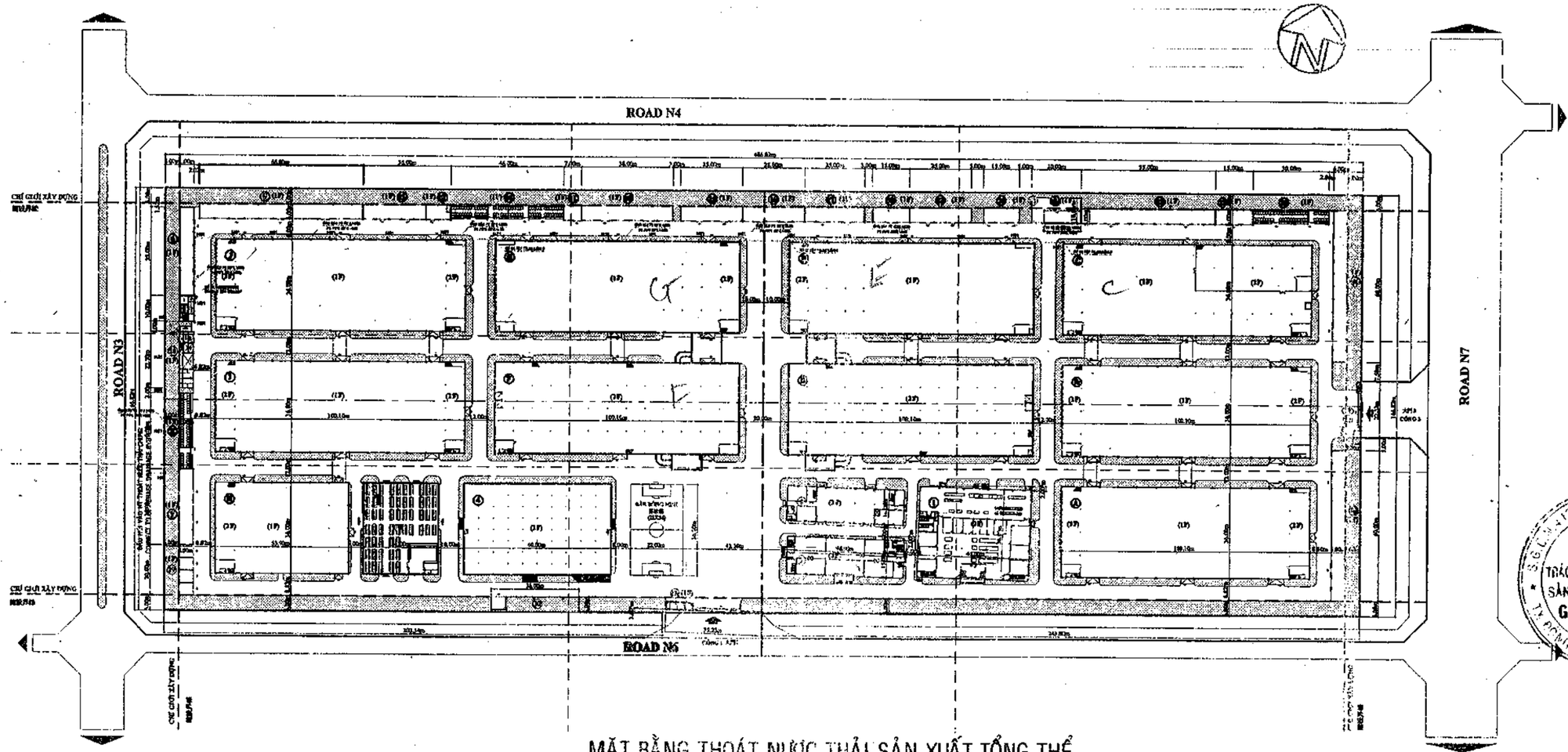
CHI TIẾT BỂ TỰ HOẠI
SEPTIC TANK

TỶ LỆ: 1:50
SCALE

NGÀY: 11/2014
DATE

BẢN VẼ No.
W 06

86



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TỔNG THỂ
MASTER PLAN OF PRODUCE SEWERAGE

	ỐNG PE THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT PE PIPE FOR SEWAGE DRAINAGE
HG1	HỐ GA THU NƯỚC THẢI 1000x1000 SEWAGE MANHOLE 1000x1000

04		
03		
02		
01		
SỬA REV	MÔ TẢ NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA DATE

CÔNG TRÌNH :
PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
ĐỊA ĐIỂM: KCN BÌNH PHƯỚC, XÃ TÂN HƯNG, H. HỚN QUẢN, T. BÌNH PHƯỚC
LOCATION

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
CHỦ ĐẦU TƯ: GRAND GAIN FOOTWEAR MANUFACTURING CO., LTD

TƯ VẤN THIẾT KẾ: PHUC THINH DESIGN CONSTRUCTION TRADING CORP
phucthinh
ISO 9001:2008
ĐỊA CHỈ: 22 CỘNG HÒA STREET, WARD 4, TAN BINH DIST, HCM CITY
ĐIỆN THOẠI: (84-8) 38 116 823 - FAX: (84-8) 38 116 843
WEBSITE: www.phucthinh.com.vn
EMAIL: phucthinh@hcm.vnn.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

PHÒ KHÁI ĐẠT

CHỦ TRÌ BỘ MÔN
DEPT. DIRECTOR

KTS. NGUYỄN VĂN LÂM
THIẾT KẾ
DESIGN

KS. VƯƠNG HOÀNG LÃNH
KIỂM
CHECKED

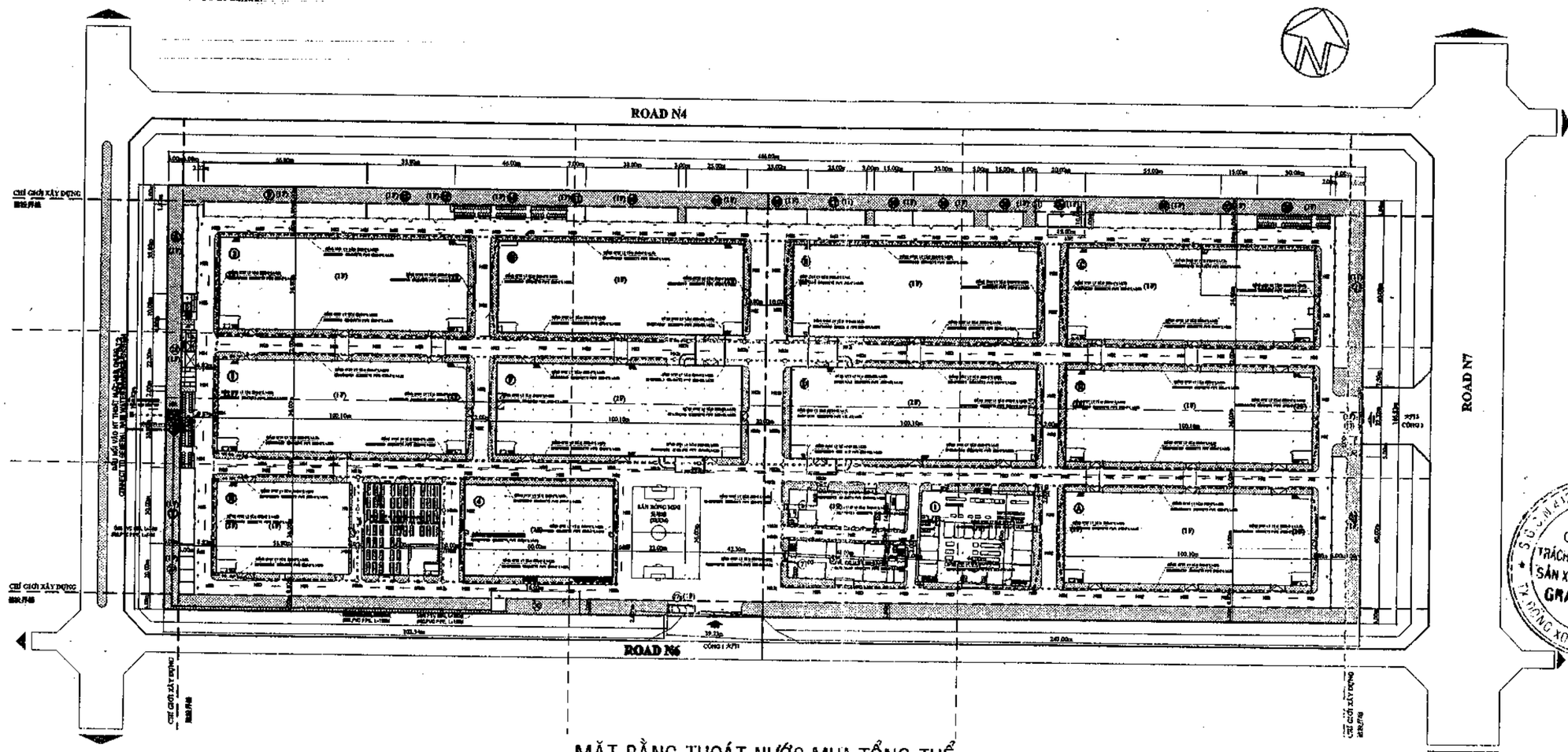
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM
HẠNG MỤC
ITEM

TỔNG THỂ
GENERAL

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SẢN XUẤT TỔNG THỂ
MASTER PLAN OF PRODUCE SEWERAGE

TỈ LỆ SCALE	1/1000
NGÀY DATE	12/2014
SỐ BV DRAWING NO.	W-04
	05



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ
MASTER PLAN OF RAIN DRAINAGE

GHI CHÚ - NOTE:

	CỐNG BTCT THOÁT NƯỚC MƯA (H10) REINFORCED CONCRETE PIPE FOR RAIN DRAINAGE (H10)
	CỐNG BTCT THOÁT NƯỚC MƯA (H30) REINFORCED CONCRETE PIPE FOR RAIN DRAINAGE (H30)
HG2,HG2a	HỐ GA THU NƯỚC MƯA 1200x1200 RAIN MANHOLE 1200x1200
HG3,HG3a	HỐ GA THU NƯỚC MƯA 1600x1600 RAIN MANHOLE 1600x1600
HG4	HỐ GA THU NƯỚC MƯA 1800x1800 RAIN MANHOLE 1800x1800

STT	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA DATE
04		
03		
02		
01		

CÔNG TRÌNH
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM: KCN BÌNH SƠN, H.LONG THÀNH, T.ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

PHÚC THỊNH DESIGN CONTRUCTION TRADING CORP

phucthinh

GIA KIỆM 32 CONG HOA STREET, WARD 4, TAN BINH DIST, HCM CITY
ĐIỆN THOẠI: (84-8) 38 116 825 - FAX: (84-8) 38 116 845
WEBSITE: www.phucthinh.com
EMAIL: phucthinh@phucthinh.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC
GENERAL DIRECTOR

TỐ KHẮC ĐẠT

CHỦ TRÌ BỘ MÔN
CHIEF DESIGN

KTS NGUYỄN VĂN LÂM

THIẾT KẾ
DESIGN

KS VƯƠNG HOÀNG LÂM

KIỂM
CHECKED

KTS NGUYỄN VĂN LÂM

MARK MỘC

TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE

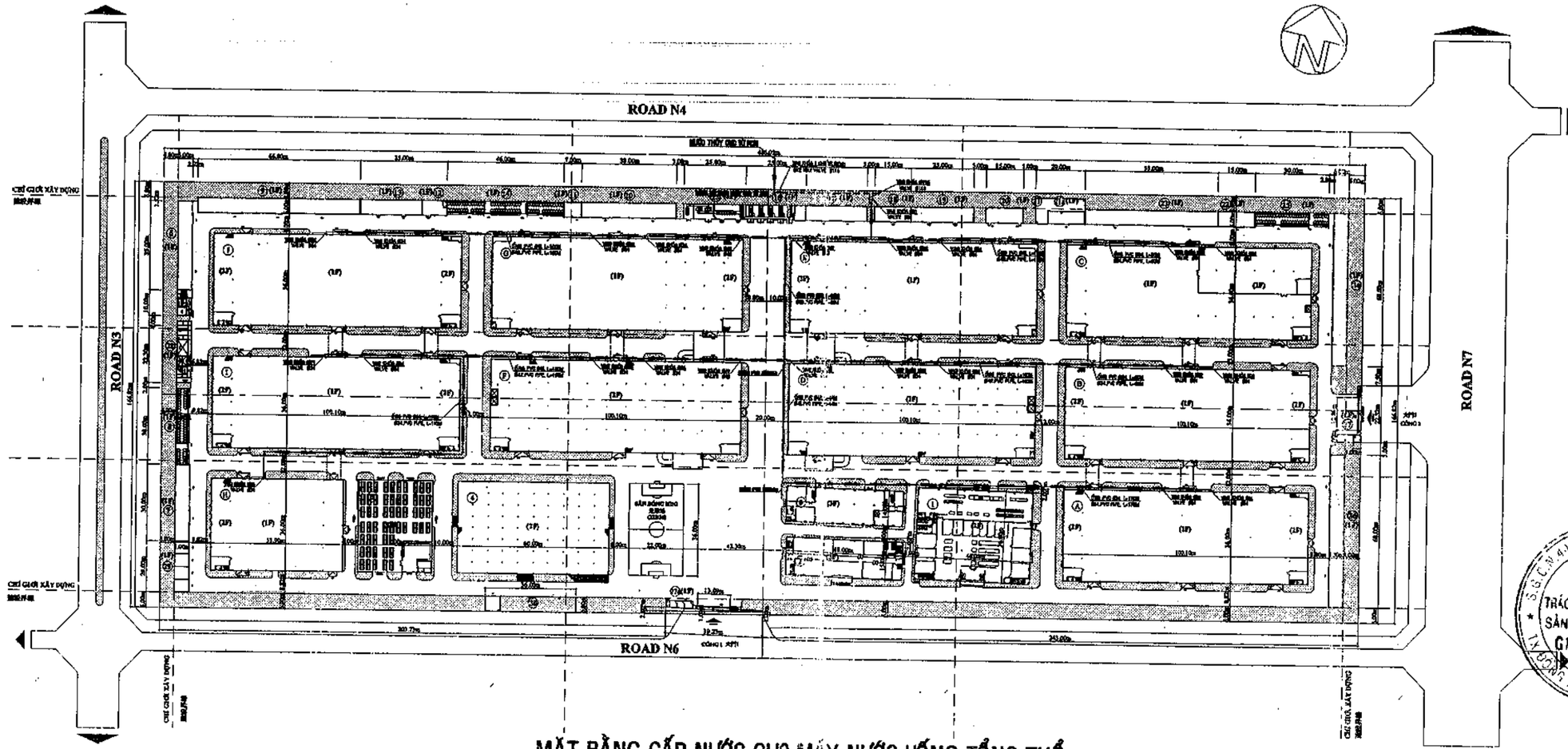
MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC MƯA TỔNG THỂ
MASTER PLAN OF RAIN DRAINAGE

TỈ LỆ SCALE 1/500

SỐ BV DRAWING NO. W-02

NGÀY DATE 12/2014

05



MẶT BẰNG CẤP NƯỚC CHO MÁY NƯỚC UỐNG TỔNG THỂ
DRINK WATER SUPPLY MASTER PLAN

GHI CHÚ - NOTE:

- ỐNG CẤP NƯỚC THỦY CỤC PVC / WATER PIPE PVC
- —NƯỚC UỐNG— ỐNG CẤP NƯỚC UỐNG PVC / WATER PIPE PVC
- ỐNG CẤP NƯỚC PVC / WATER PIPE PVC
- VAN KHOÁ / LOCK VALVE

STT REV	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA DATE
04		
03		
02		
01		

CÔNG TRÌNH :
PROJECT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP
GRAND GAIN

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

phucthinh CONSTRUCTION TRADING CORP

ĐỊA CHỈ: 372 CONG HOA STREET, WARD 4, TAN BINH DIST, HCM CITY
ĐIỆN THOẠI: (84-8) 38 110 823 - FAX: (84-8) 38 116 843
WEBSITE: www.phucthinh.com
EMAIL: phucthinh@phucthinh.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC :
GENERAL DIRECTOR
TỪ KHẢI ĐẠT

CHỦ TRÌ BỘ MÔN:
CHIEF DESIGN
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM

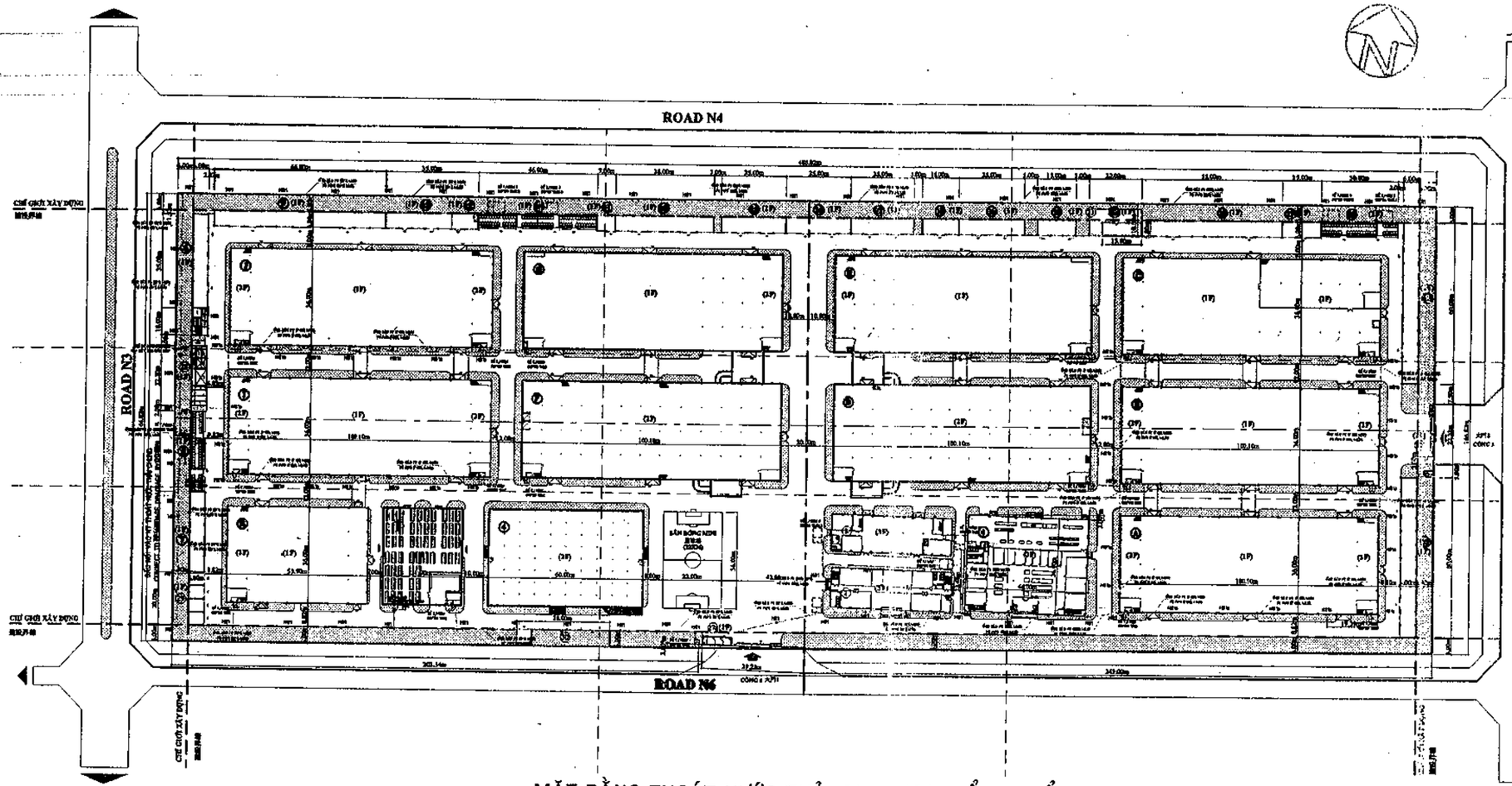
THIẾT KẾ:
DESIGN
KS. VƯƠNG HOÀNG LÂNH

KIỂM:
CHECKED
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM

HẠNG MỤC
ITEM
TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ
DRAWING TITLE
MẶT BẰNG CẤP NƯỚC CHO MÁY NƯỚC UỐNG TỔNG THỂ
DRINK WATER SUPPLY MASTER PLAN

TỶ LỆ: 1/100
SCALE
NGÀY: 12/2014
DATE
SỐ BV
DRAWING NO.
W-02



MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT TỔNG THỂ
MASTER PLAN OF SEWERAGE

	ỐNG PE THOÁT NƯỚC THẢI SINH HOẠT PE PIPE FOR SEWAGE DRAINAGE
HG1	HỐ GA THU NƯỚC THẢI 1000x1000 SEWAGE MANHOLE 1000x1000
HG1a	HỐ GA THU NƯỚC THẢI 800x800 SEWAGE MANHOLE 800x800
BTH2	BỂ TỰ HOẠI 6400x4000x2500 SEPTIC TANK 6400x4000X2500
BTH1	BỂ TỰ HOẠI 5400x3400x2500 SEPTIC TANK 5400x3400X2500
BTI1	BỂ TỰ HOẠI 2000x2000x1700 SEPTIC TANK 2000x2000X1700
	BỂ THU MỠ 4400X2400X1500 FAT COLLECTION BASIN 4400X2400X1500

STT REV	NỘI DUNG SỬA DESCRIPTION OF REVISION	NGÀY SỬA DATE
04		
03		
02		
01		

CÔNG TRÌNH :
PROJECT
NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP
GRAND GAIN
ĐỊA ĐIỂM: KCN PHƯỚC HÒA, H. TÂN THÀNH, T. BÌNH PHƯỚC
LOCATION

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

PHÚC THỊNH DESIGN CONTRUCTION TRADING CORP
phucthinh
ISO 9001:2008
ĐỊA CHỈ: 32 CỘNG HÒA STREET, WARD 4, TAN BINH DIST, HCM CITY
ĐIỆN THOẠI: (84-8) 38 115 823 - FAX: (84-8) 38 115 843
WEBSITE: www.phucthinh.com
EMAIL: phucthinh@phucthinh.com.vn

TỔNG GIÁM ĐỐC :
GENERAL DIRECTOR

TỔ KHẢO SÁT
CHỦ TRÌ BỘ MÔN
CHIEF DESIGN
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM
THIẾT KẾ:
DESIGN
KS. VƯƠNG HOÀNG LÂNH
KIỂM:
CHECKED
KTS. NGUYỄN VĂN LÂM
HẠNG MỤC:
ITEM
TỔNG THỂ

TÊN BẢN VẼ:
DRAWING TITLE

MẶT BẰNG THOÁT NƯỚC THẢI TỔNG THỂ
MASTER PLAN OF SEWERAGE DRAINAGE

TỈ LỆ: 1/500
SCALE
NGÀY: 12/2014
DATE
SỐ BV:
DRAWING No.
TV-05
05

BẢN VẼ HOÀN CÔNG CÔNG NGHỆ

Chủ đầu tư : Công Ty TNHH Sản Xuất Giày Dép Grand Gain

Công trình : Hệ thống xử lý nước thải

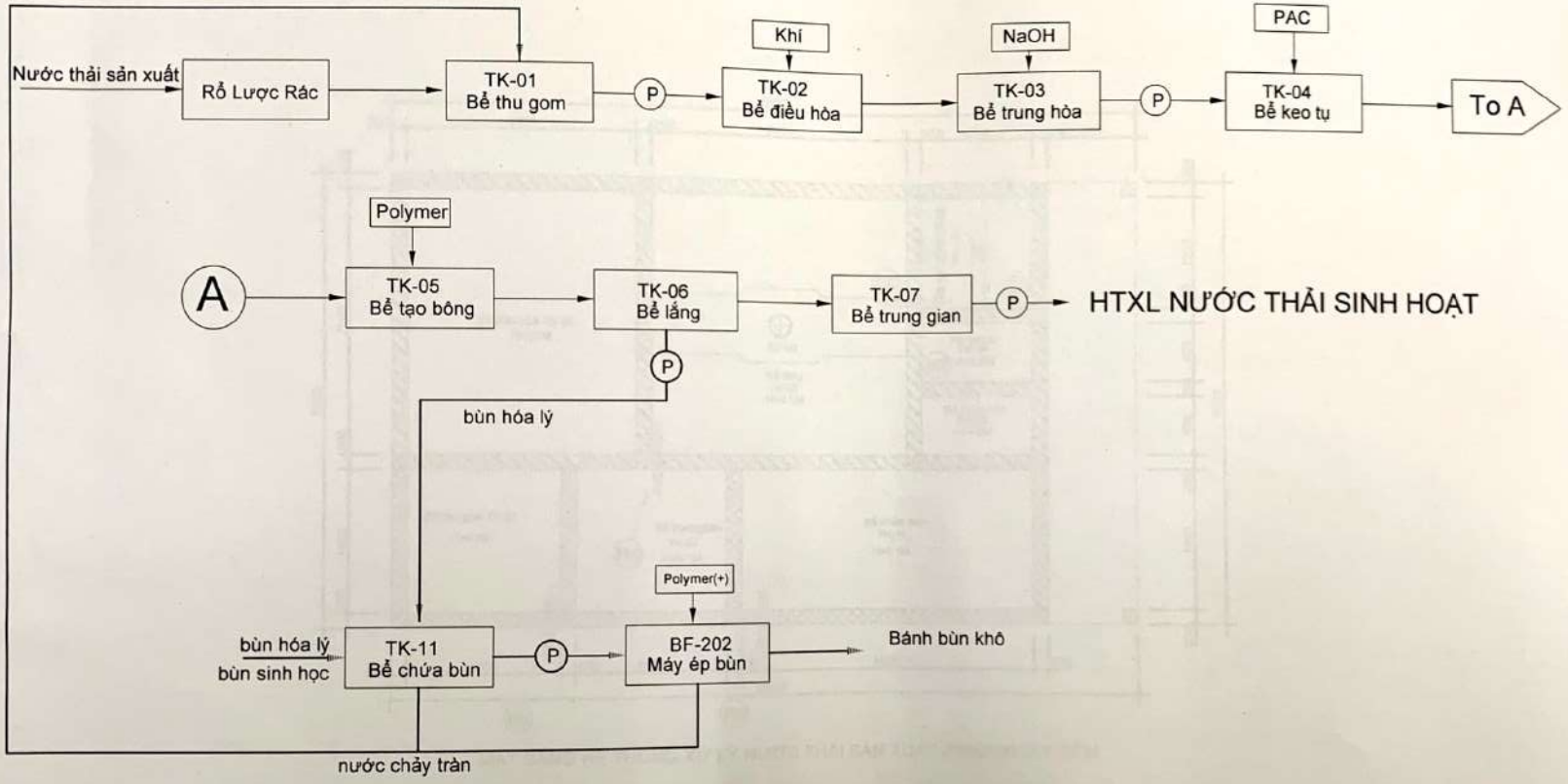
Địa điểm : Khu Công Nghiệp Đồng Xoài II, Tỉnh Bình Phước

Nhà thầu : Công Ty TNHH Kỹ Thuật Môi Trường Full Antech

Tháng 11 Năm 2016

Scanned with CamScanner

QUY TRÌNH XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT - 235 M3/NGÀY. ĐÊM



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN BÌNH NGUYÊN 3, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
M.S.D.N: 0312269599-C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

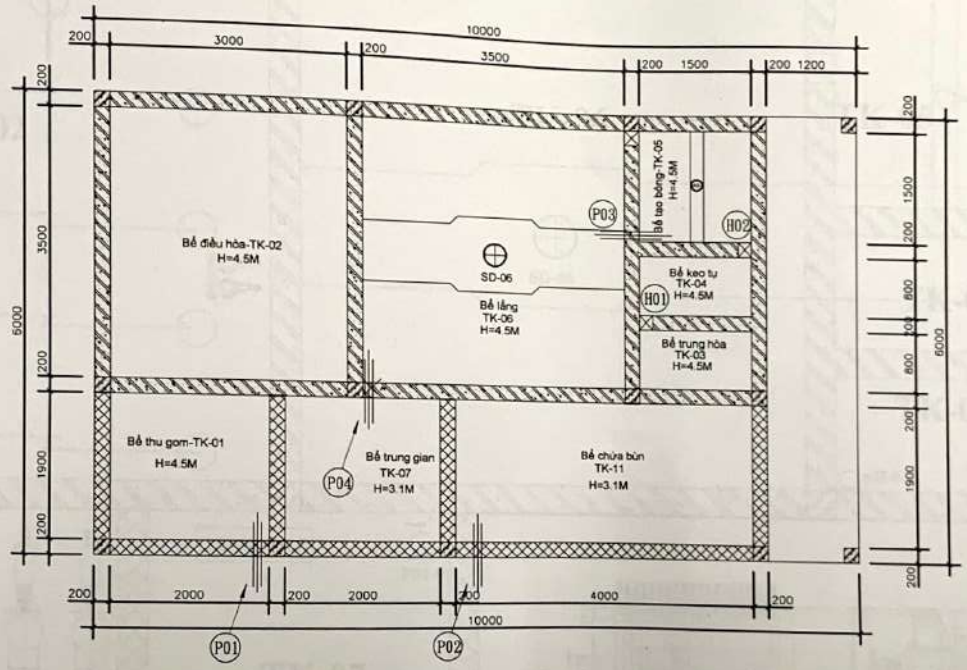
QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 1/5

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



MẶT BẰNG HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT-235M3/NGÀY.ĐÊM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

LOCATION: XUYÊN ĐÔNG - HUYỆN LỘC NINH - TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

M.S.D.N: 0312269599-C.T.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

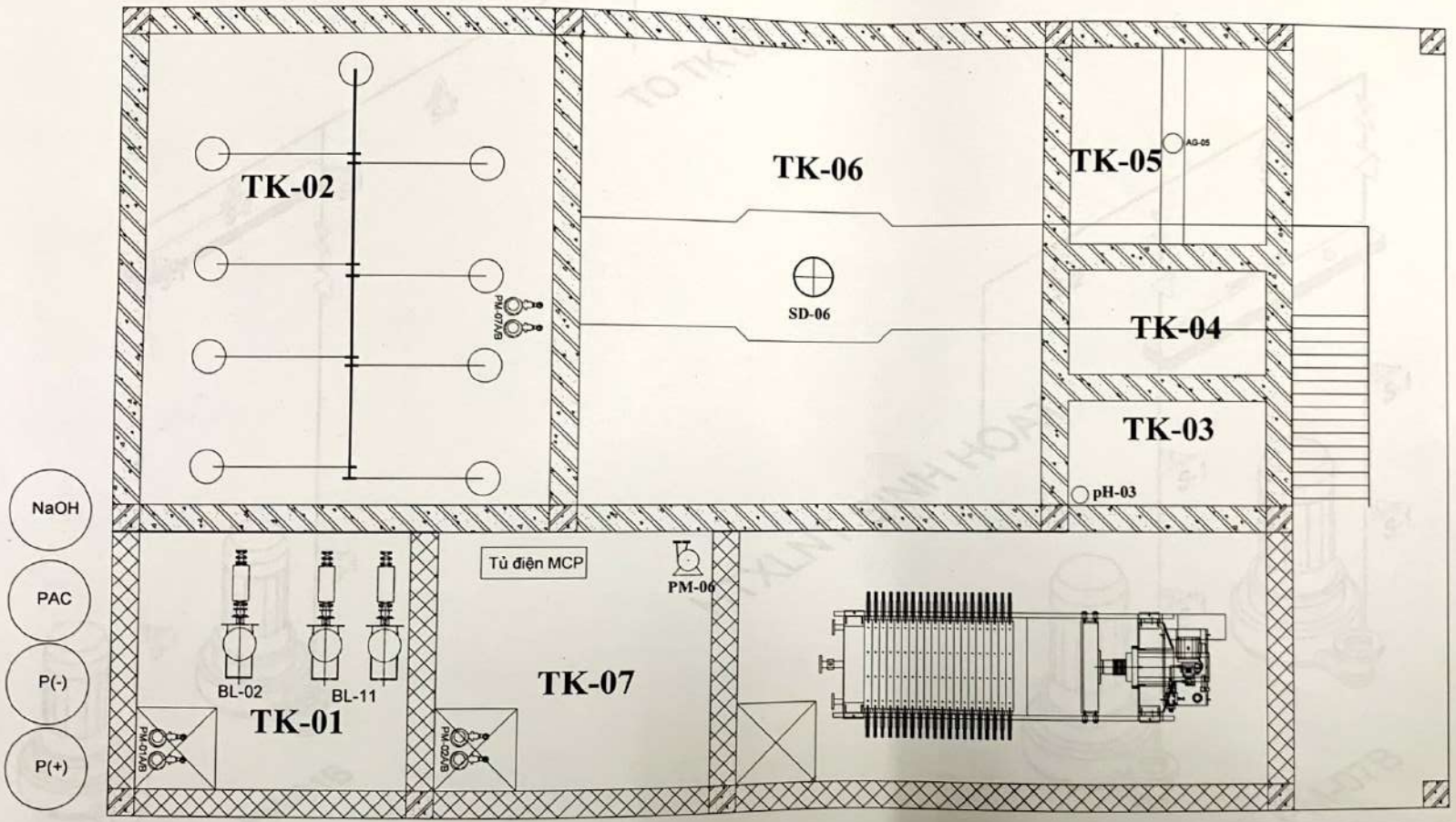
ỐNG CHỜ XUYÊN TƯỜNG

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 2/5

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI SẢN XUẤT-235M3/NGÀY.ĐÊM

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG SOÀI II TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2016
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

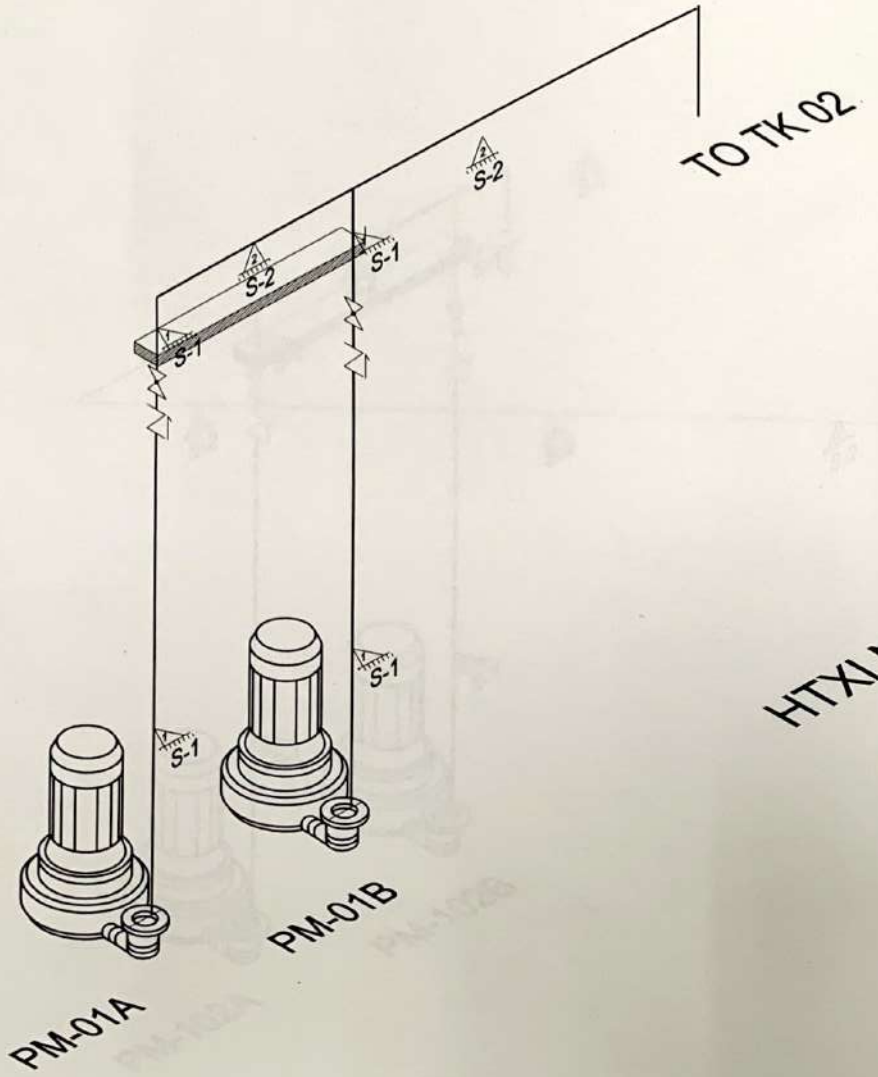
BỐ TRÍ THIẾT BỊ

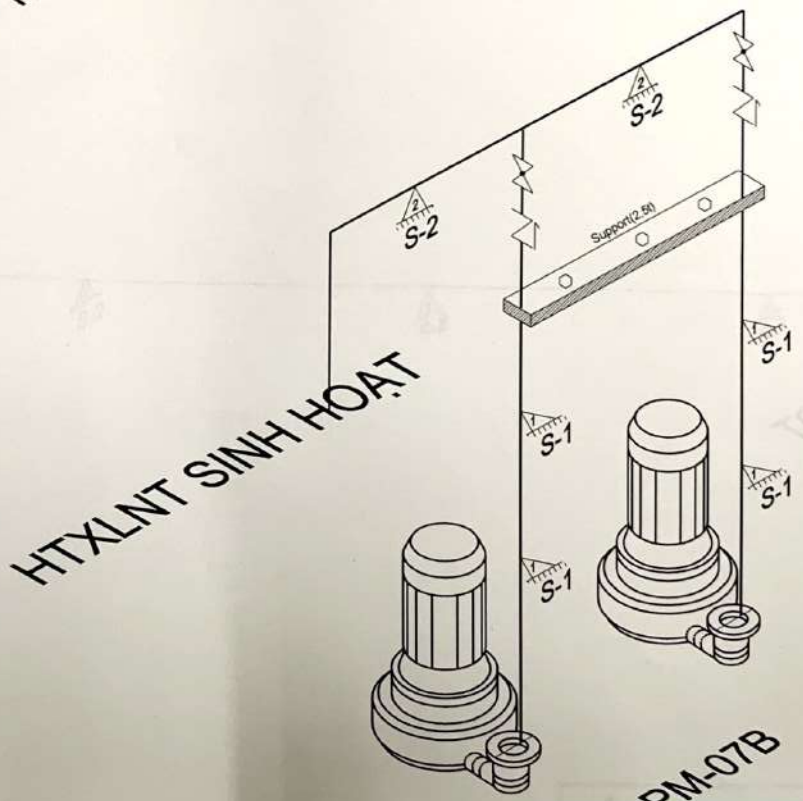
SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 3/5

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner





BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NAI II-TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
M.S.D.N: 0312269599-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL-ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

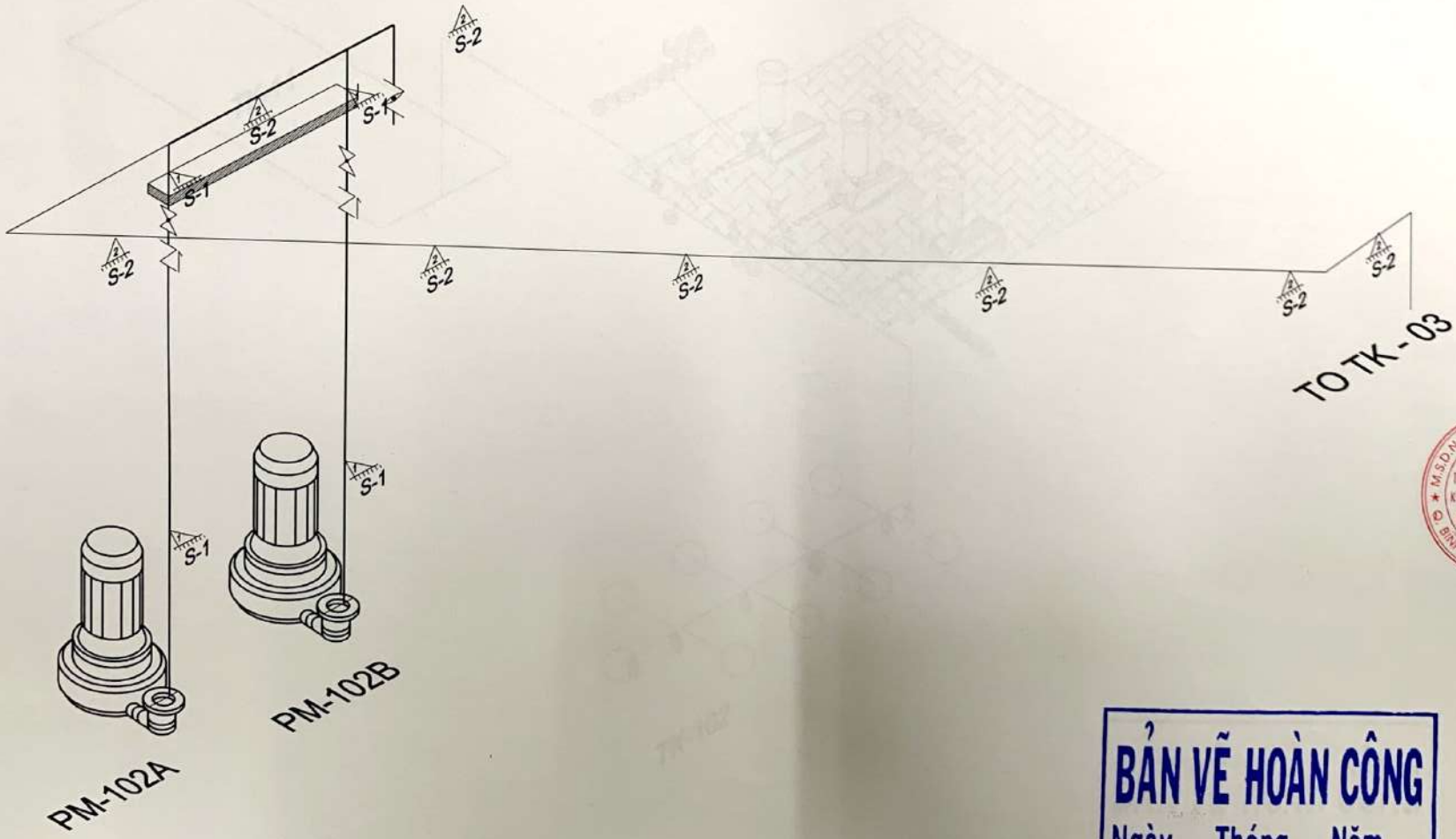
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 4/5

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NAI II, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
M.S.D.N: 0312269599-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2016
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

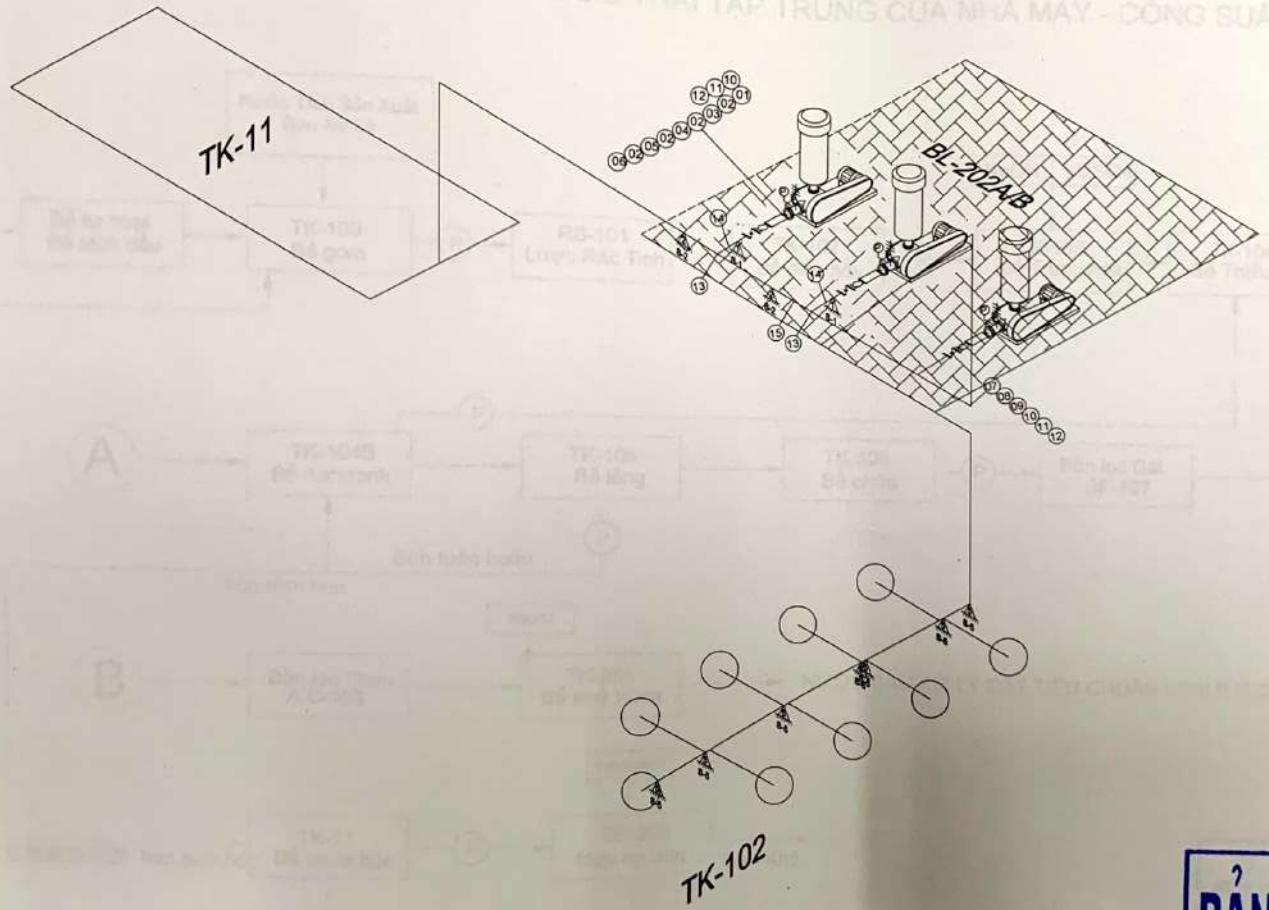
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 5/6

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA				
NO	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NAI II-TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
DT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

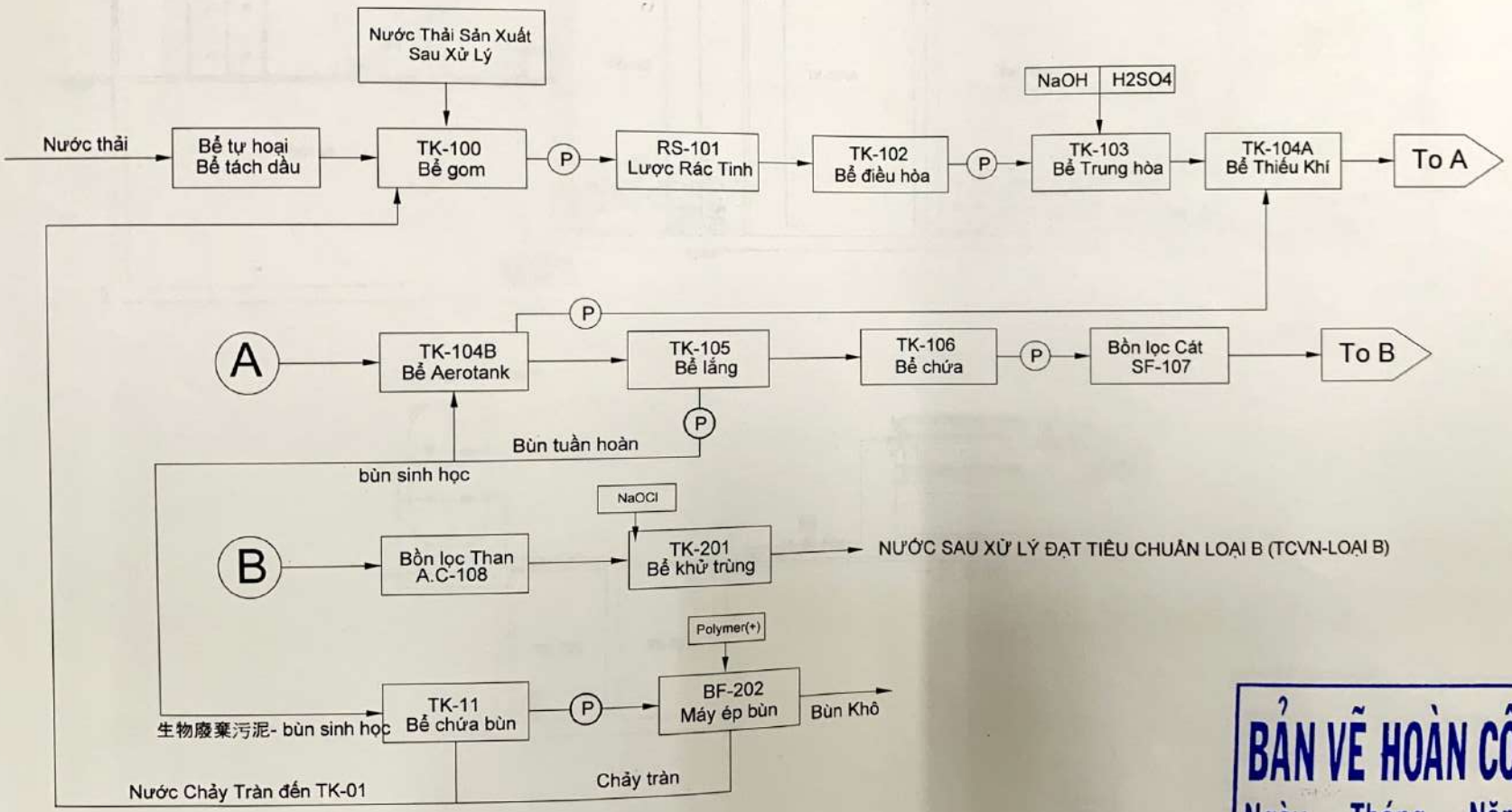
SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 6/6

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA NHÀ MÁY - CÔNG SUẤT 520M3/NGÀY.ĐÊM



XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

LOCATION: KCN ĐỒNG NAI II, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

M.S.D.N: 0312269599-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

QUY TRÌNH CÔNG NGHỆ

SỐ DỰ ÁN

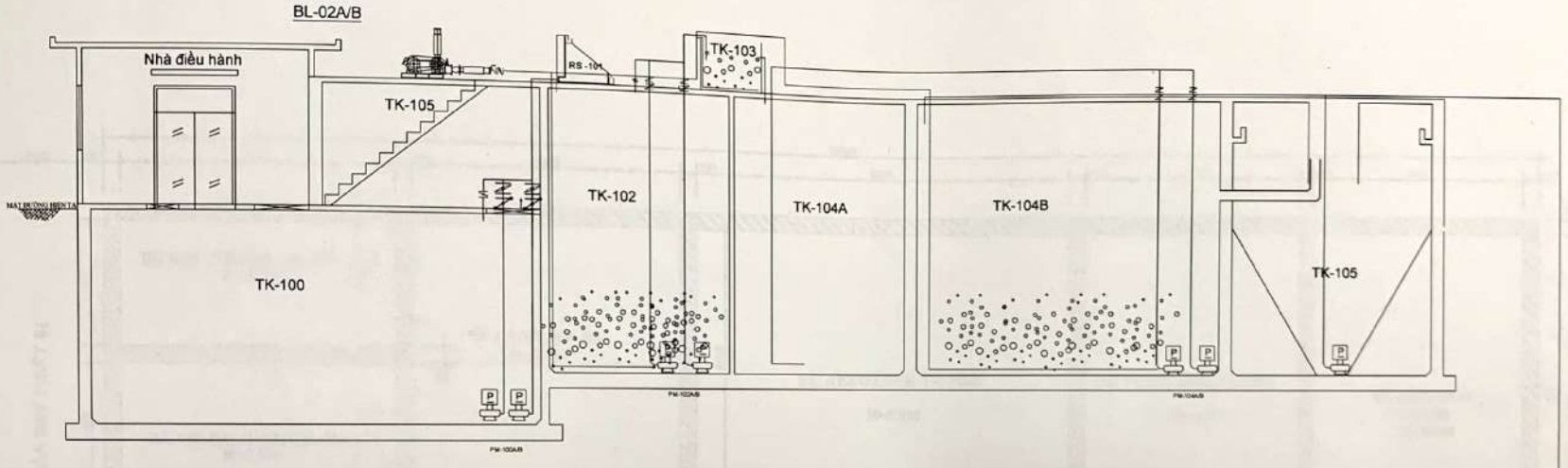
SỐ BẢN VẼ 1/13

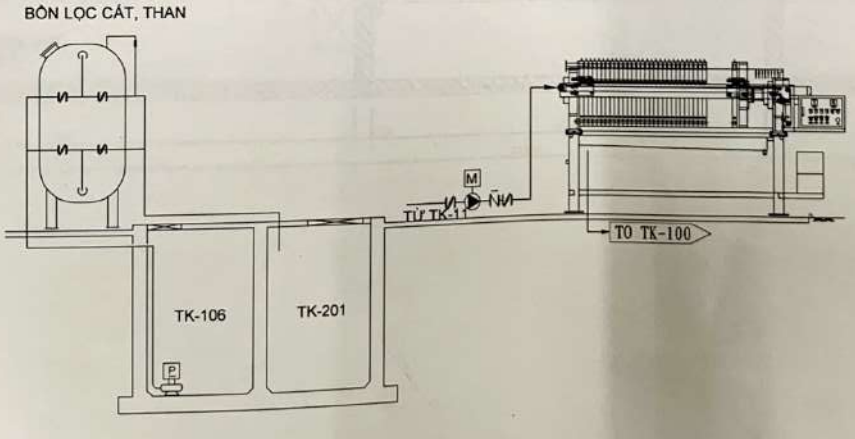
SỐ HIỆU

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Scanned with CamScanner

SƠ ĐỒ THỦY LỰC - HYDRAULICS DIAGRAM





BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN SÓNG THẦN II- TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

M.S.D.N: 0311269599-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
Q. BÌNH TÂN - T.P HỒ CHÍ MINH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2016
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

SƠ ĐỒ THỦY LỰC

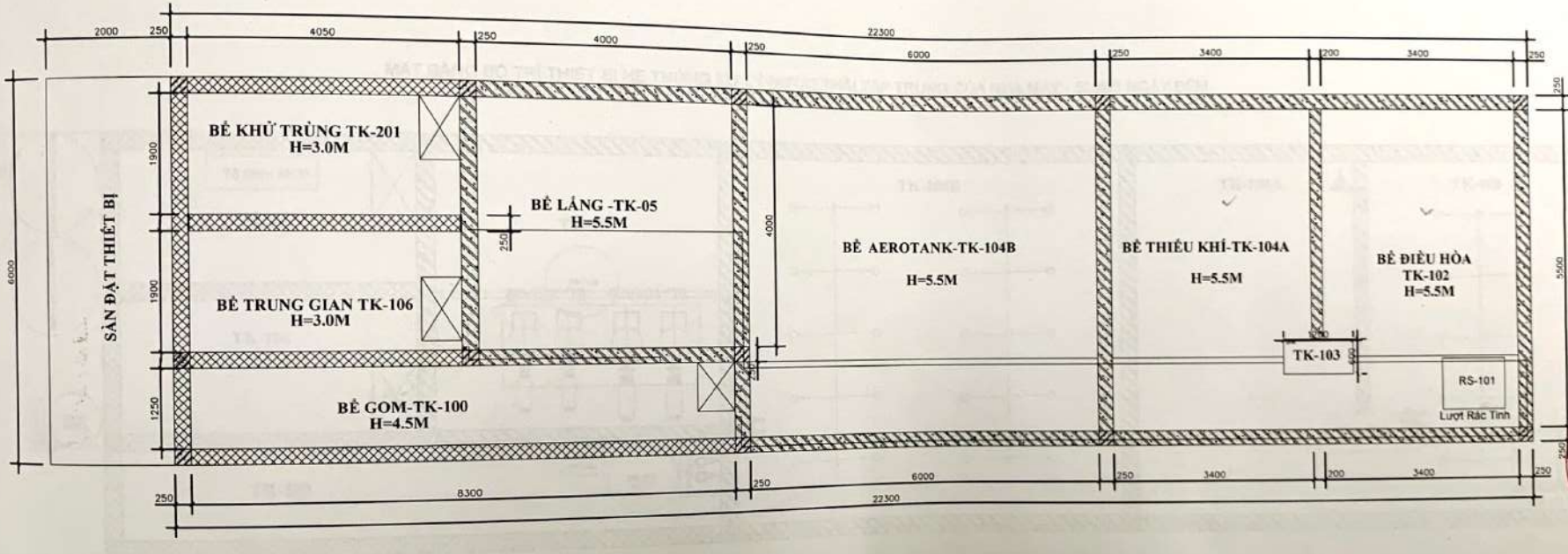
SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 2/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner

MẶT BẰNG BỐ TRÍ CÁC BỂ XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA NHÀ MÁY - CÔNG SUẤT: 520M3/NGÀY.ĐÊM



XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

LOCATION: KCN ĐỒNG SOÀI II, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2016
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

MẶT BẰNG BỐ TRÍ HỒ BỂ

SỐ DỰ ÁN

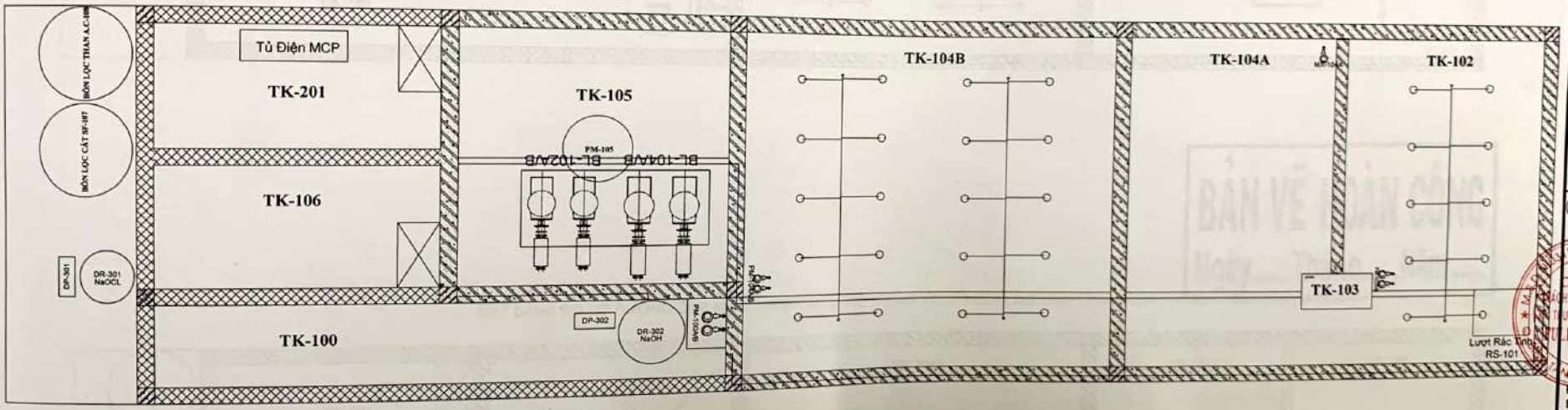
SỐ BẢN VẼ 3/13

SỐ HIỆU

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

Scanned with CamScanner

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA NHÀ MÁY - 520M3 NGÀY.ĐÊM



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: XÃ ĐỒNG NAI, H. BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
DT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2018
TỶ LỆ	

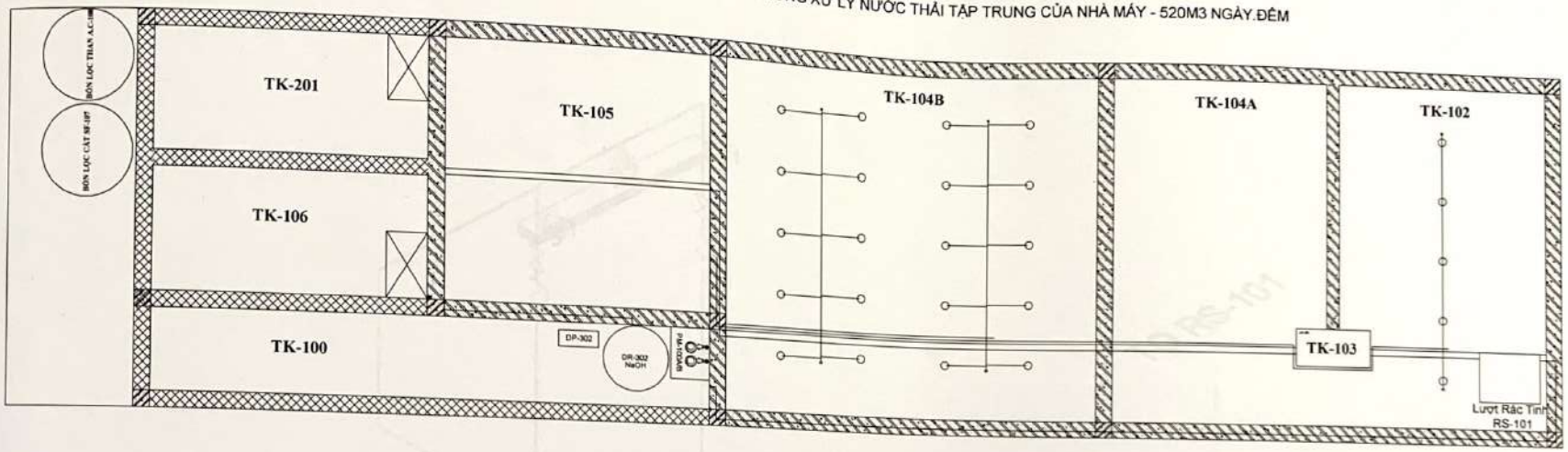
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

MẶT BẰNG BỐ TRÍ THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN	
SỐ BẢN VẼ	4/13
SỐ HIỆU	

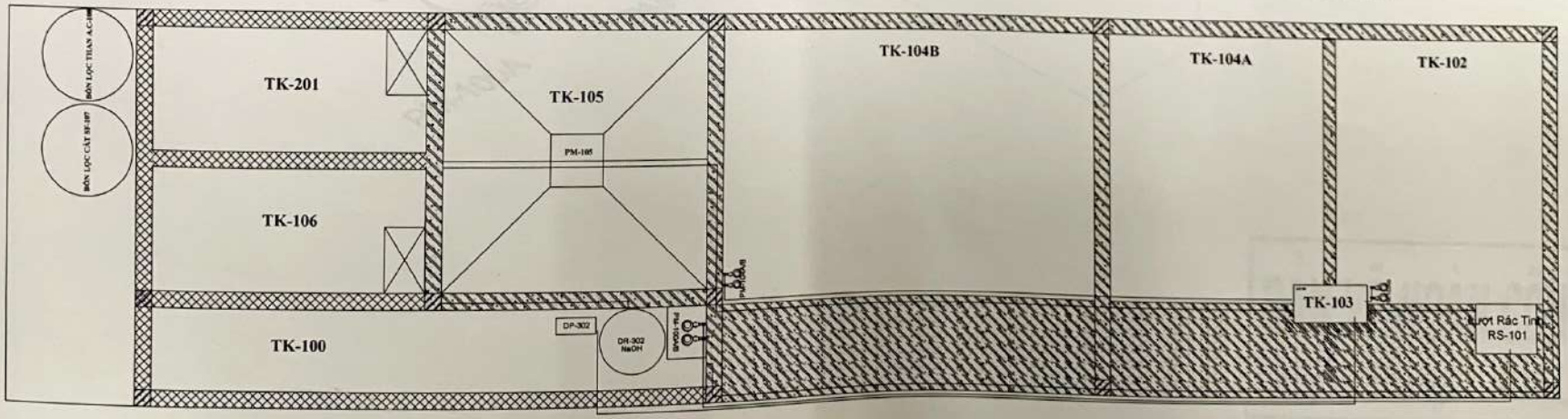
Scanned with CamScanner

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG THỔI KHÍ HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA NHÀ MÁY - 520M3 NGÀY.ĐÊM



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

MẶT BẰNG BỐ TRÍ ĐƯỜNG ỐNG NƯỚC, HÓA CHẤT - HỆ THỐNG XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG CỦA NHÀ MÁY - 520M3 NGÀY.ĐÊM



XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG XOÀI II-TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIROMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

M.S.D.N: 0312269599-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	05/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

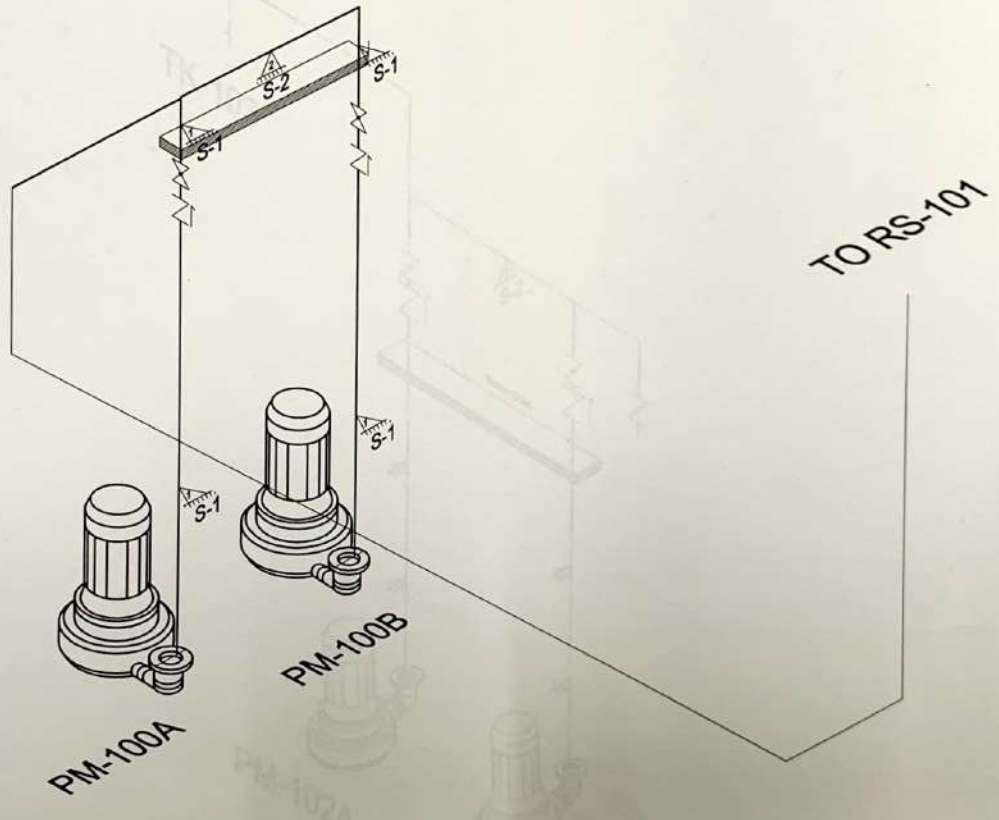
ĐƯỜNG NƯỚC, HÓA CHẤT

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 5/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NOAI IS TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
M.S.D.N: 0312269599-C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông, Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2015
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

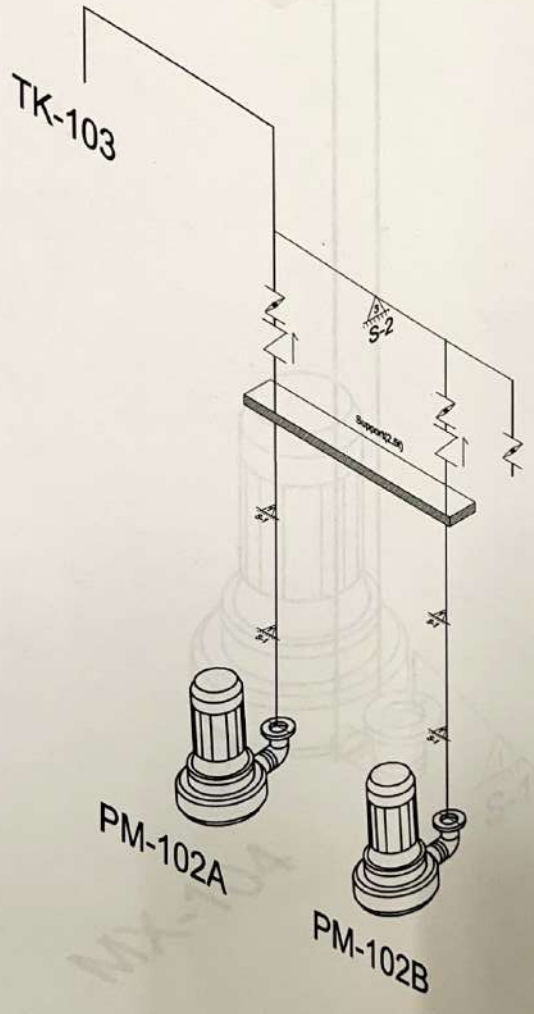
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 6/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NAI, H. CHƠN THÀNH, BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

M.S.D.N: 0312269599 - C.T.T.N.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

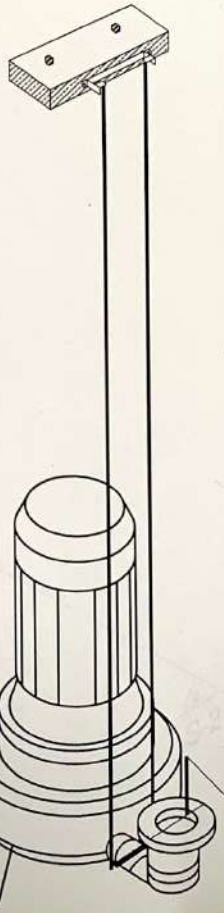
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 7/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



MX-104

S-1

S-1

TỜ TK-104A

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

LOCATION: KCN ĐỒNG XOÀI II TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
M.S.D.N: 0312269599-C.T.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	06/10/2016
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

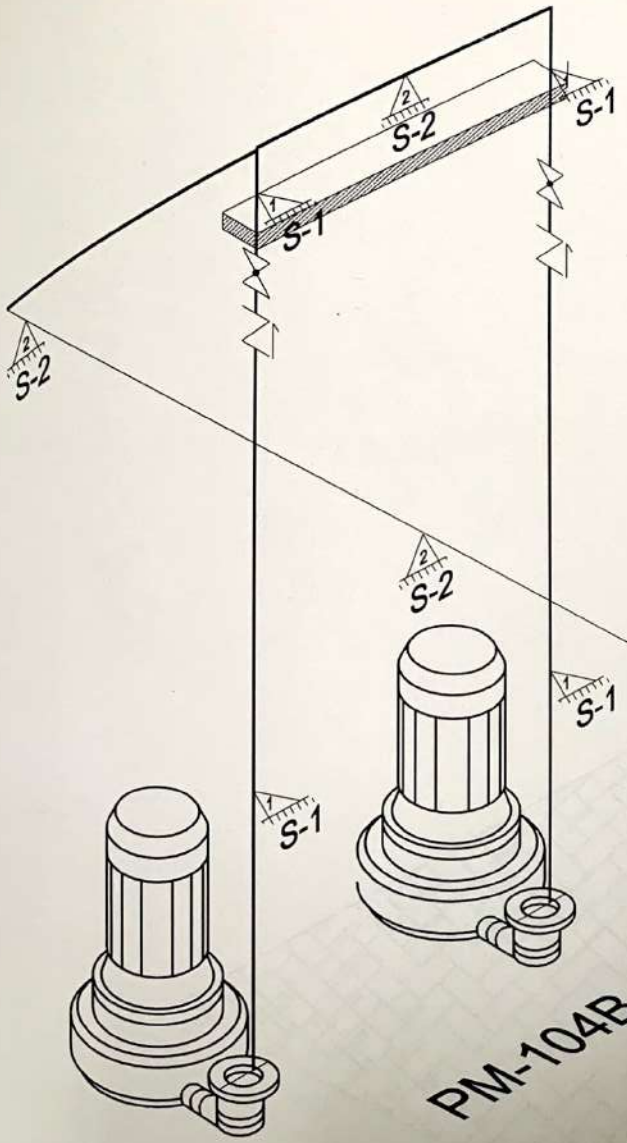
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 8/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA					
6					
5					
4					
3					
2					
1					
NO.	NGÀY	MÔ TẢ		KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NOÀI II, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

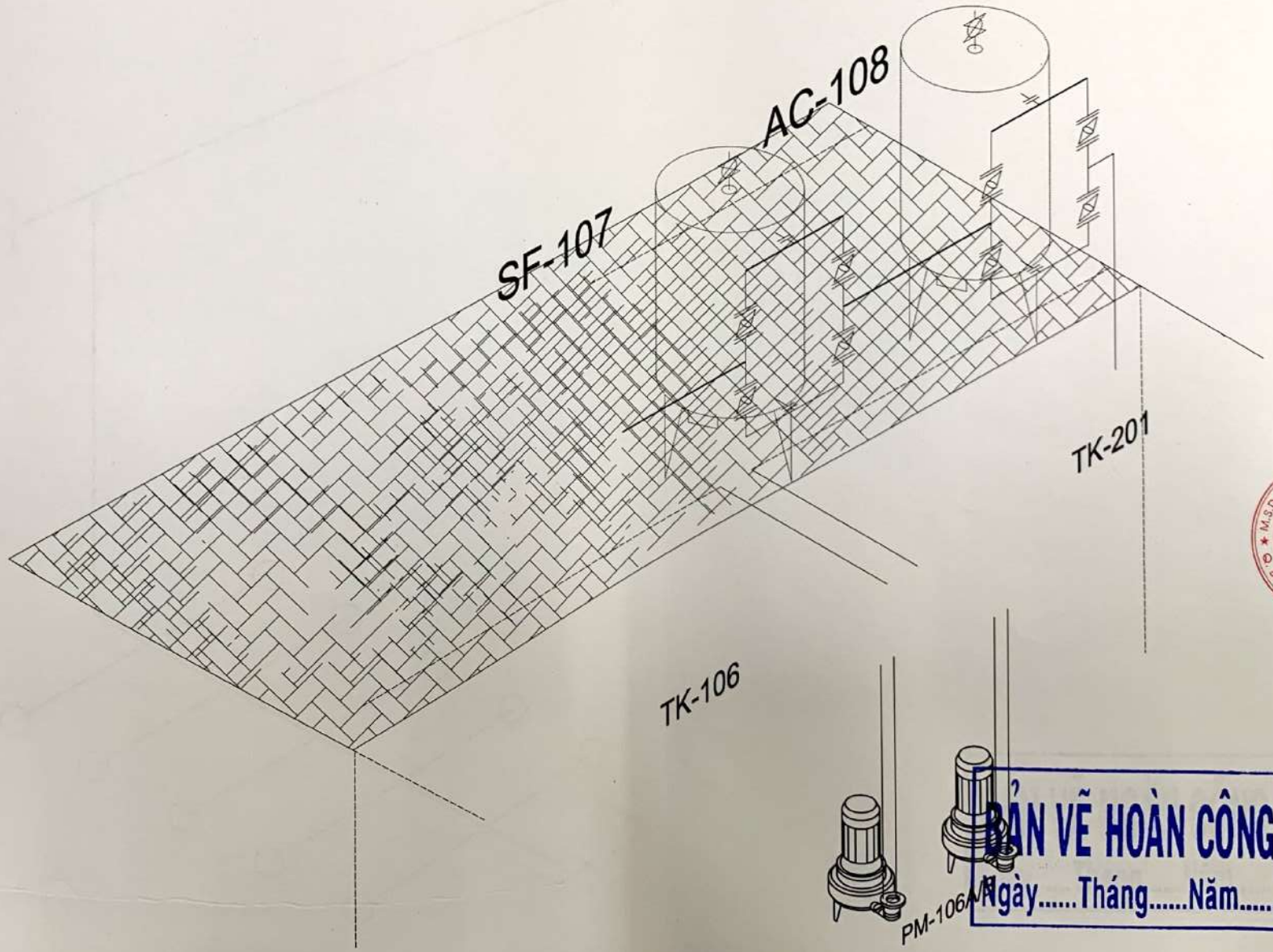
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 9/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NGHĨA H. TÂN BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD
M.S.D.N: 0312269599-C.T.N.H.H
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2016
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

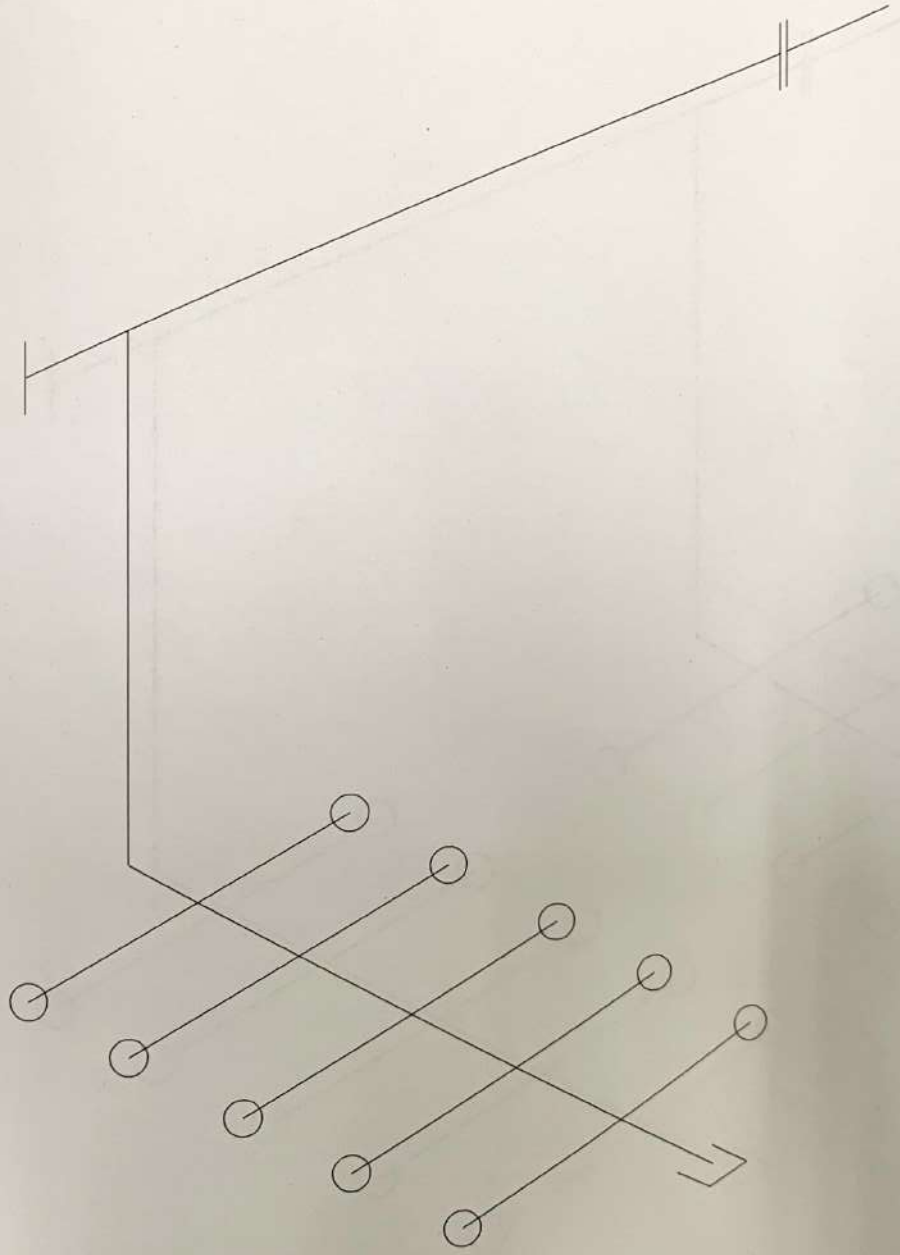
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 10/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NHƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

LOCATION:

CHỦ ĐẦU TƯ

INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân, TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ MINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	09/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

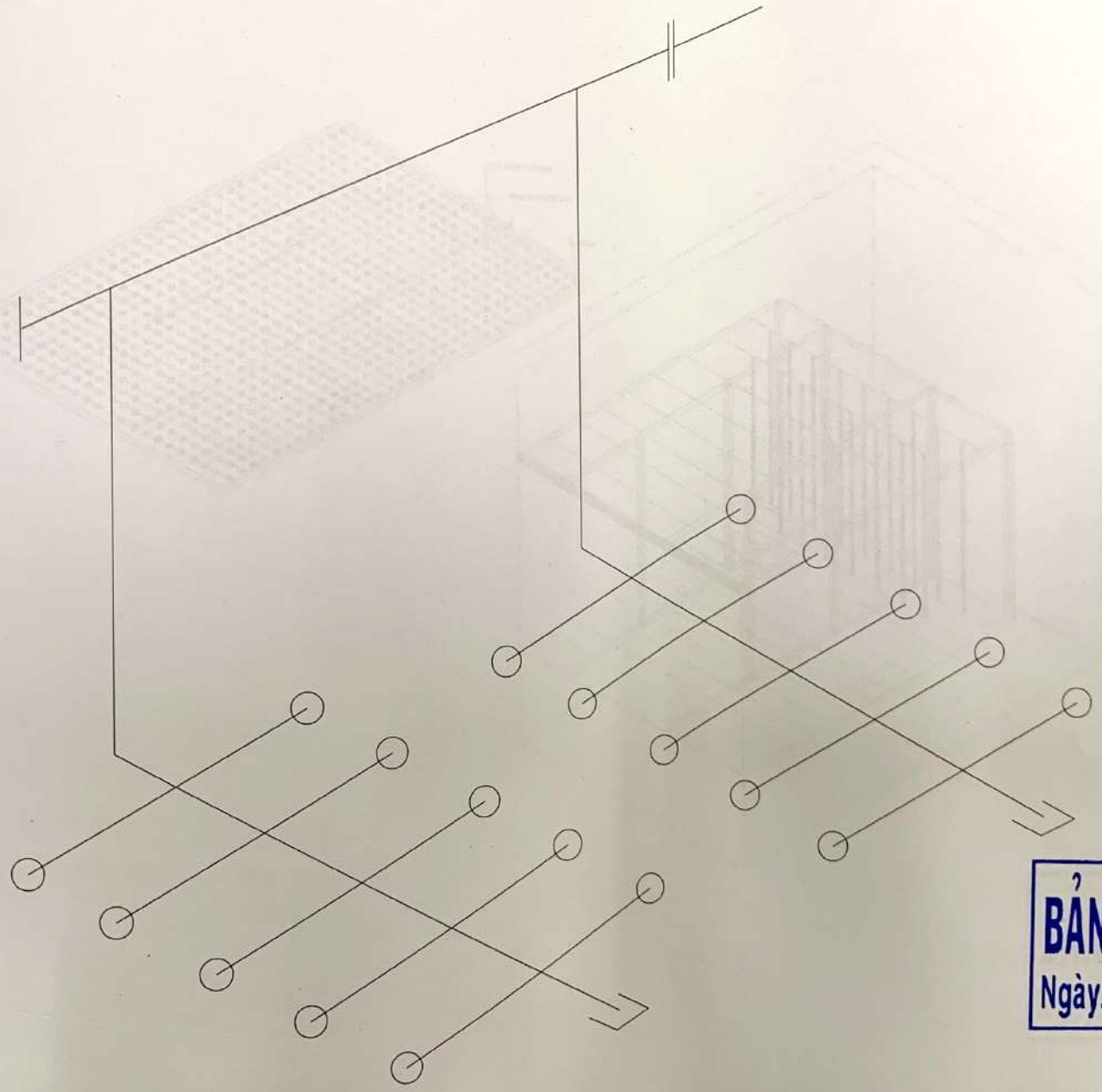
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 11/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner



BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN

TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	NGƯỜI KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG NAI II-TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULLANTECH
58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	06/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

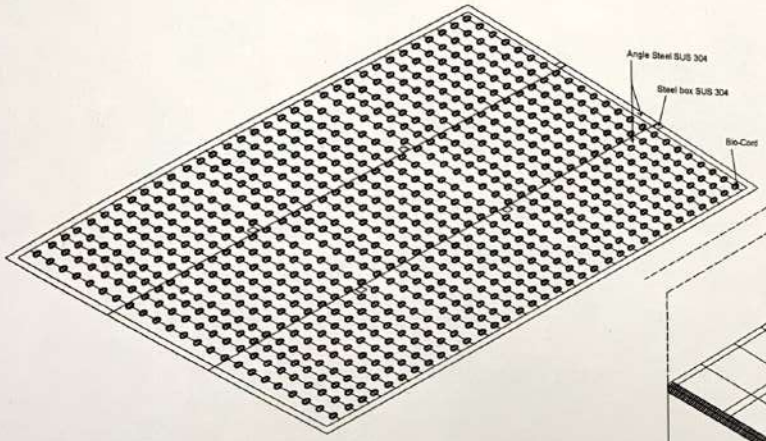
ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

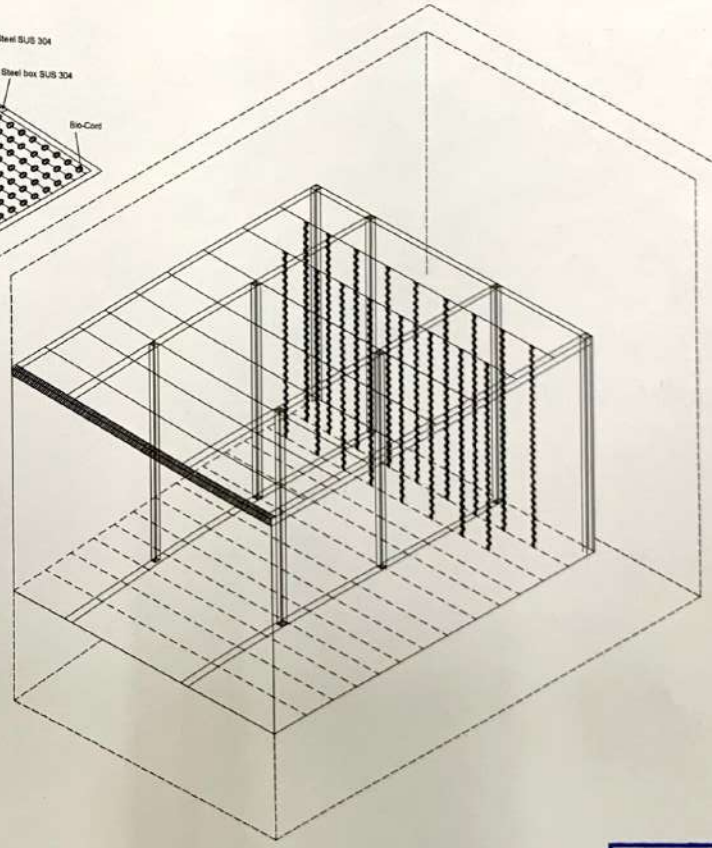
SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 12/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner





BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày.....Tháng.....Năm.....

XÁC NHẬN	
TÊN	NGÀY

CHỈNH SỬA

NO.	NGÀY	MÔ TẢ	KIỂM TRA	DUYỆT KIỂM TRA
6				
5				
4				
3				
2				
1				

PROJECT: NHÀ MÁY SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
LOCATION: KCN ĐỒNG XOÀI II, TỈNH BÌNH PHƯỚC

CHỦ ĐẦU TƯ
INVESTOR

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH
FULL ANTECH ENVIRONMENTAL TECHNOLOGY CO.,LTD

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG FULL ANTECH

58 Chiến Lược, Bình Trị Đông
Quận Bình Tân. TP. HCM
ĐT: 08. 37 547 678 FAX: 08. 37 547 678
Email : fullantech@gmail.com

DUYỆT	LÝ VINH PHÁT
KIỂM TRA	TRẦN NGỌC THANH TUẤN
THIẾT KẾ	LÊ ĐÌNH THANH BÌNH
VẼ	MAI QUANG MINH
NGÀY	08/10/2018
TỶ LỆ	

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

ĐƯỜNG ỐNG, THIẾT BỊ

SỐ DỰ ÁN

SỐ BẢN VẼ 13/13

SỐ HIỆU

Scanned with CamScanner

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THU GOM KHÍ THẢI

DỰ ÁN : NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
ĐỊA CHỈ : LÔ D1-D4, KCN ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI
CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN
NHÀ THẦU : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH
HẠNG MỤC : ĐO VẼ HOÀN CÔNG HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

BẢN VẼ HOÀN CÔNG HỆ THỐNG THU GOM KHÍ THẢI

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH			
BẢN VẼ HOÀN CÔNG Ngày 15 tháng 12 năm 2025			
NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Nguyễn Bá Luật	Nguyễn Thanh Phong		

DỰ ÁN : NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA CHỈ : LÔ D1-D4, KCN ĐỒNG XOÀI II, PHƯỜNG ĐỒNG XOÀI, TỈNH ĐỒNG NAI

CHỦ ĐẦU TƯ : CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

NHÀ THẦU : CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

HẠNG MỤC : ĐO VẼ HOÀN CÔNG HIỆN TRẠNG HỆ THỐNG XỬ LÝ KHÍ THẢI

ĐẠI DIỆN NHÀ THẦU THI CÔNG

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

M.S.D.N:0315645932-C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH ★ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THANH PHONG

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

M.S.D.N:3801083966-C.T.T.N.H.H ★ CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN ★ P.ĐỒNG XOÀI-T.ĐỒNG NAI

CHEN JHIH YUAN

ĐỒNG NAI, NĂM 2025

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng.12..năm2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ

Nguyễn Thanh Phong

CHEN JHIH YUAN

DANH MỤC BẢN VẼ

STT	TÊN BẢN VẼ	SỐ HIỆU BẢN VẼ	KHỔ GIẤY	GHI CHÚ
1	DANH MỤC BẢN VẼ	GG-HC-XLKT-01	A3	
2	SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ HỆ THỐNG THU GOM KHÍ THẢI	GG-HC-XLKT-02	A3	
3	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B (TỜ 1)	GG-HC-XLKT-03	A3	
4	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B (TỜ 2)	GG-HC-XLKT-04	A3	
5	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C (TỜ 1)	GG-HC-XLKT-05	A3	
6	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C (TỜ 2)	GG-HC-XLKT-06	A3	
7	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C (TỜ 3)	GG-HC-XLKT-07	A3	
8	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN SẤY XƯỞNG E (TỜ 1)	GG-HC-XLKT-08	A3	
9	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN SẤY XƯỞNG E (TỜ 2)	GG-HC-XLKT-09	A3	
10	MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG G	GG-HC-XLKT-10	A3	
11	MẶT BẰNG HỆ THỐNG LỌC TÚI VẢI XƯỞNG H	GG-HC-XLKT-11	A3	
12	CHI TIẾT HỆ THỐNG LỌC TÚI VẢI XƯỞNG H	GG-HC-XLKT-12	A3	
13	MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 1-1	GG-HC-XLKT-13	A3	
14	MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 2-2	GG-HC-XLKT-14	A3	
15	CHI TIẾT THANG LÊN MÁI	GG-HC-XLKT-15	A3	
16	CHI TIẾT 1	GG-HC-XLKT-16	A3	
17	CHI TIẾT 1	GG-HC-XLKT-17	A3	
18	HƯỚNG NHÌN ĐIỂN HÌNH 3-3 XƯỞNG C	GG-HC-XLKT-18	A3	
19	HƯỚNG NHÌN ĐIỂN HÌNH 4-4 XƯỞNG C	GG-HC-XLKT-19	A3	

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/Location : 23/30 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

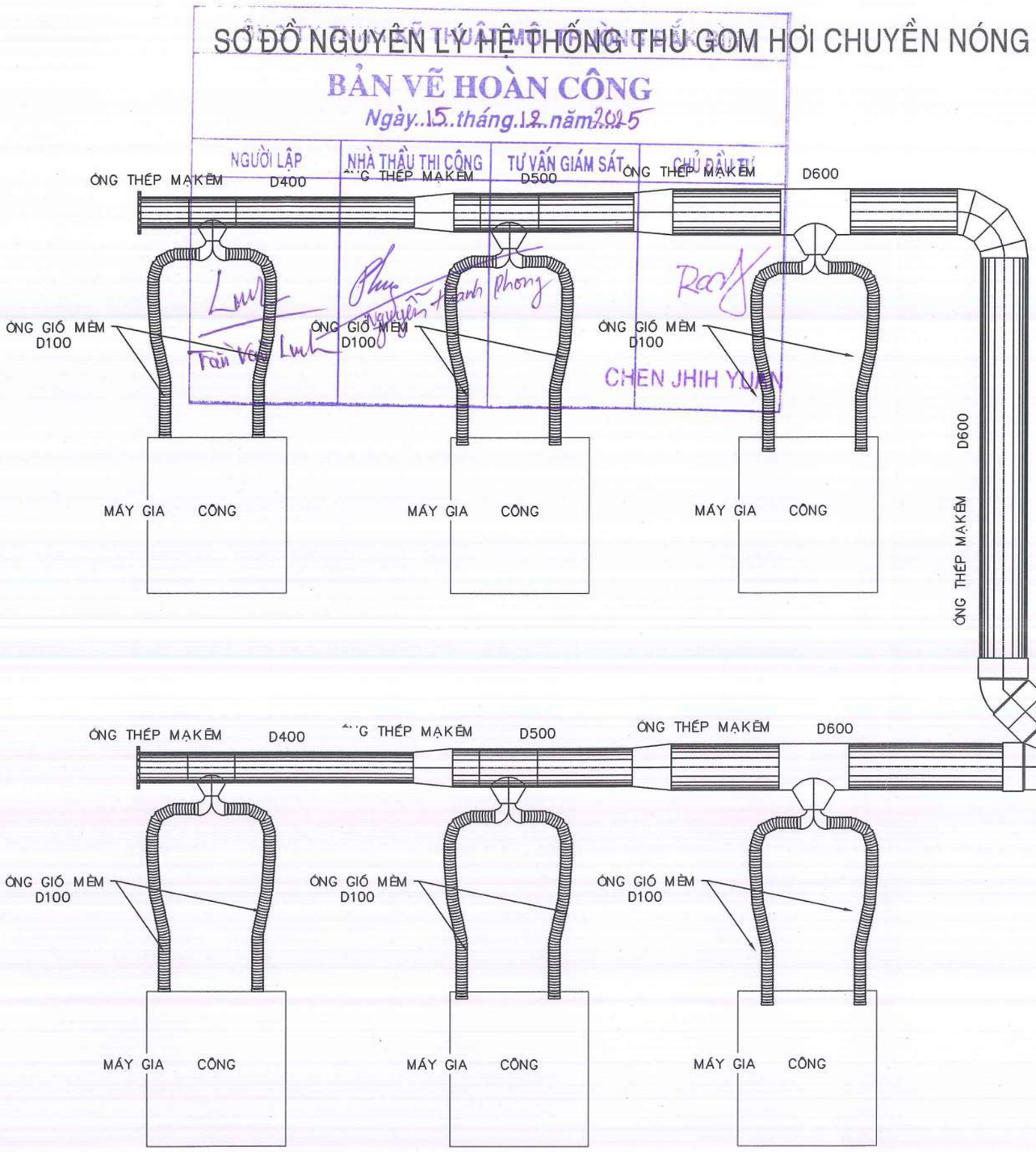
DANH MỤC BẢN VẼ

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-01

SƠ ĐỒ NGUYÊN LÝ HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG

BẢN VẼ HOÀN CÔNG
Ngày..15..tháng..12..năm..2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ



LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: 1 lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai.

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/ Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

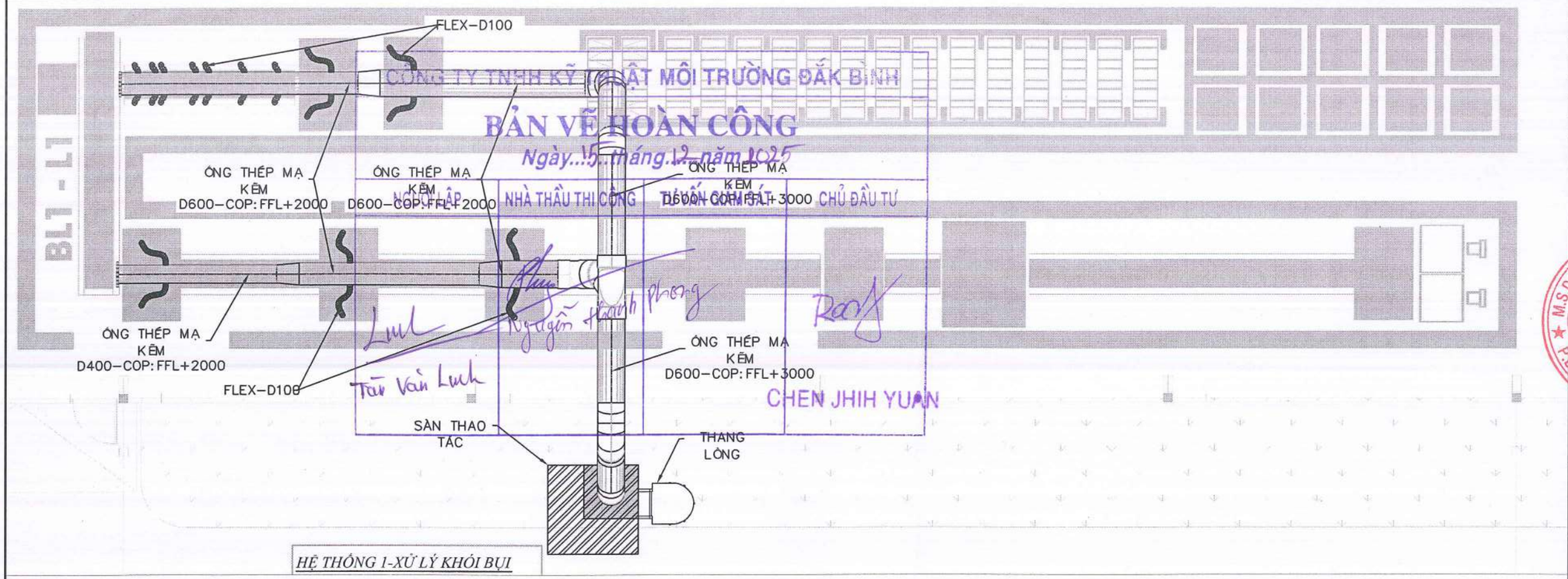
KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

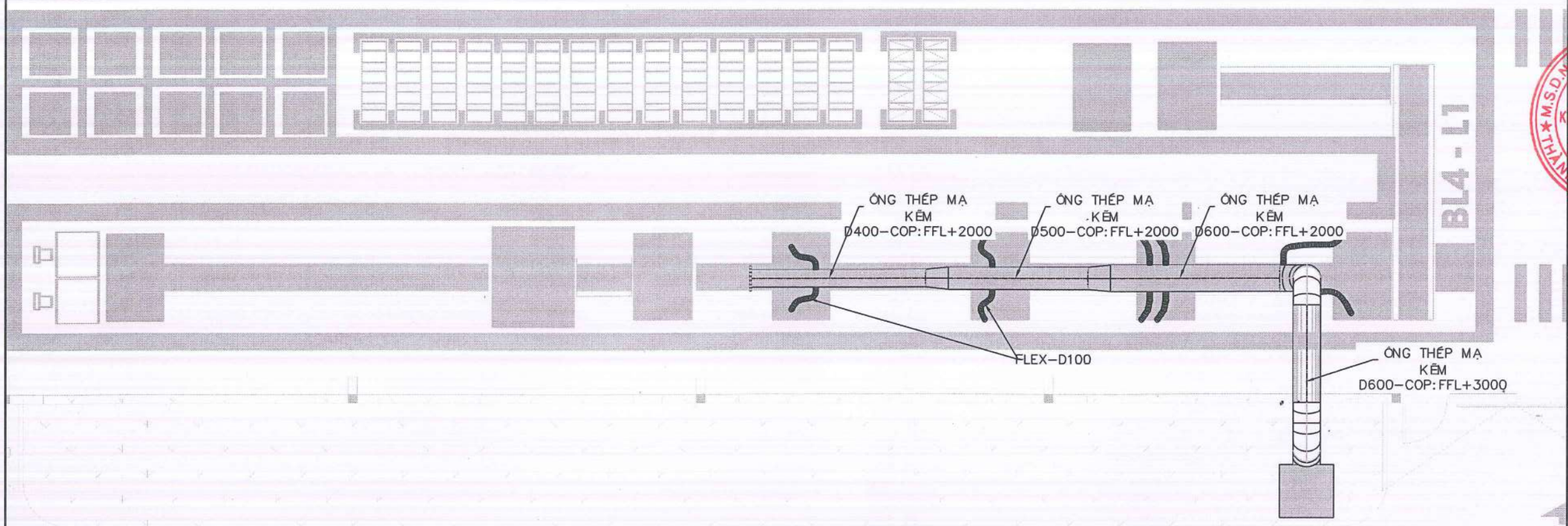
SƠ ĐỒ CÔNG NGHỆ
HỆ THỐNG THU GOM KHÍ THẢI

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-02



HỆ THỐNG 1-XỬ LÝ KHÓI BỤI

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B, TRỤC 1-4 / A-B



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B, TRỤC 10-14 / A-B

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/ Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B (TỜ 1)

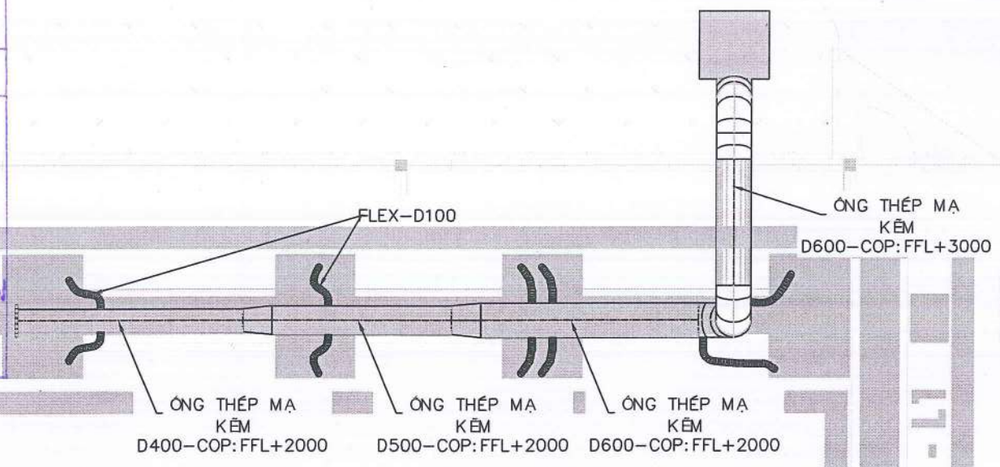
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO: GG-HC-XLKT-03

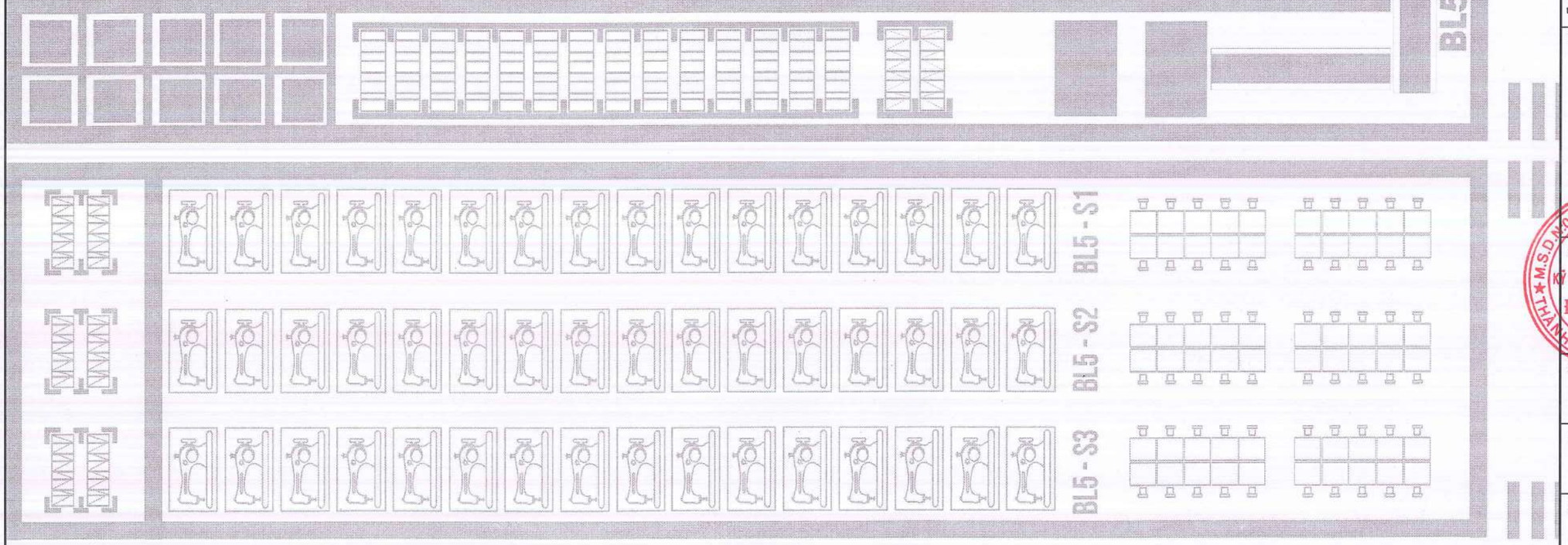
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15.tháng..12.năm.2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong	CHEN JHIH YUAN	





MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B, TRỤC 10-14 / D-E

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/ Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

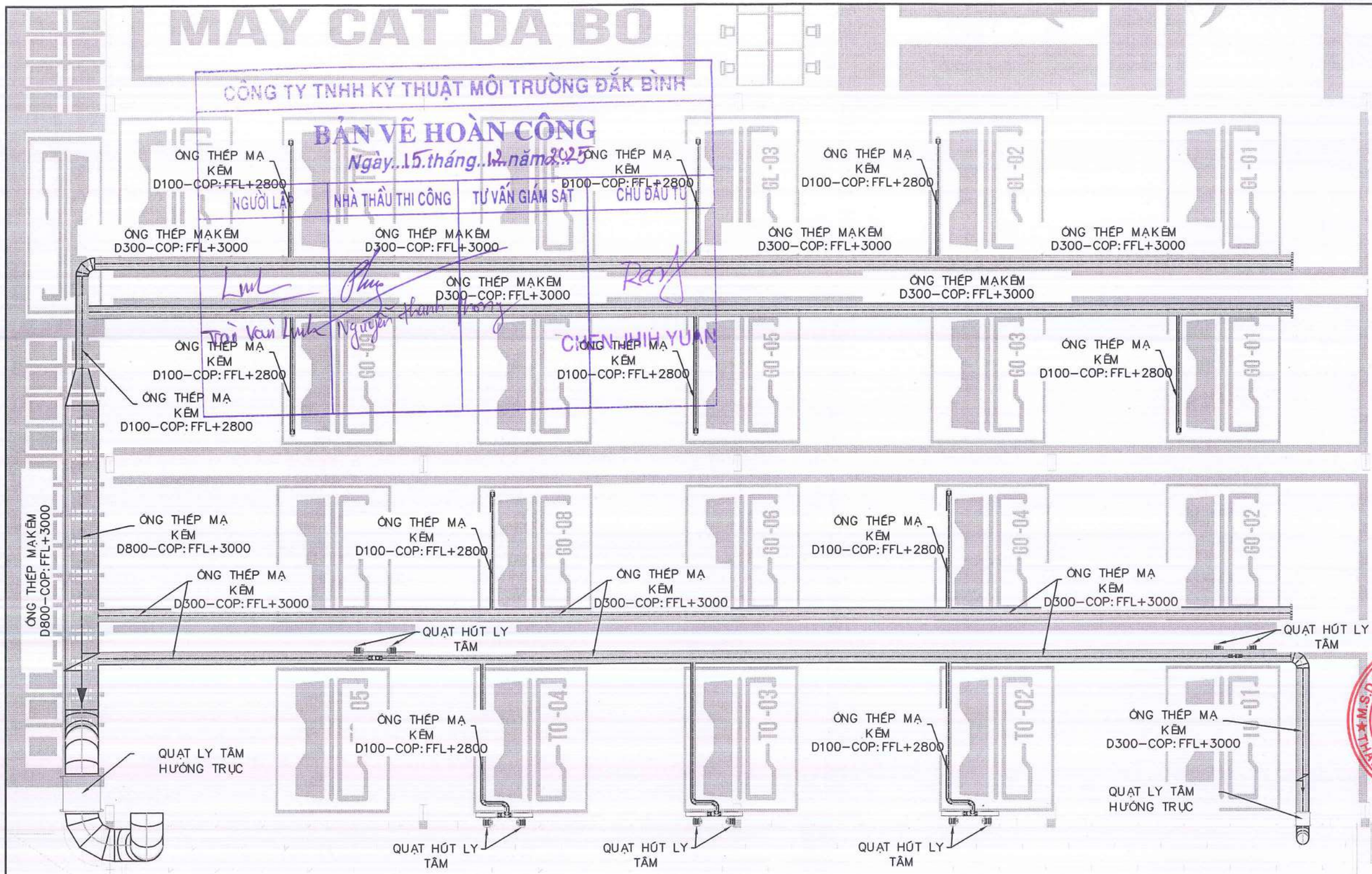
KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG B (TỜ 2)

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-04



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C, TRỤC 8-12 / A-B

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C (TỜ 1)

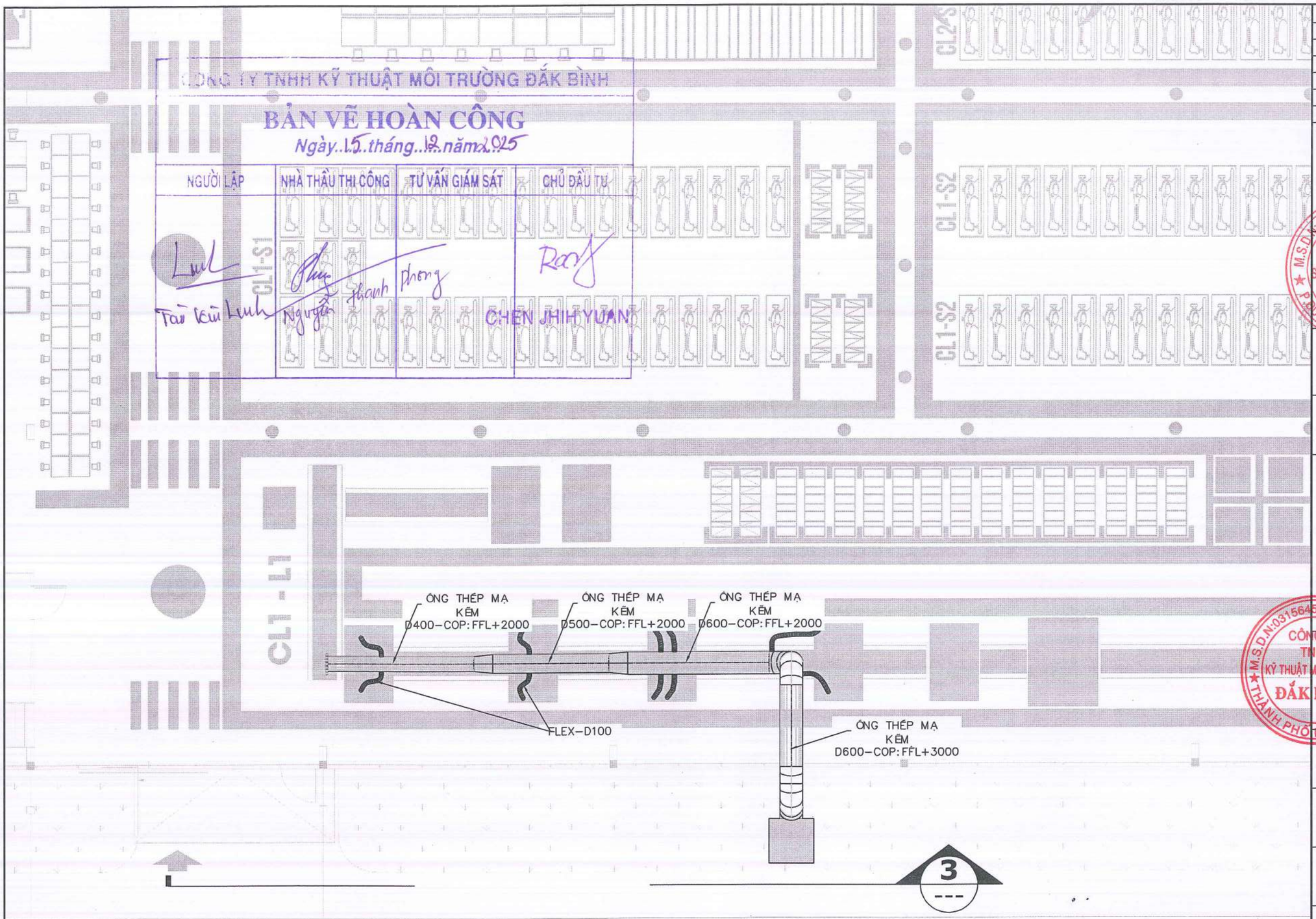
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-05

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C, TRỤC 3-5 / A-B

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C (TỜ 2)

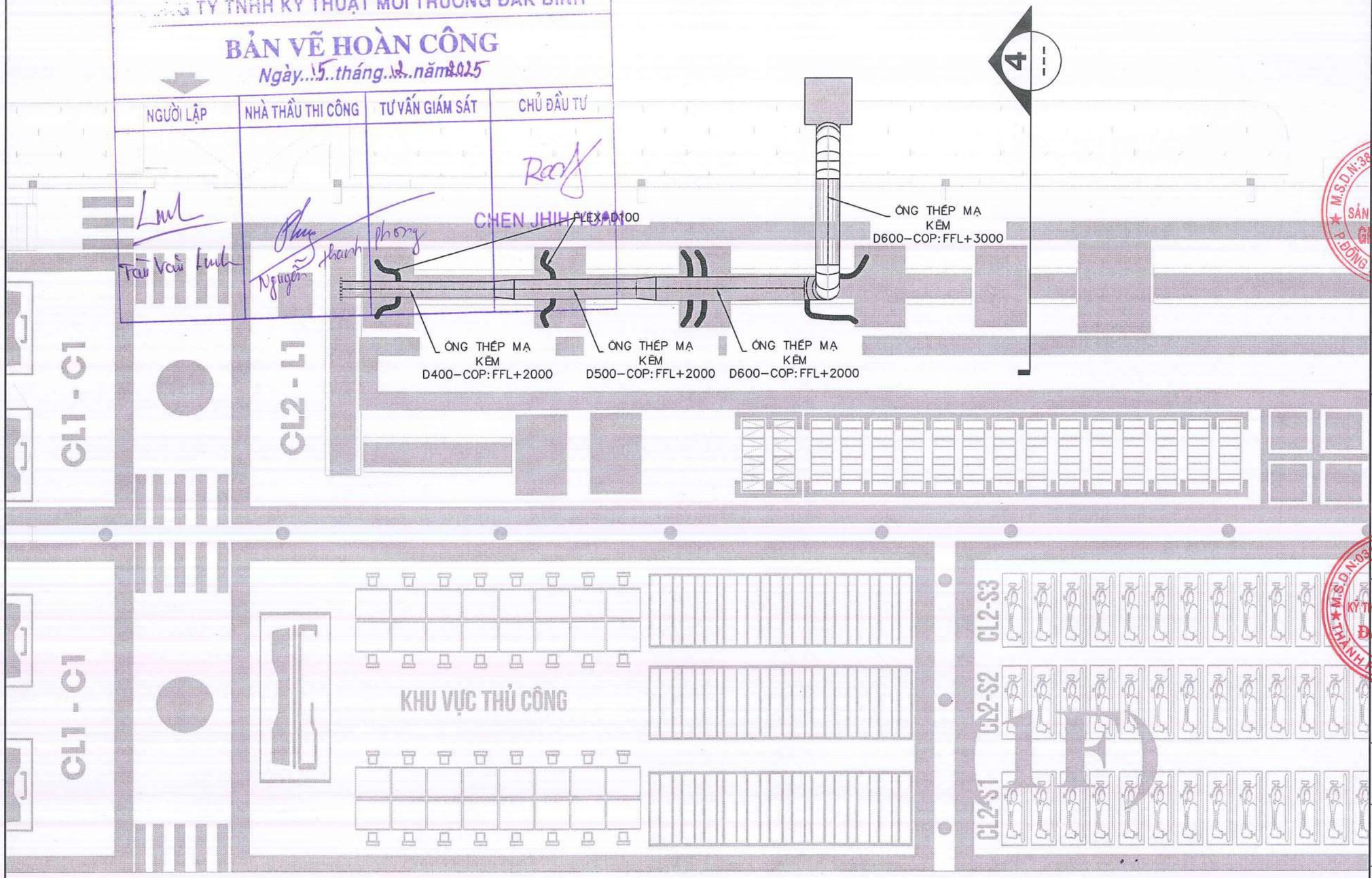
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-06

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C, TRỤC 3-5 / D-E

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG C (TỜ 3)

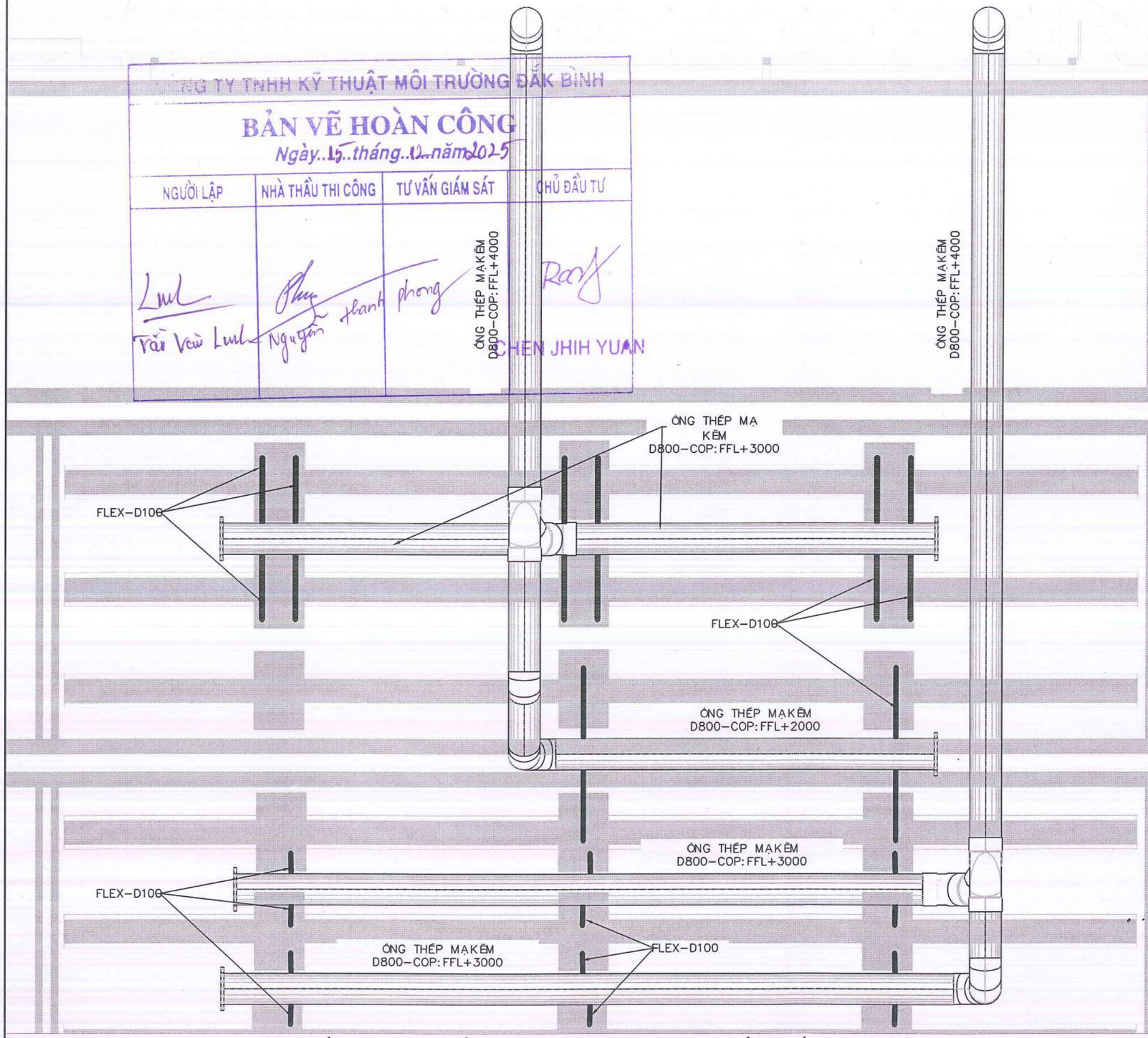
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO: GG-HC-XLKT-07

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng..12..năm 2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG E, TRỤC 9-12 / C-E

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN SẤY XƯỞNG E (TỜ 1)

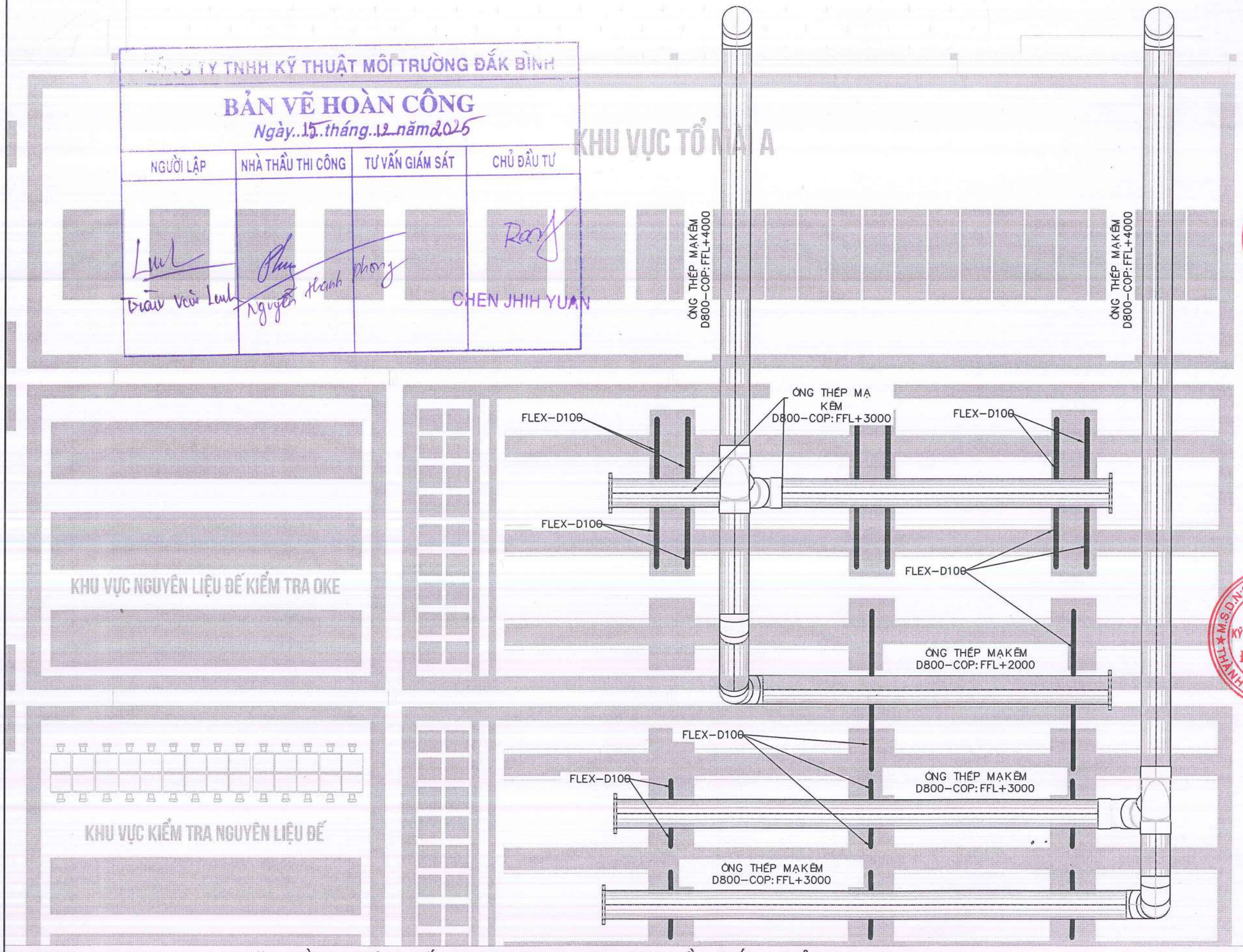
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-08

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng..12..năm2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN CẮT XƯỞNG E, TRỤC 5-8 / C-E

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

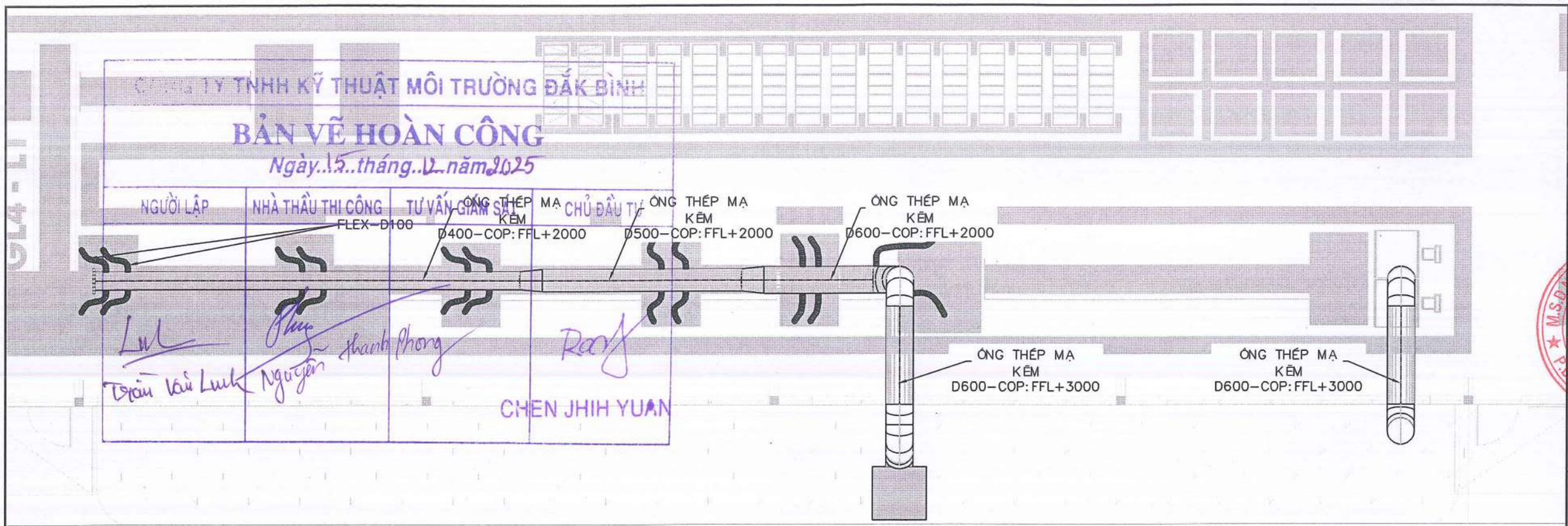
KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

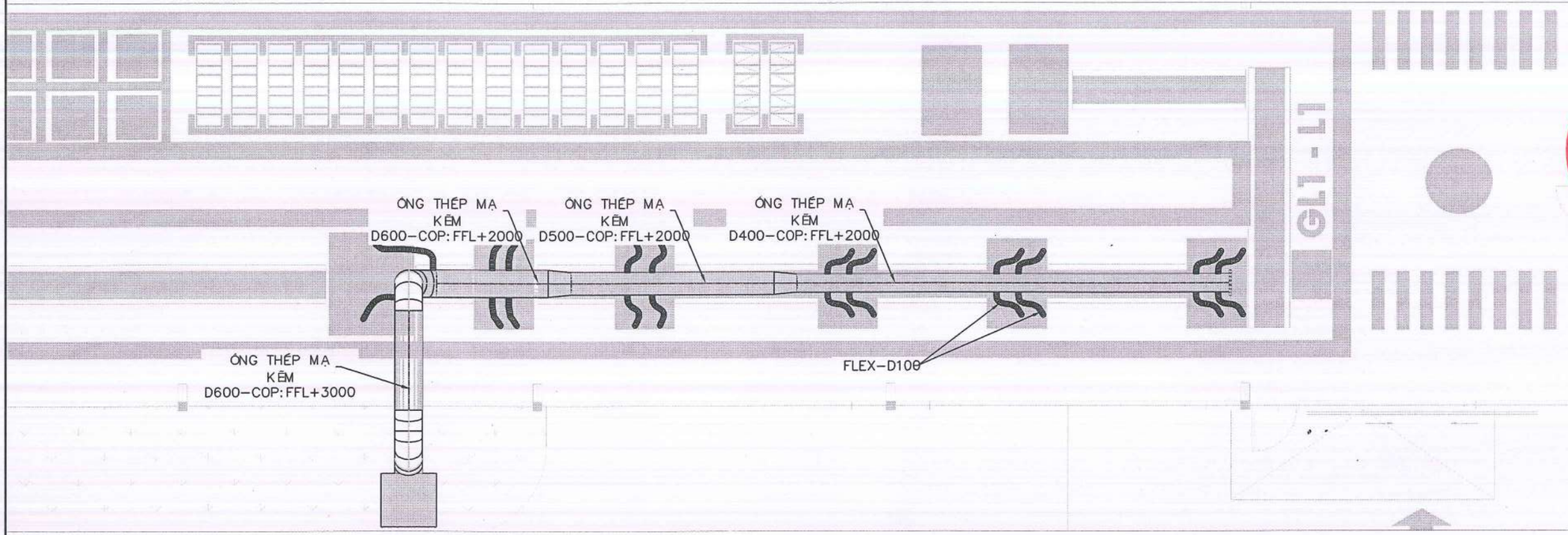
TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN SẤY XƯỞNG E (TỜ 2)

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-09



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG G, TRỤC 3-7 / A-B



MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG G, TRỤC 10-12 / A-B

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG THU GOM HƠI CHUYỀN NÓNG XƯỞNG G

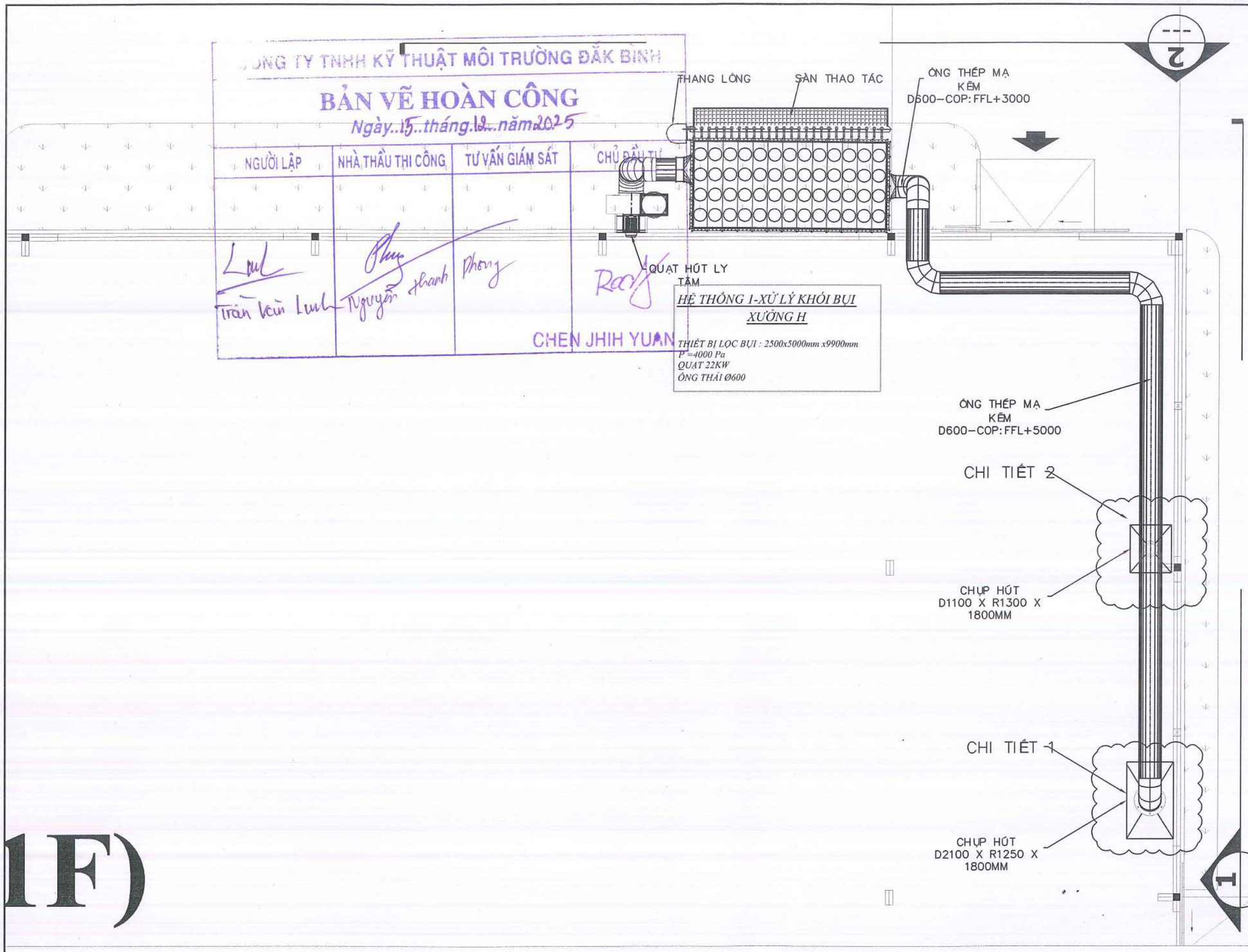
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-10

ÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng.12..năm2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong	Phong	CHEN JHIH YUAN



1F)

MẶT BẰNG HỆ THỐNG LỌC TÚI VẢI XƯỞNG H

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT BẰNG HỆ THỐNG LỌC TÚI VẢI XƯỞNG H

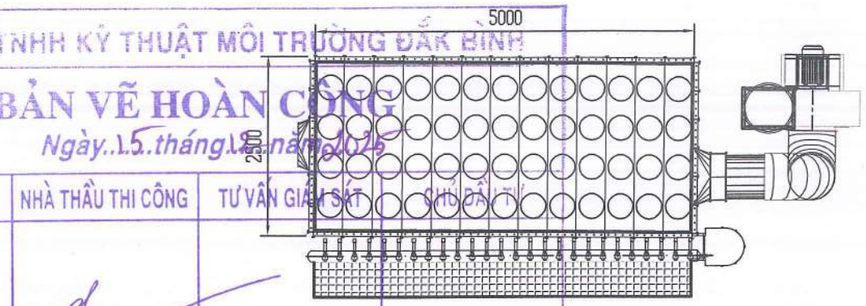
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-11

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

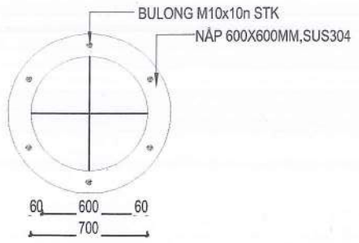
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng..12..năm 2025

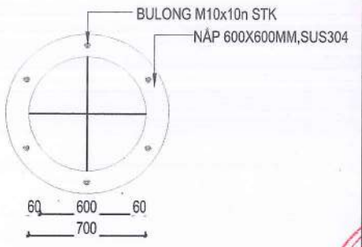
NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



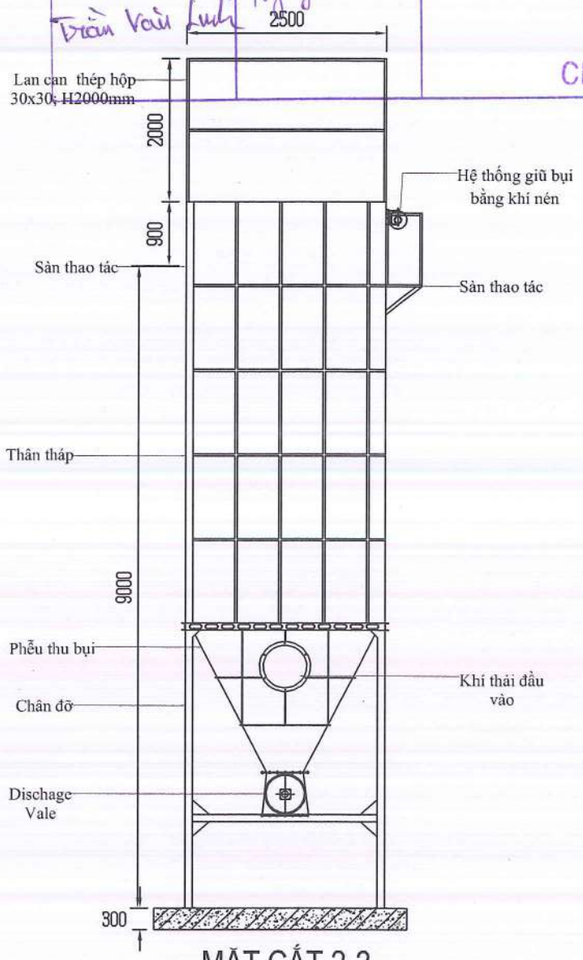
MẶT BẰNG



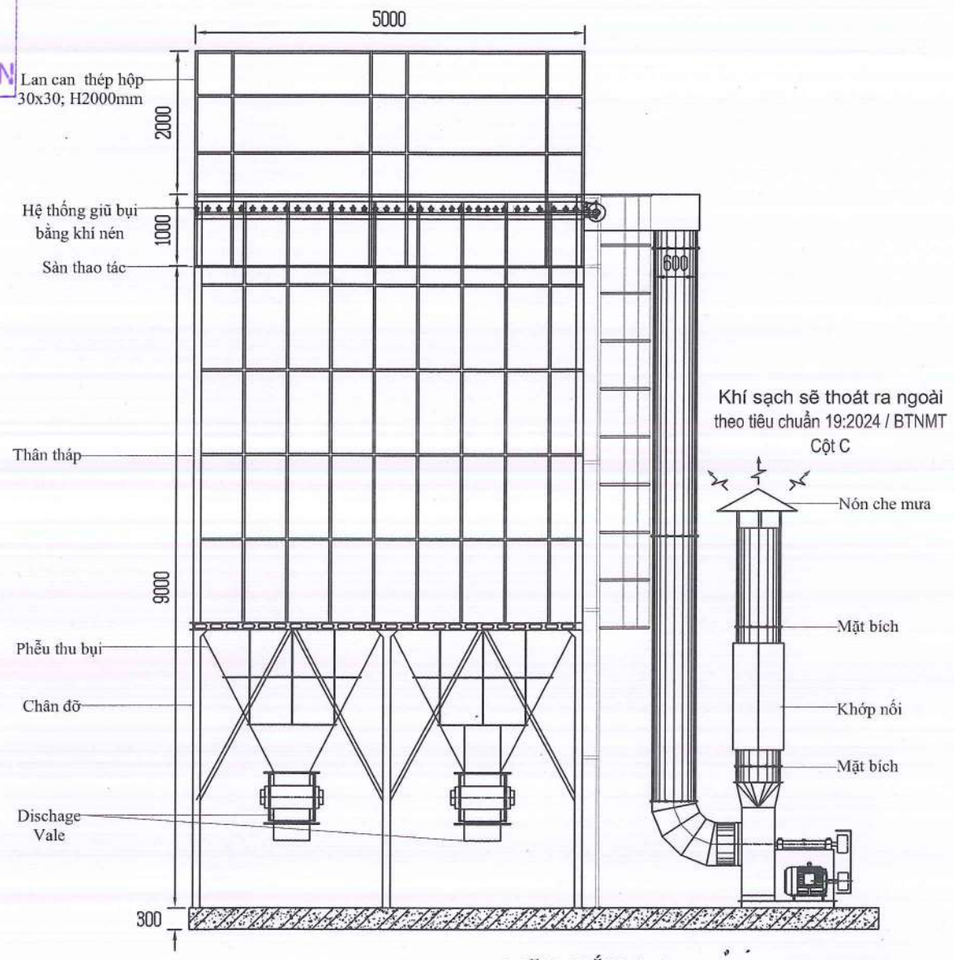
CHI TIẾT MẶT BÍCH VÀO



CHI TIẾT MẶT BÍCH KẾT NỐI



MẶT CẮT 2-2



MẶT CẮT 1-1

CHI TIẾT HỆ THỐNG LỌC TÚI VẢI XƯỞNG H

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

CHI TIẾT HỆ THỐNG LỌC TÚI VẢI XƯỞNG H

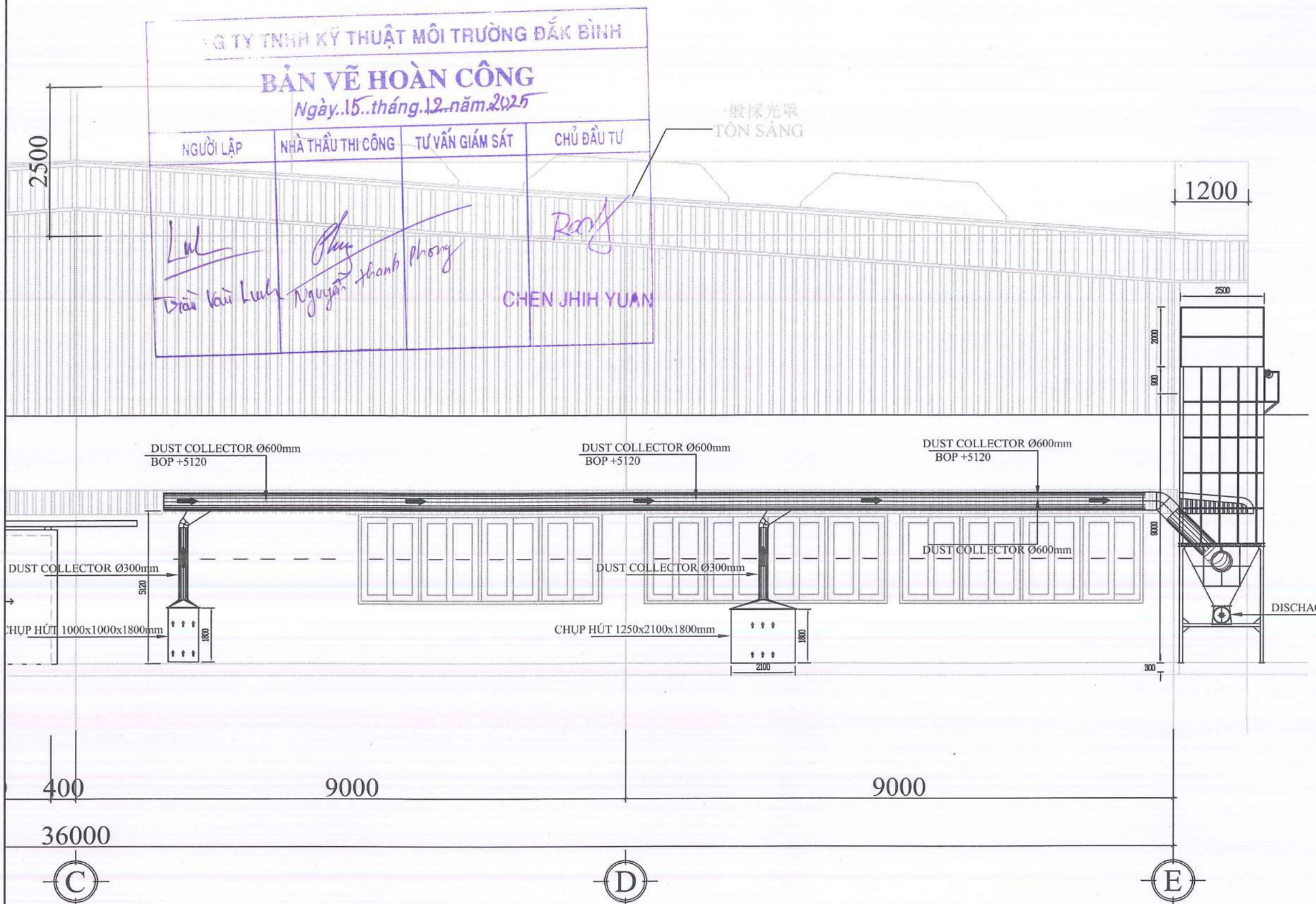
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-12

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15..tháng..12..năm 2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 1-1

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/ Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 1-1

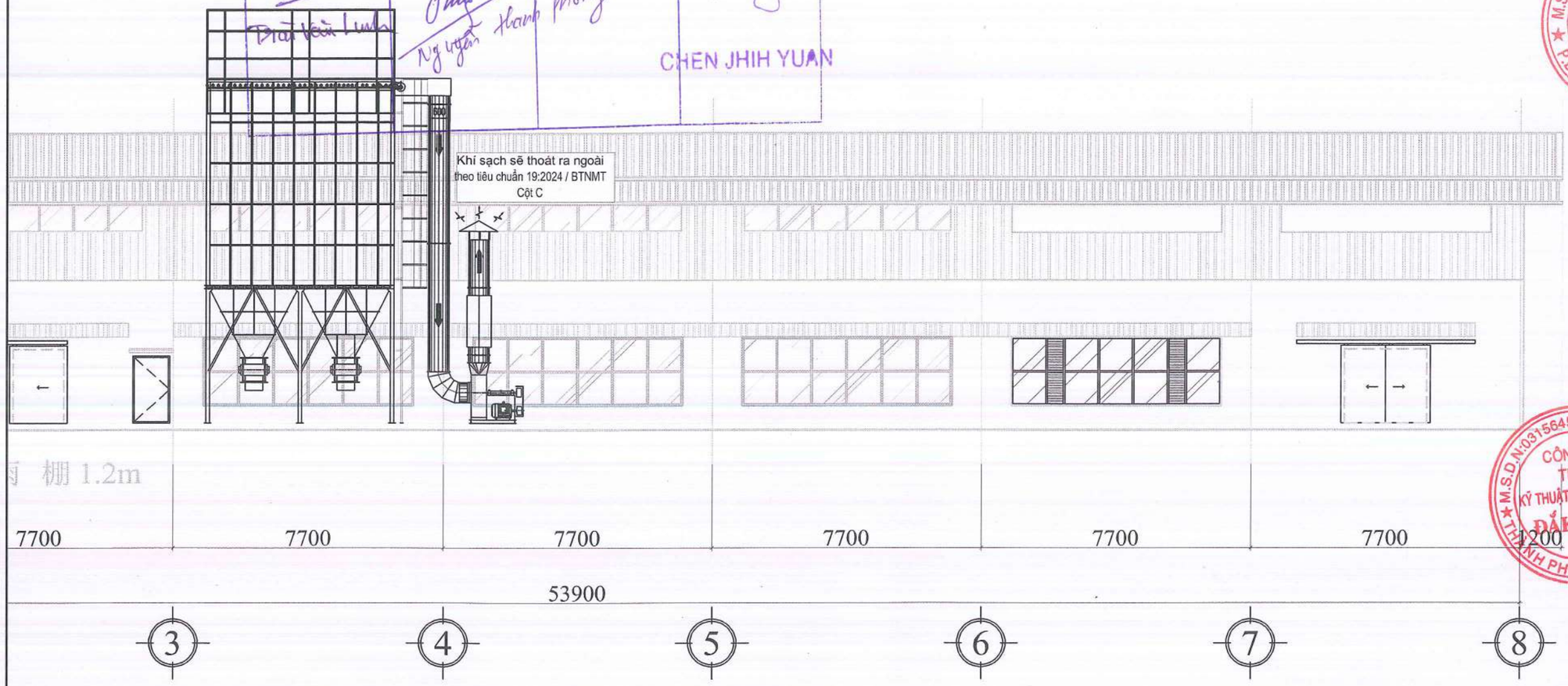
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO: GG-HC-XLKT-13

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 2-2

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP.Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 2-2

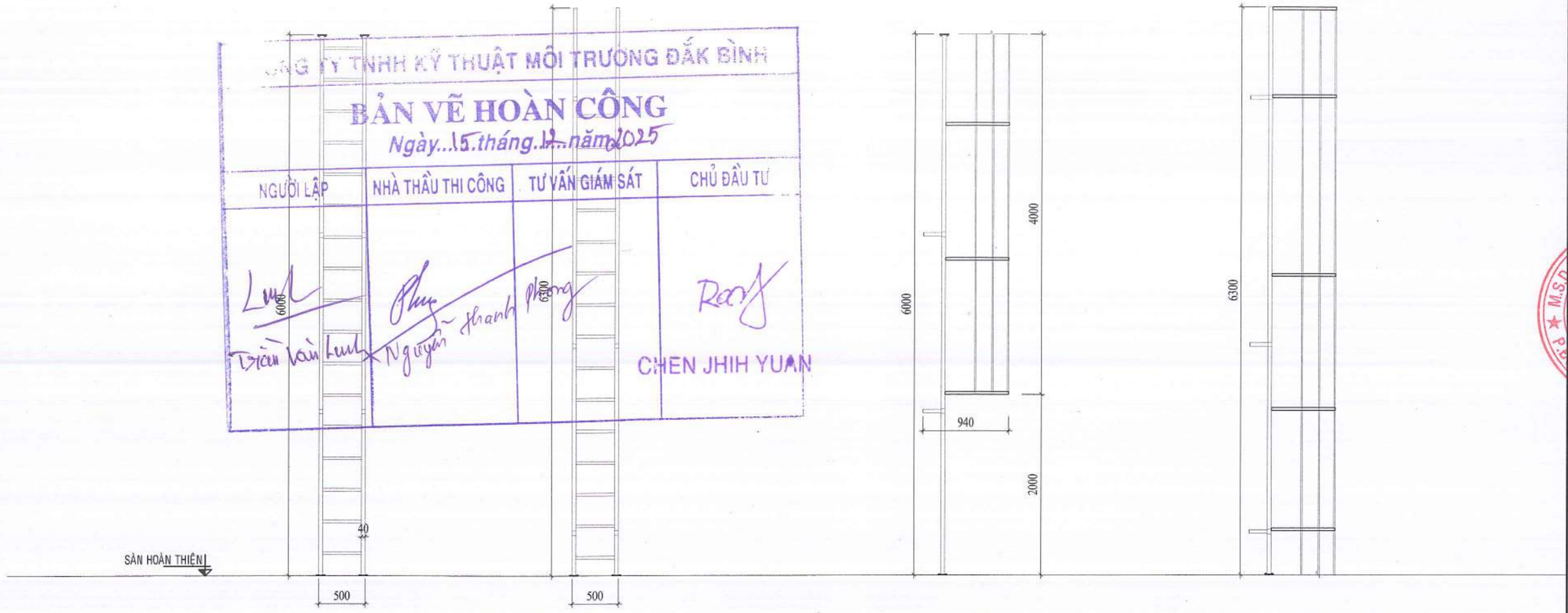
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-14

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

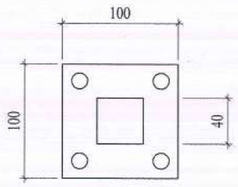
BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày..15.tháng..12..năm 2025

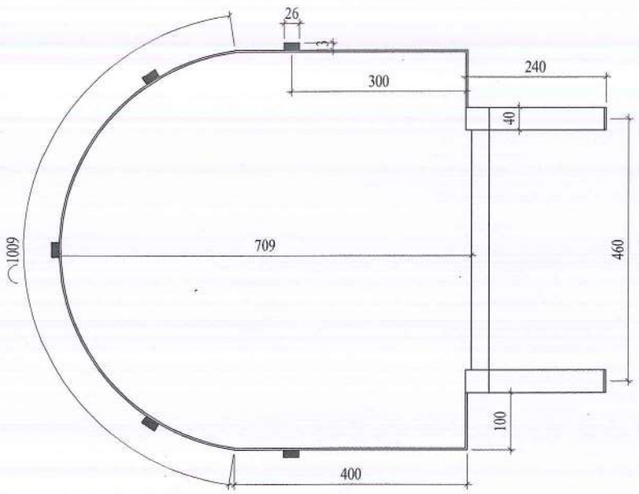
NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



CHI TIẾT MẶT ĐỨNG THANG LÊN MÁI TL:1/25



CHI TIẾT BẢN MÃ THANG TL:1/10



CHI TIẾT MẶT BẰNG THANG LÊN MÁI TL:1/20

MẶT CẮT ĐIỂN HÌNH 2-2

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

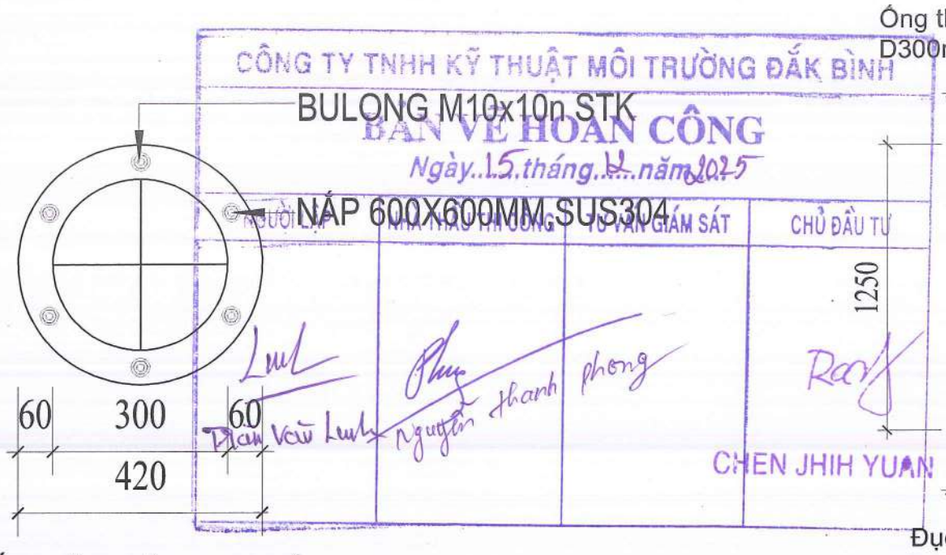
KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

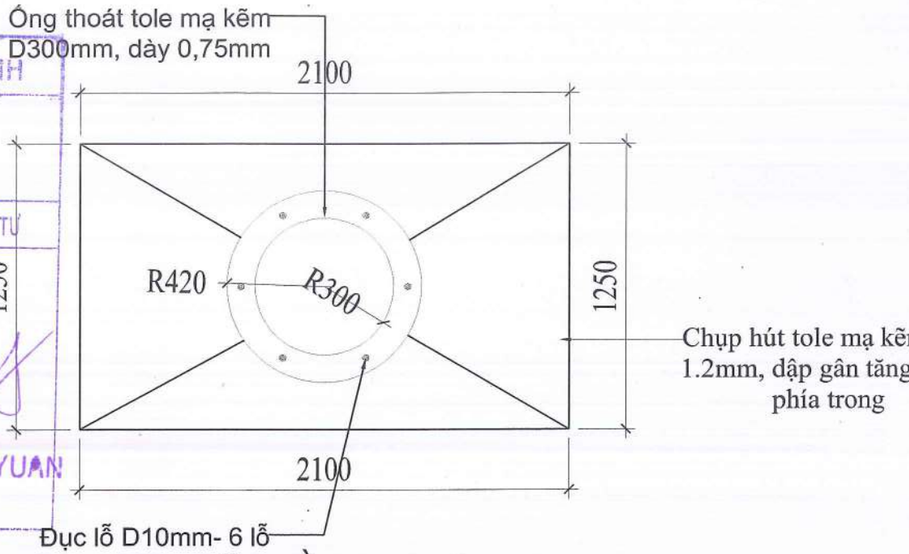
TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

CHI TIẾT THANG LÊN MÁI

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO: GG-HC-XLKT-14

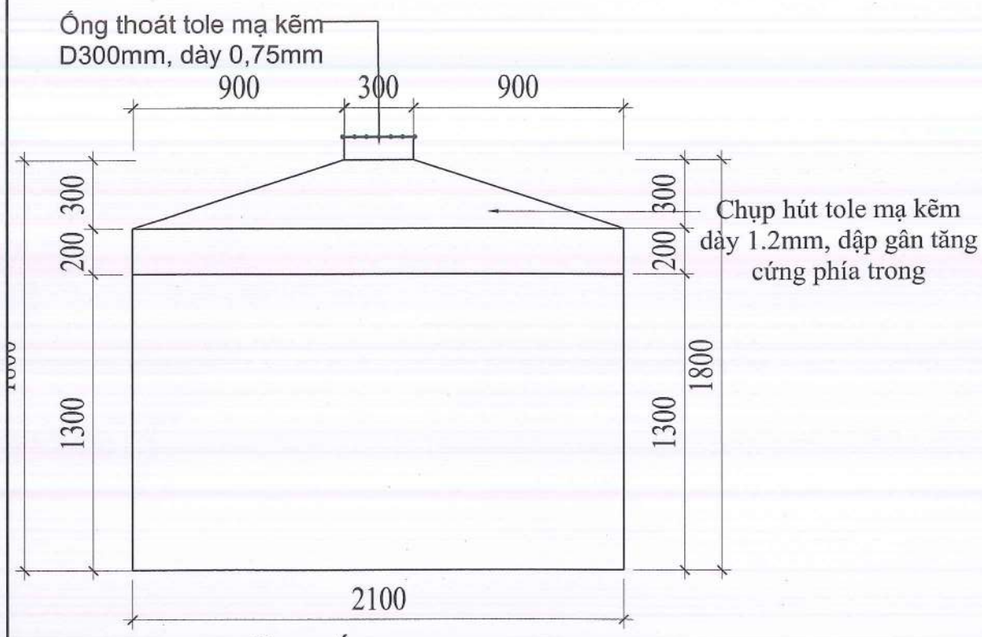


CHI TIẾT MẶT BÍCH THOÁT TL:1/10

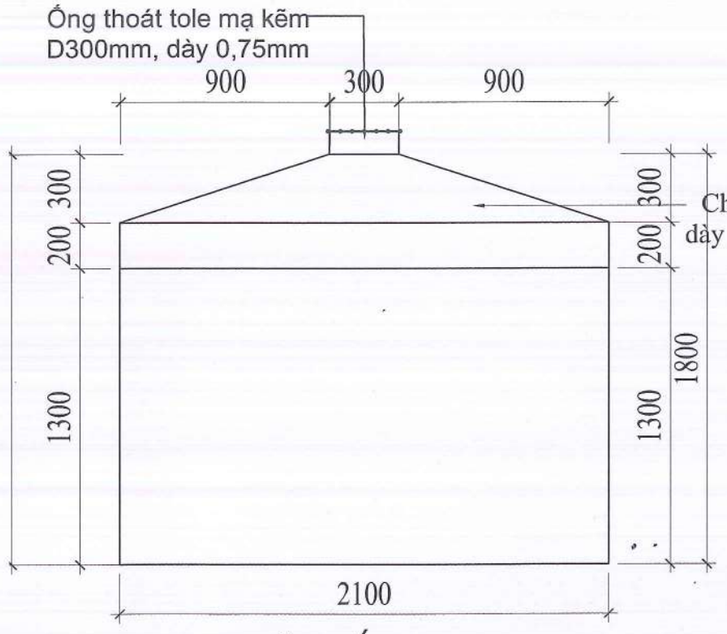


MẶT BẰNG TL:1/25

CHI TIẾT 1



MẶT CẮT 1-1 TL:1/25



MẶT CẮT 2-2 TL:1/25

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/ Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

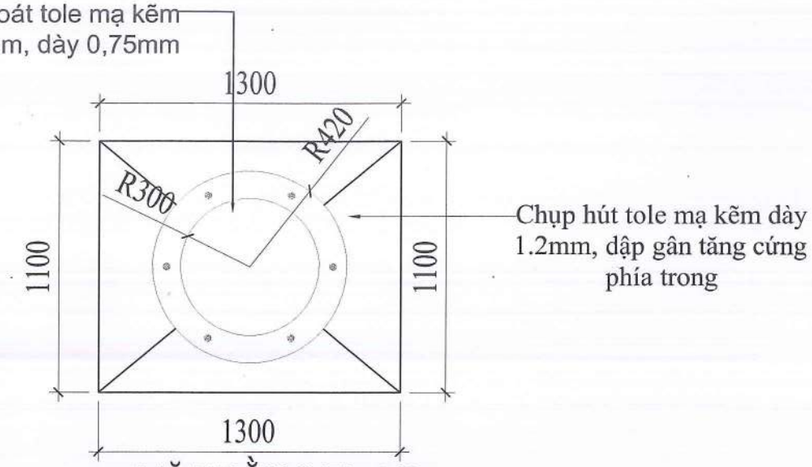
TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

CHI TIẾT 1

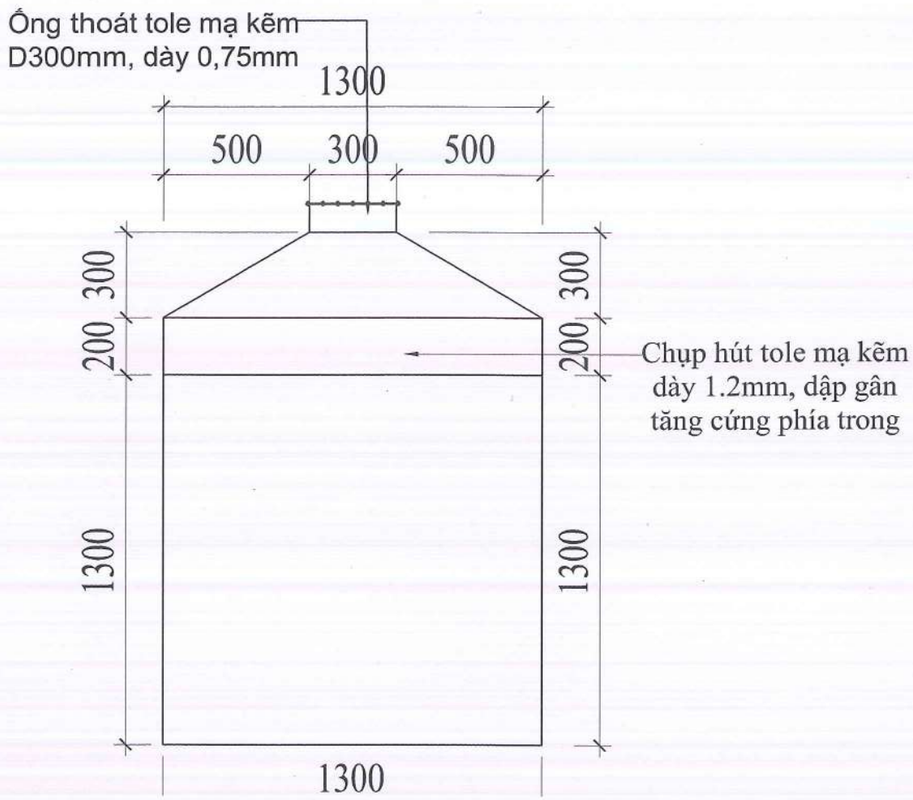
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO: GG-HC-XLKT-16



CHI TIẾT MẶT BÍCH THOÁT TL:1/10

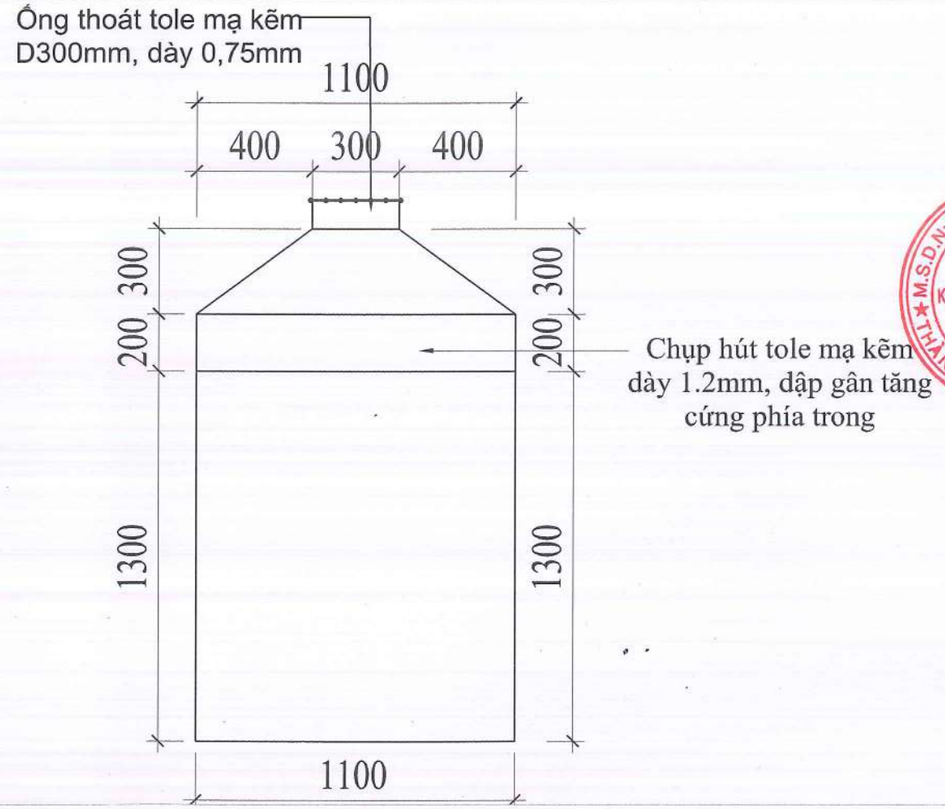


MẶT BẰNG TL:1/25



MẶT CẮT 1-1 TL:1/20

CHI TIẾT 2



MẶT CẮT 2-2 TL:1/20

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

CHI TIẾT 2

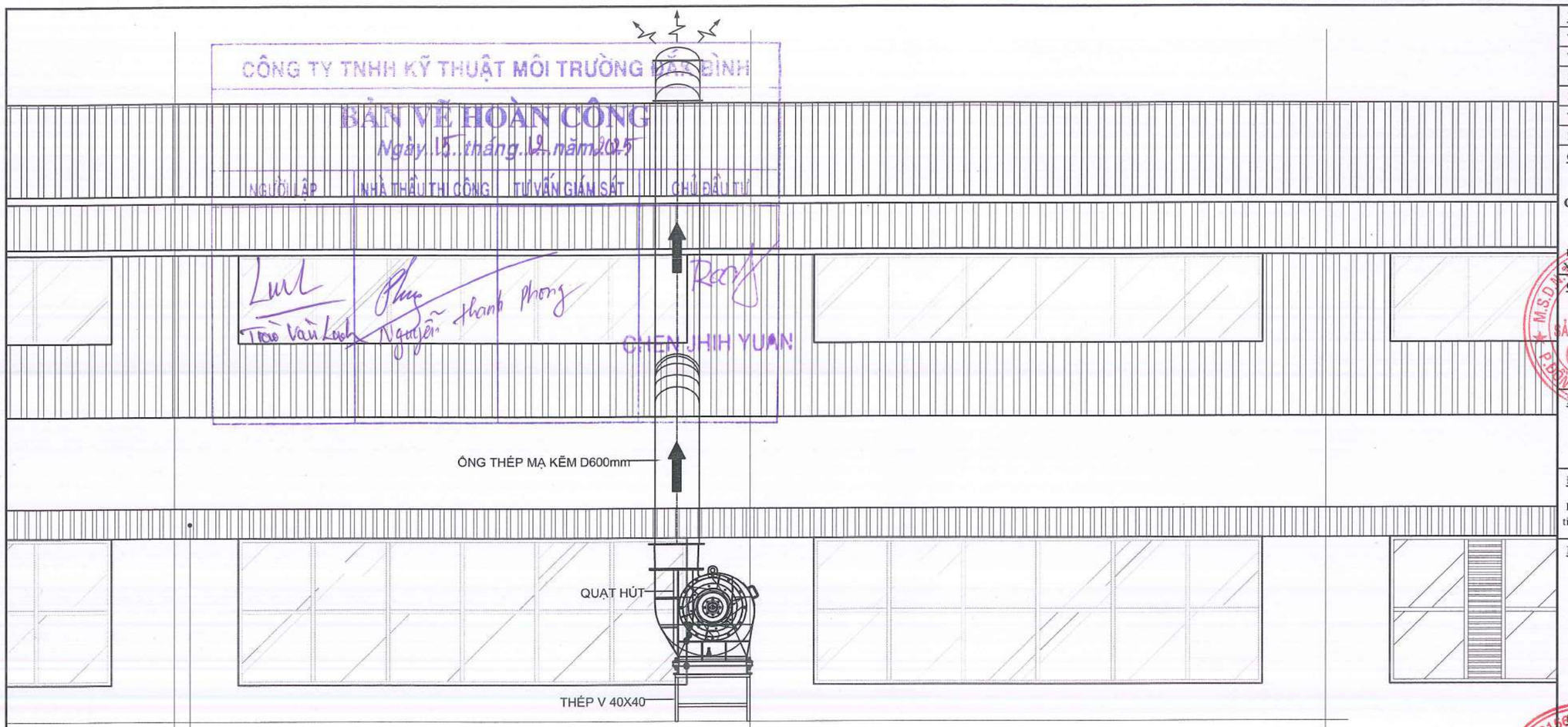
SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-17

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

BẢN VẼ HOÀN CÔNG

Ngày 15 tháng 12 năm 2025

NGƯỜI LẬP	NHÀ THẦU THI CÔNG	TƯ VẤN GIÁM SÁT	CHỦ ĐẦU TƯ
Trần Văn Linh	Nguyễn Thanh Phong		CHEN JHIH YUAN



HƯỚNG NHÌN ĐIỂN HÌNH 3-3 XƯỞNG C

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:

THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm : Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTION

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

Water & Waste Water Treatment Experts

Địa chỉ/Location : 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

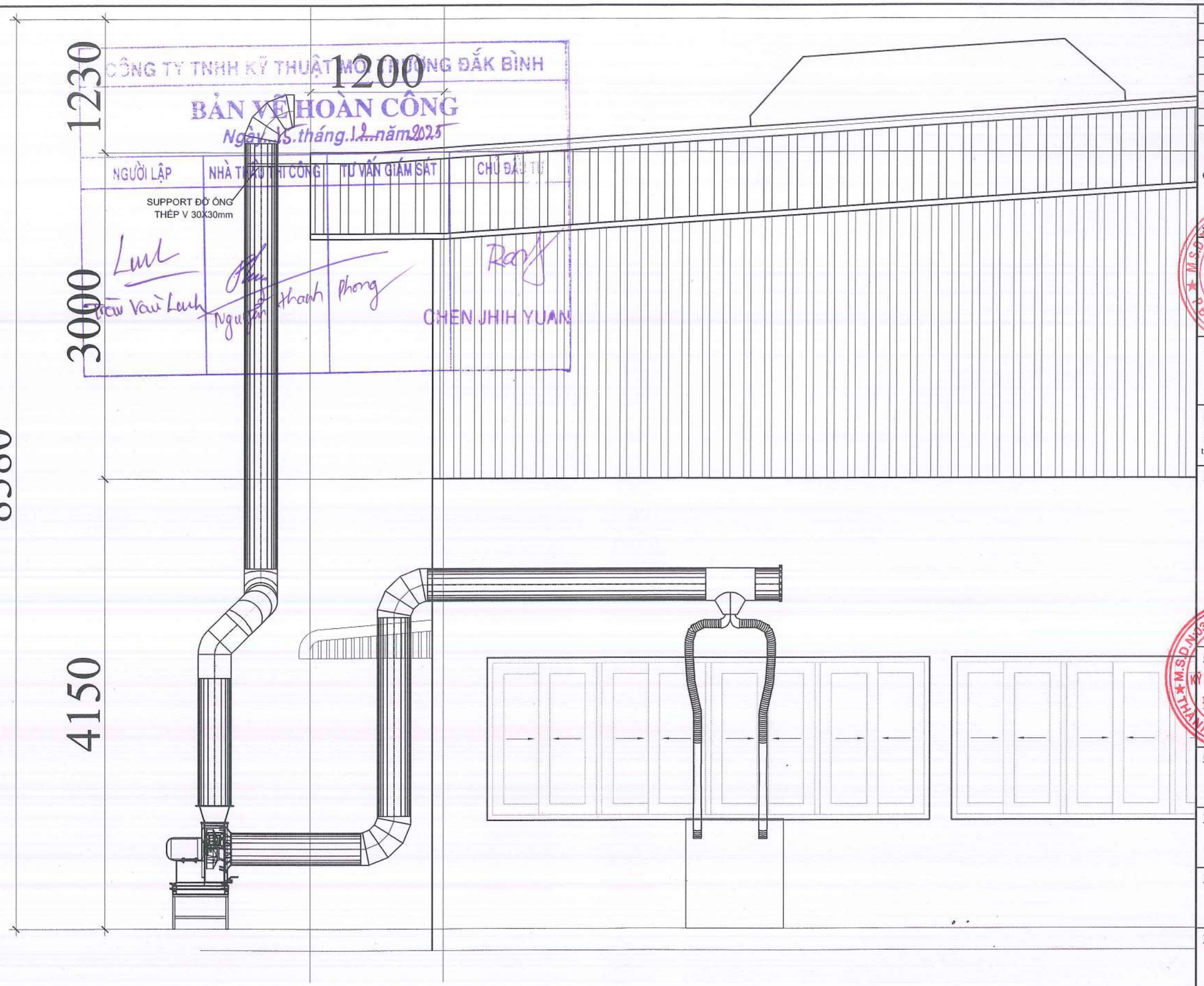
KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

HƯỚNG NHÌN ĐIỂN HÌNH 3-3 XƯỞNG C

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO GG-HC-XLKT-18



HƯỚNG NHÌN ĐIỂN HÌNH 4-4 XƯỞNG C

LOẠI HỒ SƠ/ TYPE DOCUMENT:	
THAM KHẢO	☐ REFFERENCE
THIẾT KẾ SƠ BỘ	☐ PRIMARY DESIGN
PHÊ DUYỆT	☐ APPROVAL
HIỆU CHỈNH	☐ REVISE
THI CÔNG	☐ CONTRUCTION
HOÀN CÔNG	☒ AS-BUILT

CHỦ ĐẦU TƯ/ INVESTOR:

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

Địa điểm: Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

CHEN JHIH YUAN

DỰ ÁN/ PROJECT:

NHÀ MÁY CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT GIÀY DÉP GRAND GAIN

ĐỊA ĐIỂM/ LOCATION:

Lô D1-D4, KCN Đồng Xoài II, phường Đồng Xoài, tỉnh Đồng Nai

NHÀ THẦU/CONTRACTOR:

CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT MÔI TRƯỜNG ĐẮK BÌNH

ĐẮK BÌNH
Water & Waste Water Treatment Experts
Địa chỉ/ Location: 25/20 đường số 22, Phường Long Bình, TP. Hồ Chí Minh

GIÁM ĐỐC/ DIRECTOR:

NGUYỄN THANH PHONG

CHỦ TRÌ THIẾT KẾ/ MANAGER:

NGUYỄN THANH PHONG

THIẾT KẾ/ DESIGNER:

TRẦN VĂN LINH

KIỂM TRA/ CHECKED BY:

NGUYỄN THANH PHONG

TÊN BẢN VẼ/ DRW.TITLE

HƯỚNG NHÌN ĐIỂN HÌNH 4-4
XƯỞNG C

SỐ DỰ ÁN/ PRJ NO:	
NGÀY PHÁT HÀNH/ DATE:	
TỶ LỆ/ SCALE:	SỐ BẢN VẼ/ DRW.NO: GG-HC-XLKT-19